

K. PAUXTỐPXKI

BÔNG HỒNG VÀNG



NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - THÔNG TIN

KÔNXTANTIN PAUXTÔPXKI

Bông hồng vàng

Người dịch: KIM ÂN

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - THÔNG TIN
HÀ NỘI - 2001

- Văn học nằm ngoài những định luật của băng hoại. Chỉ mình nó không thừa nhận cái chết.

XANTUKÓP-SÊDRIN ⁽¹⁾

- Lúc nào cũng phải hướng tới cái tuyệt mỹ.

ÔNÔRÊ ĐƠ BANZÁC ⁽²⁾

(1) Nhà văn Nga (1826-1889).
 (2) Nhà văn Pháp (1799-1850).

LỜI NÓI ĐẦU

Nhà Xuất bản Văn hóa - Thông tin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc tác phẩm **Bông hồng vàng** của nhà văn trữ tình, lãng mạn Nga Kônxtantin Pauxtôpxki (1892-1968).

Bông hồng vàng bao gồm những ghi chép, suy nghĩ của Pauxtôpxki về công việc của người viết văn đã được nghệ thuật hóa dưới dạng những câu chuyện ngắn đặc sắc. Những vấn đề về lý luận sáng tác, cảm hứng nghệ thuật, quan hệ giữa cuộc đời và tác phẩm, ngôn ngữ văn học, phong cách làm việc của nhà văn, vẻ đẹp của lao động nghệ thuật v.v... đã được tác giả xây dựng thành những hình tượng nghệ thuật sinh động, có sức lôi cuốn làm rung động trái tim và âm vang mãi trong tâm hồn của nhiều thế hệ bạn đọc.

Hy vọng **Bông hồng vàng** sẽ là món quà giàu ý nghĩa với đông đảo bạn đọc nhân dịp đầu năm mới 2001.

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - THÔNG TIN

Nhiều điểm trong cuốn sách này trình bày còn rời rạc, và có thể chưa được sáng sửa cho lắm.

Nhiều điểm sẽ còn phải tranh luận.

Cuốn sách này không phải là một công trình nghiên cứu lý thuyết, càng không phải là một kim chỉ nam. Đó chẳng qua chỉ là những ghi chép về quan niệm của tôi đối với nghề văn và về kinh nghiệm viết văn của tôi. Những vấn đề lớn làm cơ sở tư tưởng cho công việc sáng tạo của nhà văn chúng ta không được đề cập tới trong cuốn sách vì trong lĩnh vực này ở nước ta không có những sự bất đồng lớn. Đối với tất cả mọi người, chủ nghĩa anh hùng và ý nghĩa giáo dục của văn học đã rõ ràng. Trong cuốn sách này tôi chỉ vội viết ra chút ít những gì tôi kịp viết.

Nhưng nếu như tôi truyền đạt được tới bạn đọc, dù chỉ trong chừng mực ít ỏi, khái niệm về bản chất tuyệt vời của lao động nhà văn, thì tôi dám coi như đã làm tròn bổn phận của mình trước sự nghiệp văn học.

KÔNXTANTIN PAUXTÔPXKI

BỤI QUÝ

Tôi không sao nhớ ra được là mình đã biết câu chuyện anh thợ quét rác thành Pari tên là Giảng Samet như thế nào. Samet kiếm sống bằng nghề quét dọn những xưởng thủ công trong khu phố anh ở.

Samet sống trong một túp lều ở ngoại thành. Tất nhiên, có thể tả tỉ mỉ khu ngoại ô song như vậy sẽ đưa độc giả ra ngoài lề câu chuyện. Thiết tưởng chỉ cần nhắc lại rằng, đến nay, ở những khu ngoại thành Pari, vẫn còn lại những tường thành cổ bằng đất, cũng đủ. Vào khoảng thời gian xảy ra câu chuyện, những bụi hoa kim ngân và sơn trà vẫn mọc um tùm trên tường thành và chim muông làm tổ trong những bụi đó.

Túp lều của anh thợ quét rác nằm ép sát vào chân tường thành phía bắc, kề bên những ngôi nhà nhỏ bé của các bác hàng thiếc, các bác thợ

giấy, những người đi nhặt mẩu thuốc lá và những người ăn xin.

Nếu như Môpatxăng⁽¹⁾ để ý đến cuộc sống của những người cư trú trong những túp lều nọ, hẳn ông đã viết thêm được một số truyện ngắn tuyệt hay. Có khi chúng sẽ làm cho vinh quang vốn đã rực rỡ của ông thêm nhiều ánh sáng lấp lánh mới.

Đáng tiếc là không một người ngoài cuộc nào để mắt đến những nơi ấy, trừ lũ mật thám. Mà bọn này cũng chỉ ló mặt tới đây trong trường hợp phải đi lùng kiếm đồ vật mất trộm.

Bằng vào biệt hiệu "Gỗ kiến" mà hàng xóm láng giềng đặt cho Samet, ta phải hình dung anh là một người gầy gò, mũi nhọn và dưới vành mũ bao giờ cũng lủng lẳng một mớ tóc giống như mào chim.

Trước kia, Samet đã từng được sống những ngày sung sướng. Anh đăng lính trong quân đội của "Tiểu Napolêông"⁽²⁾ trong thời gian chiến tranh ở Mêhicô.

Samet gặp may. Anh bị sốt rét nặng ở Vera-Krux. Anh lính ốm yếu chưa từng qua một trận độ súng thực sự nào liền được gửi về nước. Viên chỉ huy

(1) Maupassant (1850-1893), nhà văn hiện thực Pháp.

(2) Túc Napolêông III (1808-1873), người đã theo đuổi cuộc chiến tranh can thiệp vào Mêhicô (1862).

trung đoàn nhân dịp bèn nhờ Samet đưa đứa con gái lên tám của ông tên là Xuyzan về Pháp.

Viên chỉ huy goá vợ, vì thế đi đâu ông cũng phải đeo bông con gái theo. Nhưng lần này ông quyết định tạm xa con và gửi nó về cho người chị ở Ruăng. Khí hậu Mêhicô rất độc đối với trẻ con Âu. Thêm vào đó, cuộc chiến tranh du kích hỗn độn ở đây chẳng thiếu gì những nguy hiểm bất ngờ.

Trên đường Samet về Pháp khí nóng bốc ngàn ngút trên Đại Tây Dương. Con bé suốt ngày im lặng. Thậm chí nhìn những con cá bay vọt lên khỏi mặt nước, bóng nhẫy, nó cũng chẳng mỉm cười.

Samet hết sức chăm sóc Xuyzan. Tất nhiên, anh cũng hiểu rằng con bé không chỉ mong được anh chăm sóc, mà còn muốn được âu yếm vuốt ve. Mà anh, tên lính của một trung đoàn thuộc địa, anh có thể nghĩ ra được cái gì trêu mếu kia chứ ? Anh có thể mua vui cho nó bằng cách gì đây ? Đánh mặt chược với nó chẳng ? Hay hát cho nó nghe những bài hát thô tục của lính tráng.

Nhưng dù sao thì cũng không thể cứ nín lặng mãi. Càng ngày anh càng hay bắt gặp cái nhìn băn khoăn của con bé. Cuối cùng anh đánh liều kể cho nó nghe một cách không có mạch lạc, về cuộc đời mình, nhớ lại những tình tiết nhỏ nhất

nhất về một vụn chài trên bờ biển Măngsơ, những bãi cát tơi, những vũng nước khi triều xuống, ngôi nhà thờ nhỏ trong thôn với quả chuông rạn, chuyện bà mẹ anh chữa cho hàng xóm láng giềng khỏi chứng đau rất thực quản.

Samet không tìm được chuyện gì buồn cười trong những mẩu ký ức đó để làm vui cho Xuyzan. Nhưng anh ngạc nhiên thấy con bé nghe một cách háo hức và thậm chí còn bắt anh kể đi kể lại, đòi biết thêm những tình tiết mới.

Samet nặn óc tìm cho ra những tình tiết ấy, mãi cho đến khi anh không còn tin được là chúng có thật. Đó không còn là những ký ức, mà chỉ là bóng dáng mờ nhạt của chúng. Chúng tan ra như những mảng sương mù. Thực vậy, Samet không hề ngờ rằng sẽ có lúc anh phải khôi phục lại trong trí nhớ quãng thời gian vô ích ấy của đời mình.

Có lần anh mang máng nhớ tới một bông hồng bằng vàng. Cũng chẳng ra là Samet đã trông thấy bông hồng thô kệch đánh bằng vàng đã xuống nước móc vào cây thánh giá của Chúa trong nhà một bà lão dân chài, mà cũng chẳng ra là anh đã nghe những câu chuyện về bông hồng đó do những người láng giềng kể lại.

Không, đúng là anh thậm chí đã thấy bông hồng đó và còn nhớ nó sáng lấp lánh như thế nào,

mặc dù bên ngoài cửa sổ không có nắng và cơn bão buồn thảm đang găm gào ngoài eo biển. Càng về sau, Samet càng nhớ rõ hơn cái ánh lấp lánh ấy : Nó giống như những ngọn lửa nhỏ cháy sáng dưới một trần nhà thấp.

Mọi người trong thôn đều ngạc nhiên thấy bà lão dân chài không chịu bán vật quý của mình. Bán nó đi bà có thể thu được cả đồng tiền. Chỉ một mình mẹ Samet cả quyết rằng bán bông hồng vàng ấy đi là có tội, bởi vì đó là quà chúc phúc của người tình bà lão tặng bà, khi bà còn là một cô gái tươi hơn hẳn làm ở nhà máy đóng hộp cá xácđin ở tỉnh Ôđécnơ.

- Trên thế gian này hiếm ai có được những bông hồng vàng, - mẹ Samet nói. - Nhà nào có nó, nhà ấy sẽ được hạnh phúc. Mà không riêng gì họ, ai đụng tới bông hồng đó, người ấy cũng sẽ được hạnh phúc.

Thằng bé Samet sốt ruột đợi mãi ngày bà lão dân chài sẽ được hưởng phúc. Nhưng cả đến bóng dáng của hạnh phúc cũng chẳng thấy đâu. Ngôi nhà của bà lão run rẩy trước gió và tối tối trong nhà cũng chẳng có ánh lửa.

Thế rồi Samet bỏ làng ra đi, không đợi được đến ngày cuộc đời bà lão đổi thay. Mãi một năm sau, một người quen làm thợ đốt lò trên con tàu

chờ thư ở Lơ Havơ mới kể cho anh nghe rằng con trai bà lão bất thành linh từ Pari trở về, anh chàng họa sĩ đó râu xồm, vui nhộn và có tính khí kỳ quặc. Từ ngày ấy, người ta không còn có thể nhận ra túp lều kia nữa. Nó trở nên ồn ào và dư dật. Người ta kháo nhau rằng bọn họa sĩ vẽ lãng nhãng cũng kiếm được ổi tiền.

Một hôm, ngồi trên boong tàu, Samet đang dùng chiếc lược sắt của mình chải mớ tóc rối tung trước gió cho Xuyzan thì con bé hỏi anh :

- Anh Giảng ơi, rồi cũng có người cho em một bông hồng vàng chứ ?

- Rất có thể, - Samet trả lời. - Rồi cũng sẽ có một thằng dở hơi nào đó cho em, Xuyzan ạ ! Trong đại đội anh có một chú lính gầy nhom. Thằng cha thật tốt số lạ lùng. Hắn nhặt được trên chiến trường một chiếc hàm giả gãy, bằng vàng. Cả đại đội bèn bán đi lấy tiền nhậu. Chuyện đó xảy ra hồi chiến tranh An Nam⁽¹⁾. Các chàng pháo thủ say rượu mới lấy súng cối bắn chơi cho vui, đạn rơi vào miệng ngọn núi lửa đã tắt, nổ tung trong đó, và bị cú bất ngờ này, núi lửa liền thở phì phì và phun lại. Có trời biết tên cái núi lửa ấy là gì ? Hình như Kraka-Taka thì phải. Nó phun

(1) Nguyên văn.

mới dữ làm sao ! Bốn chục người dân bản xứ đang yên lành lẫn cổ ra chết. Chỉ vì một cái hàm giả hồng mà ngán ấy người toi mạng, thật quá quẩn ! Về sau mới biết ra hàm răng ấy của chính ông đại tá đơn vị bọn anh đánh rơi. Vụ này rồi sau cũng được dẹp đi - uy tín của quân đội trên hết mà. Còn bọn anh thì chuyến ấy say bí tỉ.

- Chuyện ấy xảy ra ở đâu hả anh ? - Xuyzan nghi ngờ hỏi.

- Anh đã nói rồi mà, ở nước An Nam, tận Đông Dương cơ. Ở đấy đại dương bùng bùng lửa cháy, chẳng khác gì dưới địa ngục, còn những con sứa thì giống như những cái váy viền đăng ten của vũ nữ. Ở đấy lại còn ẩm ướt nữa chứ, đến nỗi chỉ một đêm thôi, nấm đã mọc lên trong ủng bọn anh. Anh mà nói dối thì xin cứ treo cổ anh lên.

Trước đó Samet đã nghe nhiều chuyện bịa đặt của lính tráng, nhưng riêng anh, anh chưa từng bịa chuyện bao giờ. Không phải anh không biết tưởng tượng, chẳng qua anh chưa bao giờ thấy cần phải làm như vậy. Còn giờ đây anh coi việc làm vui cho Xuyzan là một bổn phận thiêng liêng.

Samet đưa Xuyza đến Ruăng và trao tận tay cho bác gái của nó - một người đàn bà cao lớn, có đôi môi tái nhợt và mím chặt. Bà ta đeo hạt

cường đen khắp mình trông như một con rắn ở rạp xiếc.

Con bé vừa nhìn thấy bà bác đã vội bám chặt lấy Samet và nép vào cái áo ca pôit bạc phếch của anh.

- Không sao ! - Samet thì thầm và khẽ đẩy vào vai Xuyzan. - Bọn lính trơn các anh cũng chẳng được lựa chọn cho mình các ông đại đội trưởng đâu. Chịu khó vậy, Xuzi, cô lính ạ !

Samet bỏ đi. Anh ngoảnh lại mấy lần nhìn lên những khung cửa sổ của ngôi nhà buồn tẻ, ở đó đến gió cũng chẳng buồn lay động các bức rèm. Nghe rõ tiếng đồng hồ hồi hả trong những quán nhỏ nằm ở các phố hẹp. Trong túi dết Samet còn giữ lại kỷ niệm của Xuyzan : một cái nơ buộc tóc đã nhàu nát màu xanh. Có trời mới biết vì sao cái băng đó lại thơm dịu đến thế, như thể nó được cất giữ trong một giàn hoa tím.

Bệnh sốt rét Mêhicô đã huỷ hoại sức khoẻ Samet. Anh chưa được thăng chức đội thì đã bị thải hồi, trở về cuộc sống dân thường với hàm binh nhì.

Năm tháng qua đi trong cảnh thiếu thốn đơn điệu. Samet nếm trải hết nghề cực nhọc này đến nghề khốn khổ khác và cuối cùng anh trở thành người hót rác thành Pari. Từ đó, mùi bụi bặm

và rác rưởi lúc nào cũng ám vào anh. Anh cảm thấy nó cả trong cơn gió thoảng từ phía sông Xen luôn vào trong phố, cả trong những bó hoa ướat át mà các bà lão ăn vận sạch sẽ đứng bán trên các đại lộ.

Ngày lại ngày quỵen lấy nhau trong một màu vàng đục. Nhưng đôi khi trong cái màu vàng đục ấy, Samet lại thấy hiện lên trong lòng mình một áng mây hồng: Đó là bộ áo dài cũ của Xuyzan. Từ tấm áo ấy phảng phất hương xuân tươi mát như thể người ta cũng cất giữ nó trong giành hoa tím.

Xuyzan giờ ở đâu ? Em sống ra sao ? Samet biết ngày nay Xuyzan đã là một cô gái trưởng thành, còn cha nàng thì đã bị tử thương.

Đã nhiều lần Samet định đi Ruăng thăm Xuyzan. Nhưng anh cứ lần lữa mãi cho đến lúc chợt hiểu rằng mình đã bỏ lỡ thời gian và chắc hẳn Xuyzan đã quên hẳn anh rồi.

Anh tự mắng mình là đồ bị thối, khi nhớ đến cuộc chia tay với Xuyzan. Đáng lẽ phải hôn cô bé thì anh lại ấn vào lưng nó, đẩy nó tới chỗ con quạ già nọ và bảo: "Chịu khó vậy, Xuzi, cô lính ạ !"

Ai cũng biết những người thợ hút rác chỉ làm việc ban đêm. Có hai nguyên nhân buộc họ phải làm vào thời gian đó : Thứ nhất, vì rác rưởi do

con người thải ra tích tụ nhiều nhất vào cuối ngày và thứ hai, những người thợ hót rác không được phép xúc phạm tới thị giác và khứu giác của người dân thành Paris. Ban đêm hầu như chẳng có ai ngửi hoặc trông thấy việc làm của họ, trừ lũ chuột cống.

Samet đã quen với công việc về đêm và còn thích thú cái khoảng thời gian ấy là khác. Nhất là lúc ánh bình minh uể oải bắt đầu chọc thủng bóng tối trên thành phố. Sương mù vương vất trên sông Xen, nhưng sương không bao giờ bay lên quá thành cầu.

Một hôm, cũng vào một buổi bình minh mờ mịt hơi sương như thế, Samet đi trên cầu Phế Binh bắc ngang sông Xen và gặp một thiếu phụ mặc áo dài màu tím nhạt, đính đăng ten đen. Thiếu phụ đứng bên thành cầu và nhìn xuống dòng sông.

Samet dừng lại, cất bỏ chiếc mũ bụi bặm và nói:

- Thừa tiểu thư, nước sông Xen lúc này lạnh lắm. Tiểu thư nên để tôi đưa về nhà thì hơn.
- Giờ đây tôi cũng chẳng có nhà.

Thiếu phụ trả lời rất nhanh và quay về phía Samet.

Samet để rơi chiếc mũ.

- Xuzi ! - Anh kêu lên bằng một giọng tuyệt

vọng và sung sướng đến cực độ, - cô lính Xuzi !
Cô bé của anh ! Thế là cuối cùng anh đã gặp em.
Chắc em quên anh rồi. Anh là Giảng Ecnet Samet
đây, cái anh binh nhì ở Trung đoàn Thuộc địa
số Hai Mươi Bảy đã đưa em về cho mẹ bác gái
tôm lợm ở Ruăng đây. Em bây giờ xinh quá đi
thôi ! Tóc em chải mới khéo nữa chứ ! Còn anh,
cái thằng lính quèn ⁽¹⁾ này thì chẳng biết xoay
xở với mái tóc em thế nào.

- Giảng ! - Thiếu phụ kêu lên, đâm bổ tới ôm
lấy cổ anh và khóc, - Giảng, anh vẫn tốt như xưa.
Em còn nhớ hết mà !

- Ô, rõ vớ vẩn ! - Samet lầu bầu trong miệng. -
Lòng tốt của anh thì lợi lộc gì cho ai. Có chuyện
gì đã xảy ra với em vậy, em gái bé nhỏ của anh?

Samet kéo Xuyzan lại gần mình và làm cái
việc mà anh không dám làm trước kia ở Ruăng:
Vuốt ve và hôn lên mái tóc óng ả của nàng. Rồi
anh vội lánh ra, sợ Xuyzan ngửi thấy mùi chuột
cống trên áo ngoài của anh. Nhưng Xuyzan lại
càng nép chặt vào vai anh hơn.

- Có chuyện gì vậy, em bé nhỏ của anh ? -
Samet bối rối nhắc lại.

Xuyzan không trả lời. Nàng không nên được

(1) Nguyên văn : Linh bố sung, ý khinh miệt.

tiếng nước nở. Samet hiểu rằng lúc này chưa nên hỏi nàng chuyện gì hết.

- Anh có một cái hang ở chỗ tường thành. - Samet vội vã nói. - Hơi xa đây một chút. Tất nhiên ở nhà chẳng có gì hết, nhẵn như chùi. Nhưng được cái có thể hâm nước cho nóng và nằm ngủ trên giường. Ở đó em có thể tắm táp và nghỉ ngơi. Và nói chung em muốn ở bao nhiêu lâu tùy thích.

Xuyzan ở nhà Samet năm ngày. Năm ngày ấy, một mặt trời kỳ lạ cất lên trên thành Pari. Hết thấy mọi ngôi nhà, kể cả những nhà cũ nhất, ám khói, tất cả những khu vườn, thậm chí cả cái hang của Samet nữa đều rực rỡ trong những tia sáng của vầng thái dương ấy, như là những vật báu.

Ai chưa từng được xúc động với hơi thở nhẹ của thiếu nữ trong giấc ngủ, người đó chưa thể hiểu thế nào là dịu dàng. Môi nàng tươi hơn cả những cánh hoa ẩm ướt và đôi hàng mi nàng lấp lánh những giọt lệ đêm.

Phải, những gì đã xảy ra với Xuyzan quả đúng như Samet dự đoán. Người tình của nàng - một diễn viên trẻ - đã phụ nàng. Nhưng năm ngày Xuyzan sống bên Samet đã đủ để cặp tình nhân làm lành với nhau.

Samet tham dự vào việc hoà giải đó. Anh phải mang thư của Xuyzan lại cho anh chàng diễn viên

và đã dạy cho cái gã diễn trai đáng ngán nộ một bài học về phép lịch sự khi gã định dúi vào tay anh vài xu tiền thưởng.

Sau đó ít lâu anh chàng diễn viên đáp xe ngựa đến tìm Xuyzan. Và đầu lại vào đó : Một bó hoa, những cái hôn, tiếng cười qua nước mắt, lời xin lỗi và dáng vô tư ngượng ngập ⁽¹⁾.

Khi đôi bạn trẻ lên đường, Xuyzan vội vã nhảy lên xe, nàng quên cả từ biệt Samet. Liền đó nàng sức nhớ ra, đỏ mặt và ngượng ngùng đưa tay cho anh.

- Em đã chọn lấy cuộc sống theo ý em, anh chỉ còn biết chúc em hạnh phúc. - Cuối cùng Samet mới lầu bầu nói.

- Em chưa biết rồi sẽ ra sao ? - Xuyzan trả lời và mắt nàng ngấn lệ.

- Em băn khoăn như vậy thực là vô ích, em bé nhỏ của anh ạ ! - Anh chàng diễn viên trẻ dài giọng và nhắc lại. - Em bé xinh đẹp của anh.

- Giá có ai tặng em một bông hồng vàng ! - Xuyzan thở dài. - Cái đó chắc chắn sẽ mang lại cho em hạnh phúc. Em vẫn nhớ câu chuyện anh kể trên tàu, anh Giăng ạ !

(1) Nguyên văn : Đã hơi bị sút mẻ.

- Biết đâu đấy ! - Samet trả lời. - Nhưng dù sao thì người sẽ mang bông hồng vàng đến cho em cũng chẳng phải là cái anh chàng quý phái này đâu. Em tha lỗi cho anh, anh là một thằng lính. Anh không ưa bọn công tử bột.

Hai người trẻ tuổi đưa mắt cho nhau. Gã diễn viên nhún vai. Chiếc xe chuyển bánh.

Thường thường cứ hết ngày là Samet đổ đi tất cả những rác rưởi mà anh quét dọn ở các xưởng thủ công. Nhưng sau lần gặp Xuyzan, anh không đổ bụi ở những hiệu kim hoàn đi nữa. Anh giấu điếm đổ chúng vào một cái túi và mang về lều mình. Hàng xóm cho rằng anh chàng hót rác nọ đã trở thành ngớ ngẩn. Hiếm người biết rằng trong bụi đó có chứa bột vàng, bởi vì những người thợ kim hoàn, khi làm việc, thế nào cũng làm hao đi chút xíu kim loại quý đó.

Samet quyết định sẽ sàng bụi lấy vàng, đúc thành một thoi nhỏ và dùng nó đánh một bông hồng vàng mang lại hạnh phúc cho Xuyzan. Mà rất có thể, như mẹ anh đã nói, nó còn mang lại hạnh phúc cho nhiều người khác nữa. Biết đâu đấy ! Anh quyết không gặp lại Xuyzan khi bông hồng chưa được làm xong.

Samet không kể cho ai nghe chuyện đó. Anh sợ bọn cảnh sát và nhà cầm quyền. Ai mà biết

được bọn quan toà nhiều sự sẽ giở trò gì. Chúng có thể buộc anh tội ăn cắp, tống anh vào tù và lấy mất số vàng anh có. Dù sao vàng cũng chẳng phải của anh.

Trước khi đăng lính, Samet là cố nông trong trang trại của một ông mục sư nông thôn và vì thế anh biết sàng sảy. Những hiểu biết đó đối với anh bây giờ hoá ra lại có ích. Anh nhớ rằng khi quạt lúa mì thì những hạt nặng rơi xuống đất, còn bụi thì bị gió cuốn đi.

Samet làm một cái quạt gió nho nhỏ và đêm đêm, ở sân nhà, anh quạt bụi lấy được trong các hiệu kim hoàn. Anh hồi hộp mãi cho đến lúc trông thấy lơ mờ một lớp bụi vàng lấp lánh trên ngăn gỗ.

Đến lúc có đủ bụi vàng để đánh được một thỏi thì đã mất nhiều thời gian lắm. Nhưng Samet chưa đưa cho thợ kim hoàn đánh bông hồng vội.

Không phải Samet thiếu tiền thuê thợ. Bất cứ người thợ kim hoàn nào cũng bằng lòng đánh bông hồng để lấy tiền công bằng một phần ba thỏi vàng và như thế họ cũng đã hài lòng lắm rồi.

Duyên do không phải vì thế. Càng ngày, giờ gặp gỡ Xuyzan càng gần. Nhưng không biết từ lúc nào, Samet bắt đầu sợ cái giờ ấy.

Tất cả sự triu mến từ lâu dồn nén trong đáy

lòng, Samet muốn dành cho nàng, cho Xuzi. Nhưng ai cần đến cái trữu mền của con người tàn tã và dị dạng này chứ! Samet từ lâu đã nhận thấy rằng, gặp anh, người ta chỉ muốn bỏ đi cho nhanh và quên phứt cái bộ mặt hốc hác xám ngoét với làn da chảy xệ và đôi mắt chòng chọc của anh.

Trong túp lều của Samet có một mảnh gương vỡ. Hoạ hoàn lắm Samet mới soi gương, nhưng hễ cứ nhìn vào là anh lại văng một câu chửi tục và quăng vội mảnh gương đi. Thà đừng nhìn thấy mình còn hơn, cái thân hình gớm ghiếc lê lét trên đôi chân tê thấp khập khiễng.

Cuối cùng, khi đã đánh xong bông hồng, Samet mới biết Xuyzan đã rời Pari đi Mỹ từ một năm trước, và theo người ta nói, nàng đi hẳn, không về nữa. Không ai có thể cho Samet biết địa chỉ của nàng.

Thoạt đầu, Samet thậm chí còn thấy nhẹ hẫng người. Nhưng rồi tất cả sự chờ đợi cuộc gặp gỡ đầm ấm và thanh thản với Xuyzan, không hiểu sao, đã biến thành một mảnh sắt gỉ. Mảnh sắt nhọn ấy mắc trong lồng ngực anh, ngay ở bên tim và Samet cầu Trời cho nó mau mau đâm thẳng vào trái tim ốm yếu ấy đi, cho tim anh vĩnh viễn ngừng đập.

Samet bỏ việc quét dọn trong các xưởng kim

hoàn. Anh nằm trong túp lều của mình mấy ngày liền, quay mặt vào tường. Anh im lặng và chỉ mỉm cười một lần, đưa cánh tay áo cũ lên mắt. Không ai nhìn thấy anh khóc. Hàng xóm láng giềng cũng chẳng có ai sang thăm anh. Người nào cũng đã có chán vụn cái lo âu bận bịu của mình.

Chỉ có một người theo dõi Samet. Đó là người thợ bạc đứng tuổi đã đánh từ thời vàng ra một bông hồng rất tinh xảo. Cùng trên một cành, bên cạnh bông hoa, người thợ bạc đánh thêm một nụ hồng bé nhỏ và nhọn hoắt.

Người thợ bạc đến thăm Samet nhưng không mang thuốc đến cho anh. Ông ta cho rằng có mang cũng vô ích.

Thực thế, Samet đã lặng lẽ qua đời trong một lần đến thăm của người thợ bạc. Ông ta nâng đầu anh thợ quét rác lên, lấy ở dưới cái gối xám ra bông hồng vàng bọc trong chiếc nơ nhàu nát màu xanh, khẽ khép cái cánh cửa cọt kẹt lại, rồi thông thả đi ra. Từ chiếc nơ xông lên mùi chuột.

Lúc đó, vào cuối thu. Màn đêm rung động vì gió và vì những đốm lửa nhấp nháy. Người thợ bạc nhớ đến nét đổi thay trên mặt Samet sau khi anh chết. Bộ mặt trở nên nghiêm nghị và trầm tĩnh. Người thợ bạc thấy niềm cay đắng hiện trên mặt anh còn tuyệt đẹp nữa là khác.

"Cuộc sống không cho người ta cái gì thì cái chết lại đem cho người ta", người thợ bạc vốn quen với những ý nghĩ rẻ tiền như vậy và thở dài.

Ít lâu sau, người thợ bạc đem bông hồng vàng nọ bán cho một nhà văn đã có tuổi ăn mặc lôi thôi lố tịch, và theo nhận xét của bác thợ, nhà văn này cũng chẳng giàu gì cho lắm để có thể cho phép mình mua một vật đắt tiền đến thế.

Hắn câu chuyện về bông hồng vàng do người thợ bạc kể lại cho nhà văn đã đóng vai trò quyết định trong việc mua bán nọ. Nhờ những ghi chép của nhà văn già mà mới có người biết được câu chuyện đau buồn trong đời người cựu binh Trung đoàn Thuộc địa thứ Hai Mươi Bảy là Giảng Samet.

Trong những ghi chép của ông, nhà văn đại khái có viết :

"Mỗi phút, mỗi lời tình cờ được nói ra và mỗi cái nhìn vô tình ta bắt gặp, mỗi ý nghĩ sâu sắc hoặc vui đùa, mỗi rung động thầm lặng của con tim, cũng như cả đến một bông xấp của hoa hướng dương đang bay hay lửa sao trong một vũng nước đêm - tất cả những cái đó đều là những hạt rất nhỏ của bụi vàng.

Chúng ta, những nhà văn, chúng ta bòn dãi chúng trong hàng chục năm, hàng triệu những hạt cát đó, lặng lẽ thu góp lại cho mình, biến chúng

thành một hộp kim rồi từ hộp kim đó ta đánh "Bông Hồng Vàng" của ta - truyện, tiểu thuyết hay là thơ.

Bông hồng vàng của Samet ! Đối với tôi có phần nào là hình tượng tương lai của hoạt động sáng tạo của chúng ta. Thật là lạ lùng khi chẳng có ai chịu bỏ sức lao động của mình ra nghiên cứu xem từ những hạt bụi quý ấy đã phát sinh ra nguồn văn học sinh động như thế nào.

Nhưng cũng giống như bông hồng vàng của người thợ hót rác già kia làm ra là để cho Xuyzan được hạnh phúc, sáng tác của chúng ta là để cho cái đẹp của trái đất, cho lời kêu gọi đấu tranh vì hạnh phúc, vì niềm vui và tự do, cho cái cao rộng của tâm hồn và sức mạnh của trí tuệ chiến thắng bóng tối cho chúng rực rỡ như một mặt trời không bao giờ tắt."

CHỮ ĐỀ TRÊN TÀNG PHIÊU NHAM (*)

*Niềm vui trọn vẹn chỉ tới với nhà văn
khi nào anh ta tin chắc rằng lương tâm
mình không có gì trái ngược với lương tâm
của những người xung quanh.*

XANTUKÔP SÊDRIN

Tôi ở trong một ngôi nhà nhỏ dựng trên vùng cồn cát. Cả một vùng ven biển Riga ngập trong tuyết. Từ những ngọn thông vôi vôi, tuyết không ngừng bay xuống như những món tóc dài và tan ra thành bụi.

Tuyết bay xuống vì gió và vì trên ngọn thông có những con sóc nháy. Khi trời thật yên lặng, có thể nghe rõ tiếng sóc nhấm bóc vỏ quả thông.

Ngôi nhà ở ngay bờ biển. Chỉ cần ra ngoài cửa

(*) Phiêu nham là đá lán, không có chân ăn liền với đá gốc (thuật ngữ địa chất).

rào và đi ít bước theo con đường nhỏ do chân người dẫm trên tuyết mà thành, ngang một biệt thự đóng im ỉm, là đã nhìn thấy biển rồi.

Ở những khung cửa sổ biệt thự này vẫn còn lại những bức rèm cửa từ mùa hè. Rèm lay động mỗi khi gió thổi nhẹ. Chắc gió đã lọt qua những khe hở kín đáo nào đó vào trong cái biệt thự bỏ trống ấy nhưng nếu nhìn từ xa anh sẽ tưởng có ai đó đang kéo rèm lên và kín đáo theo dõi anh.

Biển không đóng băng. Tuyết nằm dài đến tận mép nước. Trên tuyết trông rõ những dấu chân thỏ rừng.

Khi ngoài biển có một con sóng lớn cất lên, ta không nghe thấy tiếng nó đập vào bờ mà lại nghe tiếng băng vỡ và tiếng lạo xạo của tuyết già.

Biển Bantich mùa đông hoang vắng và sâu tư.

Người Látvia gọi Bantich là "Biển hổ phách" (Dintaraiura). Có lẽ đó chẳng phải chỉ vì Bantich ném lên bờ nhiều hổ phách mà còn vì nước biển hơi nhuộm sắc vàng của nó.

Suốt ngày chân trời nặng nề bởi những tầng mây u ám. Đường nét các bờ biển thấp biến đi trong cái u ám ấy. Chỉ ở đôi nơi có những giải trắng rũ rượi sà xuống trên mặt biển : Ở đó tuyết đang rơi.

Đôi khi, những con ngỗng trời năm nay bay về quá sớm, hạ cánh xuống nước và kêu ầm ĩ. Tiếng kêu hoảng hốt của chúng bay đi rất xa trên bờ biển nhưng không có tiếng trả lời : mùa đông trong những khu rừng ven biển hầu như không còn chim chóc.

Ban ngày trong ngôi nhà tôi ở cuộc sống quen thuộc vẫn tiếp diễn. Củi nổ tí tách trong những lò sưởi ốp gạch men sắc sỡ, máy chữ đập rào rào, chị phục vụ ít lời Lilia ngồi trong gian phòng đợi ấm cúng và làm ren. Mọi cái đều bình thường và giản dị.

Nhưng tối đến thì bóng đêm đen kịt lại vây chặt ngôi nhà. Những cây thông nhích sát lại gần và khi ta bỏ gian phòng rực sáng ánh đèn bước ra ngoài, ta sẽ ngập trong một cảm giác hoàn toàn cô độc khi chỉ có mình đối diện với mùa đông, biển cả và đêm tối.

Biển lùi ra hàng trăm dặm về những phía xa có màu chì xám. Không có lấy một ánh lửa trên mặt nước. Và không có lấy một tiếng sóng vỗ.

Ngôi nhà nhỏ bé giống như ngọn hải đăng cuối cùng bên bờ vực thẳm vô tận của sương mù. Đắt đến đây là hết. Vì thế ta phải ngạc nhiên khi thấy ánh đèn vẫn bình thản trong nhà, máy thu thanh vẫn hát, những tấm thảm mềm mại nuốt mất tiếng

bước đi và trên bàn có những cuốn sách để ngó và những tập bản thảo.

Đằng kia, về phía tây, hướng Venxpinx, sau bức màn tối là một thôn chài nhỏ bé. Một thôn chài bình thường với những tấm lưới phơi trong gió, với những ngôi nhà lè tè và những làn khói là là bay ra từ những ống khói, những thuyền máy màu đen đã được lôi lên bãi cát và những con chó cả tin, lông xù rã rượi.

Những người đánh cá Látvia đã sống hàng trăm năm trong thôn chài ấy. Thế hệ này nối tiếp thế hệ khác. Những cô gái tóc sáng với cặp mắt e thẹn và giọng nói như hát đã trở thành những bà lão da xạm nắng gió, già lồm khộm quán mình trong những tấm chăn nặng nề. Những chàng trai hồng hào diện chiếc mũ kêpi đỏm dáng đã trở thành những ông lão già râu ria tủa tủa với cặp mắt trầm tĩnh.

Cũng như hàng trăm năm về trước, những người dân chài ra khơi đánh cá trích. Và cũng như hàng trăm năm về trước, không phải tất cả những người trong bọn họ đều trở về. Nhất là về mùa thu, khi Bantich găm thét trong phong ba và sủi lên bọt sóng lạnh giá như trong vạc dầu của quỷ sứ.

▼ Nhưng dù có xảy ra chuyện gì đi nữa, dù đã

bao lần phải ngã mũ khi nghe tin các bạn chài thiệt mạng người ta vẫn cứ phải tiếp tục công việc của mình, cái công việc nguy hiểm và nhọc nhằn của cha ông để lại. Không thể lùi bước trước biển cả.

Ngoài biển, gần thôn chài, có một tảng phiêu nham lớn. Trên đó, đã lâu lắm rồi, những người dân chài khắc một hàng chữ "*Để tưởng niệm những ai đã bỏ mình và sẽ bỏ mình trên biển cả*". Từ xa đã có thể trông rõ hàng chữ ấy.

Khi tôi được biết hàng chữ ấy, tôi cảm thấy nó cũng buồn thảm như hết thấy các mộ chí. Nhưng anh bạn nhà văn Látvia đã kể cho tôi nghe về tảng đá đó, không đồng tình với tôi. Anh nói :

- Trái lại. Đó là một hàng chữ rất dũng cảm. Nó nói rằng con người không bao giờ được hàng phục và bất chấp tất cả, sẽ vẫn cứ làm công việc của mình. Tôi muốn đặt hàng chữ ấy như một đề từ cho bất cứ cuốn sách nào nói về lao động và chí kiên nhẫn của con người. Đối với tôi, hàng chữ ấy có nghĩa đại khái như thế này: "*Để tưởng niệm những ai đã thắng và sẽ thắng biển này*".

Tôi đồng ý với anh bạn và nghĩ rằng cái đề từ ấy có lẽ thích hợp cả với cuốn sách bàn về lao động nhà văn.

Nhà văn không thể hàng phục, dù chỉ trong

giấy lát, trước những đập vùi và không thể lùi bước trước những trở ngại. Dù thế nào chăng nữa, nhà văn vẫn cứ phải không ngừng làm công việc của mình, công việc do những bậc tiền bối để lại và được người đương thời uỷ thác. Chẳng thế mà Xantukôp Sêdrin đã nói rằng nếu như văn học chỉ im tiếng trong một phút thôi, thì điều đó cũng sẽ chẳng kém gì cái chết của cả một dân tộc.

Nghề văn không phải là một nghề thủ công và cũng không phải là một thứ công việc. Nghề văn là sứ mệnh. Đi sâu vào một số từ, vào tận âm hưởng của chúng, ta tìm thấy cái nghĩa đầu tiên của chúng. Từ *sứ mệnh* có nguồn gốc với từ *Tiếng gọi* ⁽¹⁾.

Không có ai kêu gọi con người đi làm việc vất. Người ta chỉ kêu gọi con người đi làm tròn bốn phận và thực hiện những nhiệm vụ khó khăn.

Vậy thì cái gì thôi thúc nhà văn đến với cái lao động tuyệt mỹ nhưng đôi khi cay cực kia ?

Trước tiên là tiếng gọi của trái tim mình. Tiếng gọi của lương tâm và lòng tin ở tương lai không cho phép một nhà văn chân chính sống trên trái đất như một bông hoa diệc và không truyền đạt cho người khác một cách hào phóng nhất tất cả

(1) Dịch theo nghĩa gốc của từ *zov* (tiếng gọi) và *prizvanie* (sứ mệnh, thiên chức).

cái phong phú của tư tưởng và tình cảm tràn ngập trong chính tâm hồn nhà văn.

Nếu anh không làm cho nhân quan của con người tinh tường thêm, dù chỉ là một chút, anh không phải là nhà văn.

Con người trở thành nhà văn không phải chỉ do tiếng gọi của trái tim. Chúng ta nghe thấy tiếng gọi của trái tim nhiều hơn hết vào lúc thiếu thời, khi chưa có gì lấn át và đập tan cái thế giới tình cảm tươi mát của chúng ta.

Nhưng rồi tuổi trưởng thành đến và ngoài tiếng gọi của trái tim ra, ta còn nghe rành rọt một tiếng gọi mạnh mẽ khác, tiếng gọi của thời đại ta đang sống và của nhân dân ta, của nhân loại.

Theo lệnh truyền của sứ mệnh, do sự thôi thúc tự bản thân con người có thể làm nên những điều kỳ diệu và có thể chịu đựng những thử thách gay go nhất.

Số mệnh của nhà văn Hà Lan Edoua Dekke⁽¹⁾ là một trong những dẫn chứng về điều nói trên. Ông ký tên với bút hiệu Muntaluli. Theo tiếng La tinh tên đó có nghĩa là "Người chịu nhiều đau khổ".

Có thể là chính ở đây, trên bờ biển Bantich u tối, tôi đã nghĩ đến Dekke bởi vì cũng một biển

(1) Edouard DouZes Dekker, biệt hiệu là Muntatuli (1820-1887).

phương Bắc nhợt nhạt như thế bao quanh tổ quốc Hà Lan của ông. Ông đau đớn và hổ thẹn nói về đất nước mình: "Tôi là con của Hà Lan, đứa con của xứ sở những tên ăn cướp nằm giữa Frixlandia và Ecôtxo".

Nhưng, tất nhiên, Hà Lan chẳng phải là đất nước của những tên ăn cướp văn minh. Chúng là số ít và không phải chúng đại diện cho nhân dân. Đó là đất nước của những con người yêu lao động, con cháu của những "gòdo" ⁽¹⁾ dũng mãnh và của Tin Ulans-pigen ⁽²⁾. Đến nay "*nắm tro tàn của Klaaxo*" ⁽³⁾ *vẫn lên tiếng*" trong tim rất nhiều người Hà Lan. Nó cũng lên tiếng trong trái tim của Muntatuli.

Xuất thân trong một gia đình thuỷ thủ, Muntatuli được bổ làm công chức trên đảo Giava và sau một thời gian ngắn, thậm chí đã đạt được chức công sứ của một trong những tỉnh trên đảo này. Trước mắt ông là chức trọng, quyền cao, lợi lộc, giàu sang, có thể cả ghế phó vương nữa, nhưng... "*nắm tro tàn của Klaaxo lên tiếng trong tim ông*" và Muntatuli đã coi khinh những bổng lộc đó.

Với tấm lòng dũng cảm và kiên gan hiếm có, ông định phá từ trong phá ra cái thực tế đã kéo

(1), (2) và (3) Nhân vật trong các truyện dân gian Hà Lan.

dài hàng thế kỷ : Sự nô dịch của chính quyền Hà Lan và bọn lái buôn đối với người dân Giava.

Lúc nào ông cũng đứng ra bảo vệ người Giava và không cho ai làm nhục họ. Ông thẳng tay trừng trị bọn ăn hối lộ. Ông giễu cợt phó vương và những cận thần của hắn ta - tất nhiên họ đều là những kẻ ngoan đạo và ông giải thích những hành động của mình bằng thuyết bác ái của chúa Giêsu. Chúng không thể phản đối ông điều gì. Nhưng chúng có thể khử ông.

Khi cuộc khởi nghĩa của nhân dân Giava bùng nổ, Muntatuli đã đứng ngay về phía quân khởi nghĩa, vì rằng *"nắm tro tàn của Klaaxơ vẫn tiếp tục lên tiếng trong tim ông"*. Ông viết về những người Giava, về những đứa trẻ cả tin ấy với một tình yêu làm ta phải cảm động và viết về đồng bào mình với cả lòng căm giận.

Ông bóc trần cái mưu mẹo bỉ ổi trong chiến đấu của bọn tướng lĩnh Hà Lan.

Người Giava rất sạch sẽ và không chịu nổi nhơ bẩn. Lợi dụng đức tính ấy của họ, người Hà Lan tính kế cho mình.

Họ ra lệnh cho quân lính trong lúc giáp chiến ném phân người vào người Giava. Và người Giava không hề run sợ khi đương đầu với lửa đạn vũ

bảo của quân thù đã không chịu đựng nổi lối đánh nhau bẩn thỉu như vậy và phải tháo lui.

Muntatuli bị cách chức và đưa về châu Âu.

Trong mấy năm liền ông đòi quốc hội Hà Lan trả lại lễ công bằng cho người Giava. Đi đâu ông cũng nói tới chuyện đó. Ông viết kiến nghị gửi cho các bộ trưởng, cho nhà vua.

Nhưng vô ích. Người ta nghe ông một cách miễn cưỡng, và vội vã cho qua chuyện. Chẳng bao lâu sau, họ tuyên bố rằng ông là một con người kỳ quặc nguy hiểm, thậm chí là người điên. Ông không tìm đâu được việc làm. Gia đình ông đói khổ.

Lúc ấy, theo tiếng gọi của trái tim, nói một cách khác, nghe theo cái sứ mệnh vốn vẫn sống trong lòng ông, tuy trước đó chưa rõ rệt, Muntatuli bắt đầu viết. Ông viết một cuốn tiểu thuyết vạch trần bộ mặt thật của nhà cầm quyền Hà Lan trên đảo Giava, cuốn *Mác Havela hay là những tên lái buôn cà phê*. Nhưng đây chỉ là lần thử bút đầu tiên. Trong cuốn đó, hình như ông chỉ mới sờ mó tới mảnh đất văn chương còn chưa đủ bồi đắp trong ông.

Như bù vào đó, cuốn sách tiếp theo *Những bức thư tình* lại được viết bằng một sức mạnh kinh khủng. Lòng tin mãnh liệt vào lẽ phải đã cho ông sức mạnh đó.

Từng chương trong cuốn sách lúc thì giống như tiếng kêu cay đắng của con người hai tay ôm lấy đầu khi phải chứng kiến cảnh bất công quái đản, lúc thì giống những bài ngụ ngôn đả kích sắc sảo và sâu cay, lúc thì như những lời vỗ về nhẹ nhàng, đượm màu hài hước buồn rười nhăm an ủi người thân, lúc thì giống như nỗi mong ước cuối cùng làm sống lại niềm tin của tuổi thơ ngây.

"Không có Trời, mà nếu có thì Trời phải tốt. - Muntatuli viết. - Biết đến bao giờ người ta mới thôi ăn trộm của kẻ ăn mày !"

Ông rời Hà Lan với hy vọng kiếm kế sinh nhai nơi phương xa. Vợ con ông ở lại Amstercđam. Ông không có lấy một xu thừa để đưa gia đình đi cùng.

Con người hay giễu cợt, bị coi là cái gai trong xã hội và bị ngược đãi ấy đi hành khất qua các thành phố châu Âu và viết, viết không ngừng. Ông không nhận được thư vợ vì bà cũng chẳng có cả đến tiền mua tem.

Ông nhớ vợ, nhớ con nhất là thằng út có đôi mắt xanh. Ông lo thằng bé sẽ không còn biết mỉm cười tin cậy với mọi người và ông cầu xin người lớn đừng bắt nó phải nhỏ những giọt nước mắt trước tuổi.

Không ai muốn xuất bản sách của Muntatuli.

Nhưng cuối cùng thì cuốn sách cũng được in.

Một nhà xuất bản lớn của Hà Lan bằng lòng mua bản thảo của ông nhưng với điều kiện là ông không được phép cho xuất bản ở bất cứ nơi nào khác.

Muntatuli mệt mỏi đến rã rời đành phải nhận lời. Ông trở về tổ quốc. Người ta thậm chí còn cho ông một ít tiền. Nhưng họ mua bản thảo của ông chỉ cốt để tước vũ khí ông. Bản thảo được in ra với một số lượng vô cùng ít ỏi và bán đắt đến nỗi chẳng khác gì chúng bị tiêu huỷ. Bọn lái buôn và chính quyền Hà Lan không thể ăn ngon ngủ yên khi cái thùng thuốc súng kia chưa ở trong tay chúng.

Chưa được thấy lễ công bằng thì Muntatuli đã qua đời. Mà lẽ ra ông còn có thể viết nhiều cuốn tuyệt hay nữa, những cuốn sách, như người ta đã thường nói, được viết không phải bằng mực mà bằng máu của trái tim.

Ông đã đấu tranh hết sức mình và hy sinh. Nhưng ông đã "thắng biển cả". Và rất có thể, trong một ngày gần đây, trên đảo Giava độc lập, ở Giacácta, người ta sẽ dựng tượng con người đau khổ đã vì người quên mình kia.

Đó là cuộc đời của con người đã hợp hai sứ mệnh vĩ đại lại làm một.



Muntatuli có một bạn đồng nghiệp cũng trung thành hết mực đối với sự nghiệp của mình như ông; một người Hà Lan cùng thời với ông : Hoà sĩ Vinxent Van Gốc ⁽¹⁾.

Khó mà tìm được một tấm gương sáng về đức hy sinh vì nghệ thuật như cuộc đời của Van Gốc. Ông mơ ước thành lập ở Pháp một "liên minh huynh đệ các hoạ sĩ" - một thứ công xã, trong đó các hoạ sĩ có thể dốc toàn tâm toàn lực vào việc phụng sự hội hoạ.

Van Gốc đau khổ rất nhiều. Ông đã rơi xuống tận đáy vực tuyệt vọng của con người trong bức *Những người ăn khoai và Giờ đi dạo của tù nhân*. Ông cho rằng sự nghiệp của hoạ sĩ là phải dốc toàn lực và đem hết tài năng chống lại đau khổ.

Sự nghiệp của hoạ sĩ là sáng tạo niềm vui. Và ông đã tạo ra nó bằng cái phương tiện mà ông nắm vững hơn hết : Màu sắc.

Trên nền vải, ông thay đổi bộ mặt của trái đất. Như thể ông đã rửa đất đai bằng bằng một thứ nước phép và nó sáng chói lên những màu trong sáng và đậm đến nỗi mỗi góc cây già cũng trở thành một tác phẩm điêu khắc, mỗi cánh đồng cỏ ba lá cũng biến thành ánh sáng mặt trời biểu hiện trong muôn vàn nhị hoa bình dị.

(1) Vincent Van Gogh, hoạ sĩ Hà Lan (1853-1890).

Ông lấy ý chí của mình mà hăm sự đổi thay không ngừng của màu sắc để ta có thể đi sâu vào cái đẹp của chúng.

Nhưng chẳng lẽ vì thế mà ta có thể nói rằng Van Gốc thờ ơ đối với con người ? Ông đã tặng cho con người cái tốt nhất mà ông có - đó là khả năng sống trên mặt đất, cái mặt đất chói lọi muôn màu muôn sắc với những cung độ vô cùng tế nhị của chúng.

Van Gốc là một người cùng khổ, kiêu hãnh và không thực tế. Ông chia sẻ với những kẻ vô gia cư mẩu bánh cuối cùng và biết rất rõ, bằng kinh nghiệm của bản thân, thế nào là sự bất công xã hội. Ông coi khinh những thành công rẻ tiền.

Tất nhiên, Van Gốc không phải là một chiến sĩ. Chủ nghĩa anh hùng của ông nằm trong lòng tin hết sức mãnh liệt ở tương lai huy hoàng của những người lao động - dân cày và thợ, nhà thơ và nhà bác học. Ông không thể trở thành một chiến sĩ, nhưng ông muốn đóng góp và đã đóng góp phần của mình vào kho báu của tương lai : Đó là những bức tranh ca ngợi đất đai.

Trong mọi góc độ của cái đẹp, Van Gốc chọn một: Đó là màu sắc. Điều làm cho Van Gốc ngạc nhiên là cái thuộc tính của thiên nhiên không bao giờ sai lầm trong quan hệ tương ứng giữa các màu,

muôn vàn độ chuyển tiếp của màu sắc, các nước sơn nhiều vẻ của trái đất, luôn luôn thay đổi, nhưng mùa nào cũng đẹp và ở đâu cũng đẹp như nhau.

Đã đến lúc phải lấy lại lễ công bằng cho Van Gốc và các họa sĩ khác như Vruben, Bôrixốp, Muxatốp, Gôganx và nhiều người khác nữa.

Chúng ta cần tất cả những gì làm cho thế giới bên trong của con người xã hội xã hội chủ nghĩa thêm giàu có, tất cả những gì nâng cao đời sống tình cảm của họ. Cái chân lý đương nhiên ấy chẳng lẽ lại cần phải chứng minh ?!

Nói cho đúng, chúng ta phải trở thành chủ nhân của nghệ thuật mọi thời đại và mọi nước. Chúng ta phải tống cổ ra khỏi nước ta cái bọn đạo đức giả điên cuồng chống lại cái đẹp chỉ vì nó tồn tại độc lập bên ngoài ý muốn của chúng.

Xin các bạn tha lỗi cho tôi vì những dòng tùy bút nhảy từ lĩnh vực văn học vào hội họa này. Tôi cho rằng, mọi loại hình nghệ thuật đều giúp nhà văn hoàn thiện nghề viết của mình. Nhưng về cái đó ta sẽ có với nhau cuộc nói chuyện khác, riêng biệt.

Không thể để mất ý thức về sứ mệnh. Nó không thể thay thế bằng sự tính toán sáng suốt, cũng không thể thay thế bằng kinh nghiệm văn học.

Trong quan niệm đúng đắn về sứ mệnh của

nhà văn hoàn toàn không có những cái mà bọn hoài nghi rê tiền cố gán ép cho nó, không có cái nhiệt tình giả dối, không có cái quan niệm thổi phồng của nhà văn về vai trò đặc biệt của mình.

Prisvin hiển nhiên là người mang sứ mệnh nhà văn. Ông buộc cả đời ông vào sứ mệnh ấy. Nhưng chính ông lại là người nói ra những lời tuyệt đẹp rằng *"hạnh phúc vĩ đại nhất của nhà văn là không tự coi mình như một người đặc biệt, một người cô độc, mà là một người như những người khác"*.

NHỮNG BÔNG HOA LÀM BẰNG VỎ BÀO

Khi nghĩ đến cái nghiệp văn chương tôi thường tự hỏi : Nó bắt đầu từ bao giờ nhỉ ? Và nói chung nó khởi đầu như thế nào ? Cái gì đầu tiên đã buộc ta cầm bút để không bao giờ buông ra nữa cho đến khi nhắm mắt xuôi tay.

Khó nhất là cái việc nhớ lại xem nó bắt đầu từ lúc nào. Chắc là cái nghiệp văn chương bao giờ cũng xuất hiện trong con người như một trạng thái tâm hồn từ rất lâu trước khi ta bắt đầu xài hết hàng chồng giấy. Nó xuất hiện từ thời niên thiếu và có thể từ lúc ta còn thơ ấu.

Trong tuổi thơ và trong thời niên thiếu, thế giới tồn tại khác hẳn lúc ta đã trưởng thành. Với tuổi thơ, mặt trời nóng bỏng hơn, cỏ rậm hơn, mưa to hơn, trời tối hơn và con người nào cũng thật là thú vị.

Đối với trẻ con thì bất kỳ người lớn nào cũng là một sinh vật hơi bí ẩn, dù đó là một ông thợ mộc với bộ đồ bào sắc mùi xơ gỗ hay đó là nhà bác học biết rõ vì sao cỏ lại màu xanh.

Cảm thụ thi vị về cuộc đời, về tất cả những gì quanh ta, là tặng phẩm vĩ đại nhất mà tuổi thơ đem đến cho ta.

Nếu con người sau nhiều năm dài tỉnh táo không để vương vãi mất món quà ấy đi thì người đó sẽ là nhà văn hay nhà thơ. Nói cho cùng hai "nhà" này cũng chẳng khác gì nhau cho lắm.

Cảm giác về cuộc sống như một sự đổi mới không ngừng chính là cái mảnh đất màu mỡ, trên đó nghệ thuật sinh hoa kết quả.

Khi còn là học sinh trung học, tất nhiên tôi cũng làm thơ. Tôi làm nhiều thơ đến nỗi chỉ trong một tháng là đã hết vào một quyển vở dày.

Những bài thơ ấy tôi, hoa mỹ vào hào nhoáng, nhưng lúc đó tôi lại cho rằng chúng rất đẹp.

Bây giờ tôi đã quên những bài thơ ấy rồi. Chỉ còn nhớ lờ mờ đôi đoạn. Thí dụ như câu này:

*Hãy ngắt đi, hoa trên những nhành sa thấp
Khi mưa rơi lặng lẽ xuống đồng
Và chân trời, nơi chiều thu cháy đỏ
Những chiếc lá vàng tan tác bay đi...*

Thế còn khá. Càng về sau tôi càng chất đủ mọi thứ hoa mỹ, thậm chí là vô nghĩa vào trong thơ:

*Và nổi nhớ chàng Xaadi ⁽¹⁾ lấp lánh
như đá ngọc
Trên những trang tháng ngày chậm chạp
trôi qua...*

Tại sao nổi nhớ lại "lấp lánh như đá ngọc" thì cả lúc ấy cũng như bây giờ tôi đều không giải thích nổi. Đó chẳng qua chỉ vì âm hưởng của từ lôi kéo tôi. Tôi không hề nghĩ đến nghĩa.

Tôi làm thơ về biển nhiều hơn cả. Lúc đó hầu như tôi chưa biết biển là gì.

Đó không phải là một biển nào rõ rệt, không phải Hắc Hải, không phải biển Bantich hay Địa Trung Hải mà là một "biển nói chung", hào nhoáng. Nó gắn lại với nhau tất cả cái phong phú của màu sắc, mọi thứ phóng đại, tất cả cái lãng mạn viễn vông không có người thực, thời gian thực và không gian địa lý cụ thể. Lúc đó chất lãng mạn ấy bao trùm cả địa cầu trước mắt tôi như một khí quyển dày đặc.

Đó là một biển tươi vui, có sóng bạc đầu, tổ quốc của những con tàu có cánh và những người

(1) Saadi (hoặc Sadi), nhà thơ lớn Ba Tư, tác giả *Vườn hồng*, (khoảng năm 1184-1291)

vượt biển gan dạ. Trên các bờ biển, những ngọn hải đăng toả sáng như những viên ngọc bích. Một cuộc sống vô tư lự sục sôi trên các hải cảng. Những người phụ nữ duyên dáng tuyệt trần với nước da bánh mật bị ngòi bút tôi lôi vào cơn bão lốc của những dục vọng.

Nói cho đúng, thơ tôi theo thời gian bớt dần hào nhoáng. Cái chuộng lạ cũng bắt đầu mất dần trong thơ.

Nhưng thực thà mà nói, tuổi thơ ấu và niên thiếu không bao giờ không chuộng lạ, dù cho cái lạ đó là của những nước vùng nhiệt đới hay của thời nội chiến.

Tính chuộng lạ làm cho cuộc sống có phần phi thường, điều đó cần thiết cho bất cứ người trẻ tuổi và nhạy cảm nào.

Đidơrô ⁽¹⁾ đã nói rất đúng rằng nghệ thuật là ở chỗ tìm ra cái phi thường trong cái bình thường và cái bình thường trong cái phi thường.

Dù sao thì tôi cũng không nguyên rửa thói chuộng lạ mà lúc thiếu thời tôi đã mê say.

Có ai lúc còn thơ mà không bao vây các lâu đài cổ, không chết trên những con thuyền có những cánh buồm toả tả bên bờ eo biển Magiolăng hay

(1) Diderot, nhà văn, nhà triết học duy vật Pháp thế kỷ XVIII.

bên Tân thế giới, không cùng với Tsapaep⁽¹⁾ cưỡi xe ngựa gắn trung liên phóng băng băng trên những cánh đồng cỏ đại bên kia dãy núi Uran, không đi tìm những kho báu mà Xtivenxon⁽²⁾ đã giấu rất tài tình trên một hòn đảo bí mật, không nghe tiếng cờ reo trên trận đại Bôrođinô⁽³⁾ hoặc không giúp đỡ Maogli⁽⁴⁾ trong những rừng hoang rậm rạp xứ Induxtan.

Tôi thường sống ở nông thôn và hay để ý xem các trò chơi của trẻ em ở nông trang. Bao giờ chúng cũng thích thú chơi những trò lạ, vượt đại dương trên những chiếc bè (đại dương đây là một cái hồ nông có cái tên chẳng lấy gì hay ho lắm là hồ "Con bê"), thích bay lên các vì sao hoặc đi tìm những xứ sở bí ẩn. Chẳng hạn lũ trẻ hàng xóm của tôi đã tìm ra một đất nước chưa ai biết đến ở giữa các đồng cỏ. Chúng đặt tên cho nó là "Lukômoriê". Đó là một cái đầm có nhiều vũng nhỏ và đầy cây củ gấu đến nỗi chỉ ở giữa đầm mới có một chút nước lấp lánh mà thôi.

Tính chuộng lạ, tất nhiên, không phải một lúc đã mất hẳn trong ý thức của tôi. Nó còn lại rất

(1) Một nhà chỉ huy quân sự lỗi lạc của Hồng quân Nga, thời kỳ Nội chiến.

(2) R.L.Stevenson (1850-1894), nhà văn Anh, tác giả *Đảo giấu vàng*.

(3) Tên một làng Nga, nơi xảy ra trận đánh lớn giữa quân Nga và quân Napôlêông (1812).

(4) Nhân vật trong *Chú bé rừng xanh* của nhà văn Anh Rudyard Kipling.

lâu như hương thơm bên cửa hoa đình hương trong vườn. Nó làm cho trong mắt tôi, cái thành phố Kiep quen thuộc thậm chí đến phát ngán của tôi, thay đổi hẳn.

Ráng chiều vàng lộng lẫy trong công viên thành phố. Chớp loang loáng trong bóng đêm bên kia sông Dnieprơ. Tưởng như ở đó có một đất nước chưa ai biết đến - một đất nước đầy giông tố và ảm thấp - tràn ngập tiếng lá chuyển động ào ào.

Mùa xuân trút xuống thành phố cơ man nào là hoa dẻ vàng nhạt với những cánh lốm đốm đỏ. Hoa nhiều đến nỗi khi trời mưa chúng rơi thành từng đồng, ngăn nước mưa lại và làm một số đường phố biến thành những hồ con.

Nhưng sau cơn mưa thì bầu trời Kiep lại sáng sủa như một vòm đá trắng. Và những vần thơ bỗng dưng được nhớ lại một cách mạnh mẽ lạ thường.

*Ôi sức mạnh của mùa xuân bí ẩn
Đang ngự trị với ngàn sao trên trán
Người hiền dịu trên bụi trần như bản
Người hứa cho ta hạnh phúc vô ngần...*

Thời kỳ đó gắn liền với mỗi tình đầu say đắm của tôi. Đó là một trạng thái kỳ lạ, khi hầu như bất cứ cô gái nào cũng kiều diễm. Mỗi nét của tuổi xuân thiếu nữ thoáng hiện ở thành phố, trong

vườn hoa, trên xe điện - một khoé mắt then thùng như chú ý đến ta, hương thơm của mái tóc, hàm răng trắng bóng sau làn môi hé mở, bắp chân trần khi gió làm tung váy, cái chạm nhẹ với những ngón tay lạnh ⁽¹⁾ - tất cả những cái đó nhắc tôi rằng sớm hay muộn rồi tình yêu sẽ đến với tôi. Tôi tin chắc như thế. Tôi muốn nghĩ như thế và tôi đã nghĩ như thế.

Cứ mỗi lần gặp gỡ như vậy là trong tôi lại dậy lên một nỗi buồn khó hiểu.

Phần lớn tuổi trẻ nghèo túng và thực ra rất cay đắng của tôi đã qua đi trong những vần thơ và trong niềm xao xuyến mơ hồ.

Sau đó tôi bỏ không làm thơ nữa. Tôi hiểu rằng đó chỉ là cái hào nhoáng bề ngoài, là những bông hoa làm bằng vỏ bào nhuộm khéo, một thứ vàng mạ.

Thay vào thơ, tôi viết truyện ngắn đầu tiên. Nó có lịch sử của nó. Tôi sẽ kể trong chương sau, lịch sử truyện ngắn này.

(1) Người Nga tin rằng ai có bàn tay lạnh tức là có trái tim (tâm hồn) nóng.

TRUYỆN NGẮN ĐẦU TIÊN

Từ thị trấn Tsecnôbun tôi đáp tàu thuỷ trở về Kiepi theo dòng sông Pripiat. Mùa hè tôi ở trong trang viên xơ xác của một viên tướng về hưu tên là Lepkôvich gần Tsecnôbun. Thấy học tôi xếp cho tôi một chân gia sư trong nhà đó. Tôi phải kèm cho cậu ấm gà tổ con ông tướng chuẩn bị thi lại hai môn của học kỳ đầu trong niên khoá.

Ngôi nhà cũ kỹ của viên điền chủ nằm trên một vùng đất thấp. Tối đến sương mù lạnh lẽo bốc lên cuộn cuộn quanh nhà. Ếch nhái nheo nhéo trong các đầm lầy lân cận và mùi đồ quỳen xông lên phát nhức đầu.

Lũ con trai dờ hơi dờ hám của Lepkôvich dùng súng trường đứng ngay ở hàng hiên bắn vẹt trời trong buổi trà tối.

Lepkôvich - con người phì nộn, dữ tợn với bộ

ria điểm bạc và đôi mắt đen trợn trừng - suốt ngày ngồi trong chiếc ghế bành mềm đặt ngoài hàng hiên và thở khò khè vì suyễn. Thịnh thoảng lão lại khàn khàn hét lên:

- Không phải là gia đình nữa, mà là bầy vô công rồi nghề ! Một quán rượu ! Tao sẽ tống cổ hết chúng mày đi cho mà xem ! Tao không cho chúng mày hưởng gia tài nữa đâu !

Nhưng chẳng có ma nào chú ý đến những tiếng la hét khàn khàn của lão. Cai quản nhà cửa và trang trại là vợ lão - "*madam Lepkôvich*" - một người đàn bà chưa già, lẳng lơ và rất bủn xỉn. Suốt mùa hè lúc nào mẹ cũng đeo chiếc cóóc-xê kêu sột soạt.

Ngoài lũ con trai vô công rồi nghề, Lepkôvich còn một mụn con gái trạc hai mươi. Tên ả là "Gian Đar"⁽¹⁾. Suốt từ sáng đến tối, ả phóng con ngựa đen tuyền và hung tợn, ngồi trên yên theo cách của đàn ông, ra về ta đây ngang tàng.

Ả thích nhắc đi nhắc lại cái câu mà trong hầu hết mọi trường hợp là hoàn toàn vô nghĩa: "Coi khinh".

Khi người ta giới thiệu tôi, ả cứ ngồi nguyên

(1) Jeanne d'Are, nữ anh hùng dân tộc Pháp, lãnh đạo nhân dân chống xâm lược Anh (1412-1431).

trên ngựa nhìn thẳng vào mắt tôi, ả chìa tay ra, nói:

- Coi khinh !

Tôi chẳng biết đến bao giờ mới thoát khỏi cái gia đình điên khùng ấy và cảm thấy nhẹ hẫng người khi cuối cùng rồi tôi cũng được ngồi lên chiếc đệm cỏ khô phủ vải gai của chiếc xe tải đồ và người đánh xe ngựa, bác Ignachi Lôlôla (trong nhà Lepkovich mọi người đều mang tên hiệu có tính chất lịch sử), thường gọi đơn giản là bác Ignat, cầm lấy dây cương làm bằng thừng và cho xe thừng thẳng đi về phía Tsecnôbun.

Xe vừa ra khỏi trang viên, chúng tôi đã lọt ngay vào cái yên tĩnh của vùng rừng đồng thấp.

Mãi đến chiều tối chúng tôi mới lê lết được tới Tsecnôbun và phải ngủ lại trong một quán trọ. Tàu thuỷ đến chậm.

Chủ quán là một người Do Thái đứng tuổi, mang họ Kuse.

Kuse để cho tôi ngủ trong một gian phòng hẹp có những bức chân dung của tổ tiên ông ta - những ông già râu bạc đội mũ chòm bằng lụa, những bà lão mang tóc giả và quần khăn thêu. Bà lão nào trong tranh cũng có cặp mắt đắm lệ.

Mùi dầu hoả từ chiếc đèn trong bếp xông lên

sắc súa. Tôi vừa mới đặt mình xuống chiếc đệm
dầy nhồi lông chim thì rệp đã kéo đàn kéo lũ từ
mọi ngách xông ra thịt tôi.

Tôi chồm dậy, hấp tấp mặc quần áo và bước
ra ngoài hiên. Ngồi quán ở ngay cạnh bãi cát bờ
sông. Sông Pripiat lấp loáng mờ mờ. Trên bờ sông,
gỗ ván xếp thành chông.

Tôi ngồi xuống chiếc ghế dài ngoài thềm và
xốc cổ áo choàng học sinh lên. Đêm lạnh. Tôi
thấy rét.

Có hai người lạ mặt ngồi ở bậc thềm. Trong
bóng tối tôi không nhìn rõ họ. Một người hút *ma-
khorka* ⁽¹⁾, người kia ngồi gập mình lại và hình
như đang ngủ. Từ trong sân vọng ra tiếng ngáy
như sấm của bác Ignachi Lôlôla. Bác ngủ ngay
trên đệm cỏ khô trong xe và giờ đây tôi ghen
với bác :

- Rệp à ?

Người hút *makhorka* cất giọng the thé hỏi tôi.

Nghe tiếng, tôi nhận ra anh ta. Đó là một anh
chàng Do Thái thấp bé, mặt khó đăm đăm, chân
đi ủng dạ không tất. Khi tôi và bác Ignachi Lôlôla
vừa đến, anh ta mở cửa cho chúng tôi vào sân

(1) Một thứ thuốc lá rất nặng.

và đòi trả công mười kôpếch. Tôi cho anh ta đồng một hào. Kuse trông thấy, đứng bên trong cửa sổ hét ra :

- Bước ngay khỏi nhà tao, đồ khố rách ! Tao nói mày có tới nghìn lần rồi !

Nhưng người đi ủng dạ thậm chí cũng chẳng thèm quay lại nhìn Kuse. Anh ta nháy tôi và nói:

- Ông nghe thấy chưa ? Mỗi đồng hào làm bóng tay hần. Rồi hần sẽ chết vì tham cho mà xem, ông cứ nhớ lấy lời tôi !

Khi tôi hỏi Kuse xem anh ta là ai thì ông trả lời miễn cưỡng :

- À, Iôxka ! Một thằng dở người ! Nhưng này... nếu anh không thiết sống thì ít nhất cũng cứ phải tôn trọng mọi người cái đã. Đừng có nhìn người bằng nửa con mắt ⁽¹⁾.

- Ông còn phải trả thêm tiền rệp cho Kuse đấy - Iôxka rít một hơi thuốc, nói với tôi và tôi trông thấy những đám râu tua tủa trên má anh ta - Khi con người cố tâm làm giàu, hần không từ một việc hết.

- Iôxka ! - Bất thành linh người từ nãy ngồi gập mình nói bằng một giọng khàn khàn và dữ

(1) Nguyên văn : Đứng như vua Đavít ngồi trên ngai vàng mà nhiều họ.

tợn. - Vì sao mày lại làm thiệt đời Khorixchia ? Hai năm nay chẳng có đêm nào tao ngủ được...

- Nikifo ! Thật chỉ có người điên mới đi nói những lời bần thiú như vậy ! - Iôxka giận dữ kêu lên. - Tôi làm thiệt đời cô ấy ư ? Ông hãy đến tận đức cha Mikhanin của ông hỏi xem ai là kẻ đã giết cô ấy ? Hay là đến ông quận trưởng cảnh sát Xukharenkô mà hỏi xem.

- Con tôi ! - Nikifo nói bằng giọng tuyệt vọng. - Mặt trời của tôi đã bỏ nơi đầm lầy mà đi về cõi vô cùng rồi.

- Thôi đi ! - Iôxka quát ông Nikifo.

- Đến làm lễ cầu hôn cho con tôi họ cũng không cho phép ! - Nikifo nói, không chú ý tới lời của Iôxka. - Tao phải đi đến Kiep, đến tận đức Giáo chủ. Ngài chưa thương là tao chưa chịu.

- Thôi đi ! - Iôxka nhắc lại. - Chỉ cần đổi lấy một sợi tóc của cô ấy thôi, tôi cũng sẵn lòng bán ngay cái cuộc đời ghẻ lở của mình. Thế mà ông nỡ hỏi như vậy !

Bất thành linh anh ta bật khóc, tuy cố nén lại nhưng vẫn nức nở. Vì cố nén, từ trong cổ họng anh ta bật ra tiếng rít khe khẽ.

- Khóc đi, thằng ngốc ! - Nikifo nói một cách bình thản và còn có vẻ khuyến khích nữa là khác. -

Nếu không vì Khorixchia yêu mày thì tao đã giết phút mày rồi, thằng tội đồ ghê cùi ạ, tội vạ đâu tao chịu.

- Xin ông thôi đi cho ! - Iôxka hét lên. - Mời ông! Có lẽ tôi cũng đang mong được như thế ! Thà chết mục trong mồ còn hơn.

- Mày ngốc vẫn hoàn ngốc ! - Nikifo trả lời bằng giọng buồn thảm. - Được, về đến Kiep tao sẽ giết mày đi cho mày khỏi làm khổ tao. Tao cực lắm rồi.

- Thế vì ai mà ông phải bỏ nhà bỏ cửa ra đi ? - Iôxka thoi khóc, hỏi.

- Chẳng vì ai sất. Tao đóng chặt cửa lại, thế là xong. Bây giờ tay cần cóc gì cái nhà ấy nữa, cũng như người chết thì còn cần thuốc lá người làm quái gì.

Tôi chú ý nghe câu chuyện khó hiểu ấy. Trên sông Pripiat sương mù dâng lên như một bức tường. Từ những tấm ván ẩm mốc bốc lên một mùi gần gần như mùi thuốc. Trong thị trấn, những con chó uể oải cần sông.

- Giá mà biết được cái tàu phải gió ấy bao giờ nó đến ! - Nikifo bực dọc nói. - Kể ra có nửa chai ngang mà nhậu thì hay, Iôxka nhỉ ? Cũng đỡ buồn. Ở, nhưng kiếm đâu ra rượu bây giờ ?

Tôi dựa lưng vào tường, sưởi ấm trong chiếc áo choàng.

Sáng ngày ra, tàu thuỷ vẫn chưa tới. Kuse nói rằng tại sương mù nên nó đậu lại qua đêm ở một nơi nào đó thôi và có nóng ruột cũng vô ích, bởi vì thế nào nó cũng đỗ lại Tsecnôbum vài giờ.

Tôi uống no nước chè, Ignachi Lôilôla ra về.

Buồn, tôi đi lang thang trong thị trấn. Trên đường phố chính, các quán hàng đã mở cửa. Mùi cá ướp và mùi xà phòng giặt từ trong những hàng quán ấy bay ra. Ở cửa hiệu cắt tóc có tấm biển dựng trên một cái chạng gỗ, người chủ mặt đầy tàn nhang, mặc áo khoác, đang đứng cắn hạt dưa.

Chả biết làm gì, tôi rẽ vào cạo mặt. Ông thợ cạo thở dài, quét bột xà phòng mát lạnh lên mặt tôi và bắt đầu cuộc hỏi cung nhà nhận thường gặp ở các hiệu cắt tóc tỉnh lẻ, rằng tôi làm gì và tại sao lại đến thị trấn này.

Bỗng trẻ con chạy sầm sầm trên những tấm ván lát hè, vừa chạy vừa huýt sáo, nhả nhỏ giễu cợt và giọng nói quen thuộc của Iôxka lại vang lên :

*Ta không dùng bài ca hùng tráng
Phá giấc mộng vàng người đẹp ta yêu.*

- Laza ! - Bên kia bức vách bằng ván ghép

một giọng phụ nữ quát. - Cài then cửa vào ! Lại thằng Iôxka say rượu đấy. Sao lại như vậy kia chứ ? Trời, không hiểu được.

Ông thợ cạo cài then cửa và kéo rèm che.

- Hề nhìn thấy ai trong hiệu là y như rằng nó rẽ ngay vào rồi hát hồng, nhảy múa và khóc lóc. - Ông thợ cạo thở dài giải thích.

- Anh ta làm sao vậy ? - Tôi hỏi.

Ông thợ cạo không kịp trả lời. Một thiếu phụ trẻ đầu tóc bờ phờ, đôi mắt ngạc nhiên, long lanh vì xúc động từ bên kia vách bước ra.

- Ông nghe đây, ông khách ! - Thiếu phụ nói. - Trước tiên, xin chào ông ! Hai là, Laza không biết gì mà kể cho ông nghe đâu, bởi vì đàn ông không thể nào hiểu nổi trái tim đàn bà. Sao ? Đừng lác đầu quây quây thế, Laza ! Còn ông, thì xin ông hãy nghe đây và hãy nghĩ kỹ về những điều tôi sắp nói với ông. Tôi sẽ nói để ông biết vì tình yêu, người con gái kia đã phải khổ sở như thế nào.

- Manhia, - Người thợ cạo nói, - Đừng có phờn.

Iôxka kêu gào ở đâu đó, xa xa :

*Khi tôi chết, các người hãy đến
Thăm nấm mồ bé nhỏ của tôi*

*Tặng nhau, mang mấy miếng dôi
Và rượu dâng một chai lửa lọc.*

- Khiếp chưa ! - Manhia nói. - Mà đó là Iôxka đấy! Chính cái anh Iôxka đáng lẽ thì học y sĩ ở Kiep, con bà Pêxia, một bà mẹ tốt bụng nhất cái thị trấn Tsecnôbun đấy. Ôn Chúa, may mà bà không phải sống đến cái ngày nhục nhã này. Ông khách ạ, ông cũng thừa hiểu là người đàn bà phải yêu tới mức nào thì mới có thể vì người yêu mà sẵn lòng chịu mọi nỗi khổ !

- Sao, nhà nói cái gì vậy... Manhia ? - Người thợ cạo kêu lên. - Ông khách nghe nhà tôi nói sẽ chẳng hiểu gì đâu.

- Hồi đó ở đây có hội chợ, - Manhia lờ đi, kể. - Ông gác rừng goá vợ Nikifo ở mạn Kacpilôpka cùng với cô con gái độc nhất của ông ta là Khorixchia cũng đi xem. Trời, giá mà ông được thấy cô ấy ! Ông sẽ mất hồn đấy, ông khách ạ ! Nói để ông biết, mắt cô ấy xanh như da trời kia kia, còn đôi bím tóc thì vàng ươm như thể chúng được gội trong nước vàng vậy. Mà cô ấy mới dịu dàng làm sao ! Mới thanh tú làm sao, tôi chưa từng thấy ai như vậy ! Thế rồi Iôxka trông thấy cô ấy, và anh chàng chết lạng đi. Hấn phải lòng cô ta. Chuyện đó thì chẳng có gì là lạ. Đến hoàng đế mà gặp cô ấy thì rồi cũng phải say đắm đến héo ruột héo gan.

Chỉ lạ một nỗi là Khorixchia lại yêu Iôxka ! Ông thấy hần rồi chứ gì ? Người thì nhỏ tẹo, xem như chỉ bằng cái thằng bé này, tóc thì đỏ cách, tiếng thì the thé, tính tình thì gàn dở. Nói tóm lại, cô ấy bỏ đến ở với Iôxka. Ông hãy đến mà xem cái nhà ấy ! Cứ nhìn kỹ mà xem ! Đến một con dê ở còn chậ, huống hồ họ những ba người. Chỉ được cái sạch sẽ. Thế rồi ông thử đoán xem nào. Bà Pêxia đón tiếp cô ấy như đón tiếp công chúa vậy. Khorixchia ở lại với Iôxka, thành vợ thành chồng. Và hần, cái anh chàng Iôxka ấy, vui vẻ hần lên, mặt mũi cứ sáng sủa như đèn ban đêm. Ông chắc cũng thừa biết nếu người Do Thái ăn ở với người theo đạo chính thống thì sự thể sẽ là thế nào ? Không ai làm phép cưới cho họ. Iôxka mới quyết định xin theo đạo và vào nhà thờ gặp cha Mikhain. Nhưng cha bảo: "Đáng nhẽ nhà anh phải xin theo đạo trước rồi mới được ngủ với con gái theo đạo Chúa. Anh đã làm ngược tất cả và bây giờ, nếu không được phép của giáo chủ thì ta không làm lễ cưới cho anh đâu, anh quý tộc thành Giêruxalem ă". Iôxka gọi cha bằng một cái tên tục tĩu rồi bỏ đi. Lúc đó, ông *ravin* ⁽¹⁾ của chúng tôi tức thì thọc tay vào. Ông biết tin Iôxka muốn xin theo đạo chính thống và nguyên rửa hần vì chuyện đó cho

(1) Một chức trong cộng đồng người Do Thái, chuyên trách về đời sống tinh thần, phong tục, tập quán của những người này.

tới mười đời trong nhà thờ Do Thái. Đúng lúc ấy Nikifo cũng vừa đến, gục xuống chân con gái, van nài cô trở về. Khorixchia chỉ khóc chứ nhất định không nghe bố. Bọn trẻ, tất nhiên là có người xui chúng, hễ cứ nhìn thấy Khorixchia đâu là la hét: "Ê Khorixchia, đồ ngoại giáo ! Có thêm một miếng thịt cấm không ?" Và nắm tay dứ cô. Ở ngoài phố người ta nghiêng ngó nhìn theo Khorixchia, cười giễu. Có lần, một người đã lượm các cục phân từ bên trong hàng rào ném vào lưng cô. Khắp nhà bà Pêxia, chỗ nào cũng bị quét hắc ín, ông có thể tưởng tượng được không?

- Trời, bác Pêxia ! - Người thợ cạo thở dài. - Đây mới thật là một người đàn bà !

- Im, để người ta kể nào ! - Manhia gắt gỏng. - *Ravin* mới gọi bà Pêxia lại mà bảo rằng, "Bà Pêxia Izailepna kính mến ơi, bà đã để cho chuyện loạn hôn xảy ra trong nhà bà. Bà chống lại luật đạo. Tôi nguyện rửa nhà bà và đức Giêhôva sẽ trừng phạt bà như trừng phạt một con điếm. Bà hãy thương lấy cái đầu bạc của bà". Ông có biết bà Pêxia trả lời thế nào không. Bà nói thế này, "Ông không phải là *ravin* ! Ông là một tên đội xếp ! Người ta yêu nhau thì mặc người ta, can gì ông phải thò đôi tay béo mập vì mỡ sáy của ông vào chuyện người khác". Bà nhổ bọt rồi đi ra. Ông *ravin* bèn nguyện rửa luôn cả bà trong nhà thờ.

Ở đây người ta biết cách hành hạ con người như thế đấy. Nhưng ông chớ nói lại với ai nhé ! Cả thị trấn này xôn xao hẳn lên, không ai còn biết đến gì khác ngoài chuyện ấy. Cuối cùng, lão quận trưởng cảnh sát Xukharenkô mới gọi Iôxka và Khorixchia lại mà bảo : "Iôxka, ta đưa anh ra tòa vì tội đã lăng mạ đức cha Mikhain dòng chính thống. Rồi anh sẽ được ném mùi khở sai của ta. Còn Khorixchia, ta sẽ cưỡng bức cô về với bố. Ta cho hai người ba ngày suy nghĩ. Các người làm rối loạn cả huyện này rồi. Vì các người, ta sẽ bị ngài tỉnh trưởng quả trách."

Ngay đó, Xukharenkô tống Iôxka vào nhà đá. Về sau này ông ta nói rằng ông chỉ định dọa Iôxka thôi. Thế rồi sự thế ra sao, ông có đoán được không? Tôi nói ông không tin đâu, nhưng Khorixchia đã đau đớn quá mà chết. Trông cô thật đáng thương. Người tốt nào cũng mũi lòng. Cô ấy khóc ròng mấy ngày, rồi nước mắt cũng chả còn, mắt khô lại, cô ấy chẳng ăn uống gì hết. Chỉ một mực van lơn người ta cho cô đến với Iôxka. Đúng vào ngày lễ Iôm Kipua, ngày lễ Phán xét, lúc chiều tối, cô ngủ thiếp đi, rồi cứ thế, không bao giờ dậy nữa. Cô ấy nằm, nom mới trắng trẻo và hạnh phúc làm sao - chắc cô ấy cảm ơn Chúa đã rước cô đi khỏi cuộc đời khốn nạn này. Vì sao Khorixchia phải chịu hình phạt ấy, nếu chỉ vì cô yêu anh Iôxka

nọ ? Ông hãy nói cho tôi biết, vì sao ? Chả lẽ trên trái đất này không ai có trái tim nữa sao? Lão Xukharenkô vội thả ngay Iôxka, nhưng cậu ta đã hoàn toàn trở nên mất trí. Iôxka bắt đầu uống rượu từ đó và đi ăn xin.

- Tôi mà như anh ta thì thà chết quách còn hơn. - Người thợ cạo nói. - Tôi sẽ cho một viên đạn vào trán.

- Chao ôi, các người mới dũng cảm làm sao! - Manhia kêu lên. - Ấy thế mà khi việc đến tay thì lại vội tránh xa cái chết hàng trăm dặm. Các người hiểu sao được chuyện tình yêu có thể đốt thành tro trái tim người đàn bà.

- Trái tim đàn bà với cả trái tim đàn ông. - Người thợ cạo trả lời và nhún vai. - Có gì khác nhau kia chứ?

Từ hiệu thợ cạo tôi trở về quán trọ. Cả Iôxka lẫn Nikifo đều không thấy ở đó. Kuse mặc chiếc áo ghilê sồn đang ngồi bên cửa sổ uống trà. Trong phòng, những con ruồi béo mập bay vù vù.

Chiếc tàu thủy nhỏ bé mãi tối mới đến. Nó đỗ lại Tsecnôbun tới tận đêm. Người ta cho tôi một chỗ nằm trong phòng khách của tàu, trên một cái đi văng bọc vải sơn cũ rích.

Đêm, sương lại xuống. Tàu thủy đắm vào bờ. Cứ thế nó đứng mãi cho đến sáng bạch, đợi cho

sương tan hết. Tôi không gặp Nikifo trên tàu. Chắc hẳn ông đã bắt đầu bet nhè cùng với Iôxka.

Tôi kể lại tỉ mỉ câu chuyện trên như vậy bởi vì vừa chân ướt chân ráo về Kiep tôi đã đốt phăng quyển vở với những bài thơ đầu tiên của mình. Không một chút thương tiếc, tôi nhìn những dòng chữ cầu kỳ đang biến thành tro và những "bọt pha lê", những "bầu trời bằng ngọc xanh", những tử điểm và những điệu nhảy của các cô gái Digan Tây Ban Nha, chết đi không bao giờ sống lại.

Tôi tỉnh ngộ ngay lập tức. Thì ra tình yêu không phải đi liền với sự héo hắt của những bông hoa súng đang chết dần, mà với những cục phân. Người ta đã ném phân vào lưng một thiếu phụ tuyệt đẹp đang yêu.

Nghĩ về chuyện đó, tôi chợt nhớ đến những chữ "*Thế kỷ kinh khủng, những tâm hồn kinh khủng*" và quyết định viết truyện ngắn đầu tiên của mình, như tôi tự nhủ, một "*Truyện ngắn Chính cống*" về số phận của Khorixchia.

Tôi vật lộn mãi với truyện ngắn này và không hiểu được vì sao khi viết ra nó lại cứ khô héo và nhợt nhạt mặc dầu nội dung câu chuyện thật thê thảm. Sau rồi, tôi cũng đoán ra được. Trước hết, đó là vì nó được viết bằng lời người khác, hai là vì tôi đã quá say mê với tình yêu của Khorixchia

mà bỏ qua cái nếp sống cuồng tín tàn bạo của thị trấn.

Tôi viết lại. Chính tôi cũng phải ngạc nhiên vì không sao "đặt được" vào trong truyện những từ cầu kỳ và đẹp. Nó đòi hỏi sự thật và sự giản dị.

Khi tôi mang truyện ngắn đầu tiên này lại tòa soạn, nơi trước kia đã đăng thơ của tôi thì ông chủ bút bảo:

- Đừng phí công vô ích, anh bạn trẻ ạ. Truyện ngắn này không thể nào đăng được. Chỉ riêng về cái lão quận trưởng cảnh sát trong truyện người ta cũng đủ làm rầy chúng tôi rồi. Nhưng nói chung, truyện viết chắc tay đấy. Anh hãy mang lại cho chúng tôi một cái gì khác vậy. Mà nhớ là phải ký bí danh. Anh là học sinh trung học mà. Người ta có thể đuổi anh khỏi trường vì chuyện đó.

Tôi lấy lại truyện ngắn và cất đi. Mãi tới mùa xuân năm sau tôi mới lấy ra, đọc lại và hiểu thêm được một điều nữa : Trong truyện ngắn không thấy tác giả, không cả niềm căm giận, không cả những ý nghĩ, không cả sự kính phục của người viết trước tình yêu của Khorixchia.

Tôi liền viết lại một lần nữa và mang đến cho ông chủ bút, không phải để in mà là để ông ta đánh giá.

Ông chủ bút đọc xong truyện ngắn trước mặt tôi rồi đứng dậy, vỗ vai tôi và nói một câu cụt lủn.

- Tôi ủng hộ.

Như thế, lần đầu tiên tôi khẳng định một cách chắc chắn rằng đối với nhà văn, điều căn bản là phải thể hiện mình một cách đầy đủ nhất và rộng rãi nhất trong bất cứ tác phẩm nào, dù chỉ ở một truyện ngắn nhỏ. Trong việc thể hiện mình này không có gì đáng làm nhà văn phải chùn bước : Không cả sự hổ thẹn rớm trước độc giả, không cả nỗi lo sợ phải nhắc lại những điều mà các nhà văn khác đã nói (nhưng với một cách khác), không cả sự e ngại các nhà phê bình lẫn ông chủ xuất bản.

Trong lúc làm việc cần phải lãng quên mọi sự và phải như thể đang viết cho mình hoặc cho người thân nhất của mình.

Phải tạo cho thế giới bên trong mình được tự do, mở mọi cửa cho nó và bất thần anh sẽ phải ngạc nhiên mà nhận thấy rằng trong ý thức của anh, những ý nghĩ, tình cảm và tứ thơ hoá ra lại giàu có hơn là anh tưởng rất nhiều.

Quá trình sáng tạo, trong dòng đi của nó, dần có thêm những tính chất mới, phức tạp lên và giàu có thêm.

Cái đó cũng giống như mùa xuân trong thiên

nhiên. Độ ẩm của mặt trời không thay đổi. Nhưng nó làm tan tuyết, sương ẩm không khí, mặt đất và cây cối. Đất đai tràn ngập tiếng động, tiếng sóng vỗ, ánh lấp lánh của những giọt nước và của cả dòng nước băng tan - hàng nghìn dấu hiệu của mùa xuân - trong khi đó thì tôi nhắc lại, độ ẩm của mặt trời vẫn không thay đổi.

Trong sáng tác cũng vậy. Cảm thức của ta về thực chất không thay đổi. Nhưng trong lúc ta làm việc, nó đẩy lên những trận cuồng phong, những dòng, những thác ý nghĩ mới và hình ảnh mới, những cảm giác mới và những từ mới. Chính vì thế mà nhiều khi người ta phải ngạc nhiên trước cái mình viết ra.

Chỉ có người nào nói được với mọi người những điều mới mẻ, có ý nghĩa và thú vị, nhìn thấy những gì mà những người khác không nhận ra, người đó mới có thể là nhà văn.

Riêng đối với tôi, tôi rất chóng vánh hiểu ra rằng tôi chỉ có thể nói được rất ít, ít đến bực mình. Và tôi cũng hiểu rằng cảm hứng trong sáng tác cũng dễ tắt như nó dễ bùng lên, nếu ta bỏ đói nó. Cái vốn quan sát cuộc sống của tôi lúc đó quá nghèo nàn và chật hẹp.

Lúc đó tôi đặt cuốn sách lên trên cuộc đời chứ không phải đặt cuộc đời lên trên cuốn sách. Cần phải làm cho cuộc sống tràn đầy trong ta.

Sau khi hiểu ra điều ấy, tôi hoàn toàn bỏ viết, trong mười năm liền, và như Goócki nói "*Đi vào con người*", tôi bắt đầu lang thang trên đất nước Nga, làm hết nghề này đến nghề khác và tiếp xúc với đủ mọi loại người.

Nhưng đó không phải là một cuộc đời nhân tạo. Tôi không phải là một người quan sát chuyên nghiệp hay là người sưu tầm sự kiện.

Không ! Tôi sống, thế thôi, không hề cố gắng ghi chép hoặc nhớ lấy dù là một chút gì cho những tác phẩm tương lai.

Tôi sống, tôi làm việc, tôi yêu, tôi đau khổ, tôi hy vọng, tôi mơ ước, chỉ biết chắc một điều rằng, sớm hay muộn, đến tuổi trưởng thành hoặc hơn nữa, thậm chí có thể khi đã về già, tôi sẽ viết. Tôi sẽ viết không phải vì tôi đã đặt ra cho mình nhiệm vụ ấy mà là vì tâm hồn, trái tim, khối óc tôi đòi tôi phải làm như vậy. Và bởi vì văn học, đối với tôi, là một hiện tượng đẹp đẽ nhất trên thế giới.

TIA CHÓP

Y sáng tác nảy ra như thế nào ?

Hầu như không bao giờ có hai ý sáng tác lại nảy ra và phát triển giống nhau. Rõ ràng là ta không thể trả lời câu hỏi "ý sáng tác nảy ra như thế nào" một cách chung chung mà phải liên hệ với từng truyện ngắn, từng tiểu thuyết hay từng truyện vừa riêng biệt.

Dễ hơn là trả lời cho câu hỏi "Muốn có ý sáng tác xuất hiện cần có những gì ?" hay nói một cách khô khan hơn, "Để có ý sáng tác phát sinh cần có những điều kiện gì ?" Sự xuất hiện của nó bao giờ cũng được chuẩn bị từ trước bởi trạng thái nội tâm của nhà văn.

Giải thích sự xuất hiện của ý sáng tác tốt nhất là bằng cách so sánh. Đôi khi cách so sánh cho ta cái sáng rõ kỳ lạ trong cả những vấn đề phức tạp nhất.

Người ta hỏi nhà thiên văn Ginxơ rằng tuổi quả đất là bao nhiêu. Ginxơ trả lời :

- Các bạn hãy tưởng tượng một ngọn núi khổng lồ, thí dụ như ngọn Enbrux ở Kapkazơ chẳng hạn. Và hãy hình dung một con chim sẻ độc nhất, nhỏ bé, chỉ có mỗi việc nhảy nhót và mổ khoét ngọn núi đó. Như thế, nếu con chim sẻ ấy muốn khoét cho đến chân quả núi thì phải mất một số năm bằng số tuổi của quả đất.

Cách so sánh có thể cho ta hiểu sự xuất hiện của ý sáng tác đơn giản hơn nhiều.

Ý sáng tác là một tia chớp. Điện khí trong nhiều ngày tích tụ lại mỗi lúc một nhiều thêm bên trên mặt đất. Khi bầu không khí đầy ứ điện thì những tầng mây trắng sẽ biến thành những đám mây giông khủng khiếp và những đám mây ấy, từ trọng lượng điện dày đặc phát sinh một tia lửa đầu tiên - đó là tia chớp.

Mưa rào đổ xuống mặt đất hầu như ngay lập tức sau khi có tia chớp đó.

Ý sáng tác cũng như tia chớp nọ, nảy ra trong ý thức của con người khi nó đã tràn đầy những ý nghĩ, những cảm xúc và những dấu vết ghi trong trí nhớ. Tất cả những cái đó được tích tụ dần dần, chậm chạp cho tới khi đạt đến mức căng thẳng, khiến sự phóng điện trở nên không tránh khỏi.

Lúc đó, cả thế giới bị nén chặt và còn hơi hỗn loạn ấy phóng ra một tia chớp : Đó là ý sáng tác.

Muốn cho ý sáng tác, cũng như tia chớp, phát sinh, thường cần có một kích thích nhỏ.

Ai biết được đó sẽ là cái gì ? Một cuộc gặp gỡ bất ngờ, một từ chợt đến trong đầu, giấc mộng, một giọng nói xa xa, ánh mặt trời trong giọt nước hay một tiếng còi tàu thủy.

Mọi cái đang tồn tại quanh ta, ở chính trong ta đều có thể là cái kích thích đó.

Lép Tônxtôi trông thấy một cây ngưư bàng bị gãy và một tia chớp chợt loé lên : ý sáng tác cuốn truyện dài tuyệt tác về Khatgi - Murát đã xuất hiện.

Nhưng nếu như Tônxtôi không ở Kapkazo, không được biết, không được nghe người ta kể chuyện Khatgi-Murát thì tất nhiên cây ngưư bàng kia cũng chẳng gợi được ý đó trong ông. Trong nội tâm, Tônxtôi đã chuẩn bị sẵn sàng cho đề tài ấy và chỉ vì vậy mà cây ngưư bàng đã cho ông cái liên tưởng cần thiết.

Nếu như tia chớp là ý sáng tác thì cơn mưa rào chính là sự thể hiện ý đó ? Đó là những dòng nước đầy hình tượng và từ ngữ chảy nhịp nhàng. Đó là tác phẩm.

Nhưng khác với tia chớp chói lòa, ý sáng tác đầu tiên thường không được rõ rệt.

Vậy là qua tấm kính nhiệm màu ta vẫn chưa thấy rõ chân trời của cuốn tiểu thuyết.

Nó chỉ chín dần dần, dần dần chiếm lĩnh khối óc và trái tim của nhà văn, dần dần được suy nghĩ kỹ hơn và trở nên phức tạp hơn. Nhưng cái gọi là sự "thai nghén" ý sáng tác hoàn toàn không như những người ngây thơ tưởng tượng. Nó không thể hiện ở chỗ nhà văn ngồi, hai tay ôm lấy đầu, hoặc đi lang thang, cô độc và kỳ quái, vừa đi vừa lẩm bẩm thành tiếng những ý nghĩ của mình.

Hoàn toàn không phải như thế ! Ý sáng tác kết tinh lại, phong phú thêm mãi, từng giờ, từng ngày, mọi lúc và mọi nơi, trong mọi sự tình cờ, mọi công việc, mọi niềm vui và mọi nỗi đau khổ trong "cuộc sống trôi nhanh" của chúng ta.

Muốn nung nấu ý sáng tạo cho chín, nhà văn không bao giờ được tách khỏi đời sống và đắm đuối trong thế giới nội tâm. Ngược lại, do sự cọ xát thường xuyên với thực tại, ý sáng tác sẽ nở hoa và căng mọng như nhựa sống của đất.

Nói chung có rất nhiều định kiến và ý nghĩ sai lầm về công việc của nhà văn. Một số trong những định kiến và ý nghĩ đó làm cho ta phải tuyệt vọng kêu trời vì tính dung tục của chúng.

Bị dung tục hoá nhiều nhất là cảm hứng của nhà văn.

Bọn dốt nát bao giờ cũng tưởng tượng cảm hứng đó như là đôi mắt của nhà thơ trợn trừng trong phút say mê, cái nhìn ngược lên hay là chiếc bút lông ngỗng bị nhà văn cắn cụt.

Chắc nhiều người còn nhớ cuốn phim *Nhà thơ và hoàng đế*. Trong cuốn phim đó Puskin mơ mộng ngược mắt nhìn lên rồi hồi hã với lấy cây bút, bắt đầu viết, ngừng lại, lại nhìn lên, gặm cây bút lông ngỗng rồi lại viết vội vã.

Biết bao nhiêu hình tượng Puskin mà chúng ta đã thấy, trong đó ông giống như một cuồng sĩ nhiều hơn là nhà thơ vĩ đại.

Trong một cuộc triển lãm nghệ thuật, tôi đã được nghe câu chuyện thú vị bên cạnh bức tượng Puskin với bộ tóc ngắn uốn cong và cái nhìn "thần hứng". Một cô bé nhỏ tuổi nhìn ông Puskin nọ hồi lâu rồi chau mày hỏi mẹ :

- Má ơi, ông ta đang mơ một cái ước mơ phải không má ?

- Phải đấy, bé cưng ạ, bác Puskin đang mơ một cái ước mơ.

Người mẹ dịu dàng trả lời.

Bác Puskin đang "*mơ một cái ước mơ*" ! Chính

cái bác Puskin, người đã nói về mình như thế nào: *"Rồi nhân dân sẽ còn mến tôi mãi mãi vì tôi đã dùng thơ đánh thức những tình cảm tốt lành, vì trong thế kỷ tàn khốc của chúng ta, tôi ca ngợi tự do và tình thương kẻ khốn cùng !"*

Và nếu như cái cảm hứng *"thần thánh"* đã *"bao trùm"* (cứ phải là *"thần thánh"* và cứ phải là *"bao trùm"* kia) lên nhà soạn nhạc thì ông ta ắt phải ngược mắt lên, điều khiển một cách uyển chuyển - và điều khiển cho bản thân mình thưởng thức - những nét nhạc mê hồn chắc chắn lúc đó đang vang vang trong tâm hồn ông hết như bức tượng Tsaikôpxki ⁽¹⁾ ngọt sót ở Matxcova.

Không đâu ! Cảm hứng là một trạng thái lao động nghiêm túc của con người. Sự cao hứng trong tâm hồn không biểu hiện ở điệu bộ phờ phạc tuồng và trong sự bốc đồng. Những cái gọi là *"dần vật trong sáng tác"* cũng được người ta khua chiêng gõ mõ cũng vậy.

Puskin nói về cảm hứng một cách chính xác và đơn giản : *"Cảm hứng là trạng thái tâm hồn thích hợp cho sự tiếp nhận một cách sinh động những ấn tượng, do đó, cho sự lĩnh hội một cách nhanh chóng những ý niệm tức là những cái tạo*

(1) Nhà soạn nhạc Nga, thế kỷ XIX.

điều kiện cho việc giải thích những ấn tượng nói trên". Ông nói thêm, "Những nhà phê bình thường hay lẫn lộn cảm hứng với niềm phấn khởi". Cũng như người đọc đôi khi lẫn lộn cái thật với cái giống thật.

Như thế cũng còn chưa tai hại lắm. Nhưng khi một số họa sĩ và nhà điêu khắc lẫn lộn cảm hứng với "niềm phấn khởi của con bé ⁽¹⁾" thì thật đó là cả một sự dốt nát và không biết tôn trọng cái lao động nặng nhọc của nhà văn.

Tsaikôpxki cả quyết rằng "cảm hứng là trạng thái của con người mang hết sức mình ra làm việc như trâu ⁽²⁾ chứ không phải là chỉ ve vẩy tay một cách ơng ẹo".

Xin các bạn tha lỗi cho vì những dòng tùy bút này của tôi, nhưng tất cả những điều tôi nói trên hoàn toàn không phải là chuyện vặt. Đó là dấu hiệu cho chúng ta biết rằng vẫn còn những kẻ tầm thường và thiển cận.

Người nào cũng vậy, dù chỉ một đôi lần trong đời mình, nhưng thế nào cũng đã trải qua trạng thái cảm hứng : Đó là sự cao hứng của tâm hồn, sự thoải mái, sự tiếp nhận hiện thực một cách

(1) Một thành ngữ trong tiếng Nga chỉ sự khoái trá ngây ngô, thậm chí ngu xuẩn.

(2) Nguyên văn : Một con bò đực thiển.

sinh động, khi trong người tràn đầy ý nghĩ và tri thức về sức mạnh sáng tạo của mình.

Vâng, cảm hứng chính là trạng thái lao động nghiêm túc, nhưng nó có màu sắc thơ riêng biệt của nó, tôi muốn nói cái ẩn ý thơ của nó.

Cảm hứng đi vào tâm hồn chúng ta như một buổi sáng mùa hạ rục rờ mới rũ khỏi thân mình sương mù của một đêm yên ả, nhưng vẫn còn lại những hạt sương sớm với những bụi cây ẩm ướt. Nó nhẹ nhàng thổi cái tươi mát tốt lành của nó vào mặt chúng ta.

Cảm hứng giống như mối tình đầu, khi tìm ta rộn ràng cảm thấy trước những cuộc gặp gỡ ly kỳ, đôi mắt đẹp tuyệt trần, những nụ cười và những câu nói ngập ngừng dang dở...

Lúc đó thế giới bên trong của chúng ta trở nên tinh tế và chuẩn xác như một cây đàn kỳ diệu, đáp lại mọi âm thanh của cuộc đời, kể cả những tiếng động thầm kín nhất, khó nhận thấy nhất.

Nhiều nhà thơ và nhà văn đã viết những dòng tuyệt diệu về cảm hứng. *"Chỉ có lời thần mới động đến tai tinh"* (Puskin). *"Mối lo âu trong hồn ta chỉ dịu đi lúc đó"* (Lermôntôp). Âm thanh đến, và tâm hồn ngoan ngoãn theo tiếng gọi của âm thanh dần dần trở lại (Blôc), Fet nói rất chính xác về cảm hứng :

*Chỉ đẩy nhẹ thoi thuyền kia đã xuống
Khỏi bãi cát vàng nước triều san phẳng
Một đợt sóng - và thuyền đi xứ khác
Đón gió lành từ những bờ hoa
Một tiếng động thoi - thế là
Giấc mộng buồn bỗng nhiên đứt quãng
Và bất thần hồn ta tận hưởng
Một cái gì thân yêu, ta chưa hề biết
Cho cuộc đời - một tiếng thở dài
Cho những đau khổ thầm kín - một niềm vui
Và rồi phút xuất thần của người
Ta cảm thấy là của ta...*

Tuôcgheñhiệp gọi cảm hứng là "trời đến gần ta", là "sự thần khởi của con người nhờ ý nghĩ và tình cảm". Ông sợ hãi nói đến cái dần vật ghê gớm quá sức tưởng tượng đối với nhà văn khi họ bắt đầu biến sự thần khởi ấy thành những từ ngữ.

Tônxtôi nói về cảm hứng một cách giản dị hơn hết thảy, "Nó chính là sự bất thần chợt thấy rõ điều ta có thể thực hiện. Cảm hứng càng rõ ràng thì việc giải bày nó lại càng phải công phu".

Nhưng dù ta có định nghĩa cảm hứng là cái gì đi nữa thì ta cũng vẫn biết rằng nó bao giờ cũng phong phú và không được phép mất đi vô ích nếu nó chưa tự hiến dâng nó - cảm hứng - cho con người.

NHÂN VẬT NỔI LOẠN

Ngày trước, khi dọn nhà, đôi khi người ta cũng thuê tù nhân nhà lao địa phương làm công việc chuyển đồ.

Bọn trẻ chúng tôi bao giờ cũng chờ đợi sự xuất hiện của những người tù ấy với lòng thương và nổi tò mò nôn nóng.

Bọn cai ngục để rìa mép với những khẩu súng lục to tướng kiểu "Bundock" đeo bên sườn giải họ đi. Chúng tôi nhìn chăm chăm những con người mang áo tù xám, đầu đội những chiếc mũ xám nhỏ tròn xoay. Nhưng không hiểu sao chúng tôi lại ngấm nghĩa người tù bị những dây xích nhỏ kêu xoang xoảng buộc ngang người như những chiếc dây lưng kia với một niềm kính trọng đặc biệt.

Tất cả những cái đó thật là bí ẩn. Nhưng điều đáng ngạc nhiên hơn cả là hầu hết những người tù nọ chỉ là những con người bình thường, một

mỗi đến rã rời và tót bụng đến nỗi không sao có thể tin được rằng họ là những người độc ác và có tội. Ngược lại, họ không những chỉ lễ phép mà còn phải nói là lịch thiệp nữa. Họ sợ nhất là lỡ va phải ai khi di chuyển những đồ vật công kênh hoặc làm gãy, vỡ vật gì.

Bọn trẻ chúng tôi, được người lớn đồng tình, đã nghĩ ra một kế hoạch lấu cá. Mẹ chúng tôi đưa bọn cai ngục vào bếp uống trà, trong khi đó thì chúng tôi vội vã nhét vào túi những người tù bánh mì, xúc xích, đường, thuốc lá và đôi khi cả tiền nữa. Bố mẹ chúng tôi cho chúng tôi những thứ đó.

Chúng tôi tưởng tượng ra đây là một công việc nguy hiểm và vui mừng đến tột độ khi những người tù vừa thì thảo cảm ơn vừa nhấm nháy chỉ về phía bếp. Họ giấu quà biếu của chúng tôi vào những chiếc túi bí mật ở trong người.

Thỉnh thoảng những người tù lên lút đưa thư cho chúng tôi. Chúng tôi dán tem rồi âm ỹ kéo nhau đi bỏ thư. Trước khi bỏ vào thùng, chúng tôi còn nhìn quanh xem gần đấy có tên đội xếp nào không ? Cứ y như là họ có thể biết chúng tôi gửi những bức thư gì.

Trong đám tù nhân, tôi nhớ mãi một người có bộ râu bạc. Họ gọi ông là trưởng toán.

Ông ta coi sóc việc chuyển đồ. Đồ đạc, đặc biệt là tủ áo và đàn dương cầm thường cứ mắc kẹt giữa cửa, xoay trở lại rất khó : đôi khi không tài nào đặt nổi chúng vào chỗ mới đã dành riêng cho chúng, dù cho những người tù có vật vã với chúng đến mấy. Đồ đạc chống cự họ ra mặt. Trong những trường hợp như vậy, trưởng toán thường nói :

- Hãy để nó vào chỗ mà nó muốn. Cưỡng ép nó làm gì ! Tôi đã năm năm nay làm cái việc chuyển đồ này, tính nết đồ đạc thế nào, tôi biết. Nếu đồ nó chẳng muốn đứng ở đây thì anh có ấn mấy nó cũng chẳng chịu. Gãy thì gãy chứ nó chẳng chịu.

Khi nghĩ đến những đề cương sáng tác của nhà văn và hành vi của các nhân vật trong văn học tôi chợt nhớ đến câu nói của miệng người tù già nọ... Trong cách xử sự của đồ đạc và của những nhân vật kia có một cái gì đó giống nhau. Nhân vật thường hay chống lại tác giả và bao giờ cũng chiếm phần thắng. Nhưng chuyện đó hãy để sau.

Tất nhiên, hầu hết nhà văn đều có những đề cương cho những tác phẩm sẽ viết của mình. Một số nhà văn làm những đề cương tỉ mỉ và chính xác. Nhiều nhà văn khác làm rất đại khái. Nhưng cũng một số nhà văn chỉ có vài vạch đầu dòng như thể chúng chẳng có liên quan gì với nhau.

Chỉ những nhà văn có tài xuất khẩu thành

văn mới có thể viết mà không cần tới đề cương dựng trước. Trong các nhà văn Nga, Puskin rất tài về mặt này, còn trong đám các nhà văn hiện đại của chúng ta thì có Alêcxây Tônxtôi.

Tôi dám nghĩ rằng nhà văn thiên tài có thể viết mà không cần đến một đề cương nào cả. Thiên tài vốn đã giàu có tự bên trong, đến nỗi bất cứ một đề tài, một ý nghĩ, một trường hợp hay một đồ vật nào cũng có thể gọi lên trong nhà văn một dòng liên tưởng vô tận.

Tsêkhốp khi còn trẻ, bảo Makarenkô :

- Đây này, trên bàn anh có cái gạt tàn thuốc lá. Nếu anh muốn, tôi sẽ viết ngay lập tức một truyện ngắn về nó.

Và tất nhiên, ông viết thừa đi được.

Ta có thể tưởng tượng một người nhặt được tờ giấy bạc một rúp đã nhàu nát ở giữa phố và bắt đầu cuốn tiểu thuyết của mình từ tờ bạc một rúp ấy, bắt đầu như đùa thôi, một cách nhẹ nhàng và đơn giản. Nhưng ngay sau đó, cuốn tiểu thuyết phát triển cả chiều sâu lẫn chiều rộng, dần dần đầy thêm người, sự việc, ánh sáng, màu sắc và bắt đầu trôi chảy một cách mạnh mẽ và phóng khoáng. Bị trí tưởng tượng dồn đuổi nó đòi hỏi nhà văn mỗi lúc một nhiều thêm những vật hiện

tế cho nó, buộc nhà văn phải nộp cho nó những dự trữ quý giá về hình tượng và ngôn ngữ.

Và như thế là trong câu chuyện bắt đầu bằng cái ngẫu nhiên, những ý mới nảy ra, nảy ra cả cái số mệnh phức tạp của những con người. Và nhà văn đã không còn đủ sức nén xuống nỗi xúc động của chính mình. Nhà văn sẽ khóc trên chông thảo của mình như Dikkenx, rên rỉ vì đau đớn như Flêbê hay cười phá lên như Gôgôn.

Cũng như vậy, ở vùng núi, một tiếng động nhỏ bé, một tiếng nổ súng săn thôi, cũng đủ làm từng đợt tuyết lấp lánh chợt sụp xuống trên sườn núi dựng đứng. Rồi ngay đấy, tuyết biến thành một con sông tuyết, lao nhanh xuống dưới và chỉ không lâu sau là cả một núi tuyết âm âm đổ xuống thung lũng làm cho không khí tràn đầy một thứ bụi óng ánh.

Nhiều nhà văn đã viết về sự dễ dàng xuất hiện trạng huống sáng tác ở những con người thiên tài mà lại có thêm cả tài xuất khẩu thành chương.

Baratunxki, người biết rất rõ Puskin sáng tác như thế nào, đã nói về ông :

*Chàng Puskin kia trẻ trung bay bướm
Với tay chàng viết nghịch cũng thành thơ.*

Tôi đã nói rằng có một số đề cương chỉ là một mớ từ.

Đây là một thí dụ nhỏ. Tôi có một truyện ngắn *Tuyết*. Trước khi viết, tôi ghi ra một tờ giấy và từ những ghi chép đó, truyện ngắn ra đời. Những ghi chép đó có hình thù như thế nào ?

"Cuốn sách về phương Bắc bị bỏ quên. Màu căn bản của phương Bắc là màu giấy biếc. Hơi nước trên mặt sông. Những người đàn bà giữ quần áo ở các lỗ băng thùng. Khói. Những chữ đề trên quả chuông nhỏ ở nhà bà Alêchxandra Ivanôpna, "Ta treo trên cửa - hãy kêu cho vui". "Và quả chuông nho nhỏ, quà tặng của Vandai, nó treo nơi cổ ngựa, một điệu buồn bi ai". Người ta gọi chúng là "quà của Vandai". Chiến tranh. Tanhĩa. Nàng ở đâu, trong cái tỉnh lỵ xa vắng nào ? Một mình. Trăng mờ khuất sau mây - cái miền xa lơ xa lắc. Cuộc đời nén chặt trong quầng sáng nhỏ bé của ánh sáng đèn. Suốt đêm có cái gì kêu u u trong tường. Những cành cây nhỏ cào mặt kính. Chúng tôi rất ít khi ra khỏi nhà vào cái giờ lặng lẽ nhất của đêm đông... Cái đó cần phải kiểm tra lại. Cô đơn và chờ đợi. Con mèo già bất mãn. Không sao chiều nổi nó. Hình như mọi vật đều rõ - cả những cây nến hình xoáy ốc (nến dầu ô liu) trên chiếc đàn dương cầm. Nàng tìm một căn nhà có dương cầm

(nữ ca sĩ). Tản cư ? Câu chuyện về sự chờ đợi. Nhà người. Cổ, nhưng ấm áp cách riêng, những cây vạn niên thanh, mùi thuốc lá cũ miền Xtambôn hoặc Menxakxudi. Ông lão đã sống và đã qua đời. Cái bàn viết bằng gỗ chà là với những vết vàng trên tấm da xanh phủ lên. Đứa con gái nhỏ. Đứa bé bị hắt hủi. U già. Tam thời không còn ai thêm nữa. Người ta nói rằng tình yêu có sức hút vượt đường xa. Có thể viết một truyện ngắn chỉ riêng về nỗi chờ đợi. Chờ gì ? Chờ ai ? Nàng không biết nữa. Cái đó làm tim nàng vỡ ra. Trên những ngã năm ngã bảy của hàng trăm con đường, những con người ngẫu nhiên gặp nhau, không hề biết rằng cả cuộc sống đã qua của họ là sự chuẩn bị cho cuộc gặp gỡ ấy. Thuyết xác suất. Áp dụng vào tâm hồn người. Đối với lũ ngốc thì mọi sự đều đơn giản. Cả nước chìm trong tuyết. Tất phải xuất hiện một con người. Thư ai gửi cho người đã chết? Chúng xếp thành chồng trên bàn. Chìa khoá là ở đó. Thư gì ? Trong thư viết những gì ? Anh bộ đội hải quân. Người con trai. Nỗi lo sợ anh bộ đội sẽ đến. Chờ đợi. Lòng tốt của nàng không có giới hạn. Những bức thư biến thành sự thực. Lại những cây nến hình xoáy ốc. Trong một tính chất khác. Những bản nhạc. Cái khăn mặt với những chiếc lá sồi. Cây đàn phong cầm. Khói bạch dương.

Người lên dây đàn, người Tiệp nào cũng chơi nhạc cừ. Khẩn quẩn đến tận mắt. Rõ cả rồi !"

Đó là cái mà ta có thể gọi một cách hết sức gượng ép là đề cương của truyện ngắn nói trên. Nếu chỉ đọc bản ghi chép này mà không biết gì về truyện ngắn ta cũng có thể thấy đó là sự mò mẫm chậm chạp, không rõ ràng, nhưng kiên trì, để tìm đề tài và cốt truyện.

Vậy thì cái gì thường xảy đến với những đề cương chính xác đã được suy nghĩ kỹ, được kiểm tra chu đáo nhất của nhà văn. Nói tình thật, cuộc sống của những đề cương ấy phần lớn là ngán ngủ.

Trong tác phẩm mới bắt đầu viết, cứ vừa xuất hiện những con người và những con người đó vừa mới bắt đầu hoạt động theo ý của tác giả thì họ cũng lại bắt đầu chống lại đề cương sáng tác và bước vào cuộc vật lộn với nó. Tác phẩm bắt đầu phát triển theo cái lôgích nội tại của mình. Tất nhiên, động lực đầu tiên của nó là do nhà văn tạo ra. Nhân vật hoạt động theo cá tính của mình, không đếm xỉa gì đến việc nhà văn là người sáng tạo ra những cá tính đó.

Nếu như nhà văn buộc các nhân vật hoạt động ngược với cái lôgích nội tại đã xảy ra, nếu nhà văn dùng sức nhét nhân vật vào trong khuôn khổ

của đề cương thì nhân vật bắt đầu chết dần, biến thành những công thức biết đi, những người máy.

Lép Tônxtôi đã diễn tả ý đó một cách hết sức đơn giản.

Có một người đến thăm Iaxnaia Pôliana ⁽¹⁾ đã trách Tônxtôi quá tàn nhẫn với Anna Kerênina khi bắt nàng lao vào găm xe lửa.

Tônxtôi mỉm cười và trả lời :

- Ý đó gợi cho tôi nghĩ đến một trường hợp đã xảy ra với Puskin. Có lần ông nói chuyện với bạn : "Anh có thể tưởng tượng được cái cô Tachiana đã xô tôi một vố như thế nào không ? Cô ấy đi lấy chồng. Tôi thực không thể nào ngờ là có thể xảy ra chuyện đó". Tôi cũng có thể nói hết như vậy trong trường hợp Anna Karênina. Nói chung đám nhân vật của tôi, cả nam lẫn nữ, họ thường làm những chuyện mà tôi chẳng muốn tí nào. Họ làm những gì mà họ phải làm trong cuộc sống thực và thường xảy ra trong cuộc sống thực, chứ không làm những gì tôi muốn.

Tất cả các nhà văn đều biết rõ cái ngang ngạnh của các nhân vật. Alêchxây Tônxtôi nói : "Trong lúc công việc đang độ sôi nổi nhất, tôi không hề

(1) Nơi ở và làm việc của Lép Tônxtôi.

biết năm phút sau nhân vật sẽ nói gì. Tôi theo dõi nó với cả một sự ngạc nhiên."

Có khi nhân vật phụ lấn át các nhân vật khác, tự biến thành nhân vật chính, làm đảo lộn cả trình tự câu chuyện và kéo nó đi theo mình.

Tác phẩm chỉ bắt đầu sống thực sự, một cách hết sức mạnh mẽ, trong ý thức của nhà văn khi đang viết nó ra. Cho nên sự đổ vỡ của đề cương chẳng có gì là lạ, và cũng chẳng có gì bi đát.

Ngược lại, cái đó rất tự nhiên và chỉ chứng minh thêm rằng cuộc sống chân chính đã xông vào, tràn đầy giản đồ sáng tác, mở rộng nó ra, dùng áp lực sinh động của mình bẻ gãy cái khuôn khổ áp đặt, hay còn gọi là đề cương đầu tiên của nhà văn.

Cái đó hoàn toàn không làm hỏng đề cương, không hề đưa vai trò của nhà văn đến chỗ chỉ làm cái việc ghi chép tất cả những gì mà cuộc đời nhắc cho. Bởi vì chính đời sống của những hình tượng trong tác phẩm chịu sự quy định của ý thức nhà văn, của trí nhớ, sức tưởng tượng, toàn bộ cơ cấu bên trong của nhà văn.

LỊCH SỬ MỘT TRUYỆN DÀI

"HOẢ TINH"

Tôi sẽ cố nhớ lại xem ý đồ sáng tác cuốn truyện dài *Kara-Bugaz* của tôi đã đến như thế nào?

Trong thời thơ ấu của tôi ở Kiep, tối nào trên ngọn đồi Vladimír trên dòng sông Đnhepro cũng thấy xuất hiện một ông lão đội chiếc mũ sụp vành bụi bặm. Ông lão mang theo một chiếc kính thiên lý cũ kỹ và loay hoay rất lâu để đặt nó lên một cái giá ba chân cong queo bằng sắt.

Người ta gọi ông lão là "nhà chiêm tinh" và cho rằng ông ta là người Ý vì lúc nào ông cũng cố ý nói lơ lớ tiếng Nga theo lối nói của người nước ngoài.

Sau khi đặt xong kính thiên lý, ông lão nói bằng một giọng thuộc lòng, đều đều :

- Thừa các xinho và các xinhorina. Ruông-gioronô⁽¹⁾. Chỉ mất có năm kôpếch là các quý ông quý bà sẽ được bay từ trái đất lên mặt trăng và các vì tinh tú khác. Tôi đặc biệt khuyên các vị hãy nhìn lên sao Hỏa hung dữ, ngôi sao có màu máu người. Ai bị sao Hỏa chiếu mệnh, người đó sẽ chết tươi vì đạn trong chiến tranh.

Một hôm tôi cùng đi với cha tôi lên đồi Vladimir và được nhìn thấy sao Hoả qua kính thiên lý.

Tôi nhìn thấy một cái vực thẳm đen ngòm và thấy một quả cầu đỏ đỏ thán nhiên lơ lửng giữa cái vực thẳm đó mà không cần tựa vào vật gì. Trong khi tôi còn đang nhìn nó thì quả cầu bắt đầu chậm chậm tiến ra phía cạnh kính thiên lý và trốn vào sau vành kính bằng đồng. "Nhà chiêm tinh" khẽ quay kính thiên lý để lôi sao Hoả về chỗ cũ. Nhưng nó lại bắt đầu chuyển động về phía vành kính.

- Thế nào ? - Cha tôi hỏi. - Con có nhìn thấy gì không?

- Có. - Tôi trả lời. - Con còn nhìn thấy cả những con sông đào nữa kia.

Tôi biết rằng trên sao Hoả có người - dân Hỏa tinh - và biết rằng họ đã đào, không hiểu để làm gì, những con sông thật lớn trên thiên thể của họ.

(1) Thừa quý ông và quý bà ! Xin chào ! (tiếng Ý).

- Thôi xin anh đi ! - Cha tôi nói. - Đừng có bịa! Mây chẳng thấy sông đào nào hết. Chỉ có một người nhìn thấy, đó là nhà thiên văn Ý tên là Xkiapareli. Mà ông ta cũng phải nhìn bằng kính thiên lý lớn kia.

Cái tên Xkiapareli của đồng bào "nhà chiêm tinh" chẳng gây ấn tượng gì cho ông ta.

- Con còn nhìn thấy một hành tinh khác bên cạnh sao Hoả, về phía trái, nữa cơ. - Tôi nói một cách không chắc chắn. - Nhưng không hiểu tại sao nó cứ chạy lung tung cả lên.

- Hành tinh quái gì đâu ! - "Nhà chiêm tinh" hồn hậu kêu lên. - Lại cái bụi quỷ nào rơi vào mắt cháu đấy thôi.

Ông ta tóm chặt lấy cằm tôi và khéo léo lấy ra một hạt bụi ở trong mắt.

Cái cảnh sao Hoả làm cho tôi lạnh người, khiếp sợ. Tôi nhẹ hẫng người khi rời khỏi chiếc kính thiên lý. Và đường phố Kiep với ánh đèn mờ, tiếng lộc cộc của những chiếc xe một ngựa chở khách, mùi bụi bặm của hoa dẻ tàn đối với tôi trở thành đầm ấm và chắc chắn.

Không, hồi đó tôi không hề có ý muốn bỏ trái đất để bay lên mặt trăng hay là sao Hoả !

- Tại sao nó lại đỏ như gạch thế hở ba ? - Tôi hỏi cha tôi.

Cha tôi kể cho tôi nghe rằng sao Hoả là một hành tinh đang hấp hối, rằng nó xưa kia cũng đẹp như trái đất của chúng tôi, có biển, có những rặng núi thấp và cây cối um tùm xanh tốt. Nhưng dần dần sông biển khô cạn đi, cây cối chết hết, núi non sụt lở không còn vết tích gì và thế là sao Hoả biến thành một sa mạc khổng lồ. Chắc hẳn núi ở trên sao Hoả cấu tạo bởi đá đỏ, vì thế mà cát sao Hoả cũng có màu đỏ nhạt.

- Thế ra sao Hoả là một quả cầu bằng cát! - Tôi hỏi.

- Đúng, có lẽ là như thế. - Cha tôi đồng ý. - Chuyện đã xảy ra với sao Hoả sẽ xảy ra với trái đất của chúng ta. Trái đất sẽ biến thành sa mạc. Nhưng điều đó chỉ xảy ra sau hàng triệu triệu năm nữa kia. Cho nên con chẳng việc gì mà sợ! Và, lại cuối cùng, đến lúc ấy, người ta sẽ nghĩ ra cách chấm dứt cái trò quái gở nọ.

Tôi trả lời rằng tôi không hề sợ hãi. Nhưng thực ra thì tôi cũng bức mình cho trái đất của chúng ta và lo thay cho nó. Hơn nữa ở nhà, anh cả tôi lại cho tôi biết thêm rằng sa mạc ngay bây giờ đây đã chiếm gần nửa diện tích trái đất.

Từ ngày ấy nỗi sợ hãi sa mạc (mặc dầu tôi chưa hề trông thấy nó) cứ ám ảnh tôi. Và mặc dầu tôi thử đọc trong tạp chí *Vòng quanh thế*

giới những truyện ngắn hấp dẫn về sa mạc Xahara, về những trận bão cát và những "con tàu sa mạc" là những con lạc đà, nhưng những cái đó vẫn không cảm dỗ nổi tôi.

Chẳng bao lâu sao tôi đã được làm quen lần đầu với sa mạc. Nhưng cái đó chỉ làm cho tôi thêm sợ nó.

Cả gia đình tôi đi nghỉ hè ở quê nhà, về với ông tôi là Mắcxim Grigôrêvich.

Mùa hè năm ấy ẩm áp và nhiều mưa. Cỏ mọc rậm rịt. Đám tầm ma bên hàng rào cao bằng đầu người. Trên đồng, lúa mạch đang trổ bông. Từ những mảnh vườn rau bên nhà xông lên mùi thìa là. Mọi cái đều báo trước một vụ mùa tốt đẹp.

Nhưng một hôm tôi đang ngồi bên cạnh ông tôi trên bờ sông câu cá bống, bỗng ông tôi đứng phắt dậy, lấy tay che nắng, chăm chú nhìn lâu sang những cánh đồng bên kia sông rồi giận dữ nhổ bọt và nói :

- Nó lại kéo đến rồi kia, đồ quỷ ! Chết tiệt cái giống ấy đi cho rồi !

Tôi nhìn theo ông tôi nhưng không thấy gì hết ngoài một đợt sóng đục và dài. Nó tiến lại phía chúng tôi rất nhanh. Tôi tưởng sắp có giông, nhưng ông tôi bảo:

- Không phải đâu, gió nóng đấy ! Cái hoả lò khốn kiếp ! Gió từ Bukhara, từ sa mạc thổi lại đấy cháu ạ. Nó sẽ đốt cháy hết ! Cái tai hại đang đến với chúng ta nó thế đấy, Kôxtik ạ. Rồi không còn thờ được nữa kia.

Đột nóng hung tợn lao nhanh trên mặt đất, tiến thẳng về phía chúng tôi. Ông tôi vội vã quán sọt dây câu dài làm bằng xơ bồ đào lại và bảo tôi:

- Chạy ngay về nhà kéo bụi vào đây mắt bây giờ. Ông sẽ lết theo cháu. Chạy đi !

Tôi chạy ngay về nhà, nhưng cơn gió nóng đã đuổi kịp tôi giữa đường. Những cơn lốc xào xạc cát lao nhanh, cuốn lông gà, lông chim với những vỏ bào nhẹ lên trời. Chung quanh là cả một sự mù mịt nặng nề. Mặt trời tự dưng trở nên bù xù và đỏ như máu không khác gì sao Hoả. Những cây liễu nghiêng ngả, rú rít. Đằng sau tôi gió thổi tới nóng đến nỗi tưởng chừng áo sơ mi bắt đầu cháy âm ỷ trên lưng. Bụi lao xạo ở răng và phả vào mắt.

Cô tôi - bà Feôđôxia Mácximôpna - đứng trên ngưỡng cửa, tay cầm ảnh Chúa bọc trong một chiếc khăn thêu.

- Lạy Chúa tôi, hãy tha tội chúng tôi và cứu lấy chúng tôi. - Cô tôi sợ hãi lẩm nhẩm. - Lạy

Đức Mẹ đồng trinh, xin Mẹ hãy cho chúng con tai qua nạn khỏi.

Một cơn lốc xoáy ào vào nhà, quay cuồng. Những tấm kính gắn mát-tít không kỹ kê loảng xoảng. Rơm ở đầu mái tranh dựng ngược lên. Từ dưới mái nhà những con sê bay vụt ra như thể những viên đạn màu đen.

Lúc đó cha tôi không có mặt ở đây. Người ở lại Kiep. Mẹ tôi lo sợ ra mặt.

Tôi còn nhớ cái nóng mỗi lúc một tăng, khi đó mới thật đáng sợ hơn hết. Tưởng chỉ qua một hai tiếng đồng hồ thôi, rơm trên mái sẽ bốc cháy rồi sau đó đến tóc và quần áo trên người chúng tôi. Vì thế, tôi oà khóc.

Đến tối, lá trên những cây liễu sum suê héo quắt lại, rũ xuống như những mảnh giẻ xám. Ở chân mọi hàng rào gió dồn lại từng đống bụi đen nhờ nhờ, mịn như bột mì.

Sáng ngày ra, lá cây đã héo quắt và khô đét lại. Có thể lấy tay bóp những chiếc lá rụng vụn ra như cám. Gió thổi mạnh thêm. Nó bắt đầu vặt đi những tán lá chết bắn thiu kia và rất nhiều cây đã trở thành trần trụi, đen đui như lúc cuối thu.

Ông tôi ra thăm đồng rồi trở về, về mặt bối rối và thảm hại. Ông không sao thất được cái nơ

đỏ trên cổ chiếc áo sơ mi vải thô ; tay run run, ông nói :

- Qua đêm nay mà gió không lặng đi thì cứ là cháy sạch. Cả vườn cây lẫn vườn rau.

Nhưng gió không dịu đi. Nó thổi suốt hai tuần, sau đó ngừng một chút rồi lại mạnh lên. Đất biến thành tro xám ngay trước mặt.

Phụ nữ kêu khóc trong các nhà. Đàn ông buồn bã ngồi gục ở đầu hồi tránh gió. Họ lấy gậy chọc chọc xuống đất và hồi lâu lại nói :

- Đá chứ không phải là đất nữa ! Chẳng khác gì thần chết tóm chặt gáy, thật không còn biết chạy đâu cho thoát.

Cha tôi từ Kiev tới và đưa chúng tôi trở về thành phố. Khi tôi hỏi cha tôi về gió nóng thì người trả lời một cách miễn cưỡng :

- Mùa màng thế là mất hết. Sa mạc đang tiến dần về Ukraina.

- Thế có làm cách nào tránh được không ? - Tôi hỏi.

- Không có cách gì hết. Làm thế nào mà xây được một bức tường đá dài hai nghìn dặm.

- Tại sao lại không ? - Tôi hỏi. - Người Trung Hoa chả xây được Vạn Lý Trường Thành là gì.

- Nhưng họ là người Trung Hoa. - Cha tôi trả lời. - Họ là những người thợ bậc thầy.

Cùng với năm tháng những ấn tượng lúc thiếu thời tưởng đã quên đi. Nhưng, tất nhiên, nó vẫn tiếp tục sống trong đáy sâu của ký ức tôi và thỉnh thoảng lại trỗi dậy. Nhất là trong những lúc hạn hán. Chúng bao giờ cũng dấy lên trong lòng tôi một nỗi lo lắng khó hiểu.

Đến lúc trưởng thành thì tôi đã đem lòng yêu mến miền Trung Nga. Có thể là cái tươi mát của thiên nhiên vùng này, sự giàu có, những sông hồ trong và mát, những khu rừng ẩm ướt, những cơn mưa bụi âm ỉ đã dẫn tôi tới tình yêu ấy.

Vì thế mà khi hạn hán tràn đến vùng Trung Nga, như một mũi dao nhọn nóng đỏ đâm vào nó, thì nỗi lo lắng của tôi đã biến thành cơn giận dữ bất lực trước sa mạc.

ĐÁ VÔI KỶ ĐÊVÔN⁽¹⁾

Rất nhiều thời gian đã trôi qua và sa mạc lại nhắc tôi nhớ tới nó.

Năm 1931, tôi tới thị trấn Lipnư, thuộc tỉnh

(1) Một loại đá vôi trong bảng phân chia địa tầng của ngành địa chất.

Ôrion để nghỉ hè. Lúc đó tôi đang viết cuốn tiểu thuyết đầu tay và vì thế tôi cứ muốn tới một tỉnh lỵ nhỏ bé nào đó, nơi không có ai quen biết, để có thể tập trung suy nghĩ và không có ai, không có việc gì có thể cản trở tôi làm việc.

Tôi chưa đến Lipnư lần nào. Tôi thích thị trấn này vì nó sạch sẽ, vì nó có rất nhiều hoa quý nở, vì nó có những con đường lát bằng đá nguyên phiến và con sông Cây Thông Xanh, con sông đã đục vào trong tảng đá vôi vàng kỷ Đêvôn thành một khe núi.

Tôi thuê một căn phòng ngoại ô, trong một ngôi nhà gỗ ọp ẹp. Ngôi nhà ở ngay trên một bờ vực đổ xuống sông. Đằng sau nhà là một khu vườn gần như khô héo, khu vườn kéo dài cho tới khi lẫn với những bụi cây ở bờ sông.

Ông chủ nhà đứng tuổi và rụt rè làm nghề bán báo ở quán sách ngoài ga có một bà vợ gầy còm, ử ê và hai cô con gái : Cô lớn tên là Anfixa, cô nhỏ tên là Pôlina.

Pôlina người yếu và xanh. Khi nói chuyện với tôi cô cứ bối rối hết cỡ ra lại tết vào cái bím tóc màu hạt dẻ xám. Pôlina mười bảy tuổi.

Anfixa là một thiếu nữ có thân hình cân đối trạc mười chín. Cô có bộ mặt xanh xao, đôi mắt xám cương nghị và một giọng nói trầm trầm. Cô

vận đồ đen như một nữ tu kín và hầu như chẳng làm việc gì trong nhà, chỉ nằm hàng giờ ngoài vườn trên cỏ khô và đọc sách.

Trên gác xép của ông chủ ngổn ngang rất nhiều sách bị chuột gặm, phần lớn là những tác phẩm cổ điển của các nhà văn nước ngoài do Nhà xuất bản Xôikin ấn hành. Tôi cũng lên gác xép lấy những cuốn sách nọ để đọc.

Một vài lần đứng trên vườn nhìn xuống, tôi bắt gặp Anfixa trên bờ sông Cây Thông Xanh. Cô ngồi ở bên dưới bờ sông dựng đứng, gần một bụi sơn trà. Bên cạnh cô là một chú bé ốm yếu ít nói, trạc mười sáu tuổi có bộ tóc vàng và đôi mắt to, chăm chú.

Anfixa giấu giếm mang thức ăn ra bờ sông cho thằng bé. Thằng bé ăn, còn Anfixa thì dịu dàng nhìn nó và đôi khi lấy tay vuốt tóc nó.

Một lần tôi trông thấy cô ta đột nhiên ôm lấy mặt và toàn thân run lên vì nước nỡ. Thằng bé thôi không ăn nữa và sợ hãi nhìn Anfixa. Tôi lặng lẽ bỏ đi và cố không nghĩ đến Anfixa và thằng bé trong một thời gian dài.

Thế mà tôi đã ngây thơ cho rằng ở thị trấn Lipnư vắng vẻ này không ai có thể lôi tôi ra khỏi đám người và việc mà tôi sẽ viết trong cuốn tiểu thuyết của mình! Nhưng cuộc đời đã tức khắc phá

tan tành những hy vọng ngây thơ của tôi. Tất nhiên, khi tôi còn chưa dò ra được chuyện gì đã xảy ra với Anfixa thì đừng có nói chi đến tập trung tư tưởng, đến yên tĩnh để làm việc.

Ngay từ trước, khi tôi nhìn thấy cô và thằng bé, nhìn đôi mắt mệt mỏi của cô tôi đã đoán rằng trong đời cô hẳn có chuyện gì bí mật và đau khổ đây.

Đúng như vậy.

Sau đó vài hôm, đang đêm, những tràng sấm đã làm tôi thức giấc. Ở Lipnư luôn luôn có giông. Những người ở đây giải thích rằng do dưới lòng đất của thị trấn có những dải quặng sắt và quặng ấy đã "hút" giông bão tới.

Đêm tối lồng lộn ngoài cửa sổ, lúc thì mở toang ra thành một ngọn lửa trắng ào ạt, lúc thì khép lại thành bóng tối đen kịt, đến nỗi không còn trông thấy gì nữa. Ở bên kia tường nghe rõ những giọng nói xúc động. Sau đó tôi nghe thấy Anfixa giận dữ kêu lên:

- Ai đã nghĩ ra chuyện đó ? Luật nào viết rằng tôi không được yêu người ta ? Đưa đây cho tôi xem cái luật ấy ? Đã đẻ tôi ra, xin hãy cho tôi sống. Quân ác độc ! Anh ta mỗi ngày một tàn lụi như ngọn nến. Như một ngọn nến ! - Cô kêu lên và ghen lời.

- Thôi bà, hãy bình tâm lại nào. - Ông chủ nhà quát vợ bằng một giọng thiếu tin tưởng. - Mặc cho con ngốc nó muốn sống thế nào tùy ý. Không thể bảo nó được đâu. Còn tiền thì dù sao tao cũng không cho mày đâu, Anfixa ạ !

- Tôi không cần đến đồng tiền đáng căm ghét của các người ! - Anfixa hét lên. - Tự tôi sẽ làm kiếm lấy, tôi sẽ mang anh ấy đi Krum. May chăng anh ấy có thể sống thêm được năm nữa. Dù sao tôi cũng sẽ bỏ các người tôi đi. Các người sẽ mất mặt. Hãy nhớ lấy.

Tôi bắt đầu đoán xem câu chuyện gì đã xảy ra. Ở ngoài hành lang nhỏ bên kia cửa ra vào có người nào đó cũng đang khóc sục sịt.

Tôi mở cửa và trong ánh chớp loé lên một cách vụng trộm, tôi nhìn thấy Pôlina. Cô quấn một chiếc khăn san dài đứng gục đầu vào tường.

Tôi khẽ gọi. Một tiếng sét phá tan bầu trời, tường chừng nó chỉ cần giáng xuống một cái là cả ngôi nhà nhỏ bé sẽ bị nhận xuống đất đến tận mái. Pôlina sợ hãi nắm lấy tay tôi.

- Trời ơi ! - Cô thì thào. - Rồi cơ sự sẽ ra thế nào đây ? Mà trời thì giông bão thế này.

Pôlina thì thào kể cho tôi nghe chuyện Anfixa. Thì ra Anfixa yêu say đắm Kôlia, con trai bà quả

phụ Kacpôpna. Bà Kacpôpna sống bằng nghề giặt quần áo thuê cho mọi nhà. Đó là một người đàn bà hiền lành, ít nói. Còn Kôlia thì ốm yếu, nó bị lao. Anfixa thì cứng đầu cứng cổ, nóng nảy, không ai bảo được. Cô chỉ có hoặc là làm theo ý mình, hoặc là tự tử.

Bỗng nhiên tiếng lao xao bên kia tường bắt hẳn, Pôlina chạy về phòng. Tôi đi nằm nhưng vẫn chú ý lắng nghe và không ngủ được. Ở bên phòng nhà chủ vẫn yên lặng. Lúc ấy tôi mới bắt đầu thêm thiếp ngủ. Trong cơn mơ mơ màng màng tôi nghe thấy sấm rền lười biếng và tiếng chó sủa. Rồi tôi ngủ hẳn.

Tôi ngủ chắc chỉ được một lát. Những tiếng đập cửa mạnh làm tôi thức dậy. Đó là ông chủ.

- Tai vạ cho chúng tôi ! - Ông đứng ngoài cửa và nói bằng một giọng hấp hối. - Xin ông bỏ qua cho việc chúng tôi làm phiền ông.

- Có chuyện gì xảy ra vậy ông ?

- Con Anfixa bỏ trốn rồi. Nó mặc nguyên quần áo ngủ. Tôi đi Xlôbôtka, đến bà Kacpôpna đây. Có lẽ nó chạy đến đằng ấy. Còn ông, xin phiền ông đến với chúng tôi một lát. Nhà tôi đang bị ngất.

Tôi vội vã mặc quần áo và mang thuốc an thần cho bà lão. Pôlina gọi tôi và tôi đi ra thêm cùng

với cô. Tôi không thể giải thích vì sao, nhưng tôi biết là điều bất hạnh sẽ xảy ra ngay lúc ấy.

Pôlina nói khề :

- Ta đi ra bờ sông đi.

- Có đèn không ?

- Có.

- Đưa mau ra đây.

Pôlina mang ra một cây đèn mờ và chúng tôi trượt theo cái bờ lở trơn tuột dẫn ra sông.

Tôi tin chắc rằng Anfixa đang ở đâu đây, ngay bên cạnh chúng tôi.

- Anfixa... a... !

Bất thần Pôlina gào lên một cách tuyệt vọng và không hiểu sao tiếng gào ấy làm cho tôi sợ hãi. "Cô ta kêu gào vô ích ! - Tôi nghĩ. - Vô ích!"

Những tia chớp cháy lấp loáng bên kia sông, kiệt lực và lặng lẽ. Sấm động xa xa. Những giọt mưa rơi sột soạt trong những bụi cây bên bờ lở.

Chúng tôi đi xuôi dòng sông. Ngọn đèn toả ánh sáng mờ mờ. Rồi ở ngay trên đầu chúng tôi, một tia chớp đến chậm làm bầu trời sáng rực lên và trong ánh chớp tôi nhìn thấy một vật gì trắng trắng ở phía trước.

Tôi tới gần vật trắng ấy và cúi xuống. Tôi

nhìn thấy chiếc áo ngoài của Anfixa và chiếc áo cánh nhỏ của cô. Đôi giầy ướt sũng cũng lăn lóc ngay đấy.

Pôlina hét lên và chạy ngược về phía nhà mình. Tôi đi tới bến phà và đánh thức ông lái. Chúng tôi ngồi vào một chiếc thuyền gỗ, và bắt đầu chèo, cứ thế bơi hết bờ này lại sang bờ kia và chăm chú nhìn xuống nước.

- Đêm thì tìm thế quái nào được cơ chứ ! Trời lại mưa thế này ! - Người lái đò nói và ngáp, ông ta vẫn chưa tỉnh ngủ hẳn - Xác mà chưa nổi lên thì tìm cách mấy cũng chẳng được. Ông ạ, cả các cô gái đẹp thần chết cũng không tha đâu. Thế đấy, ông bạn ! Cô ấy cởi xống áo nghĩa là muốn chết cho được nhẹ nhàng hơn đấy. Chao ôi, cô gái !

Sáng hôm sau, người ta tìm thấy Anfixa ở gần đập nước.

Nằm trong quan tài, cô vẫn đẹp khôn tả với những bím tóc tết vàng óng, nặng và ướt, với nụ cười biết lỗi trên đôi môi nhợt nhạt.

Một bà lão nào đó nói với tôi :

- Đây chàng trai, anh chớ nhìn cô ấy. Chớ, anh ạ. Bởi vì cô ấy đẹp đến nỗi tim có thể vỡ ra bất thần đấy.

Nhưng tôi không thể không nhìn Anfixa. Lần đầu tiên trong đời tôi được chứng kiến tình yêu

vô bờ bến của người đàn bà, một tình yêu còn mạnh hơn cái chết. Trước đây tôi chỉ đọc về tình yêu trong những cuốn sách và không tin ở nó lắm. Không hiểu sao lúc đó tôi lại nghĩ rằng phần nhiều chỉ những đàn bà Nga mới có một tình yêu như thế.

Đám tang rất đông người đi đưa. Kôlia đi mãi tít đằng sau : Nó sợ người nhà Anfixa. Tôi đã định đến bên nó, nhưng nó chạy vội đi, ngoặt vào một ngõ hẻm và mất hút.

Tâm hồn tôi bị đảo lộn hoàn toàn và tôi không thể nào viết thêm lấy một dòng. Buộc lòng, tôi phải rời ngoại ô vào thị trấn, nói cho đúng hơn là đến ga, tới ngôi nhà mờ tối và thấp của bà bác sĩ đường sắt - bà Maria Domitoriepna Satxkaia.

Trước ngày Anfixa chết ít lâu, tôi có lần đi ngang vườn hoa thị trấn. Bên cạnh rạp chiếu bóng mùa hè có chừng bốn chục đứa trẻ ngồi lê trên mặt đất. Chắc là chúng đang chờ đợi gì và liên lấu như một bầy chim sẻ.

Một người đàn ông tóc bạc, từ rạp chiếu bóng bước ra, chia vé cho lũ trẻ và chúng chạy ùa vào rạp, vừa chạy vừa chen lấn, chửi mắng nhau.

Căn cứ vào bộ mặt còn trẻ, người đàn ông tóc bạc nọ tuổi không quá bốn mươi. Ông ta hôn hậu nheo mắt nhìn tôi, lấy tay vấy tôi rồi đi.

Tôi quyết định phải hỏi bọn trẻ xem con người kỳ dị đó là ai. Tôi vào rạp và ngồi một tiếng rưỡi đồng hồ để xem một cuốn phim cũ *Bọn quỷ đỏ*, nghe lũ trẻ huýt sáo, giậm chân, thở phì phò, kêu ý ới vì thích thú và vì sợ hãi.

Tán rạp, tôi ra cùng lũ trẻ và hỏi chúng con người tóc bạc kia là ai và vì sao ông ta lại mua vé cho chúng.

Lập tức một cuộc mít tinh của lũ trẻ lắm điều được tổ chức xung quanh tôi và rồi ít nhiều tôi đã biết về con người ấy.

Thì ra đó là anh của nữ bác sĩ đường sắt Maria Satxkaia. Ông này đang có bệnh, ông ấy "loạn óc". Chính phủ Liên Xô trợ cấp cho ông rất hậu. Còn vì sao ông được trợ cấp thì không ai biết. Mỗi tháng một lần, cứ vào ngày này, khi người ta đưa tiền trợ cấp đến cho ông, ông liền gọi tất cả bọn trẻ con ở khu vực ga lại và dẫn chúng đi xem phim.

Lũ trẻ bao giờ cũng biết chính xác ngày nào ông được lĩnh tiền trợ cấp. Hôm đó, từ sáng sớm chúng đã chen chúc nhau chung quanh nhà ông, ngồi ở cái vườn nhỏ trước ga và làm ra bộ vô tình mà tới đó.

Đó là tất cả những gì tôi tìm hiểu được ở lũ trẻ. Tất nhiên, từ những chi tiết vụn vặt không liên quan đến cái mà tôi cần biết. Thí dụ như

lũ trẻ ở xóm thợ Iankkaia cũng lân la xán đến với Satxki, nhưng bị bọn trẻ ở ga đá lại kịch liệt.

Bà chủ nhà tôi, sau cái chết của Anfixa cứ nằm liệt giường, luôn miệng than thở vì bệnh tim. Một hôm, bà Maria Satxkaia đến thăm bệnh và có dịp tôi làm quen với bà. Đó là một người đàn bà tầm vóc cao, tính tình rất cương quyết, đeo kính trắng. Tuy đã đứng tuổi, bà vẫn giữ được dáng dấp của một nữ sinh viên đại học.

Qua trò chuyện, tôi được biết ông anh bà là một nhà địa chất, ông bị đau thần kinh và được hưởng trợ cấp đặc biệt vì đã cống hiến nhiều tác phẩm khoa học nổi tiếng ở trong nước cũng như ở châu Âu.

- Ông chẳng nên ở đây làm gì. - Bà Maria nói với tôi bằng giọng của người thầy thuốc không quen với những lời phản đối. - Mùa thu đến nơi, mưa nhiều, ở đây rồi ngập ngựa, bẩn lắm. Lại ẩm đạm nữa, làm việc sao nổi. Ông cứ sang bên tôi. Ở nhà tôi chỉ có cụ bà thân sinh ra tôi, ông anh tôi và tôi. Nhà ở ga, lại có năm buồng. Anh tôi là người lịch thiệp, anh ấy không làm phiền ông đâu.

Tôi bằng lòng và chuyển sang nhà bà. Thế là tôi làm quen với nhà địa chất Vaxili Đomitorievich

Satxki - một trong những nhân vật tương lai của cuốn truyện dài *Kara-Bugaz*.

Ngôi nhà này quả yên tĩnh, có thể nói là buồn ngủ nữa. Bà Maria suốt ngày ở trong phòng khám, hoặc đi thăm bệnh nhân, bà lão thân sinh ngồi chơi bài một mình, còn nhà địa chủ thì họa hoàn lắm mới ra khỏi phòng riêng. Từ sáng ông đọc hết các loại báo, không sót dòng nào và hình như đang viết lách cái gì đó, một cách vội vã cho đến tận khuya. Trong một ngày ông viết hết veo một quyển vở học sinh loại dày. Thỉnh thoảng ở cái nhà ga hiu quạnh mới vắng lại hồi còi của chiếc tàu độc nhất đang dồn toa.

Thời gian đầu, Satxki còn lạ, sau quen dần và bắt đầu nói chuyện với tôi. Trong những câu chuyện ấy tôi hiểu được đặc tính bệnh của ông. Sáng ngày ra, khi Satxki chưa mệt mỏi thì ông hoàn toàn khoẻ mạnh và là người tiếp chuyện thú vị. Ông hiểu biết nhiều. Nhưng chỉ hơi mệt mỏi một chút là ông bắt đầu lảm nhảm. Nội dung căn bản của những câu nói lảm nhảm đó là một ý tưởng điên rồ nhưng nó lại phát triển một cách rất lôgích.

Bà Maria cho tôi xem những quyển vở của Satxki, trong đó ông viết chỉ chít những từ rời rạc. Câu kệ không có. Đại khái những ghi chép

đó là như thế này: "*Những bộ lạc Thổ Nhĩ Kỳ, nước Đức, những Gôgenxônlecna, sự huỷ diệt của nền văn minh*", "*Lipnư, sự giáo hoạt, đạo đức giả, đôi trá*".

Đó là những từ chọn theo một vần chữ cái nào đó⁽¹⁾. Nhưng đôi khi trong đó cũng có thể tìm ra những lời kín đáo ám chỉ một ý.

Trong lúc tôi làm việc, Satxki không bao giờ làm phiền, thậm chí ở buồng bên cạnh ông cũng đi rón rén.

Lịch sử bệnh của ông được tả lại trong *Kara-Bugaz*. Trong thời gian đoàn địa chất của ông hoạt động ở miền Trung Á, ông bị rơi vào tay bọn batxmatso⁽²⁾. Ngày nào chúng cũng mang ông và những tù binh khác đi bán.

Nhưng Satxki gặp may. Khi chúng bán những người số năm theo thứ tự thì ông là người số ba, khi chúng bán người số hai thì ông lại là người đứng đầu hàng. Ông còn sống, nhưng phát điên. Người em gái khó khăn lắm mới tìm được ông ở Kraxnôvôtxkơ, ở đó ông sống trong một toa đen rách nát.

Ngày nào ông cũng tới bưu điện Lipnư và gửi

(1) Loại từ đầu lấy theo chữ cái G, loại từ thứ hai lấy theo chữ cái L.

(2) Bọn phiến loạn ở Vùng Trung Á trong thời gian xảy ra câu chuyện.

một bức thư bảo đảm cho Hội đồng uỷ viên nhân dân. Theo yêu cầu của bà Maria, người phụ trách bưu điện không gửi những bức thư ấy đi Matxcova mà đưa lại cho bà để bà đốt đi.

Tôi muốn biết Satxki đã viết những gì trong những báo cáo đó. Ít lâu sau tôi đã được đáp ứng.

Có lần ông đi vào phòng tôi, khi tôi còn đang nằm đọc sách. Đôi giày của tôi đặt bên cạnh giường, mũi hướng ra giữa phòng.

- Ông chớ bao giờ đặt giày thế này, - Satxki giận dữ nói, - rất nguy hiểm.

- Tại sao ?

- Tôi sẽ cho ông biết ngay bây giờ.

Ông bước ra và một phút sau đã mang lại cho tôi một tờ giấy.

- Ông đọc đi ! - Satxki nói. - Khi nào đọc xong, ông gõ vào tường. Tôi sẽ sang và nếu có điều gì ông chưa hiểu, tôi sẽ giải thích để ông rõ.

Ông bước ra và tôi bắt đầu đọc.

"Gửi Hội đồng uỷ viên nhân dân.

Tôi đã nhiều lần báo trước để Hội đồng uỷ viên nhân dân biết mỗi hiểm hoạ có cơ làm cho nước ta diệt vong.

Ai cũng biết rằng trong những địa tầng có

chứa một năng lượng vật chất rất lớn (cũng giống như trong than đá, dầu hoả, đá phiến). Con người đã học cách giải phóng nguồn năng lượng đó và sử dụng nó.

Nhưng ít người biết rằng chính trong những lớp đất ấy còn dồn nén một năng lượng tinh thần của những thời đại trong đó đã hình thành những lớp đất ấy.

Thị trấn Lipnư ở trên những tầng đá vôi kỷ Đêvôn mạnh nhất ở châu Âu. Trong kỷ Đêvôn trên trái đất chỉ mới nảy sinh một ý thức mờ tối và độc ác, không có một chút dấu hiệu của nhân tính. Khôi óc u mê của loài cá có giáp lúc đó chiếm ưu thế.

Năng lượng tinh thần còn phôi thai ấy tập trung cả ở trong những con ammônit thân mềm. Những tầng đá vôi kỷ Đêvôn chứa đầy những con ammônit đã hoá thạch ấy.

Mỗi một con ammônit là một khôi óc nhỏ của thời kỳ nọ và nó chứa trong mình một năng lượng tinh thần to lớn dư thừa.

Qua nhiều thế kỷ, may mắn thay, người ta vẫn chưa học được cách giải phóng năng lượng tinh thần của những tầng kia. Tôi nói "may mắn thay" là vì nếu ta kéo năng lượng ấy ra khỏi trạng thái tĩnh thì nó có thể giết chết cả nền văn minh

của nhân loại. Người ta khi nhiễm phải chất độc của nó sẽ biến thành những con thú tàn bạo và chỉ còn biết nghe theo những bản năng thấp hèn và mù quáng. Mà điều đó có nghĩa là sự huỷ diệt của nền văn hoá.

Nhưng, như tôi đã nhiều lần báo để Hội đồng uỷ viên nhân dân biết, bọn phát xít đã tìm ra cách thả năng lượng tinh thần kỳ Đêvôn ra và làm sống lại những con ammonit. Chính vì những tầng Đêvôn giàu có nhất nằm ngay dưới thị trấn Lipnư của chúng ta, cho nên không phải ở một nơi nào khác mà tại đây bọn phát xít định thả năng lượng ấy ra. Nếu như chúng thực hiện được điều đó thì không thể nào ngăn ngừa nổi cái chết trước hết về mặt tinh thần rồi đến thể xác của toàn thể loài người.

Kế hoạch giải thoát năng lượng tinh thần kỳ Đêvôn ở trong vùng Lipnư đã được bọn phát xít nghiên cứu rất tỉ mỉ. Nhưng cũng như mọi kế hoạch phức tạp nhất, nó cũng dễ bị phá vỡ. Chỉ cần không tính trước một chi tiết vụn vặt, thế là kế hoạch tan tành.

Vì thế, bên cạnh sự cần thiết phải tức tốc dùng những binh đoàn lớn bao vây Lipnư, phải hết sức nghiêm khắc ra lệnh cho nhân dân tỉnh này từ bỏ những thói quen cũ (bởi vì kế hoạch của bọn

phát xít chính là dựa trên nếp sống đã quen thuộc của dân chúng Lipnư) và tạo ra những thói quen mới, ngược với điều mà bọn phát xít trông đợi. Tôi xin lấy thí dụ làm sáng tỏ điều này. Tất cả công dân thị trấn Lipnư khi đi ngủ đều đặt giày của họ bên cạnh giường, mũi trở ra ngoài. Từ nay về sau cần phải đặt mũi quay vào tường. Chính chi tiết đó có thể là cái mà kế hoạch của chúng đã không tính đến và vì cái chuyện thực chất là nhỏ nhặt ấy, kế hoạch sẽ bị vỡ.

Cần phải nói thêm rằng sự thẩm lậu tự nhiên (nói cho đúng, không đáng kể) của bệnh tinh thần truyền nhiễm xuất xứ từ những tầng Đêvôn ở Lipnư đã dẫn đến chỗ phong hoá của dân chúng thị trấn này thô lỗ hơn nhiều so với những thị trấn khác cùng cỡ. Có ba thị trấn nằm trên những lớp đá vôi Đêvôn là : Krômư, Lipnư và Eletxơ. Chả thế mà đã có câu tục ngữ từ xưa là "Krômư là nhà kẻ cắp, Lipnư đẹp vì kẻ cắp, Eletxơ là cha kẻ cắp".

Gián điệp của Chính phủ phát xít tại thị trấn Lipnư là người chủ hiệu thuốc ở địa phương."

Giờ thì tôi đã hiểu tạo sao Satxki lại quay mũi giày của tôi vào tường. Thêm vào đó, tôi còn cảm thấy khiếp sợ. Tôi đã hiểu hết tính chất bấp bênh của sự yên tĩnh trong gia đình Satxki. Sự bùng nổ có thể xảy ra bất cứ lúc nào.

Sau đó, tôi nhận thấy những vụ nổ ấy xảy ra cũng chẳng hiểm gì cho lắm, nhưng mẹ Satxki và bà Maria đã khéo giấu những người ngoài.

Tối hôm sau, khi chúng tôi đang ngồi uống trà và nói chuyện một cách bình thường về liệu pháp vi lượng đồng căn ⁽¹⁾ thì Satxki vớ lấy vò sữa và bình thân đổ vào ống khói ấm xamôva. Bà lão thân sinh hét lên. Bà Maria nghiêm khắc nhìn ông và nói :

- Anh làm trò gì vậy ?

Satxki cười với vẻ biết lỗi, giải thích rằng chính cái hành động mạn rợ đối với sữa và ấm xamôva chắc chắn là điều mà bọn phát xít chưa tính đến trong kế hoạch của chúng và vì thế tất nó sẽ phá vỡ kế hoạch đó và cứu vớt toàn thể nhân loại.

- Đi vào phòng !

Vẫn bằng một giọng nghiêm khắc, bà Maria nói với ông anh rồi bà đứng dậy, giận dữ mở toang cửa sổ cho khói sữa cháy bay ra khỏi phòng.

Satxki cúi đầu, ngoan ngoãn đi về phòng mình.

Nhưng trong những "giờ tỉnh táo" Satxki lại rất thích nói chuyện và nói rất hay. Lúc đó tôi mới biết ông làm việc nhiều nhất ở miền Trung

(1) Lối trị bệnh bằng cách dùng dần dần những liều cực nhỏ của chính những chất gây ra bệnh (ND).

Á và là một trong những người đầu tiên khảo sát vịnh Kara-Bugaz.

Ông đã đi xem hết bờ đông của vịnh. Thời gian đó công việc của ông được coi là cực kỳ nguy hiểm. Ông miêu tả những bờ biển đó, ghi vào bản đồ và tìm ra trong những ngọn núi khô cằn gần vịnh một vùng có than đá.

Satxki cho tôi xem rất nhiều ảnh. Trông những ảnh đó mà rùng mình. Chỉ có người làm công tác địa chất mới có thể chụp ảnh những ngọn núi bị cày lên bởi một mạng lưới những đường rãnh cổ quái và giống hệt như một bộ óc người để trần, hoặc ảnh một đoạn tầng hùng vĩ - bình sơn hung dữ Uxtơ Uốctơ. Nó cất mình lên như một bức tường đen thẳng đứng trên sa mạc.

Nhờ Satxki mà lần đầu tiên tôi được biết về Kara-Bugaz, cái vịnh đáng sợ và bí ẩn của biển Kaxpi, về những trữ lượng mirabilit không bao giờ cạn trong biển này, về khả năng tiêu diệt sa mạc.

Satxki căm thù sa mạc một cách ghê gớm và không biết thương hại. Chỉ có con người mới có thể căm thù như vậy. Ông gọi sa mạc là cái nhọt vỡ, là cái mụn sâu quảng, là cái ung thư đang gặm dân mặt đất, là sự đều cang không sao hiểu nổi của thiên nhiên.

Ông nói :

- Sa mạc chỉ biết giết hại mà thôi. Đó là thân chết. Nhân loại cần hiểu điều đó. Tất nhiên, nếu như họ chưa mất trí.

Thật lạ lùng khi nghe những lời lẽ như vậy ở miệng một người điên.

- Phải trời gô nó lại, cái sa mạc ấy, không cho nó thở. Đánh liên tục, không thương tiếc, đánh cho kỳ chết. Đánh không mệt mỏi, chừng nào nó tắt thở mới thôi. Và trên xác nó, một thiên đường nhiệt đới ẩm ướt sẽ mọc lên.

Ông đánh thức lòng căm thù sa mạc đã thiếp ngủ trong tôi, cái dư âm thời niên thiếu của tôi.

Satxki nói :

- Nếu người ta chịu bỏ ra chỉ một nửa số tiền và sinh lực vẫn dùng trong việc chém giết lẫn nhau vào cộng cuộc tiêu diệt sa mạc thì sa mạc từ lâu đã chẳng còn. Tất cả của cải của nhân dân và hàng triệu sinh mệnh vẫn cứ đem đổ vào chiến tranh. Cả khoa học, cả văn hoá. Cả đến thơ ca người ta cũng biết cách biến nó thành kẻ cộng sự với việc giết người hàng loạt.

- Vaxia ⁽¹⁾ - Từ trong phòng mình bà Maria

(1) Tên Satxki, gọi thân mật trong gia đình.

nói lớn. - Anh cứ yên tâm. Không bao giờ còn có chiến tranh nữa đâu. Không bao giờ !

- Không bao giờ ư ? Nói bậy ! - Bất thình lình Satxki trả lời bà. - Không cần lâu la gì đâu, chỉ nội đêm nay thôi, những con ammônít đã hoá thạch sẽ sống lại. Các người có biết ở đâu không ? Ở bên cạnh cối xay gió của Adam. Ta hãy cùng đi chơi rồi ghé xem có đúng không.

Cơn mê sáng bắt đầu. Bà Maria dẫn ông ra, cho ông uống thuốc ngủ và đặt ông vào giường.

Tôi chỉ muốn viết cho chóng xong cuốn tiểu thuyết để bắt đầu viết một cuốn mới về việc tiêu diệt sa mạc. Cái ý sáng tác còn chưa rõ của cuốn *Kara-Bugaz* đã xuất hiện như thế.

Tôi rời thị trấn Lipnư vào cuối thu. Trước khi ra đi, tôi lại từ biệt những người chủ trọ cũ.

Bà lão vẫn chưa dậy được. Ông lão không có nhà, Pôlina đi tiễn tôi tới thị trấn.

Trời đã tối. Bãng rạn vỡ trong những vết bánh xe. Những vườn cây đã rụng gần hết lá, nhưng đây đó, trên những cành táo vẫn còn lại những chiếc lá khô màu hồng. Trên nền trời đông giá những đám mây cuối cùng được ánh hoàng hôn lạnh lẽo chiếu sáng đã tắt.

Pôlina đi bên tôi và tin cậy vịn vào tay tôi. Cử chỉ đó làm tôi có cảm giác cô là một cô bé

và niềm triu mến của tôi với cô - người con gái cô độc và nhút nhát - tràn ngập tâm hồn tôi.

Nhạc trầm trầm từ trong rạp chiếu phim của thị trấn bay ra. Nhà nhà đã lên đèn. Một làn khói nhẹ như hơi nước từ ấm xamôva bốc lên trên những khu vườn. Đằng sau những cây trần trụi đã lấp lánh những vì sao. Một nỗi xúc động khó hiểu làm lòng tôi se lại và tôi nghĩ vì đất đai tươi đẹp này, hay hơn nữa, vì một thiếu nữ như Pôlina cũng đủ để ta kêu gọi con người đấu tranh cho một cuộc sống vui tươi và có ý nghĩa. Tất cả những gì đè nén con người, làm cho con người buồn khổ, những gì làm nhỏ dù chỉ một giọt nước mắt thôi, phải nhỏ sạch đến tận rễ. Cả sa mạc, cả chiến tranh, cả bất công, cả sự đối trá lẫn sự miệt thị tâm hồn người.

Pôlina đi với tôi đến tận những ngôi nhà đầu tiên của thị trấn. Ở đó tôi từ biệt cô.

Pôlina nhìn xuống, bắt đầu gỡ bím tóc và bất thần cô nói với tôi :

- Giờ tôi sẽ đọc thật nhiều, ông ạ !

Cô ta ngược mắt lên, bối rối nhìn tôi, rồi đưa tay cho tôi và đi nhanh về nhà.

Tôi trở về Matxcova trên một toa ghế cứng chật ních.

Ban đêm tôi ra đầu toa hút thuốc, hạ cửa kính

xuống và thò đầu ra ngoài. Tàu hoả phóng nhanh trên đường sắt xuyên qua những khu rừng rậm rạp. Hầu như không trông rõ rừng, nhưng có thể đoán ra sự có mặt của chúng nhờ tiếng động, cái tiếng vang vọng và xuất hiện trong những khu rừng rậm dội lại tiếng bánh xe ầm ầm. Không khí hình như bị giá lạnh đi trên tuyết, tụ thành hạt, phả vào mặt người mùi lá, mùi cỏ mùi đêm ẩm ướt.

Bên trên rừng, bầu trời thu nửa đêm như bốc khói bởi những vì sao sáng chói cũng phóng nhanh, không chịu thua con tàu. Những chiếc cầu kêu ầm ầm ngân ngún. Mặc dầu tàu chạy nhanh ta vẫn có thể nhìn thấy dưới cầu những ánh sao phản chiếu vụt hiện ra rồi vụt biến đi trên mặt nước tối đen, không rõ là nước đầm lầy hay nước sông.

Con tàu phóng ầm ầm, rầm rĩ trong hơi nước, trong khói. Những ngọn nến cháy nốt mẩu cuối cùng, toả sáng trong những chiếc đèn lồng run rẩy. Bên ngoài cửa sổ, những tia lửa đỏ thẫm bay theo đường đi của tàu. Đầu máy kêu lên một cách hân hoan, say sưa vì tốc độ vùn vụt của chính nó.

Tôi tin rằng con tàu đang phóng nhanh đưa tôi đến với hạnh phúc. Ý sáng tác cuốn sách mới đã tràn ngập trong tôi. Tôi tin rằng sẽ viết được cuốn sách ấy.

Tôi thò đầu ra ngoài cửa sổ, hát lên những lời chẳng mạch lạc gì về đêm tối, về chuyện trên thế giới này không có nơi nào thân yêu hơn là nước Nga. Gió, giống như những bím tóc thiếu nữ xo tung, thơm mát mơn man trên mặt tôi. Tôi muốn hôn những bím tóc ấy, làn gió ấy, mảnh đất lạnh lâu đời ấy. Nhưng tôi không làm thế được mà chỉ hát lung tung như một người điên và ngạc nhiên trước cái đẹp của bầu trời phương Đông chỉ hé lộ một màu xanh rất mực yếu ớt và dịu dàng.

Tôi ngạc nhiên trước cái kiêu diễm của bầu trời phương Đông, trước ánh hào quang yếu ớt, trong trẻo của nó, cho đến khi hiểu ra rằng một bình minh mới đang ló rạng.

Tất cả những gì tôi nhìn thấy bên ngoài cửa sổ, tất cả những niềm vui hỗn độn đang lồng lộn trong ngực tôi, không hiểu bằng cách nào đã hợp lại với nhau thành một quyết định : Viết, viết và viết !

Nhưng viết cái gì. Trong khoảnh khắc ngắn ngủi ấy, tôi chẳng hề bận tâm đến chuyện những ý nghĩ của tôi về vẻ kiêu diễm của đất đai, cũng như ý muốn thiết tha bảo vệ cho đất khỏi bị kiệt màu, khỏi trở nên cằn cỗi, rồi đây sẽ xoay quanh cái gì, sẽ gắn với đề tài nào như sắt bị nam châm hút.

Sau đó ít lâu, những ý nghĩ đó hoà vào nhau thành ý sáng tác cuốn *Kara-Bugaz*. Chúng cũng có thể biến thành ý sáng tác một cuốn nào khác; nhưng cuốn đó nhất thiết phải chứa đầy cái nội dung chính và những tình cảm đã choán lấy tôi lúc đó. Rõ ràng là ý sáng tác hầu như bao giờ cũng từ trong tim mà ra.

Từ đó trở đi, bắt đầu một giai đoạn mới, giai đoạn mà người ta gọi là thời kỳ "thai nghén" ý sáng tác, nói cho đúng hơn là làm cho ý sáng tác có đầy đủ chất liệu thực.

NGHIÊN CỨU BẢN ĐỒ ĐỊA LÝ

Tại Matxcova tôi kiếm được một tấm bản đồ chi tiết biển Kaxpi và lang thang rất lâu (tất nhiên là trong tưởng tượng) trên những bờ đông khô cạn của nó.

Từ khi còn nhỏ tôi đã ham mê những bản đồ địa lý. Tôi có thể ngồi hàng tiếng đồng hồ liền với những tấm bản đồ, như đọc một cuốn sách hay.

Tôi nghiên cứu dòng chảy của những con sông chưa bao giờ biết tới, những bờ biển kỳ cục, đi sâu vào rừng Taiga, nơi những trạm không tên

tuổi chuyên mua da, lông thú của những người đi săn được đánh dấu bằng những vòng tròn tý xiu, hoặc nhắc đi nhắc lại những tên đất kêu như những vần thơ : Quả cầu Iugor, quần đảo Ebrido, Guadarama và Invécnetxo, Onhêga và Koócđie.

Dần dần tất cả những vùng đất đó sống dậy trong trí tưởng tượng của tôi rõ rệt đến nỗi tôi tưởng có thể viết nổi những cuốn nhật ký hành trình bịa đặt qua các lục địa và các xứ sở khác nhau.

Đến cha tôi là người vốn có đầu óc lãng mạn cũng không bằng lòng cái lối say mê bản đồ một cách thái quá ấy của tôi.

Người nói rằng điều đó rồi sẽ mang lại cho tôi nhiều thất vọng.

- Nếu đời con sau này khăm khá, - cha tôi nói, - và con có khả năng đi du lịch thì rồi con cũng sẽ chỉ kiếm cho mình đọc những nỗi buồn phiền mà thôi. Còn sẽ nhìn thấy những điều khác hẳn con tưởng tượng. Thí dụ như con sẽ thấy Mêhicô là một nước bụi bặm và nghèo khổ, còn bầu trời xích đạo thì xám xịt và đáng ngán.

Tôi không tin cha tôi. Tôi không thể nào tưởng tượng rằng bầu trời xích đạo có một lúc nào đó lại có màu xám xịt. Theo tôi nó sẫm đến nỗi

tuyết trên núi Kalimangiarô cũng nhuộm màu xanh
chàm của nó.

Dù sao mặc lòng tôi cũng vẫn không bỏ cái thú
đó. Sau này, khi đã trưởng thành, tôi mới thấy rõ
ràng là cha tôi đã nói không đúng cho lắm.

Chẳng hạn, khi đến Krum lần đầu (trước đó
tôi đã nghiên cứu cả chiều ngang lẫn chiều dọc
trên bản đồ), tất nhiên tôi thấy nó khác hẳn điều
tôi đã nghĩ trước kia.

Nhưng cái hình dung trước kia của tôi về vùng
này đã làm cho tôi nhìn nó một cách sâu sắc hơn
là tôi chỉ tới Krum mà chưa biết gì về nó.

Cứ mỗi bước đi tôi lại gặp cái mà trí tưởng
tượng của tôi chưa hề nghĩ đến và những nét mới
đó của Krum đặc biệt làm tôi nhớ rất lâu.

Tôi cho rằng điều khẳng định đó đúng cả với
các địa phương và những con người.

Chẳng hạn, mỗi người hình dung Gôgôn theo
cách của họ. Nhưng nếu như ta gặp Gôgôn trong
cuộc đời thì ta sẽ nhận ra rất nhiều nét không
giống như ta hình dung về ông. Nhưng chính những
nét đó sẽ hằn sâu và sống động trong trí nhớ
của ta.

Nhưng nếu ta không có cái hình dung từ trước
ấy thì có thể chúng ta sẽ không nhận ra được

nhiều nét ở ông và đối với ta, Gôgôn sẽ là một người hết sức bình thường.

Chúng ta đã quen hình dung Gôgôn là một người sâu nảo, đa nghi và phớt đời. Chính vì thế mà chúng ta nhận ra ngay những gì khác hẳn với cái ta hình dung về ông : Đôi mắt sáng lấp lánh, tính hoạt bát, thậm chí hơi lảng xảng, cái miệng hay cười, sự ăn vận duyên dáng và giọng nói nặng thổ âm Ukraina.

Tôi không biết làm thế nào để diễn đạt được những ý nghĩ ấy cho thật có sức thuyết phục, nhưng tôi cho rằng đúng như vậy đấy.

Thói quen lang thang trên các bản đồ và nhìn thấy trong tưởng tượng những vùng khác nhau đã giúp tôi nhận ra chúng một cách đúng đắn trong thực tế.

Ở những vùng đó bao giờ cũng còn lại một cái gì như là dấu vết mờ nhạt của trí tưởng tượng nơi anh, như một màu sắc, một ánh lấp lánh, ẩn sau một làn khói nhẹ nào đó để không cho phép anh nhìn chúng bằng cặp mắt ngán ngẫm.

Thế là ở Matxcova tôi đã lang thang trên những bờ Kaxpi sâu tư và đồng thời đọc rất nhiều sách, nhiều báo cáo khoa học và tất cả những bài thơ về sa mạc. Nghĩa là hầu hết những gì tôi có thể tìm thấy trong thư viện Lênin.

Tôi đọc Progiêvanxki và Anutsin, Xven Ghêdin, Vanbêri, Max-Gagam và Grum-Grogimailô, nhật ký của Séptsenkô ở Manguslak, lịch sử Khiva và Bukhara, những báo cáo của trung úy Butakôp, những công trình của nhà thám hiểm Karêlin, tài liệu thăm dò địa chất và thơ của các thi sĩ Á-rập.

Một thế giới huy hoàng từ lòng ham hiểu biết của con người và của kiến thức mở ra trước mắt tôi.

*

* *

Đã đến lúc cần phải đi Kaxpi, tới *Kara-Bugaz* nhưng tôi lại chẳng có tiền.

Tôi tới một nhà xuất bản và đề nghị ông giám đốc - một người đàn ông tóc bạc và đáng ngán - ký với tôi hợp đồng cuốn sách về vịnh Kara-Bugaz. Ông giám đốc uể oải nghe tôi rồi nói :

- Chẳng lẽ ông đã đánh mất hết hoặc không có lấy một ý niệm nào về hiện thực Xô viết hay sao mà lại đi đề nghị với nhà xuất bản một cuốn sách như thế?

- Tại sao vậy ?

- Trong cái vịnh của ông ấy, người ta đang khai thác muối Glaobe. Không có lẽ ông thật sự

định viết một cuốn tiểu thuyết về thuốc xổ ? Hay ông định giễu tôi ? Ông nghĩ thế nào... ông tưởng bọn ngốc làm nghề xuất bản sẽ bỏ ra dù chỉ một nghìn cho cái dự định lỗ lã ấy ư ?

Tôi phải vất vả lắm mới kiếm được tiền ở một nơi khác.

Tôi đáp tàu đi Xaratôp, rồi từ đó xuôi sông Vônga tới Axtorakhan. Đến đây tôi phải nằm lại. Số tiền ít ỏi của tôi đã hết và để đi tiếp, ở Axtorakhan tôi phải viết mấy bài ký cho tạp chí *Ba mươi ngày* và cho một tờ nhật báo của Axtorakhan.

Để có tài liệu viết những bài ký đó tôi đi vào miền thảo nguyên Axtorakhan và tới sông Emba. Những chuyến đi đó đã giúp tôi viết cuốn sách về Kara-Bugaz.

Tôi đi bằng đường biển Kaxpi dọc theo những bờ biển rậm rịt lau sậy để tới Emba. Cái tàu thủy cũ kỹ chạy guồng mang một cái tên lạ : *Hêliôtorôp*. Giống như trên mọi tàu thủy cũ, tàu này có rất nhiều đồng hồ. Tay vịn, đĩa bàn, ống nhòm, mọi thứ máy móc, cả đến bậc cửa cao của các cabin cũng đều bằng đồng. Tàu *Hêliôtorôp* trông giống như một cái ấm xamôva to bụng được đánh bóng loáng bằng gạch, đang bốc khói và bập bênh trên những đợt sóng thấp của một biển nông.

Những con hải báo nằm ngửa trong nước ấm như những người đi tắm biển. Thỉnh thoảng chúng lười biếng ve vẩy những cái chân bơi béo mập.

Trên những bến nổi của vịnh chài, những cô gái răng trắng mặc quần áo xanh thuỷ thủ huyết sáo và tươi cười nhìn theo tàu *Héliôtorôp* má cô nào cô ấy đây vẩy cá.

Những đám mây trắng và những hòn đảo cát trắng soi mình trong làn nước bóng loáng, làm nhiều khi không phân biệt được đâu là mây, đâu là đảo nữa.

Khói than làm bằng phân bò đóng bánh nhẹ và mỏng bay trên thị trấn Guriep. Tôi đi Emba trên chuyến tàu chạy động cơ vừa mới bắt đầu hoạt động, qua một thảo nguyên khô cằn.

Ở thị trấn Đôtxorơ trên sông Emba, những tháp dầu thở phì phò giữa những hồ nước hồng tươi phảng phất mùi nước dưa. Cửa sổ các nhà đều không có kính. Người ta thay kính bằng những tấm lưới thép mau mất. Bên ngoài những lưới thép ấy còn trùng bám đặc làm cho trong nhà tối sẫm.

Ở Emba, tôi chú ý đầu vào công việc sản xuất dầu hoả, vào những câu chuyện về "những vòm muối", về việc chằm dò trên sa mạc, về dầu hoả nặng và dầu hoả nhẹ, về đầm nước mặn có dầu

nổi tiếng Marakaibô ở Vênêxuyêla, nơi những kỹ sư tỉnh Emba thường tới thực tập.

Ngay trước mắt tôi, một kỹ sư bị nhện độc cắn. Ngày hôm sau ông ta chết.

Miền Trung Á đặc biệt oi bức. Đêm đêm sao sáng qua màn bụi cát. Những bà lão Kazak mặc quần rộng và ngắn bằng vải thô có những hình sắc sỡ đi lại trong các phố. Trên màu vải hồng in rồi rầm hình hoa mao lương đen và những lá xanh.

Nhưng sau mỗi chuyến đi tôi lại lần về Axtorakhan, về ngôi nhà gỗ nhỏ của một nhà báo địa phương. Ông ta lôi tôi về ở với mình và tôi đã quen ở đấy.

Ngôi nhà gỗ nhỏ nằm trên bờ con sông đào Vácvaiep trong một khu vườn nhỏ. Trong vườn, hoa kim liên mọc thành đồng.

Tôi viết những bài bút ký trong lều nghỉ chân bé xiu, chỉ vừa đủ cho một người. Tôi ngủ luôn ở đó.

Bà vợ của nhà báo, một thiếu phụ trẻ ốm yếu nhưng niềm nở, suốt ngày khóc thầm trong bếp, vừa khóc vừa xếp đi xếp lại những chiếc áo trẻ con. Cách đây hai tháng bà mất đứa con trai mới sinh.

Từ Axtorakhan tôi đi Makhatso-Kala, Baku

và Kraxnôvôtxkơ. Tất cả những chuyện tiếp sau tôi đã tả trong *Kara-Bugaz*.

Tôi trở về Matxcova, nhưng vài ngày sau công việc của người phóng viên lại buộc tôi phải xuống miền Bắc, tới Bêriôznhiki và Xôlikainxkơ.

Rồi cái nóng ghê gớm của châu Á, tôi lại rơi vào xứ sở của những rừng vân sam tăm tối, những đầm lầy, những ngọn núi rêu phong và mùa đông đến sớm.

Ở đó tôi bắt đầu viết *Kara-Bugaz* trong một khách sạn tại Xôlikamxkơ. Khách sạn đặt trong một toà nhà trước kia là nhà dòng. Gian phòng tôi ở xây cuốn, lạnh buốt. Ngoài tôi ra còn có ba kỹ sư hoá chất : Một người đàn ông và hai người đàn bà. Họ sống như ở ngoài mặt trận. Ba kỹ sư làm việc ở mỏ Kaqli Xôlikamxkơ.

Trong khách sạn sặc mùi trầm, mùi bánh mì và da thuộc, mùi của thế kỷ XVII. Đêm đêm, những người gác mặc áo choàng lông điếm giờ bằng cách đánh vào những thanh gang. Trong ánh sáng mờ mờ của tuyết nổi bật lên những ngôi nhà thờ trát thạch cao, từ thời kỳ trị vì của "họ Xtorôganốp".

Ở đây không có gì nhắc tôi nghĩ đến châu Á và vì thế, không hiểu sao, tôi viết thấy dễ hơn.

Đây là lịch sử rất ngắn, kể một cách hấp tấp

của cuốn *Kara-Bugaz*. Không thể nào kể hết được, dù chỉ đơn giản kê ra tất cả những cuộc gặp gỡ, những cuộc nói chuyện và những việc xảy ra dọc đường.

Tất nhiên, các bạn nhận thấy rằng chỉ có một phần - mà phần ấy là phần nhỏ - tài liệu thu lượm đã được dùng trong tác phẩm. Phần lớn những tài liệu ấy còn nằm ngoài lề cuốn truyện.

Nhưng cũng chẳng có gì đáng tiếc. Tài liệu ấy bất cứ lúc nào cũng có thể được tái sinh trên những trang của một cuốn sách mới.

*

* *

Tôi viết *Kara-Bugaz* và không nghĩ tới việc sắp xếp tài liệu sao cho đúng. Tôi xếp nó theo trình tự tài liệu được gom góp lại mỗi lúc một nhiều trong chuyến đi trên vùng bờ biển Kaxpi.

Sau khi *Kara-Bugaz* ra đời, các nhà phê bình tìm thấy trong truyện dài ấy "bố cục theo hình xoáy ốc" và rất khoái phát hiện đó. Nhưng trong việc này cả ốc tôi, cả tìm tôi đều không cố tình làm ra như thế.

Khi viết *Kara-Bugaz*, chủ yếu tôi nghĩ rằng có thể dùng cái âm hưởng trữ tình và anh dũng

bổ sung cho nhiều cái vụn vặt, tẻ nhạt trong đời sống của chúng ta và có thể diễn đạt một cách đẹp đẽ và chính xác. Dù cho đó là cuốn truyện dài về muôi Glaobe hay về công trình xây dựng nhà máy giấy ở những khu rừng phương Bắc.

Tất cả những cái đó có thể tác động mạnh mẽ vào tâm hồn nhiều người, nhưng với một điều kiện không có không được là người viết những truyện ấy phải hướng tới sự thật, tin tưởng vào sức mạnh của trí tuệ, vào quyền lực đáng tin cậy của trái tim và phải yêu mến đất đai.

Mới đây tôi có đọc thơ của Antôkônxi và tìm thấy trong đó hai đoạn rất hay có sức truyền đạt trạng thái say mê cuộc sống của trái tim người. Trái tim đó không thể không nghe thấy :

*Cả tiếng vĩ cầm rên rỉ xa xa
Cảm trước thấy mùa xuân đang tới
Cả tiếng vọng tơ đàn, rơi rơi
Những giọt nước reo trong yên lặng
Khúc nhạc ấy đất trời - ta tặng
Đất trời ta, bao thế kỷ rồi
Vấn vĩnh cửu, vĩnh hằng trong sáng
Vấn mãi mãi làm vui cho người...*

NHỮNG VẾT KHẮC TRONG TIM

*Ôi trí nhớ thâm sâu của óc
Người mạnh sao bằng trí nhớ tim người.*

BACHIUSKÔP

Độc giả thường hay hỏi những người cầm bút xem họ lượm lặt tài liệu dùng để xây dựng tác phẩm bằng cách nào, lâu hay chóng. Và thường thường độc giả rất ngạc nhiên khi nghe các nhà văn trả lời rằng không có và không thể có một sự cố ý sưu tầm tài liệu nào hết.

Điều nói trên tất nhiên không liên quan tới việc nghiên cứu những tài liệu khoa học và những tài liệu bồi bổ nhận thức mà nhà văn cần đến cho cuốn sách này hay cuốn sách khác. Nó chỉ nói về việc quan sát cuộc sống sinh động.

Tài liệu về cuộc sống là tất cả những gì mà Đôxtôiépki⁽¹⁾ gọi là "*những chi tiết vụn vặt của*

(1) Nhà văn Nga (1822-1881).

cuộc sống đang chảy trôi". Tài liệu ấy không phải là cái để mà nghiên cứu. Đơn giản là nhà văn sống trong lòng tài liệu ấy, nếu ta có thể nói như thế, anh ta sống, đau khổ, suy nghĩ, vui sướng, tham dự vào những sự kiện lớn và nhỏ, và tất nhiên cuộc sống bao giờ cũng để lại những dấu, những vết khắc trong trí nhớ và trong tim họ.

Cần phải xoá bỏ trong đầu óc bạn đọc (và nhân thể đây cũng cần phải nói là cả trong một số nhà văn trẻ nữa) cái quan niệm nhà văn là một người lang thang đây đó, tay lúc nào cũng cầm cuốn sổ ghi, như một "nhà ghi chép" chuyên nghiệp hay một tên mật thám của cuộc đời.

Người nào *bước mình* tích lũy những quan sát và loay hoay với những ghi chép của mình ("kéo lại quên mất"), người đó, tất nhiên, sẽ vớ được hàng đống những quan sát không lựa chọn và những cái đó sẽ chẳng có sinh khí. Nói cách khác, nếu những quan sát ấy được chuyển từ cuốn sổ ghi thành văn xuôi sống động thì hầu như bao giờ chúng cũng mất đi sức biểu hiện và sẽ giống như những mẫu văn lạc loài.

Không bao giờ nên nghĩ rằng cái bụi thanh lương trà này hay cái người đánh trống kia trong dàn nhạc rồi đây sẽ cần đến trong một truyện ngắn và vì thế mà tôi phải đặc biệt chú ý, có khi còn

quan sát một cách hơi lên gân nữa là khác. Đó là sự quan sát, như người ta thường nói, "theo công vụ", thuần túy do công việc thúc ép.

Không bao giờ nên cố nhét vào văn chương, dù là những quan sát rất trúng đi nữa. Khi cần đến, chúng sẽ đi vào tác phẩm và đứng vào vị trí thực sự là của chúng. Nhà văn thường phải sửng sốt khi thấy một chuyện xảy ra đã lâu ngày, đã bị quên bằng hay là một chi tiết nào đó bỗng nhiên nổi bật lên trong trí nhớ của anh ta đứng vào lúc chúng cần thiết cho tác phẩm.

Một trong những yếu tố cơ bản để viết văn là trí nhớ tốt.

Có lẽ những ý nghĩ trên đây sẽ sáng tỏ hơn nếu tôi kể cho các bạn nghe chuyện tôi viết truyện ngắn *Bức điện* như thế nào.

*

* *

Vào cuối thu tôi rời đến một làng quê ở Riazan. Tôi ở trong nhà của một nghệ sĩ khắc gỗ nổi danh một thời là Pôgialôxtin ⁽¹⁾. Ở đó còn bà lão già yếu và hiền hậu Katêrina Ivanốpna, con gái nhà

(1) Ivan Pêtorôvich Pôgialôxtin (1837-1909), nhà khắc gỗ xuất thân nông dân, viện sĩ hàn lâm từ 1871.

điều khắc. Bà lão đã gần đất xa trời. Người con gái độc nhất của bà là Naxchia ở Leningrat đã quên hẳn mẹ. Nàng chỉ gửi tiền về cho bà lão, hai tháng một lần.

Tôi thuê một căn phòng trong ngôi nhà lớn âm tiếng, với những bức tường gỗ ghép đã xạm đen. Bà lão ở trong một căn phòng khác. Muốn tới phòng bà lão phải đi qua mấy gian thờ bô không và mấy cái phòng lát ván, bụi bặm và kêu cọt kẹt.

Ngoài bà lão và tôi ra không còn ai khác ở đây. Ngôi nhà được coi như một nhà lưu niệm.

Đằng sau sân và những gian xếp củ kỹ là một khu vườn ẩm thấp và giá lạnh xào xạc trước gió, nó cũng rộng lớn và hoang tàn chẳng khác gì ngôi nhà.

Tôi tới đây để làm việc và thời gian đầu tôi ngồi viết trong phòng từ sáng đến tối. Trời ở đây tối sớm. Mới năm giờ chiều tôi đã phải đốt cây đèn dầu hoả có chao hình hoa tuylíp làm bằng kính mờ.

Sau tôi chuyển sang làm việc tối. Giữa lúc có thể lang thang trong rừng, trên những đồng cỏ đã sẵn sàng chờ đón tiết đông mà lại ngồi trong phòng vào những giờ ban ngày ít ỏi thì thật là tiếc.

Tôi lang thang rất lâu và trông thấy nhiều dấu hiệu của mùa thu. Sáng sáng, ở những vũng nước, bên dưới lớp vỏ băng trong suốt như thủy tinh trông rõ những bọt không khí. Đôi khi trong những bọt không khí ấy, giống như trong khoảng trống của một quả cầu pha lê, có một chiếc lá liễu hoàn diệp hoặc bạch dương màu đỏ tím hoặc vàng chanh. Tôi thích phá lớp băng để nhặt những chiếc lá chết cứng ấy và mang về nhà. Chỉ ít lâu sau, trên bậc cửa sổ phòng tôi đã có một đồng lá như thế. Chúng được sưởi ấm và thoang thoảng mùi rượu.

Thú hơn cả là ở trong rừng. Gió thổi trên đồng cỏ, nhưng trong rừng vẫn có cái tĩnh mịch âm thầm trong suốt như băng mỏng. Cũng có thể là vì những đám mây tối mà trong rừng đặc biệt yên lặng. Mây lửng lơ sát đất, đến nỗi những ngọn thông như vương vất sương mù.

Thỉnh thoảng tôi đi câu ở những nhánh sông Ôka. Ở đó, trong những bụi rậm, mùi chát của lá liễu đường như làm cho da mặt săn lại. Nước sông đen nhuộm màu lam nhạt mờ đục. Mùa thu cá ít cắn câu và có cắn cũng thận trọng.

Rồi đến lượt mưa rơi, vườn tược tươi tắn, cỏ úa đen nằm rạp xuống tận đất. Trong không khí có mùi tuyệt ướt.

Mùa thu có rất nhiều đặc điểm, nhưng tôi không

chú ý ghi nhớ. Tôi chỉ biết chắc chắn một điều là không bao giờ tôi có thể quên được nỗi buồn thu ấy, nó gắn bó một cách kỳ lạ với cái thanh thản trong tâm hồn và những ý nghĩ giản dị.

Mây đen càng sâu thẳm, thứ mây đen lê lét những vạt áo rách rưới lòa xòa trên mặt đất, mưa càng lạnh thì tâm hồn càng tươi mát và chữ nghĩa hình như cứ tự nó nằm xuống mặt giấy một cách dễ dàng hơn.

Điều quan trọng là cảm thấy mùa thu, là dòng tình cảm và ý nghĩ mà mùa thu gợi lên. Và tất cả những gì ta gọi là tài liệu - người, sự việc, những điểm cá biệt và chi tiết - thì kinh nghiệm cho tôi biết rằng tất cả những cái đó nấp kín ở một nơi nào đó bên trong cái cảm giác về mùa thu kia, trong một thời gian nhất định. Và hễ tôi trở lại với cảm giác ấy trong một truyện ngắn nào đó, thì ngay lập tức, tất cả chúng vụt hiện lên trong trí nhớ và chuyển xuống mặt giấy.

Tôi không nghiên cứu ngôi nhà cũ kỹ nọ như tìm một chất liệu cho truyện. Tôi chỉ giản đơn yêu nó vì vẻ phiến muộn và cái yên lặng của nó, vì tiếng tích tắc vô vị của chiếc đồng hồ cổ, vì mùi khói bạch dương thường xuyên trong lò sưởi, vì những bản khắc treo trên tường (chúng còn lại rất ít, bởi hầu hết bản khắc của bà Katêrina đã

bị viện bảo tàng địa phương lấy đi) : Bản *Tự hoạ* của Briulốp; *Rước thánh giá*, *Người đánh bắt chim* của Pêrốp và *Chân dung* của Pôlina Viacôđô.

Kính trong những khung cửa sổ đã cũ và cong. Chúng lóng lánh màu sắc cầu vồng và lửa nển không hiểu sao lại phản chiếu trong kính hai lần.

Tất cả đồ vật trong nhà - những cái đi-văng, bàn và ghế - đều làm bằng gỗ màu sáng. Thời gian làm cho chúng bóng lên và có mùi gỗ trác bá như là những tranh thờ.

Trong nhà có nhiều đồ vật buồn cười : Những cây đèn đêm hình bó đuốc, những ổ khoá mật, những chiếc lọ sứ nhỏ xíu to bụng, trong đó kem xoa mặt đã cứng lại như đá, với chữ "*Pari*" trên nhãn hiệu, một bó hoa làm bằng sáp đầy bụi (người ta treo nó trên một chiếc chạc lớn đã han gỉ), một bàn chải nhỏ hình tròn dùng để xoa vết phấn ghi số quân thua trên bàn chơi bài lá.

Còn có ba quyển lịch dày của những năm 1848, 1850 và 1852. Trong lịch danh bạ những phu nhân quý tộc có ghi tên Natalia Nikôlaepna Lanxkaia, vợ của Puskin và Elizaveta Kxaveriepna Vônônxôva, người đàn bà gắn bó với nhà thơ trong một mối tình. Và không hiểu sao, tôi đâm buồn vì chuyện đó. Đến nay tôi vẫn không hiểu gì lẽ gì ? Có thể vì ngôi nhà này quá vắng lặng. Ngoài xa kia,

trên sông Ôka, gần đập nước Kuzminxki, một con tàu đang kêu lớn, và không thể nào không nhớ đến những vần thơ :

*Một ngày mưa đã lui, và đêm mưa mịt mùng
Như tấm áo chì phủ trời mênh mông
Vàng trắng sương tựa bóng ma mờ tỏ
Cát mình lên sau một rừng thông.*

Tối tối tôi lại phòng bà Katêrina uống trà.

Mắt bà lão đã không còn trông rõ. Mỗi ngày vài ba lần, cô bé hàng xóm tên là Nhiuốcka tính tình cau có và bực mình với hết thầy chạy đến giúp bà lão những việc vặt trong nhà.

Nhiuốcka đặt ấm xamôva lên đun nước, cùng uống với chúng tôi và xì xụp húp nước chè trong đĩa. Đáp lại những câu hỏi khế khàng của bà lão, Nhiuốcka chỉ trả lời độc có một câu :

- Lại còn thế nữa ! Sao mà bà bịa ra lắm chuyện!

Tôi quả nó nhưng nó vặc cả với tôi.

- Lại còn thế nữa ! Cứ làm như cháu chẳng biết gì ấy, cứ như là cháu ngốc lắm ấy !

Thực ra, Nhiuốcka chính là người duy nhất yêu mến bà lão. Cũng hoàn toàn chẳng phải vì thỉnh thoảng bà lão đem cho nó lúc thì một cái mũ bằng nhung cũ có gắn hình một con chim kalibri

sắc sỡ, lúc thì một cái mạng tóc bằng hạt cườm hoặc một chiếc khăn san đã ngả vàng cũ kỹ.

Bà Katêrina đã có thời gian ở Pari cùng với ông cụ thân sinh, biết Tuốcghênhiep, đã dự đám tang Vichto Huygô. Bà kể cho tôi nghe những câu chuyện ấy, còn Nhiuốcka thì nói :

- Lại còn thế nữa ! Sao mà bà bịa ra lắm chuyện!

Nhưng Nhiuốcka thường không ngồi lâu. Nó phải đi về để đặt "lũ nhóc" ngủ.

Bà Katêrina không lúc nào rời một cái ví nhỏ cũ rích bằng lụa bóng. Tất cả của cải của bà cất trong đó : Những bức thư của Naxchia, một ít tiền, giấy thông hành, bức ảnh cũng của Naxchia - một thiếu phụ xinh đẹp với đôi lông mày thanh tú gây khúc và cái nhìn mơ mộng - và một bức ảnh của chính bà khi còn là thiếu nữ. Lúc đó bà là hiện thân của sự dịu dàng và trong trắng.

Bà lão chẳng bao giờ phản nản gì hết, trừ những lời kêu ca về tuổi già sức yếu. Nhưng bà con hàng xóm và ông già tốt bụng, ngốc nghếch là Ivan Đomitoriêvich, coi lều cứu hoả, cho tôi biết đời bà chỉ độc một vị cay đắng. Naxchia đã bốn năm không về với mẹ, nghĩa là cô ta đã quên dứt người mẹ đã gần đất xa trời. Bà lão có thể chết bất kỳ lúc nào, không được gặp con, không được âu yếm

con ; không được ve vuốt làn tóc màu sáng của con, làn tóc "đẹp mê hồn" (như bà thường nói).

Naxchia gửi tiền cho mẹ, nhưng gửi cũng thất thường. Không biết bà lão sinh sống bằng cách nào trong những ngày con gái không gửi tiền về.

Một hôm, bà Katêrina nhờ tôi đưa ra thăm vườn. Từ đầu xuân bà chưa bước chân tới đây. Sức khỏe kém sút giữ rịt bà trong phòng.

- Ông này, - bà lão nói, - ông đừng giận bà lão nhá! Tôi muốn được trông thấy mảnh vườn lần cuối. Lúc còn con gái, ở đây tôi đã say mê đọc Tuốcgênhiệp. Có một số cây trong vườn do chính tay tôi trồng.

Bà lão mặc quần áo mất một lúc lâu. Bà bận chiếc áo choàng ấm đã cũ, quần chiếc khăn len dày rồi nắm chặt tay tôi, bà lần bước xuống thềm.

Trời đã sẩm tối. Khu vườn trụi lá. Lá rụng cản bước đi. Chúng kêu lép bép và động dấy dưới chân. Bầu trời hoàng hôn đang chuyển sang màu lá cây, một ngôi sao bùng sáng. Ngoài xa kia, trăng lưỡi liềm treo lơ lửng bên trên khu rừng.

Bà Katêrina dừng lại bên cây bồ đề sạm màu sương gió, vịn vào nó và khóc.

Tôi phải giữ chặt cho bà khỏi ngã. Như những người già lão, bà khóc không xấu hổ vì những giọt nước mắt của mình.

Bà nói với tôi :

- Cầu trời đừng có bắt ông phải sống đến cái tuổi già cô độc thế này, ông bạn thân mến ạ !

Tôi nhẹ nhàng đưa bà về nhà và nghĩ : tôi sẽ hạnh phúc biết bao nếu được có một người mẹ như bà.

Buổi tối, bà lão đưa tôi đọc một tập thư mà thời gian đã làm cho vàng úa, của cụ cố để lại.

Trong đó có thư của họa sĩ Kramxkôi⁽¹⁾ và nhà khắc gỗ Ioocđan⁽²⁾ ở La Mã, Ioocđan viết về tình bạn của ông với nhà điêu khắc Đan Mạch Toocvanxen⁽³⁾, về những bức tượng đá kỳ diệu của Latêran.

Cũng như mọi khi, tôi đọc những bức thư ấy ban đêm. Bên kia bức tường gió phóng ào ào trong những bụi cây trụi ẩm ướt, và ngọn đèn lép bép chán ngán nói chuyện một mình; không hiểu vì sao mà chính ở đây, trong cái đêm mưa này, nghe người gác nông trường gõ cửa ở cổng làng, tôi thấy có một cảm giác thật là lạ lùng và thích thú khi đọc những bức thư từ Rôm gửi tới.

Tôi bắt đầu chú ý tới Toocvanxen và rồi sau

1. Họa sĩ Nga (1837 - 1887).

2. Ioocđan P.I., nhà khắc gỗ Nga (1803 - 1882).

3. Thorvaldsen (1779 - 1884).

này ở Maxcova tôi đã đi kiếm tất cả những tài liệu có nói về ông và được biết thêm về tình bạn của ông với nhà viết truyện cổ tích Andecxen⁽¹⁾. Vài năm sau tôi viết một truyện ngắn về Andecxen. Cũng nhờ ngôi nhà cũ kỹ nơi thôn dã đó mà tôi đã viết được truyện ngắn ấy.

Mấy ngày sau bà lão Katêrina ốm liệt giường và từ đó không dậy được nữa. Bà lão không bị đau gì. Bà chỉ kêu mệt.

Tôi gửi một bức điện đi Lêningrát cho Naxchia. Nhiuốcka sang ở với bà lão để nếu có chuyện gì thì đã sẵn sàng.

Một hôm đang đêm Nhiuốcka đập mạnh vào tường phòng tôi và gọi tôi bằng một giọng sợ hãi:

- Ông lại ngay đi ! Bà cháu đang hấp hối !

Bà lão nằm mê mệt và thở rất khê. Tôi xem mạch, nó không đập mà run rẩy, mỏng manh như một sợi tơ nhện.

Tôi mặc quần áo, đốt đèn lên và đi tới bệnh xá trong làng tìm thầy thuốc. Bệnh xá ở mãi sâu trong rừng. Con gió tối tăm mang theo mùi mát của từ cây cối bị đấm trộm. Đêm đã khuya, đến nỗi chó cũng không còn sủa.

1. Hans Christian Andersen (1805 - 1875), nhà văn Đan Mạch, chuyên viết truyện cổ tích.

Bác sĩ tiêm cho bà một ống long nã, ông thờ dài và bỏ đi sau khi đã nói lại cho tôi hay rằng đó là cơn hấp hối, nhưng nó sẽ kéo dài vì tim bà lão còn khoẻ.

Gần sáng, bà lão qua đời. Tôi phải vượt mặt cho bà. Chắc chắn không bao giờ tôi có thể quên cái cảm giác khi tôi thận trọng vượt đôi mắt hé mở của bà lão và bất thần từ trong đôi mắt ấy rơi ra một giọt lệ đục.

Nhiuocka ghen ngào vì khóc, đưa cho tôi một chiếc phong bì nhàu nát và nói :

- Trong này bà đã dặn phải mặc cho bà quần áo gì khi đem chôn.

Tôi mở phong bì và đọc mấy dòng chữ mà cánh tay run rẩy của tuổi già đã viết. Đó là lệnh của bà lão dặn phải mặc cho bà quần áo gì khi bà qua đời và tôi đưa nó cho những người đàn bà đến nhà bà buổi sáng hôm ấy để sửa soạn cho bà đi tới nơi yên nghỉ cuối cùng.

Sau đó tôi ra nghĩa trang chọn chỗ mai táng. Khi tôi trở về thì người ta đã thay quần áo cho bà. Bà lão nằm trên bàn và tôi dừng lại, ngạc nhiên đến cực độ.

Bà nằm đó, nhỏ nhắn như một thiếu nữ trong bộ áo vũ hội tha thướt, màu vàng óng. Vạt áo lỏng lẻo quấn quanh chân bà. Dưới lần vải áo còn

nhìn rõ đôi giày đen nhỏ nhắn bằng da tuần lộc. Một đôi găng da mềm mại, trắng toát, bó chặt đến khuỷu đôi tay cầm nến. Một bó hồng đỏ thắm bằng lụa gài trên ngực áo bà.

Mặt bà lão phủ mạng và nếu như không có đôi khuỷu tay khô xác và nhăn nheo hiện rõ giữa những cánh tay áo và đôi găng trắng, ta có thể tưởng tượng người nằm đấy là một thiếu nữ trẻ, vóc người cân đối.

Naxchia về chậm mất ba ngày và khi nàng tới nơi thì đám tang bà lão đã xong.

Tất cả những gì tôi kể trên chính là cái tài liệu cuộc sống mà nhà văn có được, từ đó tác phẩm nảy sinh.

Đáng chú ý là mọi hoàn cảnh, mọi chi tiết, cả đến cảnh ngôi nhà vùng quê và mùa thu đều thích ứng hoàn toàn với tâm trạng của bà lão Katêrina, với tấm thảm kịch trong tâm hồn mà bà đã phải chịu đựng trong những ngày cuối cùng của đời mình.

Nhưng tất nhiên, không phải tất cả những gì tôi đã thấy và đã suy nghĩ lại lúc ấy đều được đưa vào *Bức điện*. Rất nhiều cái còn nằm ngoài lề truyện ngắn. Chuyện đó thường xảy ra.

Nói theo ngôn ngữ nhà văn thì thường thường muốn viết một truyện ngắn không lớn lắm cần

phải "khai thác" những tài liệu lớn hơn để mà chọn trong đó những gì quý giá nhất.

Tôi đã có dịp quan sát công việc của những diễn viên giỏi khi họ đóng những vai phụ. Nhân vật mà anh ta thủ vai nói có đôi ba câu trong suốt vở kịch, nhưng diễn viên đã hỏi đi hỏi lại tác giả không riêng về tính cách và hình dáng bề ngoài của nhân vật.

Diễn viên cần biết chính xác điều đó chỉ để nói cho đúng vài ba câu của mình.

Đối với các nhà văn cũng vậy. Nguồn tài liệu dự trữ phải lớn hơn nhiều so với số lượng tài liệu cần dùng cho một truyện ngắn.

*

* *

Tôi đã kể lại chuyện *Bức điện*. Nhưng mỗi một truyện ngắn đều có lịch sử của nó và tài liệu của nó.

Có một lần, vào mùa đông, tôi ở Yanta. Khi tôi mở cửa sổ thì những chiếc lá sồi khô lá tả bay vào phòng. Gió làm cho những chiếc lá lăn trên mặt sàn và kêu lao xao. Đó không phải là những cây sồi bách niên mà là lá của thứ sồi con thấp lè tè thường mọc đầy những cánh đồng cỏ thoải thoải miền núi ở Krum.

Đêm đến gió lạnh thổi từ những ngọn núi phủ đầy tuyết xuống. Tuyết lấp lánh một cách huyền ảo trong ánh sáng của những vì sao lung linh.

Nhà thơ Axêep ở cạnh phòng tôi đang viết những bài thơ về nước Tây Ban Nha anh hùng (lúc đó đang xảy ra những biến cố ở Tây Ban Nha), về *"bầu trời cổ kính Bacxolôn"*.

Nhà thơ Voladimira Lugôpxlôi hát bằng giọng trầm và khoẻ những bài hát của thuỷ thủ Anh:

*Vĩnh biệt đất liền ! Tàu ra khơi
Và vết hải âu còn sau lái...*

Tối tối chúng tôi quây quần bên máy thu thanh nghe tin chiến sự Tây Ban Nha.

Chúng tôi đáp xe đi đến đài thiên văn Ximêizơ. Một nhà thiên văn đầu bạc phơ chỉ cho chúng tôi xem bầu trời sao ánh sáng toả ra từ những đốm lửa hiếm hoi và xa lơ xa lắc trong những vực thẳm bao la của trời.

Thình thoảng tiếng súng tập trận của những chiếc tàu chiến thuộc hạm đội Hắc Hải vang đến tận Yanta. Khi tiếng súng dội đến, nước trong những bình thuỷ tinh rung mình, một tiếng rên khẽ chạy qua đồng cỏ, quanh quẩn trong đám lá thông rồi câm bặt.

Ban đêm những chiếc máy bay vô hình âm ỉ trên trời.

Tôi đọc một cuốn sách của Frankô⁽¹⁾ nói về Xécvăngtec⁽²⁾. Sách chẳng có mấy, vì thế tôi đọc đi đọc lại cuốn đó mấy lần.

Vào thời kỳ này cây thập giác bốn chân bắt đầu bò rất nhanh trên châu Âu. Henrich Man⁽³⁾, Anhxtanh⁽⁴⁾, Rômac⁽⁵⁾, Xtêfan Xvaigơ⁽⁶⁾ - những con người cao quý của nước Đức - đã rời bỏ quê hương, không muốn đồng loã với "nạn dịch hạch nâu" và tên vô loại điên khùng Hitle. Những người lưu vong trên đất khách vẫn mang theo nơi tìm niềm tin không gì lay chuyển nổi vào thắng lợi của chủ nghĩa nhân đạo.

Gaïđa⁽⁷⁾ mang về ngôi nhà chúng tôi ở một con chó béc giê lông xù lộc ngọc có đôi mắt vàng tươi rói. Anh bảo đó là chó chặn cừu miền núi.

Hồi đó Gaïđa đang viết truyện ngắn tuyệt diệu của anh - truyện *Chiếc chén xanh da trời*. Và vờ như anh không biết tí gì về văn học. Nói chung anh hay làm ra bộ ngờ ngẩn.

1. Nhà văn lớn Ukraina (1876 - 1916).

2. Nhà văn Tây Ban Nha, thế kỷ 17.

3. Nhà văn lớn Đức.

4. Nhà khoa học lớn Đức (1879 - 1955) sống lưu vong và chết ở Mỹ.

5. Nhà văn lớn Đức.

6. Nhà văn lớn Áo.

7. Nhà văn Xô viết, chuyên viết truyện thiếu nhi (1904 - 1941).

Đêm đến Hắc Hải âm ì một cách buồn thảm. Nó âm ì cả ban ngày nhưng lúc đó không nghe rõ đến thế. Có tiếng âm ì của biển viết cũng dễ hơn.

Đây là một loạt những chi tiết của "cuộc sống đang chảy trôi" lúc đó. Từ những chi tiết đó truyện ngắn *Chòm sao Chó săn* hình thành. Trong truyện ngắn ấy các bạn sẽ thấy hầu hết những gì tôi nhắc đến trên kia : những chiếc lá sồi khô, nhà thiên văn đầu bạc, tiếng rền của những loạt đại bác, nhà văn Xécvăngtét, những con người tin tưởng sắt đá vào thắng lợi của chủ nghĩa nhân đạo, con chó béc giê vùng sơn cước, chuyến bay đêm và nhiều thứ khác nữa.

Tất cả những cái đó tất nhiên đã được nhào nặn trong một tương quan khác và tạo thành tình tiết nhất định.

Khi tôi viết truyện ngắn này, lúc nào tôi cũng gắng giữ cho mình cái cảm xúc trước cơn gió lạnh thổi từ những núi đêm xuống. Nó cũng giống như một cái *letmotiv* ⁽¹⁾ của truyện ngắn.

1. Chủ đề quán xuyên, khúc điệu chính trong một bản nhạc.

NGÔN NGỮ KIM CƯƠNG & NHỮNG CUỐN TỪ ĐIỂN

*Trong hai chương này Pauxtópki
đặc biệt nói về ngôn ngữ Nga, sự
giàu có của nó, xuất xứ của các
từ, liên quan về âm của các từ và
ngôn ngữ nói chung đối với nghề
văn. Chúng tôi không dịch, vì khó
mà truyền đạt được cái vẻ đẹp trong
sáng cái đặc thù của tiếng Nga.*

CÂU CHUYỆN XẢY RA TRONG CỬA HÀNG ANSVĂNG

Mùa đông năm 1921 tôi ở Ôđétxa, trong một ngôi nhà trước kia là cửa hàng bán quần áo may sẵn "Ansvăng và công ty". Tôi chiếm phòng thử quần áo trên tầng thứ hai của cửa hàng này, chẳng cần chờ ai cho phép.

Trong quyền sử dụng của tôi có ba căn phòng lớn với những tấm gương thượng hảo hạng. Những tấm gương này gắn chặt vào tường đến nỗi cả tôi, cả nhà thơ Eđua Bagritski⁽¹⁾ đã nhiều lần cố nẩy ra để mang đổi lấy thức ăn ở chợ Mới mà không được. Thậm chí chẳng một chiếc gương nào bị rạn.

Trong phòng thử quần áo, ngoài ba chiếc hòm trong có vỏ bào mục, không còn đồ đạc gì khác.

1. Nhà thơ lớn Xô viết.

May mà cánh cửa kính lại dễ tháo khỏi bản lề. Tối đến tôi tháo nó ra, đặt lên hai chiếc hòm làm giường.

Cánh cửa kính rất trơn, vì thế chiếc đệm cũ đem nào cũng cùng tôi lăn xuống sàn vài lần.

Cứ mỗi lần chiếc đệm bắt đầu chuyển động là tôi lại tỉnh dậy ngay lập tức, nằm yên, nín thở, không dám động đậy đến cả một ngón tay và hy vọng một cách ngốc nghếch rằng có thể, chiếc đệm sẽ dừng lại. Nhưng nó cứ chậm chạp, lì lợm, khắc nghiệt và cái ranh mãnh của tôi cũng chẳng giữ được tôi khỏi rơi xuống.

Việc đó chẳng đáng buồn cười tí nào. Mùa đông năm ấy thực hung dữ. Bể đóng băng suốt từ cảng tới Malvi Fontan. Gió đông bắc cay nghiệt làm cho những con đường lát đá cứ nhẵn thín. Tuyết không chịu rơi và vì thế cái lạnh lại càng có vẻ lạnh hơn khi có tuyết phủ trên đường phố.

Trong phòng thử quần áo có một chiếc lò sưởi bằng sắt tây - một chiếc "tư sản". Không có gì để đốt lò. Mà cũng chẳng có thể làm ấm cả ba gian phòng bằng một cái lò sưởi con con thảm hại đó, vì thế tôi chỉ dùng cái lò "tư sản" nọ đun nước chè cà rốt. Chỉ cần vài ba tờ báo cũ là đủ đun một ấm nước rồi.

Cái hòm thứ ba được dùng làm bàn viết. Tối

tôi, tôi thắp ngọn đèn dầu hoả không chao đặt lên cái bàn ấy.

Tôi đắp lên mình tất cả những vật ấm mà tôi có và nằm đọc thơ Hôxê Maria Erêdia ⁽¹⁾ do Ghê-oocghi Senghen dịch, dưới ánh sáng của ngọn đèn dầu hoả không chao nọ. Những bài thơ được xuất bản ở Ôđétxa trong cái năm đói kém ấy, nhưng tôi xin làm chứng cho chúng rằng chúng không hề làm yếu đi tinh thần dũng cảm của chúng tôi. Chúng tôi cảm thấy mình vững chắc như những người dân La Mã và nhớ đến những câu thơ của chính Senghen viết: *"Các bạn ơi, chúng ta là những người La Mã. Chúng ta đổ máu..."*

Tất nhiên, chúng tôi không đổ máu nhưng dù sao thì chúng tôi - những con người trẻ tuổi và vui tươi - đôi khi cũng quá rét và quá đói. Song không một ai than thở.

Ở tầng thứ nhất của cửa hàng là cái hoạt động âm ỉ và hơi khả nghi của một tập đoàn nghề hoạ. Đứng đầu xí nghiệp đó là một ông thợ vẽ già bản tính, nổi tiếng ở Ôđétxa với biệt hiệu "Vua biển hàng".

Tập đoàn nọ nhận đặt làm các biển hiệu, khâu mũ đàn bà, đóng "giày gỗ" (giày phụ nữ, đặc biệt

1. José Maria Herédia, nhà thơ Pháp, sinh ở Cuba (1842 - 1905).

vì cái đơn giản cổ đại của nó: người ta chỉ đóng mấy cái quai vào đế gỗ - thế là xong !) và vẽ quảng cáo chiếu bóng (họ vẽ bằng màu có pha hồ trên những tấm ván mỏng cong queo).

Nhưng một lần xường hoạ gặp may, họ được đặt làm cái gọi là "trang hoàng đăng mũ" cho một chiếc tàu Hắc Hải, chiếc tàu độc nhất trong thời gian đó. Tên nó là "Pêxten". Nó chuẩn bị đi Batum chuyến đầu tiên.

Cái công trình ấy được làm nên bằng sắt tấm và sau đó người ta vẽ linh tinh lên trên nền đen của nó một thứ trang trí hình cây cỏ.

Công việc ấy lôi kéo tất cả mọi người, đến nổi viên cảnh sát Giôra Kazlôpxki đã có lần bỏ cả vị trí gác ở gần đây để đến xem.

Hồi đó tôi đang làm thư ký trong tờ báo hàng ngày *Người thuỷ thủ*. Nhiều nhà văn trẻ làm việc tại tờ báo này, trong số đó có Kataep, Bagritxki, Baben, Olêsa, Infơ. Lớp nhà văn già, giàu kinh nghiệm, chỉ có Andrê Xôbôn là hay đến toà soạn chúng tôi. Ông là một người đáng yêu, một người ngồi không yên chỗ, lúc nào cũng hối hả vì một chuyện gì đó.

Một hôm Xôbôn mang đến cho *Người thuỷ thủ* một truyện ngắn. Nó rách mướp, lẫn lộn lung tung

mặc dù đề tài rất thú vị và hiển nhiên là một câu chuyện do một bàn tay tài năng viết ra.

Mọi người đọc xong truyện ngắn của Xôbôn đều băn khoăn : cứ để nguyên luộm thuộm như thế mà in ra thì không được. Đề nghị Xôbôn sửa lại thì không ai dám. Về mặt đó, Xôbôn là một người hết sức cứng nhắc và vì cái tự ái của tác giả thì ít (cái đó chính Xôbôn lại không có) mà vì bệnh thần kinh của ông thì nhiều : ông không thể làm lại những gì đã viết và mất hết hứng thú đối với chúng.

Chúng tôi thừ ra suy nghĩ : làm thế nào bây giờ? Cùng ngồi với chúng tôi có ông già Blagôp, người sửa bài của chúng tôi, nguyên chủ nhiệm tờ báo phổ biến rộng rãi nhất nước Nga hồi trước là tờ *Tiếng nói Nga*, cánh tay phải chủ nhân Nhà xuất bản nổi tiếng Xuchin.

Đó là một con người kín tiếng, khiếp đảm vì quá khứ của mình. Với tất cả cái thân hình đường bệ của ông, ông hoàn toàn xa lạ với đám thanh niên âm ỉ và rách rưới của toà soạn.

Tôi mang bản thảo của Xôbôn về cửa hàng Ansvăng đọc lại lần nữa.

Đến khuya (chưa đến mười giờ nhưng thành phố chìm trong bóng đêm đã vắng ngắt từ chập tối, chỉ còn có những cơn gió hã hê độc ác rú lên

ở những ngã tư) viên cảnh sát Giôra Kazlôpxki đến gõ cửa nhà hàng.

Tôi vê một mảnh giấy báo cho chặt, châm lửa và cầm nó như ta cầm bó đuốc đi ra mở cánh cửa nặng nề của hiệu buôn được cài bằng một khúc ống dẫn hơi gi. Không thể mang theo cây đèn không chao : nó tắt không phải chỉ riêng vì một rung động nhỏ nhất của không khí mà thậm chí vì một cái nhìn chăm chú.

Chỉ cần mãi suy nghĩ và nhìn đắm đắm vào nó là ngay lập tức nó bắt đầu kêu lép bép một cách thảm hại, nhấp nháy nhấp nháy rồi lặng lẽ tắt ngấm. Đến nỗi tôi phải tránh không dám nhìn nó.

- Có người hỏi ông, - Giôra nói, - nếu ông nhận ông ta tôi sẽ cho vào. Ở đây hoàn toàn là xương cẩu. Người ta nói riêng cái chỗ thuốc vè cũng có tới ba triệu bạc.

Tất nhiên, nếu tính bằng lương tôi ở báo *Người thuỷ thủ* là một triệu đồng một tháng (theo giá chợ, số tiền ấy đủ mua bốn mươi bao diêm) thì món tiền nợ cũng chẳng đến nỗi quá lớn như Giôra nghĩ.

Blagôp đứng sau cửa. Tôi xác nhận ông. Giôra cho vào và nói rằng độ hai tiếng đồng hồ nữa ông sẽ quay lại sưởi và uống nước nóng.

- Này anh, - Blagôp nói. - Tôi vẫn cứ nghĩ mãi đến cái truyện ngắn của Xôbôn. Đó là một truyện ngắn kiệt xuất. Không thể để cho nó chết. Tôi, con ngựa già của làng báo, có thói quen không chịu để tuột khỏi tay những truyện ngắn tốt.

- Nhưng biết làm thế nào ! - Tôi trả lời.

- Anh đưa bản thảo đây cho tôi. Tôi xin lấy danh dự mà thề rằng tôi sẽ không thay đổi lấy một chữ trong đó. Tôi sẽ ở lại đây, bởi vì không thể nào về nhà ở phố Lănggiơrông được. Đi vào giờ này thì chắc chắn bị lột sạch. Tôi sẽ coi qua bản thảo trước mặt anh.

- "Coi qua" nghĩa là thế nào ? - Tôi hỏi. - "Coi qua" có nghĩa là sửa ?

- Tôi nhắc lại với anh rằng tôi sẽ không bớt đi và cũng không thêm vào một chữ nào.

- Thế ông sẽ làm gì ?

- Rồi anh xem.

Trong câu nói của Blagôp tôi cảm thấy có cái gì đó khó hiểu. Cùng với con người điềm đạm này, một cái gì bí ẩn đã lẫn trong đêm đông giông bão lọt vào cửa hiệu Ansvăng. Cần phải khám phá ra điều bí ẩn đó, và vì thế tôi đã ưng thuận.

Blagôp móc túi lấy ra một mẫu nến nhà thờ rất lớn. Những giọt sáp màu vàng chảy dài uốn

khúc tròn ốc chung quanh thân nển. Blagôp châm lửa và gắn nó trên mặt hòm. Ông ngồi lên chiếc va li cũ kỹ của tôi và cúi xuống tập bản thảo, chiếc bút chì dẹt của thợ mộc trong tay.

Nửa đêm Giôra Kazlôpxki tới. Vừa đúng lúc nước đã sôi và tôi đang pha trà nhưng lần này không phải thứ trà làm bằng cà rốt không mà bằng những mẫu củ cải đỏ thái nhỏ, rồi đem sao.

- Này các ông bạn, - Giôra nói, - đứng từ xa mà nhìn trông các ông thực chẳng khác gì bọn làm bạc giả. Các ông đang làm gì đấy ?

- Chúng tôi sửa một truyện ngắn cho số báo sắp ra, - tôi trả lời.

Giôra lại nói :

- Này các ông bạn ! Không phải người cảnh sát nào cũng hiểu được các ông đang làm gì. Hãy cảm ơn ông trời, tất nhiên là chẳng có trời, vì tôi đã đứng gác ở đây, chứ không phải một anh chàng nào khác. Đối với tôi, văn hoá là trên hết. Còn bọn làm bạc giả thì đấy chính là những nghệ sĩ mà từ một cục cắt có thể làm ra cả đô la lẫn giấy chứng nhận cư trú. Nghe người ta nói trong viện bảo tàng Luvơ ở Pari có một bàn tay bằng đá hoa cương đẹp tuyệt trần để trên một cái gối bằng nhung đen. Mà nào có phải tay

Xara Berna ⁽¹⁾, Sôpanh ⁽²⁾ hay là Vera Khalôtnaia cho cam. Đó là bàn tay lấy ra từ dấu thực của anh chàng làm bạc giả nổi tiếng nhất châu Âu. Thời ấy người ta chặt đầu hắn, nhưng tay hắn thì lại đem ra trưng bày như thể hắn là một người biểu diễn vĩ cầm đại tài vậy. Câu chuyện có ý nghĩa giáo dục đấy chứ ?

- Không có nhiều lắm, - tôi đáp. - Ông có *xakharin* ⁽³⁾ không ?

Giôra trả lời :

- Có đấy. Xakharin viên. Có thể cho ông một ít được.

Mãi đến gần sáng Blagôp mới làm xong việc sửa bản thảo. Ông chỉ đưa cho tôi xem sau khi chúng tôi tới toà soạn và cô thư ký đánh máy đã đánh lại sách sẽ.

Tôi đọc hết truyện ngắn và sững sờ. Đó thực là một áng văn xuôi trong sáng, tôi luyện. Tất cả đều nổi bật, rõ ràng, phân minh. Cái đồng chữ nghĩa lộn xộn, rối mù trước kia không còn để lại một dấu vết. Mà đúng là không có một từ nào bị bỏ đi hoặc thêm vào.

1. Sarah Bernhart, nữ diễn viên kịch nổi tiếng của Pháp (1844 - 1923).
2. Chopin, nhạc sĩ thiên tài Ba Lan (1810 - 1849).
3. Một loại đường hoá học phổ biến trong thời gian xảy ra câu chuyện.

Tôi nhìn sang Blagôp. Ông đang hút một điếu thuốc gôc, thuốc miền Kuban, đen như than ⁽¹⁾ và tủm tủm cười.

- Thật là phép lạ, - tôi nói. - Ông làm cách nào vậy?

- Có gì đâu. Tôi chỉ có việc đặt lại các dấu ngắt câu cho đúng. Xôbôn vốn hay đặt lung tung các dấu chấm phẩy. Tôi chỉ cần thận đặt lại chúng. Và chia đoạn nữa. Ông bạn ạ, đó là một việc vĩ đại. Từ thời Puskin còn sống, thi sĩ đã nói đến các dấu ngắt câu rồi. Có dấu ngắt câu là để làm cho ý được tách bạch, chữ nghĩa đầu vào đó, cho câu văn nhẹ nhàng và có âm điệu đúng. Những dấu ngắt câu cũng chẳng khác gì những nốt nhạc. Dấu ngắt câu giữ cho văn bài chặt chẽ, không để nó bị vụn nát.

Truyện ngắn được in. Nhưng ngày hôm sau Xôbôn đã xông xộc bước vào toà soạn. Cũng như thường lệ, ông không đội mũ, tóc rũ rượi. Đôi mắt ông sáng rực lên một cách khó hiểu.

- Kê nào đã đụng đến truyện ngắn của ta?

Xôbôn hét lên bằng một giọng chưa từng thấy và vung cao gậy đập mạnh xuống bàn, nơi đặt những chồng báo. Bụi trên bàn phụt lên như từ một miệng núi lửa.

1. Nguyên văn : đen như chè, ý so sánh với chè đen.

- Không ai đụng đến đâu, - tôi trả lời. - Ông có thể kiểm tra lại nguyên văn.

- Nói láo ! Xôbon quát, - Láo ! Rồi thế nào ta cũng biết kẻ đã đụng đến nó.

Câu chuyện trở thành om xòm. Những nhân viên nhút nhát bắt đầu chuồn nhanh ra khỏi phòng. Nhưng cũng như thường lệ, nghe tiếng ầm ầm là cả hai cô đánh máy của chúng tôi là Liuxiêna và Liuxia đã chạy đến, khua vang những đôi "giày gỗ".

Lúc đó Blagôp mới nói bằng một giọng điềm tĩnh, thậm chí chán ngán.

- Nếu như ông cho rằng ông đặt lại các dấu ngắt câu trong truyện ngắn của ông là đụng đến nó thì thưa ông, chính tôi đã đụng đến đấy. Vì trách nhiệm của người sửa bài.

Xôbon nhảy xổ về phía Blagôp, nắm lấy tay ông mà lắc mạnh, rồi ôm lấy ông già và hôn ba lần theo kiểu Maxkova.

- Cảm ơn ông ! - Xôbon xúc động nói. - Ông đã cho tôi một bài học tuyệt vời. Chỉ tiếc là bài học ấy đến quá chậm. Tôi chỉ cảm thấy có tội đối với những tác phẩm trước kia của tôi.

Tối hôm ấy Xôbon kiếm đâu được nửa chai cô-nhắc và mang lại cửa hàng Ansvăng. Chúng tôi

mời Blagôp, cả Bagritxki và ông cảnh sát Giôra Kazlôpxki đối gác cũng đến, và chúng tôi cạn cốc để ca ngợi văn học và những dấu ngắt câu.

Sau câu chuyện đó tôi mới hoàn toàn hiểu rõ rằng một dấu chấm đặt đúng chỗ có tác động đến người đọc như thế nào.

NHỮNG CÁI TƯỢNG CHỪNG NHƯ VẬT VĨNH

Hầu như nhà văn nào cũng có người cổ vũ mình, ông thần thiện của mình và thường người đó cũng là một nhà văn.

Chỉ cần đọc lấy vài dòng trong cuốn sách của người cổ vũ ta, thế là tức khắc chính ta đã muốn viết. Tưởng như từ mấy cuốn sách ấy, một thứ nước cốt gậy men đã bắn ra, làm ta say, lây sang ta và bắt ta cầm bút.

Chỉ lạ một điều là thường thường ông thần thiện của ta lại khác xa ta về phong cách sáng tác cũng như về bút pháp và đề tài.

Tôi biết một nhà văn - một nhà hiện thực vững vàng, hay viết về đời sống bình thường, một con người tỉnh táo và trầm tĩnh. Đối với ông, vị thần thiện của ông lại chính là nhà văn có trí tưởng

tượng bất kham Alếchxandơ Grin. ⁽¹⁾

Gaiđa gọi Dichkenx ⁽²⁾ là người cổ vũ của anh. Còn đối với tôi thì bất cứ trang nào trong cuốn *Những bức thư từ La Mã* của Xtăngđan ⁽³⁾ cũng làm tôi muốn viết, thế nhưng tôi lại viết những truyện khác Xtăngđan đến nỗi chính tôi cũng phải ngạc nhiên. Một lần vào mùa thu, khi đọc Xtăngđan, tôi đã viết truyện ngắn *Khu rừng 273* về những khu rừng cấm bên sông Prê. Trong truyện ngắn đó hoàn toàn không thể tìm thấy một chút gì "giống như" Xtăngđan cả.

Thú thực, tôi cũng chẳng nghĩ ngợi bao nhiêu về trường hợp trên. Tất nhiên, ta cũng có thể tìm được cách giải thích nó. Tôi nhắc đến chuyện ấy chẳng qua chỉ nói đến rất nhiều hoàn cảnh và thói quen mới nhìn qua thì có vẻ chẳng mấy quan trọng, nhưng lại giúp cho nhà văn làm việc.

Mọi người đều biết Puskin viết tốt nhất vào mùa thu. Chả thế mà thời kỳ *Mùa thu ở Bônđin* của ông đã trở thành đồng nghĩa với sự được mùa sáng tác của ông.

*"Mùa thu đang tới gần. - Puskin viết cho Pletnhet-
Đó là mùa mà tôi thích nhất, sức khoẻ của tôi*

1. Nhà văn Xô viết (1880 - 1932).

2. Nhà văn Anh (1812 - 1870)

3. Nhà văn Pháp (1783 - 1842).

vào mùa này thường sung mãn hơn. Thời sáng tác của tôi đã đến".

Đoán xem tại sao như vậy thật dễ dàng.

Mùa thu là sự trong suốt và giá lạnh, là "màu biệt ly" với nét cắt phân minh của những chân trời xa và hơi thở tươi mát. Mùa thu đưa vào thiên nhiên một bức vẽ hà tiện nét. Màu đỏ thắm và màu vàng óng của rừng lớn và rừng nhỏ mất dần đi từng giờ, làm cho những đường nét sắc thêm và để lại những cành cây trụi lá.

Con mắt cứ quen dần với vẻ trong sáng của cảnh thu. Vẻ trong sáng ấy từ từ chiếm lấy ý thức, sức tưởng tượng và cánh tay nhà văn. Mạch nguồn thơ văn vọt lên dòng nước trong suốt và giá lạnh trong đó chỉ có những hạt băng mới thỉnh thoảng reo lên khe khẽ. Đầu óc sáng suốt, tim đập mạnh và đều. Chỉ có tay là hơi cứng.

Vụ mùa tư duy của con người chín vào mùa thu. Baratynski đã nói về chuyện đó rất hay : *"Khi số mệnh nhân quần người hiểu biết, sẽ chín mong một vụ mùa thân thiết, cho người về hái gặt hạt tư duy."*

Theo lời Puskin thì cứ mỗi mùa thu ông lại tươi nở. Ông trẻ lại cùng với mỗi mùa thu. Rõ ràng Gơrơ đã đúng khi ông cả quyết rằng trong

đời những thiên tài thường có mấy lần tuổi xuân trở lại.

Vào một trong những ngày thu như thế Puskin đã sáng tác những vần thơ nói lên một cách hết sức sáng rõ quá trình sáng tạo phức tạp của nhà thơ.

*Tôi lãng quên thế giới
Trong im lặng ngọt ngào
Tưởng tượng ru đưa tôi vào mộng
Và nàng thơ thức giấc trong lòng tôi xao động
Trong tim tôi niềm xúc cảm trữ tình
Và run rẩy, và ngân vang, và dò tìm
trong ánh mộng lung linh
Để sau hết trào tuôn trong biểu đạt
Đến với tôi đám khách vô hình, bạn cũ
chưa biết mặt
Con đẻ ước mơ tôi - và những ý sục sôi
Trong dũng khí. Vần điệu thênh thang
nghênh đón chào mời
Và ngón tay đòi bút, bút đòi trang giấy trắng
Một phút qua. Và dào dạt thơ tuôn...*

Đây là một phân tích sáng tỏ lạ thường về sáng tác. Người ta chỉ có thể tạo ra nó trong cơn phấn chấn cao độ của tâm hồn.

Ở Puskin còn có một điểm đặc biệt nữa. Những đoạn mà ông thấy không đạt trong tác phẩm của

mình, ông bỏ qua ngay, không bao giờ dừng lại, và cứ tiếp tục viết. Sau ông mới quay về với những đoạn đã bỏ qua trước kia, nhưng cũng chỉ quay về khi nào trong ông có cái hưng phấn của tâm hồn, mà ông gọi là cảm hứng. Không bao giờ ông cố gắng bức bách cảm hứng phải xuất hiện.

Tôi đã thấy cách làm việc của Gaiđa. Anh làm việc khác hẳn cách sáng tác thông thường ở các nhà văn.

Hồi ấy chúng tôi cùng ở một làng trong khu rừng Mêse. Gaiđa ở tại ngôi nhà lớn trông ra đường phố làng quê, còn tôi thì ở trong một "cái" trước kia gọi là nhà tắm công cộng nằm sâu trong vườn.

Lúc đó Gaiđa đang viết cuốn *Số phận chú bé đánh trống*. Chúng tôi giao ước với nhau làm việc cho đến nơi đến chốn từ sáng tới trưa và trong khoảng thời gian đó không rủ rê nhau đi câu.

Một hôm tôi ngồi viết trong nhà tắm bên cửa sổ bỏ ngõ. Nhưng chưa được lấy một phần tư trang thì đã thấy Gaiđa từ trong ngôi nhà lớn đi ra. Anh đi ngang qua cửa sổ, chỗ tôi ngồi, coi bộ hết sức ung dung và thản nhiên.

Tôi giả vờ không trông thấy anh. Gaiđa đi đi lại lại trong vườn, cầu nhàu một mình điều gì đó, rồi lại đi ngang qua cửa sổ, nhưng lần này thì

rõ ràng là cố ý bắt tôi phải chú ý tới anh. Anh huyết sáo miệng và vờ ho.

Tôi im lặng. Tức thì Gaidă đi qua lần thứ ba và bực bội nhìn tôi. Tôi một mực im lặng.

Gaidă không chịu nổi nữa.

- Này, - anh ta nói, - đừng giở trò ngốc. Dù sao thì cậu viết cũng nhanh như gió, có dừng lại ít chút cũng chẳng chết ai. Bôbôrukin mới gồm chứ ! Nếu tớ mà viết được như hần ta thì tớ đã có một toàn tập gồm một trăm mười tám cuốn.

Anh ta rất thú cái con số ấy và nhắc lại một cách khoái trá :

- Một trăm mười tám cuốn ! Không kém cuốn nào !

Tôi nói :

- Này, thôi đi, hãy nói đi : cậu cần gì ?

- Tớ cần cậu nghe xem tớ nghĩ được một câu hay đến như thế nào.

- Câu gì ?

- Cậu nghe đây: "*Ông già đau khổ, thật đau khổ - hành khách nói*". Được không ?

- Làm sao tớ biết được. Còn phải xem câu ấy đứng ở chỗ nào và liên quan đến cái gì đã chứ - tôi trả lời.

Gaidă nổi khùng :

- "Liên quan đến cái gì", "liên quan đến cái gì"! - Anh nhại lại tôi. - Liên quan đến cái cần phải liên quan chứ còn liên quan đến cái gì nữa ! Thôi, mặc xác cậu ! Ngồi đi, ngồi mà chép tác phẩm của cậu. Tớ đi tớ viết câu ấy.

Nhưng anh không chịu được lâu. Sau đó hai mươi phút anh lại đi đi lại lại bên ngoài cửa sổ của tôi.

- Thế nào, cậu còn nghĩ ra được câu nào tài tình nữa không đấy ? - Tôi hỏi.

- Này, - Gaidă nói - Trước kia mình chỉ ngỡ cậu là một thằng trí thức hết gân và hay giấu cợt người. Bây giờ thì tớ tin chắc như vậy. Hơn nữa, tớ cay đắng mà tin như vậy.

- Thôi cậu đi đi ! - Tôi nói. - Tớ xin cậu đấy, đừng quấy nữa.

- Này, thằng cha Lagiěchnhikôp mới cừ chứ !

Gaidă nói, nhưng rồi anh cũng bỏ đi.

Năm phút sau anh trở lại và từ đằng xa đã kêu âm lên cho tôi nghe một câu mới. Câu đó, nói của đáng tội, thật bất ngờ và hay. Tôi khen anh, Gaidă cũng chỉ cần có thế.

- Có vậy chứ ! - Anh nói. - Giờ thì tớ cũng thôi, sẽ không bao giờ đến cậu nữa. Không bao giờ ! Tớ sẽ kiếm cách viết không cần đến sự giúp đỡ của cậu.

Và bất thành linh anh nói thêm một thứ tiếng Pháp hết sức quái gở :

- *O rovoa, moxiơ lêcorivanh ruýtơ xôviêlich*⁽¹⁾.

Hồi đó anh đang mê tiếng Pháp và mới bắt đầu học.

Gaïđa trở ra vườn mấy lần nữa nhưng không quấy rầy tôi mà chỉ đi đi lại lại trên con đường nhỏ ở xa và lăm bắm điều gì.

Cách làm việc của anh là như vậy : vừa đi vừa nghĩ ra những câu văn, ghi lại, rồi nghĩ. Suốt ngày anh hết ở trong nhà lại ra ngoài vườn. Tôi lấy làm ngạc nhiên và tin chắc rằng Gaïđa viết cuốn truyện dài của anh rất chậm. Nhưng sau hoá ra đây là mẹo lừa của anh và anh ghi chép được nhiều hơn, chứ không phải từng câu một.

Hai tuần sau anh hoàn thành cuốn *Số phận chú bé đánh trống*. Anh lại đến cái nhà tắm của tôi, vui vẻ và thoả mãn. Anh hỏi tôi :

- Cậu có muốn tớ đọc cho nghe truyện dài tớ mới viết không?

Tất nhiên, tôi rất muốn nghe.

- Thế thì cậu nghe đây ! - Gaïđa dừng lại ở giữa phòng, đút hai tay vào túi quần, nói.

1. Tam biệt, ông nhà văn Nga Xô viết (tiếng Pháp).

Tôi hỏi :

- Thế bản thảo đâu ?

Gaïđa lên giọng kẻ cả, trả lời :

- Chỉ có thứ nhạc trưởng quèn mới đặt bản hợp tấu lên giá nhạc trước mặt. Tớ cần gì đến bản thảo! Nó đang nằm nghỉ trên bàn. Cậu có nghe hay không đã?

Và anh đọc thuộc lòng cho tôi nghe hết cuốn truyện dài, từ đầu câu đến cuối câu.

- Thế nào cậu cũng lẫn lộn ra trò ở một số đoạn nào đó. - Tôi nói với một vẻ hoài nghi.

- Tớ đánh cuộc với cậu này. - Gaïđa nói lớn. - Không thể có quá mười lỗi ! Nếu cậu thua thì mai đi ngay Riadan mua cho tớ cái phong vũ biểu cổ ở chợ Giời. Tớ đã để ý nó rồi ! Ở cái bà lão ấy mà, - cậu nhớ không ? Cái bà lão mà lúc trời mưa cứ lấy chụp đèn đội lên đầu ấy. Tớ sẽ mang bản thảo lại ngay bây giờ.

Anh mang bản thảo đến và đọc lại cho tôi nghe lần thứ hai. Tôi theo dõi bản thảo. Anh chỉ nhầm mất vài chỗ, nhưng là những chỗ không quan trọng lắm. Vì câu chuyện đó, chúng tôi cãi vã mấy ngày liền xem Gaïđa có được cuộc hay không. Nhưng cái đó không liên quan trực tiếp đến truyện ngắn này.

Cuối cùng tôi phải cái mua phong vũ biểu cổ cho anh. Gaiđa rất mừng. Chúng tôi quyết định tổ chức những cuộc đi câu theo lời chỉ dẫn của cái thiết bị bằng đồng công kênh nọ. Nhưng chúng tôi đã mắc lừa một cách thảm hại và bị ướt từ đầu đến chân vì cái phong vũ biểu tiên đoán "cực khô ráo" mà trong thực tế trời lại mưa cho ba ngày liền.

Đó là khoảng thời gian vô cùng đẹp đẽ của những câu nói đùa bất tận, những cuộc đấu "bất phân thắng bại", những trận khẩu chiến về văn học và những buổi đi câu ở các ao hồ và lòng sông cạn. Tất cả những cái đó, bằng một cách khó hiểu, đã giúp chúng tôi sáng tác.

Tôi được ở gần Fêđin khi anh bắt đầu viết cuốn *Một mùa hè kỳ lạ*.

Xin Fêđin tha lỗi cho tôi đã cả gan viết về chuyện đó. Nhưng tôi nghĩ rằng cách làm việc của mỗi nhà văn, nhất là của những bậc thầy như Fêđin, đều thú vị và có ích không riêng đối với các nhà văn mà với tất cả mọi người yêu văn học.

Chúng tôi ở trong một nhà nhỏ ngay bên cạnh bờ biển vùng Gagruz. Nó giống như những quán trọ cho thuê dài hạn trước cách mạng, trông không khác một cái nhà ổ chuột là mấy.

Khi có bão, nó run lên cầm cập trước gió và

trước những ngọn sóng đập vào bờ. Nó kêu cọt kẹt, răng rắc và tưởng chừng sẽ ụp xuống ngay đấy. Những cánh cửa mất khoá mỗi lần có gió lùa là lại tự động mở ra, chậm chạp và doạ nạt. Chúng dừng lại, bất động trong vài giây, và sau khi đã suy nghĩ, bất thành linh đóng sầm lại để gây ra một tiếng động mạnh đến nỗi vừa trên trần rơi xuống là tả.

Hết thấy những con chó lang thang ở Tân Gagrur và Cựu Gagrur đều ngủ ở ngay phía dưới chân trời của ngôi nhà này. Đôi khi, lợi dụng chủ nhà đi vắng, chúng chui vào phòng, nằm trên giường và ngáy một cách yên lành.

Vào phòng mình anh phải thận trọng, bất kể tính nết của con chó đã chiếm giường anh là thế nào. Con nào biết điều và nhút nhát thì đã vội vã nhảy ra và kêu ăng ăng một cách tuyệt vọng rồi chuồn thẳng. Nếu anh giẫm phải chân nó thì vì sợ hãi nó có thể đớp ngay anh một miếng.

Nếu gặp phải con chó càn rỡ và giàu kinh nghiệm, nó sẽ cứ nằm nguyên trên giường mà nhìn anh bằng đôi mắt căm thù, rồi bắt đầu gầm gừ một cách đáng sợ đến nỗi anh buộc lòng phải gọi hàng xóm đến giúp.

Cửa sổ buồng Fêđin trông ra sân trời ngay trên mặt biển. Trong những ngày biển động, người ta

xếp tất cả ghế mây ở gác sân lại thành một đồng bên cạnh cửa sổ để nước biển khỏi bắn vào làm ướt. Lũ chó ngồi suốt buổi trên đồng ghế ấy và nhìn xuống Fêđin đang lúi húi viết. Chúng rên rĩ vì muốn được vào trong căn phòng ấm cúng, có đèn sáng của anh.

Lúc đầu Fêđin phản nản rằng lũ chó làm anh phát rùng mình. Cứ vừa rời bàn thảo ra để suy nghĩ một chút, nhìn ra cửa sổ là thấy hàng chục con mắt rực lửa căm hờn của chúng bám chặt lấy anh. Cái đó thậm chí làm cho anh cảm thấy hơi ngượng, như thể anh có lỗi vì được sống trong chỗ ấm áp và làm một công việc rõ ràng vô tích sự là đưa bút trên mặt giấy.

Cái đó tất nhiên cũng hơi cản trở Fêđin trong công việc, nhưng rồi anh cũng quen đi và thôi không để ý đến lũ chó nữa.

Đa số nhà văn thường viết về sáng, một số ít viết ban ngày và một số rất nhỏ viết đêm.

Fêđin có thể làm việc và thường làm việc vào bất cứ giờ nào. Chỉ thỉnh thoảng anh mới rời công việc để nghỉ ngơi đôi chút.

Anh viết đêm trong tiếng ồn ào không bao giờ ngừng của biển. Cái tiếng động quen thuộc ấy không những không cản trở mà còn giúp cho

Fêđin viết tốt. Ngược lại, chính cái yên lặng mới làm phiền anh.

Một hôm, giữa đêm khuya Fêđin dựng tôi dậy và nói bằng giọng xúc động :

- Nay cậu, biển im lặng. Ta ra sân trời nghe đi.

Hình như cả cái im ắng sâu thẳm của thế giới đã ngưng đọng trên bờ biển. Chúng tôi lặng đi, cố đón bắt trong bóng tối dù chỉ một tiếng sóng vỗ nhẹ, nhưng chẳng nghe thấy gì hết ngoài tiếng o o khe khẽ nơi tai. Đó là máu của chúng tôi đang reo. Trong bóng tối trên cao, cũng một thứ bóng tối của thế giới, những ngôi sao sáng mờ mờ. Đã quen với tiếng độc tôn của biển, cái yên lặng ấy đè nặng lên chúng tôi. Đêm hôm đó Fêđin bỏ không làm việc.

Tất cả những gì kể trên là câu chuyện về cái hoàn cảnh không quen thuộc đối với anh, trong hoàn cảnh ấy anh đã buộc phải làm việc. Tôi nghĩ rằng cái đơn giản và cái luộm thuộm của cuộc sống đã nhắc anh đến tuổi trẻ, khi chúng tôi có thể viết ở trên bệ cửa sổ, dưới ánh sáng của một ngọn đèn dầu không chao, trong căn phòng mà mực đông lại vì giá lạnh, tóm lại, trong bất cứ điều kiện nào.

Vô tình quan sát cách làm việc của Fêđin, tôi được biết rằng anh chỉ ngồi vào bàn khi nào đã

nghe thật chín chương sách anh sắp viết, chỉnh lý nó thật cẩn thận, làm cho nó phong phú thêm bằng những suy nghĩ sâu sắc và những hồi ức, cho tới khi nó thành hình trong ý thức một cách hoàn toàn, từng câu một.

Trước khi viết, Fêđin bao giờ cũng quan sát rất kỹ cái mà anh sẽ viết, ngắm nghía nó dưới mọi góc độ và chỉ viết những gì anh nhìn được rõ, hơn nữa, viết trong mối liên quan đầy đủ với toàn bộ tác phẩm.

Khối óc sáng suốt, cứng rắn và con mắt nghiêm khắc của Fêđin không bao giờ bằng lòng với cái bấp bênh của chủ đề và cách thể hiện. Theo anh, văn phải được sửa đi chữa lại cho đến khi không còn một lỗi và phải được tôi luyện cho đến lúc rắn như kim cương.

Suốt đời ông, Flôbe sống trong cuộc chạy đuổi khôn khổ rượt theo cái hoàn mỹ của bút pháp. Trong cuộc đi tìm cái trong sáng cho văn xuôi, ông không sao dừng lại được. Trong một số trường hợp, việc sửa chữa bản thảo đối với ông chẳng còn là con đường hoàn thiện văn ông, mà chỉ là làm để mà làm. Ông không còn biết đánh giá nữa, ông mệt mỏi, tuyệt vọng và rõ ràng ông đã làm cho tác phẩm của ông khô héo, mất sức sống hay là như Gôgôn từng nói : "Vẽ, vẽ, vẽ mãi thành vẽ lãng nhăng".

Fêđin biết lúc nào nên dừng lại trong thời gian gọt dưa tác phẩm. Nhà phê bình trong người anh không bao giờ biết mệt, nhưng không đề bẹp nhà văn.

Trong con người Flôbe biểu lộ ở mức độ cao một thuộc tính của nhà văn mà những nhà lý luận văn học gọi là "nhân vật hoá". Nói một cách giản dị hơn, nó là cái tài nhập thân vào nhân vật với một sức mạnh đến nỗi chính nhà văn cảm nghiệm một cách mãnh liệt mọi việc xảy ra với nhân vật (mà xảy ra theo ý muốn của nhà văn).

Ai cũng biết khi mô tả cái chết vì thuốc độc của Emma Bôvary, Flôbe cảm thấy đủ mọi triệu chứng ngộ độc và ông đã phải chạy đi tìm thầy thuốc.

Flôbe là một người đau khổ. Ông viết chậm đến nỗi phải thốt lên một cách tuyệt vọng : "Đáng phải vả vào mặt mình vì lỗi làm việc như thế ?"

Ông sống ở Kroát, trên bờ sông Xen, gần tỉnh Ruăng. Cửa sổ buồng làm việc của ông trông ra dòng sông.

Suốt đêm, một ngọn đèn chụp xanh cháy sáng trong căn phòng làm việc đầy những đồ vật lạ mắt của Flôbe. Flôbe làm việc về đêm. Ngọn đèn chỉ tắt khi trời bắt đầu sáng.

Ngọn đèn lúc nào cũng cháy sáng như một ngọn

hải đăng. Thực vậy, trong những đêm tối trời, cửa sổ phòng Flôbe đã trở thành ngọn hải đăng cho dân chài sông Xen và cho cả những thuyền trưởng của những con tàu biển đi ngược dòng từ cửa Lơ Havơ vào Ruăng. Những viên thuyền trưởng biết rằng ở khúc sông này muốn khỏi đi chệch luồng thì phải "giữ hướng cửa sổ nhà ông Flôbe".

Thỉnh thoảng họ trông thấy một người đàn ông vạm vỡ trong chiếc áo choàng sắc sỡ phương Đông. Người đó đi đến bên cửa sổ, gục đầu vào thành cửa và nhìn ra sông Xen. Đó là điệu bộ của một người mệt mỏi đến rã rời. Nhưng vị tất những người thủy thủ kia biết được rằng người đứng sau cửa lại là một nhà văn vĩ đại của nước Pháp, một người khổ sở vì cuộc vật lộn để đạt tới sự hoàn mỹ văn xuôi, cái *"thể lỏng đáng nguyên rửa nhất định không chịu nhận một hình thức nhất định"*.

Đối với Banzăc, mọi nhân vật của ông đều là những người sống và là những người thân thuộc. Lúc thì ông hầm hè giận dữ gọi họ là quân khốn nạn và đồ ngốc, lúc thì cười tùm tùm, vỗ vai họ một cách hài lòng, lúc thì vụng về an ủi họ trong cơn hoạn nạn.

Trong con người Banzăc lòng tin ở sự sống thật của các nhân vật của mình và ở sự thật không ai chối cãi được rằng ông đang viết về họ, thật

là kỳ quặc. Có thể chứng minh điều đó bằng một câu chuyện lý thú trong đời ông.

Trong một truyện ngắn của Banzăc có một nữ tu kín trẻ tuổi (tôi không nhớ tên cô, nhưng ta cứ gọi tạm cô là Gian). Bà Nhất coi nhà tu sai cô Gian ngoan đạo kia đi Pari để làm một số công chuyện cho tu viện. Cuộc sống hào nhoáng, ngược xuôi, loá mắt của những ngọn đèn loa đốt bằng hơi, cô đứng hàng giờ ngắm nghía những đồ vật sang trọng chưa từng thấy bày trong tủ kính các cửa hàng. Cô nhìn thấy những người đàn bà mặc áo váy mỏng tang và thơm phức. Những bộ quần áo ấy như lột trần thân thể của những người đẹp kia, làm nổi bật toàn bộ vẻ kiêu diễm của những cái lưng thon, những cặp đùi cao, những đôi vú nhỏ và nhọn.

Cô được nghe những lời tỏ tình đường mật lạ lùng, những câu bóng gió, giọng nói ngọt ngào của những người đàn ông. Cô trẻ và đẹp. Người ta theo cô ở ngoài phố. Tim cô đập rộn ràng. Cái hôn đầu ép buộc trong bóng cây tiêu huyền một dày đặc ở một vườn hoa nọ làm cô ù hết đầu óc như nghe một tiếng sấm và mất hết lý trí.

Cô ở lại Pari. Tiền nhà tu giao cho, cô tiêu hết để được biến thành một cô gái Pari đầy quyến rũ.

Một tháng sau cuộc đời ném cô ra vĩa hè.

Trong truyện ngắn Banzăc có nhắc đến tên một trong những nhà tu kín có thật hồi ấy.

Sách của Banzăc đến tay bà Nhất của tu viện đó. Trong nhà tu cũng có một cô Gian trẻ tuổi. Bà Nhất gọi cô và hỏi bằng giọng dọa nạt :

- Cô có biết ông Banzăc đã viết những gì về cô không? Ông ta làm nhục cô ! Ông ta bôi nhọ danh dự của dòng tu ta ! Ông ta là kẻ vu khống, là kẻ báng bổ Chúa. Cô đọc đi !

Cô gái đọc hết truyện ngắn và khóc nức nở.

- Ngay lập tức ! - Bà Nhất nói bằng một giọng to như sấm. - Cô thu xếp ngay lập tức để đi Pari, tìm cho bằng được ông Banzăc, bắt ông ta phải thông báo cho cả nước Pháp biết rằng những điều ông viết là vu khống, rằng ông ta đã bôi nhọ phẩm giá một người con gái trong sạch chưa từng đến Pari bao giờ. Ông ta đã nhục mạ nhà tu và tất cả những người tu hành chúng ta. Ông ta cần phải ăn năn vì tội lỗi điên rồ của mình. Cô phải làm như thế cho bằng được. Nếu không cô đừng về đây nữa.

Gian đi Pari. Nàng tìm được Banzăc và khó khăn lắm mới được ông tiếp.

Banzăc mặc chiếc áo choàng cũ, ngồi thở hổn hển như người mắc bệnh xuyễn. Khói thuốc mù

mặt trong phòng. Trên bàn ngón ngang từng đóng giấy viết vội vã.

Banzăc cau mày. Ông không có thời giờ; ông đã tính trước cho đời mình ít nhất mười lăm cuốn tiểu thuyết. Nhưng mắt Banzăc sáng lên, long lanh. Ông chăm chăm nhìn Gian.

Cô gái cúi xuống, đỏ mặt lên và kêu tên Chúa. Rồi cô kể cho Banzăc nghe câu chuyện vừa xảy ra ở tu viện và yêu cầu ông hãy xóa cho cô vết nhơ nhục nhã, mà không hiểu vì lẽ gì mới Banzăc đã bôi lên tiết hạnh và sự thánh thiện của cô.

Rõ ràng Banzăc không hiểu cái cô tu sĩ điệu dàng và nhan sắc này muốn gì ở ông.

- Cái vết nhơ nhục nhã nào ? - Ông hỏi. - Tất cả những điều tôi viết bao giờ cũng là sự thật thiêng liêng.

Gian nhắc lại lời yêu cầu và nói thêm :

- Ông Banzăc, xin ông hãy thương lấy kẻ này. Nếu ông không bằng lòng giúp tôi thì tôi thật chẳng còn biết làm thế nào.

Banzăc đứng phắt dậy. Mắt ông long lên vì tức giận.

- Sao ? - Ông hét lên. - Cô không biết làm thế nào ư ? Tôi đã viết hết sức rõ ràng những

chuyện xảy ra với cô ! Hết sức rõ ràng ! Cô còn nghi ngờ gì nữa?

- Chẳng lẽ ông muốn nói rằng tôi nên ở lại Pari?- Cô gái hỏi.

- Phải ! - Banzăc hét lên. - Phải ! Mẹ kiếp !

- Và ông muốn tôi sẽ...

- Không ! Mẹ kiếp ! - Banzăc lại hét lên. - Tôi chỉ muốn cô trút bỏ cái bộ quần áo đen lủng thùng này đi. Tôi muốn tắm thân đang độ xuân xanh, tuyệt mỹ như một viên ngọc trai quý báu của cô được biết thế nào là niềm vui và tình yêu. Đi đi, cô. Đi đi ! Nhưng đừng ra hè phố !

Banzăc nắm lấy tay Gian và kéo ra cửa...

- Tôi đã viết tất cả trong truyện đó rồi mà, - ông nói, - cô đi đi ! Cô rất đáng yêu, nhưng vì cô tôi đã mất đứt ba trang tác phẩm. Mà là tác phẩm thế nào, cô có biết không ?

Gian không quay về tu viện vì ông Banzăc đã không xoá cho cô cái vết nhơ nhục nhã. Cô ở lại Pari. Nghe nói một năm sau người ta gặp cô trong đám thanh niên tại quán rượu sinh viên "Kiến hàng bạc". Cô vui tươi, duyên dáng và hạnh phúc.

*

* *

Có bao nhiêu nhà văn thì có bấy nhiêu thói quen làm việc.

Trong ngôi nhà gỗ gần Riadán mà tôi đã có nói tới trên kia, tôi tìm được những bức thư của nhà khắc gỗ nổi tiếng Ioocđan gửi cho nhà khắc gỗ Pôgialôxtin (tôi cũng đã nói đến những bức thư đó).

Trong một bức thư Ioocđan viết rằng ông đã bỏ ra hai năm trời để khắc phiên bản một trong những bức họa Ý. Suốt thời gian làm việc ông cứ đi quanh chiếc bàn kê bản khắc và để lại một vết rất rõ trên sàn gạch.

Ioocđan viết :

"Tôi mệt. Nhưng tôi dù sao cũng vẫn còn đi lại, còn cử động. Chứ Gôgôn quen viết đứng bên chiếc bàn mặt nghiêng thì còn mệt đến thế nào ! Đó mới thật là một người đau khổ vì công việc của mình."

Lép Tônxtôi chỉ làm việc về sáng. Ông nói rằng trong mỗi nhà văn có một nhà phê bình riêng của mình. Nhà phê bình ấy về buổi sáng bao giờ cũng ác hơn cả. Ban đêm nhà phê bình ngủ và vì thế ban đêm nhà văn hoàn toàn được thả lỏng, anh ta làm việc không bị ai dọa nạt và viết rất nhiều cái thừa và tầm bậy. Tônxtôi lấy Rútxô⁽¹⁾ và Đíchkenx là những người chỉ làm

1. Nhà văn Pháp, thế kỷ 18.

việc về sáng ra dẫn chứng, cho rằng Đôxtôiepcki và Bairo⁽¹⁾ do thích làm việc đêm mà làm hại đến tài năng của mình.

Gánh nặng trong việc viết văn của Đôxtôiepcki tất nhiên không phải chỉ riêng ở chỗ ông làm việc về đêm và khi làm việc lại uống trà luôn miệng. Cái đó, nói cho cùng, cũng chẳng ảnh hưởng lắm đến chất lượng công việc của ông.

Gánh nặng ấy chính là ở chỗ Đôxtôiepcki không sao thoát khỏi cảnh túng thiếu và công nợ, vì thế ông buộc lòng phải viết rất nhiều và lúc nào cũng vội vã.

Khi thời gian đã gấp lắm rồi ông mới ngồi xuống viết. Không một tác phẩm nào của ông viết được một cách bình tĩnh, với tất cả tâm lực. Ông vò nát những cuốn tiểu thuyết của mình (không phải tính theo số lượng những trang đã viết mà theo cái chiều rộng của câu chuyện).

Vì thế những tác phẩm của ông bao giờ cũng ở dưới mức mà ông có thể đạt được và tồi hơn so với dự định của ông. *"Mơ ước về một cuốn tiểu thuyết còn thích hơn nhiều so với việc viết nó ra"*. Đôxtôiepcki nói như vậy.

Ông bao giờ cũng muốn kéo dài thời gian chung

1. Nhà thơ lãng mạn Anh (1788 - 1824).

sống với cuốn tiểu thuyết viết dở, luôn luôn thay đổi và làm cho nó thêm phong phú. Vì thế ông cố hết sức kéo dài việc viết - chả là mỗi ngày, mỗi giờ có thể xuất hiện một ý mới mà tất nhiên không ai có thể viết trước được vào tiểu thuyết.

Công nợ buộc ông phải làm việc đó, mặc dầu ông thường vẫn ý thức được rằng cuốn tiểu thuyết của ông vẫn còn chưa chín khi ông ngồi vào bàn viết. Biết bao ý nghĩ, hình tượng, chi tiết phí hoài chỉ vì chúng đến quá muộn trong đầu nhà văn, khi cuốn tiểu thuyết hoặc đã xong hoặc theo ý ông, hỏng hắc, không sao sửa chữa nổi.

Dôxtôixki nói về mình :

"Vì nghèo túng tôi buộc lòng phải làm việc vội vã để kiếm tiền, do đó nhất định tôi phải làm hỏng tác phẩm".

Lúc còn trẻ, Tsêkhốp có thể viết ngay trên bệ cửa sổ trong một gian phòng chật hẹp và ồn ào ở Maxcova. Truyện ngắn *Người thợ săn* ông viết trong buồng tắm. Nhưng cùng với năm tháng, sự làm việc dễ dàng ấy cũng mất đi.

Lérmôntốp sáng tác những bài thơ của ông trên bất cứ vật gì. Hình như những bài thơ ấy hình thành tức khắc trong ý thức của ông, ca hát trong tâm hồn ông để rồi ông chỉ có việc vội vã ghi chúng lại, không cần phải sửa chữa.

Chỉ cần trước mặt có một chồng giấy sạch sẽ và đẹp thế là Alêcxây Tônxtôi đã có thể viết được rồi.

Ông thú thực rằng khi ngồi vào bàn, ông thường chưa biết sẽ viết gì. Trong đầu ông lúc đó chỉ có một tình tiết đẹp đẽ. Ông bắt đầu từ đó và dần dần nó kéo theo sau cả câu chuyện như kéo một sợi chỉ thần.

A.Tônxtôi gọi trạng thái lao động, cảm hứng theo cách của ông là "xuất thần". Nếu "xuất thần" - ông nói - "thì tôi viết được nhanh. Nếu không, tôi phải vớt vát cái đã".

Tất nhiên A.Tônxtôi là một người có tài sáng tác tức thời ở mức độ cao. Tay ông chạy không kịp ý nghĩ của ông.

Chắc chắn là hết thảy các nhà văn đều biết cái trạng thái tuyệt diệu trong lúc làm việc, khi một ý mới hoặc một cảnh mới bất thần hiện ra, như thể chúng từ trong đáy của ý thức bật mạnh ra ngoài như những tia chớp. Nếu không ghi lại ngay lúc ấy, chúng có thể biến mất không để lại dấu vết gì, như cách chúng đã hiện ra.

Trong chúng có ánh sáng, có sự rung động, nhưng chúng mong manh như những giấc mơ. Những giấc mơ mà chúng chỉ nhớ trong khoảnh khắc khi vừa tỉnh dậy và lại quên ngay. Sau đó dù chúng ta có tự dần vặt cố nhớ lại đến mấy,

chúng ta cũng không bao giờ nhớ lại được. Những giấc mơ ấy chỉ còn để lại một cảm giác về một cái gì khác thường bí ẩn, một cái gì "huyền diệu" như cách nói của Gôgôn.

Cần phải ghi cho kịp. Chỉ trừ trừ một chút là ý nghĩ kia vừa loé lên đã biến mất.

Có lẽ vì thế mà nhiều nhà văn không thể viết trên những tờ giấy nhỏ, những băng giấy, như các nhà báo thường làm, chớ có rời tay khỏi giấy quá nhiều, bởi vì chỉ dừng lại một chút thôi, một khoảnh khắc rất nhỏ thôi, thì cái đó cũng có thể nguy hại rồi. Rõ ràng hoạt động của ý thức diễn ra đến độ hoang đường.

Nhà thơ Pháp Bêrănggiê có thể viết những bài ca của ông trong những tiệm cà phê rẻ tiền. Cả Erenbua, theo chỗ tôi biết, cũng thích viết trong những tiệm cà phê.

Điều đó dễ hiểu. Bởi vì không có sự cô độc nào tốt hơn là ở giữa đám đông náo nhiệt, tất nhiên nếu như không ai trực tiếp kéo anh ra khỏi suy tư và không xâm phạm đến sự tập trung tư tưởng của anh.

Andécxen thích nghĩ ra những truyện thần tiên của ông ở trong rừng. Ông có một cặp mắt rất tốt, gần như là một cái kính hiển vi. Vì thế ông có thể ngắm nghía một miếng vỏ cây hay một chiếc

lá thông già và thấy ở trong đó có những chi tiết như qua một máy phóng đại, từ những chi tiết ấy có thể dựng nên những câu chuyện cổ tích một cách dễ dàng.

Nói chung hết thảy mọi vật trong rừng - mỗi gốc cây cụt, mỗi con kiến càng hung đỏ đang tha một con ruồi con với đôi cánh xanh tí xíu trong suốt như tha một nàng công chúa diễm kiều bị bắt cóc - tất cả những cái đó đều có thể biến thành truyện thần tiên.

Tôi không muốn nói đến kinh nghiệm văn học của bản thân. Cái đó chưa chắc đã cung cấp thêm điều gì quan trọng vào những cái mà tôi đã nói trên kia. Nhưng dù sao tôi cũng thấy cần nói vài lời.

Nếu chúng ta muốn cho nền văn học nước ta đạt tới đỉnh cao nhất của sự phồn vinh thì chúng ta cần phải hiểu rằng hình thức hoạt động xã hội hữu ích nhất của nhà văn chính là công việc sáng tác của họ. Công việc âm thầm của nhà văn trước khi cuốn sách ra đời sẽ biến thành của chung nhân loại sau khi sách đã được in.

Cần phải giữ gìn thời gian, sức lực và tài năng của nhà văn, chứ không nên đổi chúng lấy những công việc tất tả ngược xuôi, mất sức ngoài lề văn học hoặc trong những cuộc họp.

Trong khi làm việc, nhà văn cần có sự yên tĩnh và không phải lo lắng. Nếu như có chuyện gì bức mình, dù nó vẫn chưa tới, thì tốt nhất là đừng viết. Bút sẽ rời khỏi tay hoặc dưới ngòi bút chỉ bỏ ra những chữ cực nhọc và trống rỗng.

Trong đời tôi đã có vài lần tôi được viết một cách thoải mái, tập trung tư tưởng và không hấp tấp.

Một lần, vào mùa đông, tôi đáp chuyến tàu thuỷ vắng tanh từ Batum đến Ôđétxa. Biển xám, lạnh và yên tĩnh. Bờ biển ngập trong bóng tối màu tro. Những đám mây đen nặng nề nằm dài trên những dãy núi xa như đang chìm trong giấc ngủ mê mệt.

Tôi viết trong một buồng ngủ trên tàu, thỉnh thoảng lại đứng dậy, đến gần khung cửa tròn và nhìn về phía bờ. Những cỗ máy cực mạnh khe khẽ hát trong cái bụng bằng sắt của con tàu. Không ai có thể lôi tôi ra khỏi những ý nghĩ mà tôi yêu mến. Tôi không nghĩ đến gì khác, hoàn toàn không nghĩ đến gì khác, ngoài truyện ngắn mà tôi đang viết. Tôi cảm thấy điều đó như một hạnh phúc vô cùng to lớn. Biển khơi che chở cho tôi khỏi bị bất cứ cái gì khuấy rối.

Ý thức về xê dịch trong không gian, sự chờ

đội mơ hồ những hải cảng mà tôi sẽ rẽ vào, và rất có thể, những cuộc gặp gỡ nhẹ nhàng và ngắn ngủi, giúp cho tôi làm việc rất nhiều.

Và tôi cũng còn nhớ cái trạng thái làm việc sao mà dễ dàng trên gác xép một ngôi nhà gỗ vào mùa thu, trong cảnh cô độc và tiếng nổ lép bép của ngọn nến.

Đêm tháng Chín tối trời và lặng gió bao bọc lấy tôi và cũng như biển, nó che chở tôi khỏi mọi quấy rối.

Giải thích vì sao thì khó, nhưng cái ý thức rằng bên kia bức tường, khu vườn quê cũ kỹ đang rụng lá suốt đêm, vẫn giúp cho tôi viết rất nhiều. Tôi nghĩ về khu vườn như nghĩ về một sinh vật. Nó im lặng và nhẫn nại đợi đến lúc tôi ra giếng lấy nước cho ấm trà khi trời khuya. Có lẽ nó sẽ dễ dàng chịu đựng cái đêm dài bất tận kia hơn khi nghe tiếng gấu đập lanh canh vào thành giếng và bước chân người.

Nhưng dù sao thì cảm giác về khu vườn cô quạnh và những cánh rừng lạnh lẽo kéo dài suốt từ cổng làng ra xa hàng chục cây số, về những ao hồ trong rừng, nơi mà trong một đêm như thế này tất nhiên không thể có và không có lấy một bóng người mà chỉ có những vì sao soi bóng trên

mặt nước như chúng đã soi bóng hàng trăm, hàng nghìn năm về trước - cái cảm giác ấy đã giúp tôi. Tôi dám nói rằng trong những buổi tối mùa thu như thế tôi thực sự là kẻ hạnh phúc.

Khi nào có một cái gì thú vị, vui sướng, thân yêu đang chờ đợi ta, dù cho nó là một cái gì vật vãnh như cuộc đi câu dưới những cây liễu đêm trên một lòng sông cạn ở xa, lúc đó mà viết thì rất tốt.

ÔNG LÃO TRONG QUÁN ĐIỂM TÂM NGOÀI GA

Ông lão gầy còm, râu tua tủa ngồi ở một xó trong quán điểm tâm của nhà ga Maiôri. Những cơn gió giạt mùa đông kéo thành dải riu rít, ào ào chạy qua vịnh Riga. Băng đóng dày ven bờ biển. Qua bức màn tuyết còn nghe tiếng sóng âm âm đập vào màng băng rắn chắc trên bờ.

Ông lão rē vào quán chắc chỉ cốt để sưởi. Ông không gọi món gì, chỉ ngồi trên cái đi văng gỗ, vè phiến muện, thủ tay trong tay áo chiếc va rơi cộc của dân chài được vá víu một cách vụng về.

Một con chó trắng nhỏ, lông rũ rượi, đi cùng ông. Nó ngồi nép dưới chân ông run cầm cập.

Ngay cạnh đấy một đám thanh niên gầy nổi gân lên, đỏ gay, âm ỉ uống bia. Tuyết trên mũ họ đang tan dần. Nước tuyết tan chảy từng giọt xuống những cốc bia và những miếng bánh mì

cặp xúc xích sấy. Nhưng những người trẻ tuổi còn đang mải tranh cãi nhau về một trận đấu bóng đá và không chú ý đến cái đó.

Đến khi một gã trong bọn cầm lấy bánh và cắn một miếng hết nửa cái thì con chó không chịu được nữa. Nó đi lại phía bàn và đứng lên bằng hai chân sau, nhìn vào mồm gã trẻ tuổi kia với một vẻ xu nịnh.

- Poti, - ông già khề gọi, - mày không biết xấu hổ à, Poti ? Sao lại quấy rầy người ta ?

Nhưng Poti vẫn đứng. Chỉ có đôi chân trước của nó luôn luôn run rẩy và thỉnh thoảng lại hạ xuống vì mệt. Khi đôi chân chạm vào cái bụng ướt, con chó lại nhớ ra và giờ chúng lên.

Nhưng người trẻ tuổi không để ý đến nó. Họ đang mải nói chuyện và thỉnh thoảng lại rót thêm bia lạnh cho mình.

Tuyết bịt kín cửa kính và ta phải rùng mình khi trông thấy những người trong lúc tiết trời rét thế này mà lại đi uống bia lạnh toát như băng.

- Poti ! - Ông lão lại gọi. - Kia Poti ! Lại đây !

Con chó vẫy đuôi rất nhanh vài lần như muốn nói để ông lão biết rằng nó nghe thấy ông nói đấy và xin lỗi ông, nhưng nó không cưỡng lại được nữa rồi. Nó không nhìn ông lão và còn quay hẳn

đi chỗ khác. Như thế nó muốn nói: "Chính tôi cũng biết thế là xấu. Nhưng ông có mua nổi cho tôi một khúc bánh cặp xúc xích như thế đâu !"

- Ôi, Poti, Poti ! - Ông lão thì thào và giọng ông run run vì buồn phiền.

Poti một lần nữa ve vẩy đuôi cho qua chuyện, cầu khẩn nhìn ông lão. Nó như muốn xin ông đừng gọi nó nữa và đừng xấu hổ vì nó. Bởi chính nó cũng chẳng vui sướng gì và nếu không bị khốn quẫn quá như bây giờ thì, tất nhiên, nó cũng chẳng bao giờ đi ăn xin người ngoài.

Cuối cùng một gã trong đám thanh niên, gò má cao, đôi mắt màu xanh lá cây, trông thấy con chó.

- Mày xin ăn ư, đồ khốn ? - Gã hỏi. - Thế chủ mày đâu ?

Poti mừng ve vẩy đuôi, nhìn ông lão và thậm chí nó còn khe khẽ rên ư ử.

Gã trẻ tuổi nói :

- Sao thế hả ông công dân ? Đã nuôi chó thì ông phải cho nó ăn chứ ! Như thế thật chẳng có văn hóa tí nào. Chó của ông đi xin của bố thí. Mà ở nước ta luật pháp lại cấm việc ăn xin.

Những người trẻ tuổi phá lên cười.

- Vanka, mày nói thế làm gì !

Một gã trong bọn nói lớn và ném cho con chó một mẩu xúc xích.

- Poti, không được đụng vào !

Ông lão hét lên. Da mặt xạm nắng gió và cổ gầy guộc, nổi gân gay lên.

Con chó rúm lại, cúp đuôi xuống, không dám nhìn cả đến mẩu xúc xích, đi về phía ông lão.

- Không được đụng đến một mẩu bánh của họ ! - Ông lão nói.

Ông lập cập lục trong các túi, lấy ra một số tiền xu và đặt lên lòng bàn tay mà đếm, vừa đếm vừa thổi rác bụi bám vào những đồng tiền. Những ngón tay ông run lên.

- Lại còn méch lòng nữa cơ đấy ! - Gã trẻ tuổi có đôi gò má cao nói. - Gớm chưa, ngang ra phết !

- Thôi đi, mặc ông lão ! Ông ta có đụng gì đến mày đâu.

Một gã trong bọn vừa rót bia cho các bạn vừa dàn hòa.

Ông lão không trả lời. Ông đi đến bên quầy và để cả đồng tiền xu lên mặt bàn ướt.

- Một xanđuych !

Ông khàn khàn nói.

Con chó nhỏ đứng cạnh ông, đuôi cúp lại.

Cô bán hàng đưa cho ông lão một đĩa trên có hai miếng xanđuych.

- Một thôi.

Ông lão nói.

- Cự cứ cầm lấy. - Cô bán hàng nói khê. - Không vì thế mà tôi phá sản đâu...

- Cảm ơn cô ! - Ông lão nói. - Cảm ơn !

Ông cầm lấy hai miếng xanđuych và đi ra ngoài sân ga. Ngoài đó không còn một bóng người. Một cơn gió giật đã qua, cơn nữa sắp đến nhưng còn xa, ở mãi chân trời, thậm chí còn một vệt nắng rơi xuống khu rừng trắng xóa bên kia sông Liêlup.

Ông lão ngồi xuống ghế dài, cho Poti một miếng xanđuych còn miếng kia ông lấy chiếc khăn tay xám bọc lại và cất vào trong túi.

Con chó tọt lấy tọt để, còn ông lão thì nhìn nó mà nói :

- Chao ơi Poti ! Mày là một con chó gốc ơ là gốc.

Nhưng con chó không nghe ông. Nó bận ăn. Ông lão nhìn nó và lấy ống tay áo lau mắt - gió làm nước mắt ông giàn giụa.

Đây là toàn bộ câu chuyện nhỏ đã xảy ra ở ga Maiôri vùng ven biển Riga.

Tôi kể câu chuyện đó làm gì ?

Khi bắt đầu viết câu chuyện ấy, tôi nghĩ đến một chuyện khác hẳn. Cũng lạ thực, nhưng nghĩ đến ý nghĩa của những chi tiết trong văn xuôi, tôi nhớ đến câu chuyện trên và cả quyết rằng nếu miêu tả câu chuyện ấy mà không có một chi tiết chính ; con chó, bằng tất cả bộ dạng của nó, tỏ ý xin lỗi ông chủ, không có cái cử chỉ ấy của con chó - thì câu chuyện sẽ trở thành thô kệch hơn trong sự thực.

Nhưng giả sử ta bỏ đi những chi tiết khác như chiếc áo va-roir vá vụng về chứng tỏ một cuộc sống goá bụa hoặc cô đơn, những giọt tuyết tan chảy từ trên mũ xuống, những cốc bia lạnh buốt, những đồng tiền lẻ với những vụn rác trong túi dính vào, cả đến những cơn bão giạt mùa đông làm thành những bức tường trắng từ biển kéo vào thì truyện ngắn nọ sẽ còn khô khan hơn nữa và nhợt nhạt hơn nữa.

Trong những năm gần đây, chi tiết bắt đầu biến mất trong văn xuôi của chúng ta, đặc biệt trong tác phẩm của những nhà văn trẻ.

Không có chi tiết thì tác phẩm không sống được. Bất cứ truyện ngắn nào cũng sẽ biến thành một cái que khô khốc, dùng để xâu cá hồi sấy mà Tsêkhốp đã có lần nói tới. Cá hồi chẳng thấy đâu mà chỉ thấy một mảnh gỗ.

Ý nghĩa của những chi tiết ở chỗ, theo lời Puskin sao cho *cái vật vãnh* không dễ nhận thấy lại trở thành to lớn, lấp lánh trước mặt mọi người.

Mặt khác, lại có những nhà văn mắc bệnh quan sát khô khan và đáng ngán. Các ông này nhét vào trong tác phẩm của mình hàng đồng chi tiết không lựa chọn, không hiểu rằng chi tiết chỉ có quyền tồn tại và thật là cần thiết cho tác phẩm trong trường hợp nó có tính chất đặc sắc, nếu như nó có thể như một tia sáng tức khắc lôi một người hay một hiện tượng bất kỳ từ trong bóng tối ra ngoài.

Chẳng hạn ta muốn tạo hình tượng một cơn mưa mới bắt đầu, ta chỉ cần viết rằng những hạt đầu tiên của nó rơi lộp bộp trên một tờ báo lẫn lóc dưới đất, bên cửa sổ.

Hoặc muốn cho người đọc có cảm giác rùng rợn trước cái chết của một đứa trẻ mới sinh, ta chỉ cần nói về chuyện đó như Alếchxây Tônxtôi đã nói trong cuốn *Con đường đau khổ* của ông:

"Một đến rã rời, Dasa ngủ thiếp đi và khi nàng tỉnh dậy thì đứa con đã chết. Những sợi tóc tơ của nó dựng ngược lên.

- Khi em ngủ thì con chết... - Dasa vừa nói với Têlêghin vừa khóc - Anh ơi, tóc nó dựng ngược lên... Một mình nó vật vã đau đớn... Em thì ngủ.

Không lời khuyên giải nào có thể làm cho nàng quên được cái cảnh tượng thằng bé một mình vật lộn với thần chết".

Chi tiết ấy (những sợi tóc tơ của đứa bé dựng ngược lên), ngang giá với rất nhiều trang giấy tả cái chết chính xác nhất.

Cả hai chi tiết đó đều rất đắt. Chỉ có cái chi tiết quyết định nổi toàn cục, hơn nữa, nhất thiết phải có, mới là chi tiết.

Trong bản thảo của một nhà văn trẻ tôi đã vấp phải một đoạn đối thoại như thế này :

- Chào cô ạ, cô Pasa ! - Alécxây nói và bước vào (Trước đoạn này tác giả nói rằng Alécxây lấy tay mở cửa phòng bà Pasa, như thể có thể lấy đầu mà mở được cửa).

- Chào anh, Aliôsa, - bà Pasa niềm nở kêu lên, ngừng tay khâu và nhìn Alécxây. - Sao lâu nay anh không lại chơi ?

- Chả có thì giờ nào nữa. Hạp suốt một tuần lễ.

- Anh nói suốt một tuần cơ à ?

- Đúng như vậy, cô Pasa ạ ! Suốt một tuần. Vôlôtka không có nhà ư ?

Alécxây hỏi, đưa mắt nhìn quanh gian phòng trống.

- Không. Nó đang ở nhà máy.

- Thế thì cháu đi vậy. Chào cô, cô Pasa ! Chúc cô khoẻ.

- Chào anh, Aliôsa. - bà Pasa trả lời - Chúc anh khoẻ!

Aléchxây đi về phía cửa, mở cửa và bước ra. Bà Pasa nhìn theo anh ta, lắc đầu :

- Thật là một anh chàng hoạt bát. Như một cái máy nổ.

Cả đoạn này, không kể lối viết ẩu và lộn xộn, gồm toàn những chuyện hoàn toàn không cần thiết và rỗng tuếch. Tất cả đều là những chi tiết không đặc sắc, không cần thiết và không xác định điều gì.

Trong việc tìm tòi và sử dụng chi tiết cần phải lựa chọn hết sức chặt chẽ.

Chi tiết có liên quan rất khăng khít với hiện tượng mà chúng ta gọi là trực giác.

Tôi hình dung trực giác là tài căn cứ vào từng phần cá biệt, vào một chi tiết, vào một tính chất của một vật nào đó mà dựng lại được bức tranh của toàn cục.

Trực giác giúp cho những nhà văn chuyên viết truyện lịch sử tái tạo được không riêng cảnh thật về đời sống của những thời đại đã qua mà còn cả không khí, tâm trạng những con người, tâm

lý họ (mà tâm lý của họ so với tâm lý của chúng ta tất nhiên có hơi khác).

Trực giác giúp Puskin, người chưa từng đến Tây Ban Nha và Anh, viết nên những vần thơ Tây Ban Nha tuyệt diệu, viết được *Người khách bằng đá*, và trong *Yến tiệc giữa mùa dịch hạch* ông đã vẽ lên cảnh nước Anh chẳng kém gì Oantro Xcôt hay Berânxơ, những người gốc rễ ở đất nước sương mù, nếu như họ cũng viết về chuyện đó.

Một chi tiết tốt còn gợi lên cho người đọc biểu tượng trực giác và đúng đắn về toàn cục - hoặc về một con người với tâm tình của anh ta, hoặc về một sự kiện, hoặc hơn thế nữa, về cả một thời đại.

ĐÊM TRẮNG

Cái tàu thủy chở khách cũ kỹ nhỏ neo rời bến Vôn nhê- xênhiê và chạy ra hồ Ônhêga.

Chung quanh là đêm trắng mênh mông. Lần đầu tiên tôi được thấy một đêm như thế không phải trên dòng sông Nêva và những cung điện thành Leningorát ở giữa những miền rừng vô tận và những hồ của phương Bắc.

Mặt trăng thấp và tái mét treo lơ lửng đằng Đông. Trăng không toả sáng.

Những đợt sóng từ mạn tàu lặng lẽ chạy ra xa, làm đục đưa những khúc rẽ thông. Trên bờ, chắc là trong một nghĩa trang cổ xưa nào đó, người gác đêm điểm canh trên gác chuông mười hai tiếng. Và mặc dầu từ đây đến bờ còn xa, tiếng chuông nọ vẫn bay tới chúng tôi, bay qua tàu và lướt trên mặt nước phẳng lặng đi mãi vào

nơi tranh tối tranh sáng trong suốt, nơi trắng treo lơ lửng.

Tôi không biết nên gọi cái ánh sáng mệt mỏi của đêm trắng như thế nào? Bí ẩn? Hay huyền ảo?

Bao giờ cũng vậy, tôi luôn cảm giác rằng sở dĩ có được những đêm như thế là nhờ ở lòng hào hiệp vô cùng rộng rãi của thiên nhiên - trong những đêm ấy có biết bao nhiêu là không khí nhợt nhạt và ánh lấp lánh trong suốt của bạc và của giấy trang kim.

Con người không thể nào đành lòng khi biết rằng cái đẹp đó, những đêm kiều diễm đó rồi cũng sẽ mất đi. Chắc chính vì thế mà những đêm trắng với kiếp sống mỏng manh của chúng bao giờ cũng gọi một nỗi buồn nhẹ nhẹ, giống như tất cả những gì đẹp để khi chúng không được sống lâu ngày.

Lần đầu tiên tôi lên phương Bắc, nhưng mọi vật đối với tôi dường như quen thuộc, nhất là những vòng anh đào trắng úa tàn vào cái mùa xuân đến chậm năm ấy trong những khu vườn đã trở thành hoang vu.

Có rất nhiều hoa anh đào lạnh lẽo và nước hương ở Vôznêxênhiê. Ở đây không có ai hái hoa để đặt trên bàn, trong những bình thủy tinh. Có lẽ vì anh đào đã bắt đầu lụi.

Tôi đến Pêtorôzavôtxkơ. Hồi đó Alếchxây Mácxi-

môvich Gorki định xuất bản một loại sách dưới nhan đề *"Lịch sử của các xưởng chế tạo và các nhà máy"*. Ông kéo nhiều nhà văn vào làm việc này và hơn nữa ông còn quyết định để họ làm theo từng đội. Lúc đó danh từ "đội" mới xuất hiện trong văn học.

Gorki đưa ra một vài nhà máy cho tôi chọn. Tôi chọn nhà máy cổ Pêtorôpxki trong tỉnh Pêtorôzavôtxkơ. Nó được Hoàng đế Piôt Đệ Nhất sáng lập, lúc đầu là một nhà máy đúc súng thần công và neo tàu, sau đó đúc đồng và sau cách mạng chuyển thành nhà máy làm xe cộ.

Tôi từ chối cách viết văn theo đội. Lúc đó tôi tin chắc (và bây giờ cũng vậy) rằng có những lĩnh vực hoạt động của con người, trong đó lối làm việc tập thể không thể nào chấp nhận được, nhất là trong việc viết văn. Khá lắm thì cũng chỉ có thể làm được một tập ký các loại, nhưng không thể nào có được một tác phẩm hẳn hoi. Theo tôi, trong một tác phẩm, bất kể đặc tính của tài liệu là thế nào, vẫn cứ phải có cá tính của nhà văn với tất cả những phẩm chất của sự cảm thụ hiện thực, cái bút pháp và ngôn ngữ của anh ta.

Tôi cho rằng cũng như không thể nào có hai hay ba người cùng chơi đồng thời một cây vĩ cầm, không thể nào viết tập thể một tác phẩm.

Tôi nói chuyện đó với Gorki. Ông cau mày, theo thói quen lấy ngón tay gõ gõ trên bàn, nghĩ ngợi một lát rồi trả lời :

- Anh bạn trẻ ạ, người ta có thể buộc tội anh là ngạo mạn đấy. Nhưng nói chung, anh cứ làm đi. Có điều anh đừng ngượng. Thế nào cũng phải mang tác phẩm về nhé ! Nhất định đấy !

Tôi nhớ đến cuộc nói chuyện ấy trên tàu thủy và tin chắc rằng, thế nào mình cũng viết xong cuốn sách. Tôi rất thích phương Bắc. Điều đó, theo tôi tưởng lúc đó, thế nào cũng giúp tôi làm việc dễ dàng. Tất nhiên, tôi hy vọng tôi sẽ đưa vào cuốn sách nói về nhà máy Pêtorôtxki những đặc điểm của phương Bắc đã làm tôi say mê : những đêm trắng, những dòng nước lặng lẽ, hoa anh đào, ngữ điệu du dương của người dân thành Nôvôgôrôt, những con thuyền độc mộc màu đen mũi cong, trông giống như cổ những con thiên nga, những chiếc đòn gánh vẽ bằng sơn đủ thứ hình cây cỏ mọi màu sắc.

Thành phố Pêtorôzvôtxkơ lúc đó thật hoang vắng. Những tảng đá lớn đầy rêu ngổ ngang trên đường phố. Cả thành phố như làm bằng mi ca. Chắc đó là do cái ánh lấp lánh màu trắng từ hồ chiếu vào và do màu da trời trắng như sữa, hơi đục, nhưng đáng yêu, toả xuống.

Tôi ngồi lì trong những kho lưu trữ và trong thư viện Pêtorôzvôtxkơ, bắt đầu đọc tất cả những gì có liên quan đến nhà máy Pêtorôtxki. Lịch sử của nhà máy thật phức tạp và thú vị. Hoàng đế Piôt Đệ Nhất, những kỹ sư Xcôtlen, những người nông nô thợ cả tài năng của nước Nga, phương pháp nấu đồng Carông, những cỗ máy chạy bằng sức nước, phong tục... tất cả những cái đó cho tôi tài liệu tốt để viết truyện.

Đọc xong, tôi bỏ mấy ngày đi thác Kivátxơ và đến làng Kigi, ở đó có ngôi nhà thờ gỗ duy nhất trên thế giới, xét về vẻ đẹp của kiến trúc.

Thác Kivátxơ gầm thét và lôi theo những khúc gỗ thông dựng ngược trong dòng nước trong suốt như thủy tinh và dòn dập của nó.

Tôi nhìn thấy nhà thờ Kigi lúc hoàng hôn. Tưởng chừng muốn dựng nên công trình nay cần phải có những bàn tay thợ bạc và mắt hàng thế kỷ. Thế mà chính là những bác thợ mộc bình thường của chúng ta đã dựng lên nó trong một hoàn cảnh và thời gian hết sức bình thường.

Trong chuyến đi đó tôi gặp nhiều hồ, nhiều rừng, nhiều mặt trời không nóng bỏng và nhiều chân trời không rõ nét, nhưng lại gặp ít người.

Ở Pêtorôzaxkơ việc đầu tiên của tôi là viết cái sườn cho cuốn truyện tương lai. Trong cái vườn

đó có nhiều chuyện, nhiều đoạn tả, nhưng ít người.

Tôi quyết định viết ngay cuốn sách ở đây, ở Karêlia, và vì thế tôi thuê một căn phòng trong nhà bà Xêraphima Iônôpna, trước kia làm nghề dạy học. Đó là một bà lão già bình dân hoàn toàn không còn một chút gì giống một nhà giáo, trừ cặp kính và việc bà biết tiếng Pháp.

Tôi bắt đầu viết theo cái sườn trên, nhưng dù đã cố gắng hết sức, cuốn sách vẫn cứ vụn ra dưới tay tôi. Tôi không sao gắn kết được tài liệu, làm cho chúng hoà nhịp với nhau, thành một dòng trôi chảy tự nhiên.

Tài liệu cứ rã ra. Những đoạn thú vị cứ treo lơ lửng, không được những đoạn thú vị khác ở bên cạnh nâng đỡ. Chúng lủng lảng một cách cô độc, không sao gắn được với một cái duy nhất có thể hà sức sống cho những sự kiện nằm trong tài liệu lưu trữ : cái duy nhất đó là chi tiết đầy hình ảnh đẹp, không khí của thời đại, số phận của con người gắn gũi với tôi.

Tôi viết về những cái máy chạy bằng hơi nước, về sản xuất, về những người thợ lành nghề, viết với một mối buồn sâu sắc, hiểu rằng trong khi tôi chưa có được mối quan hệ với tất cả những cái đó, trong khi hơi thở trữ tình dù hết sức yếu ớt chưa làm cho tài liệu đó sống dậy, thì không

thể đạt được gì trong cuốn sách. Và nói chung sẽ chẳng có cuốn sách nào hết.

Nhân thể tôi cũng muốn nói thêm, hồi đó tôi đã hiểu rằng muốn viết về những cái máy cũng cần phải viết như về những con người - phải cảm được chúng, yêu chúng, chia buồn sẻ ngọt với chúng. Không biết người khác thế nào chứ tôi bao giờ cũng thấy đau thật sự cho cái ô tô, chẳng hạn như chiếc xe "Pobieda" khi nó lấy hết gân sức vượt một cái dốc dựng đứng. Thật vậy, cái đó làm cho tôi mệt chẳng kém gì chiếc xe. Có thể thí dụ ấy không đạt, nhưng tôi tin chắc rằng đối với những cái máy, nếu như ta muốn viết về chúng, thì phải coi chúng như những vật sống. Tôi nhận thấy những người thợ cả và những người thợ lành nghề đối với máy móc đều có thái độ như thế cả.

Không có gì đáng ghét hơn là sự bất lực trước tài liệu.

• Tôi cảm thấy như mình đi làm việc của người khác, như thể tôi phải mua ba lê hoặc sửa triết học của Kant⁽¹⁾.

Trong trí nhớ thỉnh thoảng lại nhoi nhói lời của Gorki "Có điều anh đừng ngượng. Thế nào cũng phải mang tác phẩm về !"

1. Kant, nhà triết học duy tâm Đức (1724 - 1804).

Tôi còn bực dọc vì một trong những điều cơ bản của nghệ thuật viết văn mà tôi coi trọng đã sụp đổ. Tôi cho rằng chỉ có người nào có thể dễ dàng và không để mất cá tính của mình, làm chủ được hết thấy mọi tài liệu, người đó mới là nhà văn.

Cái trạng thái tâm hồn ấy của tôi chấm dứt bằng việc tôi quyết định hàng phục, không viết gì nữa và rời bỏ Pêtorôzatxơ.

Tôi chẳng có ai để chia sẻ nỗi khốn khổ của mình, ngoài bà Xêraphima Iônôpna. Tôi đã sắp sửa kể cho bà nghe cái bất hạnh của tôi, nhưng té ra bà lão đã nhận thấy trước điều đó, chắc là theo thói quen của nhà giáo ngày trước.

- Ông chẳng khác gì những cô nữ sinh ngốc nghếch của tôi trước kỳ thi, - bà bảo tôi. - Họ nhồi nhét đủ thứ vào đầu đến nỗi chẳng nhìn thấy gì nữa và chẳng hiểu được cái gì quan trọng, cái gì không đáng kể. Ông chẳng qua chỉ quá mệt đấy thôi. Tôi không biết việc làm văn của ông nó ra làm sao, nhưng tôi nghĩ rằng trong chuyện này có bức bách lắm cũng vô ích. Chỉ tổ làm cho thần kinh thêm căng thẳng. Mà cái đó vừa có hại lại vừa nguy hiểm. Ông đừng nóng đầu mà bỏ đi. Hãy nghỉ ngơi. Đi xem các hồ, dạo trong thành phố. Thành phố của chúng tôi rất đẹp, rất giản dị. Có khi rồi ông lại làm việc được cũng nên.

Nhưng rồi tôi cứ quyết ý ra đi. Trước ngày lên đường, tôi lang thang trong thành phố Pêtorôzavôtxkơ. Hầu như tôi chưa đi thăm thành phố, cho mãi đến khi ấy.

Tôi đi dọc một con hồ lên phía Bắc và ra ngoại ô. Những ngôi nhà nhỏ bé đến đây là hết. Những khu vườn chạy dài nối tiếp nhau. Giữa những khu vườn ấy, đây đó có những cây thập ác và những tấm bia mộ.

Một ông lão đang làm cỏ cho những luống cà rốt. Tôi hỏi ông lão về những cây thập ác nọ.

- Đây trước kia là nghĩa địa, - ông lão trả lời. - Đâu người ta chôn những người ngoại quốc ở đây thì phải. Bây giờ khu đất này vỡ làm vườn, bia mộ mang đi cả. Cái nào sót lại thì cũng chẳng còn lâu đâu. Đến mùa xuân tới là cùng.

Đúng như vậy, bia sót lại rất ít, tất cả chừng năm sáu cái. Một trong những tấm bia đó được bao bọc bởi một hàng rào bằng gang đúc rất khéo và nặng nề.

Tôi lại gần tấm bia đó. Trên cột đá hoa cương đã vỡ còn trông rõ ràng chữ viết bằng tiếng Pháp. Một cây ngư bàng cao che lấp gần hết chữ.

Tôi bẻ cây ngư bàng đi và đọc :

"Sáclơ Ogiêni Lôngxêvin, kỹ sư pháo binh của

Đại quân Hoàng đế Napôlêông. Sinh năm 1778 tại Pécpinhăng, tạ thế nơi đất khách quê người mùa hạ năm 1816 tại Pêtorôzaxkơ. Cầu chúa cho trái tim đau khổ của ông được bình an".

Tôi chợt hiểu rằng trước mặt tôi là nắm mô của một con người khác thường, con người có một số phận bạc bẽo, rằng chính người đó sẽ gỡ bí cho tôi.

Tôi quay về nhà, nói để bà Xêraphinma Iônôpna biết tôi ở lại rồi đi ngay ra kho lưu trữ.

Người làm việc ở đó là một ông già đeo kính, gầy rạc, đến nỗi tưởng chừng cái gầy làm cho hình hài ông ta trở thành trong suốt. Trước kia ông là một thầy giáo dạy toán. Kho lưu trữ chưa được sắp xếp xong, nhưng ông lão bé nhỏ nọ nắm nó rất vững.

Tôi kể chuyện vừa qua cho ông nghe. Ông lão hết sức bối rối. Ông đã quen cung cấp những tài liệu tra cứu đáng ngán, phần lớn là những trích yếu rút ra từ trong những sổ sinh, tử, giá thú của nhà thờ mà việc đó cũng chỉ hoặ hoàn mới có, ấy thế mà bây giờ lại phải làm một việc rất khó khăn và thú vị là tìm trong kho lưu trữ tất cả những gì có liên quan đến viên sĩ quan bí ẩn thời Napôlêông, người không hiểu sao đã chết ở Pêtorôzavôtxkơ hơn một trăm năm về trước.

Cả ông già, cả tôi - hai người đều lo lắng. Không hiểu rồi có tìm ra trong kho lưu trữ này dù chỉ là một vài dấu vết nào đó của ông Lôngxêvin, để có thể căn cứ vào đó mà đại khái ít nhiều khôi phục lại cuộc sống của ông ta hay không ? Hay là chúng tôi sẽ chẳng tìm thấy gì hết ?

Thế rồi bất thành linh ông lão tuyên bố rằng ông sẽ không về ngủ nhà và sẽ lục suốt đêm trong kho. Tôi muốn ở lại với ông nhưng hoá ra người ngoài không được phép ở qua đêm trong đó. Tôi bèn đi ra phố mua bánh mì, xúc xích, chè và đường, mang tất cả những thứ đó lại cho ông để ông có thể uống trà đêm rồi ra về.

Việc tìm kiếm kéo dài tới chín ngày trời. Cứ mỗi buổi sáng ông lão lại đưa cho tôi một bản kê các hồ sơ mà ông dự đoán là trong đó có thể có những chuyện nhắc tới Lôngxêvin. Bên cạnh những hồ sơ đáng chú ý ông ghi dấu "V" nhưng lại gọi chúng theo lối nhà toán học là "dấu căn".

Mãi đến ngày thứ bảy mới tìm được đoạn ghi trong một cuốn sổ nghĩa trang về việc mai táng viên đại úy quân đội Pháp bị bắt làm tù binh Sác-tơ Ôgiêni Lôngxêvin trong một hoàn cảnh khá đặc biệt.

Đến ngày thứ chín thì tìm ra một số chỉ dẫn về Lôngxêvin trong hai bức thư riêng, còn đến

ngày thứ mười thì được thêm một bản báo cáo đã bị rách, không còn chữ ký, của tỉnh trưởng Ôlônhiegios về việc trú ngụ ngắn hạn tại thành phố Pêtorôzavôtxkơ của vợ "*Lôngxêvin nói trên là Mari Xêxin Torinnitê từ Pháp đến để dựng bia Lôngxêvin*".

Tài liệu chỉ có được đến thế. Nhưng những gì ông lão coi kho lưu trữ hơn hở vì thắng lợi đã tìm ra cũng đã đủ cho Lôngxêvin sống dậy trong trí tưởng tượng của tôi.

Lôngxêvin vừa mới hiện ra là tôi đã ngồi ngay xuống trước bàn viết và tất cả những tài liệu lịch sử nhà máy mới đây còn vụn tan ra, bỗng chốc đã nhập vào trong cuốn sách. Chúng nhập vào một cách chặt chẽ và quy củ, đâu ra đó, chung quanh cái anh chàng pháo binh nọ, người đã tham gia cuộc cách mạng Pháp, bị lính Cô dắc bắt làm tù binh ở mặt trận Gogiát, bị lưu đày tới nhà máy Pêtorôzavôtxkơ và đã chết vì sốt nóng ở đó.

Việc viết cuốn truyện dài "*Số phận của Sáclo Lôngxêvin*" là như vậy.

Khi con người chưa xuất hiện thì tài liệu vẫn là tài liệu chết.

Hơn nữa, tất cả cái sườn đã dựng sẵn cho cuốn sách cũng tan thành tro bụi. Giờ đây cả câu chuyện đã được Lôngxêvin dắt dẫn một cách

vững vàng. Ông như một tảng nam châm hút vào mình không riêng những sự kiện lịch sử, mà còn nhiều cái khác nữa trong tất cả những gì tôi đã gặp ở phương Bắc.

Trong cuốn truyện dài đó có đoạn khóc người chết. Lời khóc Lôngxêvin của những người đàn bà tôi lấy ra từ những câu than khóc có thật. Chuyện này cũng đáng nhắc đến.

Tôi đi tàu thủy ngược dòng Xvirixa, từ hồ Ladôga đến Ônhêga. Ở một khúc sông nào đó, hình như ở Xvirixa, người ta mang từ bến lên boong dưới của tàu một chiếc quan tài đơn sơ bằng gỗ thông.

Về sau tôi mới biết là ở Xvirixa có một hoa tiêu cao tuổi nhất và giàu kinh nghiệm nhất vừa mới qua đời. Những hoa tiêu, bạn ông ta, quyết định chở quan tài mang di hài ông đi suốt dòng sông Xvirixa đến Vônkhêxênhiê như muốn cho người chết có thể từ biệt dòng sông thân yêu của mình. Và ngoài ra họ còn có ý để cho dân hai bên bờ sông được chia tay cùng người mà họ rất kính trọng, người nổi tiếng khắp những vùng này.

Vấn đề ở chỗ Xvirixa là một con sông chảy xiết và có nhiều ghềnh thác. Tàu bè không có hoa tiêu giàu kinh nghiệm không thể nào vượt qua những ghềnh sông Xvirixa. Vì thế trên dòng sông này từ xưa đã có một thế hệ hoa tiêu, liên kết chặt chẽ với nhau.

Khi qua những ghềnh lớn, tàu của chúng tôi phải để hai tàu kéo dắt, mặc dầu nó đã mở hết tốc lực.

Lúc xuôi dòng, tàu bè lại đi ngược. Cả tàu thuỷ lẫn tàu dắt cùng mở máy chạy giạt lùi ngược dòng nước để giảm tốc độ trôi và khỏi lao vào những ghềnh đá.

Người ta đã gửi điện báo đi khắp thượng lưu sông Xvirixa cho mọi người biết rằng tàu chúng tôi có chở thi hài viên hoa tiêu. Vì thế ở bến nào cũng có hàng đoàn người ra đón. Những bà lão khóc mướn quần khăn đen đứng hàng trước. Khi tàu vừa đến bến thì họ cũng vừa cất giọng cao và mệt mỏi và khóc người quá cố.

Những lời than khóc nên thơ ấy không bao giờ lặp lại. Theo tôi, mỗi lần khóc là mỗi lần họ xuất khẩu thành chương.

Đây là một trong những bài khóc :

"Bởi sao mà người nữ bỏ chúng tôi về nơi cõi chết? Bởi sao mà người nữ bỏ chúng tôi, lũ trẻ mồ côi ? Phải chăng chúng tôi đã không đón người bằng giọng vui mừng, bằng lời âu yếm ? Hãy nhìn sông Xvirixa người đi, hãy nhìn dòng Xvirixa lần chót. Bờ lở như máu đông, dòng sông toàn nước mắt chúng tôi lũ đàn bà con gái. Hỡi ôi ! Vì sao cái chết kia lại đến với người không đúng lúc ?

Hỡi ôi, vì sao suốt dòng Xvirixa này lại bùng bùng những ngọn nến tang ?"

Cứ như thế chúng tôi đi đến Vôznêxênhiê trong tiếng khóc than suốt đêm không dứt.

Đến Vôznêxênhiê, những người hoa tiêu khắc khổ bước xuống tàu và mở tấm ván thiên. Một ông lão lực lưỡng, đầu bạc phơ với bộ mặt xạm nắng gió nằm trong quan tài.

Người ta khiêng quan tài bằng những tấm khăn gai, đưa lên bờ trong tiếng khóc lạnh lạnh. Một thiếu phụ trẻ lấy khăn san che gương mặt tái nhợt theo sau quan tài. Thiếu phụ dắt một đứa bé tóc vàng. Theo sau thiếu phụ vài bước là một người đàn ông đứng tuổi trong trang phục thuyền trưởng đường sông. Đó là con gái, cháu ngoại và rể của người đã khuất.

Trên tàu, cờ hạ xuống lưng chừng và còi kéo mấy hồi dài, khi người ta đưa quan tài ra nghĩa trang.

Còn có một ấn tượng không thể không dùng trong cuốn truyện dài. Không có chút gì đặc biệt trong ấn tượng đó mà không hiểu sao nó gắn bó chặt chẽ mãi mãi với phương Bắc trong trí nhớ của tôi. Đó là ánh lấp lánh khác thường của sao Mai.

Tôi chưa từng được trông thấy một thứ ánh

lấp lánh mạnh mẽ và trong sạch như thế bao giờ. Sao Mai lóng lánh như một hạt kim cương giữa bầu trời đang xanh dần trước rạng đông.

Đó thực là sứ giả của vũ trụ, người báo tin bình minh rực rỡ. Không hiểu vì sao mà ở những vĩ độ trung bình và ở cả phương Nam nữa, tôi đã không để ý đến nó. Còn ở đây, sao Mai lấp lánh trong cái đẹp trinh tiết bên trên vùng hoang vắng, trên những khu rừng, trong những giờ trước lúc rạng đông, nó ngự trị trên khắp đất đai phương Bắc, trên hồ Ônhiegá và Zavôlôsiê, trên hồ Ladôga và vùng Zaônhiêgiơ.

CỘI NGUỒN SÁNG TẠO

Một lần, giữa đám bạn bè, Zôla ⁽¹⁾ nói rằng nhà văn hoàn toàn không cần đến trí tưởng tượng. Công việc nhà văn nhất thiết chỉ được dựa trên sự quan sát chính xác. Như ở ông, ở Zôla.

Môpatxăng có mặt lúc đó vặn lại :

- Thế cái việc ông viết những cuốn tiểu thuyết lớn chỉ dựa trên những tin đăng báo và hàng tháng trời không bước ra khỏi nhà thì giải thích ra sao đây ?

Zôla nín lặng.

Môpatxăng cầm lấy mũ và đi ra. Việc bỏ về của ông có thể coi như một cử chỉ nhục mạ. Nhưng ông không ngại điều đó. Ông không cho phép ai, kể cả Zôla, phủ nhận trí tưởng tượng.

1. Emile Zola (1818 - 1892), nhà văn lớn, tiến bộ của Pháp, tác giả bộ tiểu thuyết *Germanin* nói về cuộc đấu tranh của công nhân mỏ.

Môpatxăng, cũng như mọi nhà văn khác, rất coi trọng trí tưởng tượng, cái hoàn cảnh đẹp đẽ nhất cho sự phồn vinh của ý sáng tác, đất đai mang vàng bạc đến cho thơ văn.

Trí tưởng tượng là cội nguồn sáng tạo của nghệ thuật, là vầng thái dương vĩnh cửu và là Chúa trời của nó, như các nhà thơ cao hứng trong khu La tinh đã nói.

Nhưng cái mặt trời chói lọi kia của trí tưởng tượng chỉ có thể cháy sáng khi được cọ xát với mặt đất. Nó không thể cháy trong khoảng không trống rỗng. Trong khoảng trống nó tắt.

Trí tưởng tượng là cái gì ? Dễ nhất là trả lời theo cách Gaiđa đã trả lời những câu hỏi hóc búa như thế. Anh ngờ vực nhìn người nói chuyện với mình và hỏi:

- Cậu lại định cho tớ vào cái bẫy chứ gì ? Đừng hòng! Tớ không bao giờ nói ra đâu.

Muốn cho chính mình cũng hiểu được rõ ràng hơn, dù ít dù nhiều, thì tốt nhất là nên phân tích chúng như kiểu ta nói chuyện với trẻ.

Trẻ em thường hỏi : "Cái này là cái gì ?", "Cái này để làm gì ?", "Tại sao lại như thế ?" Chúng sẽ không chịu yên nếu như không làm cho chúng ta phải toát mồ hôi mà tìm cho bằng được câu

trả lời, dù là tạm tạm được thôi, cho những câu hỏi của chúng.

Nếu người nói chuyện với ta là một đứa trẻ đã nói được chữ "tưởng tượng" thì thế nào câu chuyện ắt cũng sẽ diễn ra như thế này :

- Thế tưởng tượng là cái gì ?

Nếu ta trả lời đại khái rằng nó là "Mặt trời của nghệ thuật" hoặc "thâm cung linh thánh" của nghệ thuật thì câu chuyện sẽ làm cho ta trở thành chim chích lạc vào rừng và chỉ còn một cách thoát ra là chuồn cho nhanh khỏi người tiếp chuyện.

Trẻ em đòi hỏi cái gì cũng phải rõ ràng. Vì thế chúng ta buộc lòng phải trả lời người tiếp chuyện chúng ta rằng "trí tưởng tượng là một đặc tính nằm trong bản chất người."

- Đặc tính gì kia chứ ?

- Đó là thuộc tính của con người sử dụng vốn quan sát đời sống, ý nghĩ và tình cảm, tạo ra được bên cạnh thực tại một cuộc sống do mình bịa ra với những con người và những sự kiện cũng lại do mình bịa nốt. (Tất nhiên, điều đó phải nói cách sao để cho đơn giản hơn).

- Tại sao vậy ? - Người tiếp chuyện ta sẽ hỏi. - Đã có cuộc đời thật rồi cơ mà. Cần gì phải bịa ra một cuộc đời khác ?

Bởi vì cuộc sống đời thực lớn lao và phức tạp, con người không bao giờ có thể biết hết cuộc đời trong mọi mặt của nó. Mà có nhiều cái con người còn không thể trông thấy và trải qua được nữa kia. Chẳng hạn con người không thể đi ngược dòng thời gian ba trăm năm về trước để làm học trò của Galilê, tham dự cuộc công phá Pari năm 1814, hoặc ngồi ở Maxcova mà được sờ tay vào những cột đá hoa ở Akrôpôn⁽¹⁾. Hoặc vừa đi lang thang trong phố xá Rô-m, vừa nói chuyện với Gô-gôn. Hoặc ngồi họp trong nhà quốc hội Công-văng để nghe những lời nói của Marát⁽²⁾. Hoặc đứng trên boong tàu để nhìn xuống Thái Bình Dương đầy sao. Có thể chỉ vì người đó trong đời mình chưa bao giờ trông thấy biển. Mà con người lại muốn biết, muốn nhìn thấy, muốn nghe thấy tất cả, muốn được trải qua tất cả. Và đây, trí tưởng tượng cho con người những gì mà thực tại chưa kịp cho hoặc không thể cho anh ta. Trí tưởng tượng lấp đầy chỗ trống trong đời sống con người.

Tất nhiên ở chỗ này bạn sẽ quên khuấy mất người nói chuyện với mình và bắt đầu nói những chuyện mà người đó không thể nào hiểu nổi.

1. Phần xây trên cao của những thành phố cổ Hy Lạp dùng làm nơi phòng thủ, chống giặc. Khi viết hoa là để chỉ riêng cho thành phố Athènes.

2. Jean Paul Marat (1743 - 1793), nhà hoạt động xã hội, học giả, chiến sĩ cách mạng trong cuộc Cách mạng Tư sản Pháp 1789.

Ai có thể vạch một ranh giới rõ ràng giữa trí tưởng tượng và tư duy ? Nó không có đâu, cái ranh giới ấy.

Trí tưởng tượng tạo ra định luật hấp dẫn nhĩ thức Niuton, câu chuyện buồn thảm về chàng Trixtăng và nàng Ydơ, sự phá vỡ nguyên tử, toà nhà của Bộ Hải quân ở Leningrát, bức *Mùa thu vàng* của Lévintan, bài *Mácxâyê*, vô tuyến điện, hoàng tử Hăm lét, tương đối luận và bộ phim *Bembi*.

Tư duy của con người không có tưởng tượng thì không thể khai hoa kết quả, cũng như tưởng tượng mà không có thực tế thì cũng tuyệt đường sinh nở.

Có một câu thành ngữ Pháp : "*Những ý nghĩ vĩ đại đều từ trái tim mà ra*". Có lẽ nên nói cho đúng hơn là những ý nghĩ vĩ đại từ toàn bộ con người mà ra. Trái tim, trí tưởng tượng, lý trí, đó chính là môi trường sản sinh ra cái mà ta gọi là văn hoá.

Nhưng có một điều là trí tưởng tượng mạnh mẽ của chúng ta cũng không hình dung nổi. Đó là sự mất đi của trí tưởng tượng, nghĩa là của tất cả những gì trí tưởng tượng đẻ ra. Nếu trí tưởng tượng mất đi, con người sẽ không còn là con người.

Trí tưởng tượng là món quà vĩ đại của thiên nhiên, nó vốn có sẵn trong thiên tính của con người.

Như tôi vừa nói, không có thực tế thì trí tưởng cũng không thể tồn tại. Nó được nuôi dưỡng bằng thực tế. Mặt khác, tưởng tượng ở chỗ một mực nào đó ảnh hưởng đến đời sống của chúng ta, đến công việc và ý nghĩ của chúng ta, đến quan hệ của chúng ta đối với mọi người.

Pixarep đã nói rất đạt về cái đó. Ông nói rằng: nếu như con người không thể lường tượng thấy tương lai trong những hình ảnh sáng sủa và toàn vẹn, nếu như con người không biết mơ ước thì không gì có thể buộc con người vì cái tương lai ấy mà xây dựng nên những công trình gian khổ, tiến hành một cuộc đấu tranh bền bỉ, có khi phải hy sinh cả đến tính mạng mình.

*Hạt bụi viễn xứ nào tôi bắt gặp
Trên lưỡi dao. Và thế giới quanh tôi
Bỗng bùng lên rực rỡ tinh khôi
Trong tấm áo choàng sương lung linh màu sắc*

Đó là thơ của Blôc. Một nhà thơ khác viết :

*Vùng nước nhỏ động hương biển lớn
Sa mạc gió về trong viên đá con con.*

Ôi hạt bụi của những xứ sở xa xôi và hòn đá

trên đường. Hoạt động bất kham của trí tưởng tượng thường khởi đầu từ những hạt bụi ấy, những hòn đá ấy. Nhân việc này, tôi bỗng nhớ đến câu chuyện về một hiđangô⁽¹⁾ già người Tây Ban Nha.

Có thể là nhà quý tộc ấy đã được hưởng những ngày sung sướng, nhưng đến thời gian câu chuyện này xảy ra thì ông đang sống một cuộc đời đạm bạc trong trang trại của mình ở vùng Kaxti. Cơ ngơi của ông là một mảnh đất với ngôi nhà đá âm đạm của tổ tiên để lại, giống như một nhà ngục thời nông nô.

Nhà quý tộc sống một mình. Trong nhà chỉ có một bà vú già. Bà vất vả lắm mới nấu được bữa cơm xoàng cho ông chủ và không còn nhớ gì hết. Đến nỗi có nói chuyện với bà ta cũng chỉ là vô ích.

Ngày này qua ngày khác nhà quý tộc ngồi lý trong chiếc ghế bành tối tả bên cạnh cái cửa sổ gô tích. Chỉ có tiếng hồ dán rạn vỡ trong các gáy sách phá tan cái im lặng tĩnh mịch.

Thỉnh thoảng nhà quý tộc mới ngó ra ngoài cửa sổ. Bên ngoài, sừng sững một thân cây khô đen như sắt và một bình sơn tẻ ngắt kéo dài phía chân trời. Địa phương này ở Tây Ban Nha thật

1. Một tước của các nhà quý tộc Tây Ban Nha trước thế kỷ thứ 19.

hoang vắng và lạnh lùng, nhưng nhà quý tộc đã quen với nó.

Ông không còn trẻ trung gì để bỏ nhà ra đi vì những cuộc du hành mệt nhọc, đầy gió bụi với những chuyện bực mình có thể xảy ra. Mà du hành làm gì trong khi ông không còn bạn bè thân thuộc trên khắp đất nước của hoàng gia.

Cuộc đời ông trước kia ra sao cũng ít người biết đến. Người ta nói rằng ông đã có vợ và một mụn con gái xinh đẹp nhưng cả hai đều đã qua đời vì bệnh dịch hạch trong cùng một tháng. Từ ngày ấy ông đóng cửa nằm khàn trong nhà và cả đến những người lữ hành vì đêm khuya hoặc mưa gió tình cờ ghé lại, ông cũng bất đắc dĩ lắm mới cho vào.

Một hôm, có một người đàn ông xạm nắng gió vận áo choàng thô đến gõ cửa nhà ông và buộc con lừa già vào thân cây đen. Trong bữa ăn tối, bên lò sưởi rực hồng, y kể cho nhà quý tộc nghe rằng - lạy Đức mẹ ! - y vừa mới trở về toàn vẹn sau một chuyến vượt biển nguy hiểm sang phía Tây : chẳng là nhà vua, bị một gã người Ý tên là Kôlông⁽¹⁾ đồ ngon đồ ngọt, đã cử sang đó mấy đoàn thuyền.

1. Crixtop Côlông (1451-1506), nhà thám hiểm, người đã tìm ra châu Mỹ.

Họ đi suốt một tuần lễ qua đại dương và được nghe thấy giọng nói của những người con gái của biển - những nàng tiên cá. Những người con gái với làn tóc dài quấn lấy thân như tấm chăn đơn, ngọt ngào xin họ cho lên sười trên thuyền.

Thuyền trưởng hạ lệnh cho mọi người không được trả lời những câu năn nỉ của những cô gái mình cá nọ. Thủy thủ phần nọ. Họ đã mòn mỏi vì thèm khát tình yêu và những cặp đôi mềm mại của đàn bà.

Chuyện đó chấm dứt bằng một cuộc nổi loạn thất bại. Ba kẻ cầm đầu bị treo lên gióng buồm.

Cứ như thế họ đi và gặp một vùng biển chưa từng thấy, phủ đầy rong. Trong rong có những bông hoa lớn màu xanh. Họ liền làm lễ cầu Chúa và bắt đầu đi vòng qua vùng biển rong kia cho đến khi bất thần nhìn thấy ở phía chân trời trước mặt một dải đất mới tuyệt đẹp, chưa ai biết tới bao giờ. Gió từ đất liền mang theo tiếng ì ầm dịu dàng của rừng và hương say ngây ngất của cây cỏ.

Thuyền trưởng bước lên đài quan sát, rút gươm khỏi vỏ và giơ lên trời. Ở mũi kiếm bùng lên một ngọn lửa vàng - dấu hiệu báo rằng cuối cùng họ đã tìm ra đất nước Endôradô, nơi ngọn núi nào cũng đầy bạc, vàng và châu báu.

Nhà quý tộc im lặng nghe câu chuyện của khách.

Ra đi, người đàn ông lấy trong túi da ra một cái vỏ ốc màu hồng ở xứ Endôradô tặng nhà quý tộc già để cảm ơn ông đã cho ăn và ngủ lại. Đó là một thứ đồ chơi, vì thế nhà quý tộc vui lòng nhận.

Người đàn ông đi rồi thì đến đêm trời đổ giông. Những tia chớp chậm chạp sáng lên và tắt đi trên bình nguyên sơn thạch.

Cái vỏ ốc nằm trên bàn, bên giường nhà quý tộc.

Nhà quý tộc chợt tỉnh giấc mà nhìn thấy cái vỏ ốc sáng rực lên trong ánh chớp của lửa trời. Trong lòng ông loé lên và tắt đi hình ảnh của một xứ sở thần tiên đầy ánh sáng hồng, bọt biển và mây trắng.

Tia chớp tắt. Nhà quý tộc đợi đến tia chớp sau và nhìn thấy trong vỏ ốc cái xứ sở kia rõ nét hơn lần trước. Và những bờ biển dựng đứng, những dòng thác rộng chảy ra biển, sùi bọt và lấp lánh. Cái gì đây ? Có lẽ là những dòng sông. Nhà quý tộc như cảm thấy cả cái tươi mát của những dòng sông ấy. Bụi nước phả lên mặt ông.

Ông tưởng cảm giác đó là của giấc mơ chưa dứt, đứng dậy, kéo ghế lại bên bàn, ngồi đối diện chiếc vỏ ốc, cúi xuống và không hiểu sao mà tìm

đập mạnh, ông cố quan sát kỹ những chi tiết khác của cái xứ sở nằm trong vỏ ốc kia. Nhưng những tia chớp thưa dần và sau cùng tắt hẳn.

Nhà quý tộc không dám chiêm nển, sợ ánh sáng thô lỗ của nó sẽ khiến ông tin rằng những gì ông đã thấy chỉ là ảo giác và không có cái xứ sở nào trong lòng vỏ ốc hết.

Ông ngồi cho đến sáng. Trong những tia nắng của bình minh nó chỉ còn là một cái vỏ ốc bình thường. Trong lòng nó chẳng có gì khác ngoài cái ánh sáng mờ toả như sương phải khó khăn lắm mới nhận thấy. Hết như cái xứ sở bí ẩn kia trong một đêm đã lùi ra xa hàng nghìn dặm.

Ngay ngày hôm đó nhà quý tộc đi Madrid và quỳ xuống trước mặt nhà vua, cầu xin đức kim thượng ban cho ông một đặc ân ; cho phép ông tự bỏ tiền ra sắm một chiếc thuyền để đi về phương Tây tìm cái xứ sở không ai biết tới kia.

Nhà vua vốn nhân đức liền chấp nhận lời cầu khẩn của ông. Sau khi ông lùi ra, nhà vua nói với tả hữu:

- Nhà quý tộc kia rõ là một anh khùng ! Hắn có thể tìm được cái gì với độc một chiếc thuyền thăm hại ? Nhưng Trời soi đường chỉ lối cho cả những kẻ mất trí. Chưa biết chừng lão già ấy lại

kiếm về cho ngai vàng của ta những miền đất mới cũng nên.

Suốt mấy ngày trời nhà quý tộc đi về hướng Tây. Ông ăn rất ít và chỉ uống nước. Sự hồi hộp khiến thân hình ông héo hắt đi. Ông cố không nghĩ đến cái xứ sở thần tiên kia, sợ rằng không bao giờ mình có thể đặt chân tới. Và sợ rằng nếu ông có được nhìn thấy nó thì nó lại là một bình nguyên đáng ngán toàn cỏ và những cột bụi xám ngoét bị gió xua đuổi.

Nhà quý tộc cầu xin Đức Mẹ đừng để ông phải thất vọng.

Tượng Đức Mẹ khắc một cách mộc mạc bằng gỗ gắn ở mũi thuyền. Đức Mẹ bay nhanh, nghiêng ngả đằng trước con thuyền lướt sóng. Đôi mắt xanh của Đức Mẹ mở to đăm đăm nhìn về phía biển xa. Trên làn tóc mạ vàng đã rạn nứt và chiếc áo choàng đỏ thẫm bạc màu, những giọt nước bắn lên lấp lánh.

- Xin chỉ đường dẫn lối cho chúng con ! - Nhà quý tộc cầu khẩn. - Không lẽ nào lại không có xứ đó. Con nhìn thấy nó rõ ràng lắm, trong giấc mơ cũng như lúc tỉnh.

Một hôm, vào lúc chiều tối, thủy thủ vớt được một cành cây gãy. Đó là dấu hiệu gần tới đất liền.

Cành cây phủ đầy những lá lớn như những

chiếc lông đà điểu. Từ lá cây bốc lên một hương vị ngọt ngào và tươi mát.

Đêm ấy trên thuyền không ai ngủ.

Và cuối cùng, trong ánh sáng rực rỡ của bình minh, một xứ sở trắng lẹ với những bức tường đá muôn màu của những rặng núi kéo dài từ đầu này đến đầu kia biển cả hiện ra. Những dòng sông trong suốt từ những ngọn núi ấy đổ xuống đại dương. Trên màu xanh của rừng hàng đoàn chim vui vẻ bay lượn. Lá rừng rậm đến nỗi chim chóc không thể luồn vào trong được và vì thế chúng cứ phải lượn mãi trên những ngọn cây.

Một hương vị tràn trề hạnh phúc của hoa quả từ trong bờ bay ra. Tưởng như mỗi ngậm hương vị đó đưa sự bất tử vào trong lồng ngực.

Mặt trời lên và cái xứ sở ngập trong bụi nước bay ra từ những dòng thác bỗng bừng dậy đủ mọi màu sắc, những màu sắc chỉ có được khi ánh mặt trời khúc xạ trong những bình pha lê nhiều cạnh.

Đất nước đó long lanh như một dải thắt lưng bằng kim cương mà nữ thần trinh bạch của trời và ánh sáng đã bỏ quên trên bờ biển.

Nhà quý tộc quý xuống, giơ hai tay run rẩy về phía mảnh đất chưa người biết tới và nói :

- Cảm ơn người, tiên kiến của ta. Khi ta đã

kiếm về cho ngai vàng của ta những miền đất mới cũng nên.

Suốt mấy ngày trời nhà quý tộc đi về hướng Tây. Ông ăn rất ít và chỉ uống nước. Sự hồi hộp khiến thân hình ông héo hắt đi. Ông cố không nghĩ đến cái xứ sở thần tiên kia, sợ rằng không bao giờ mình có thể đặt chân tới. Và sợ rằng nếu ông có được nhìn thấy nó thì nó lại là một bình nguyên đáng ngán toàn cỏ và những cột bụi xám ngoét bị gió xua đuổi.

Nhà quý tộc cầu xin Đức Mẹ đừng để ông phải thất vọng.

Tượng Đức Mẹ khắc một cách mộc mạc bằng gỗ gắn ở mũi thuyền. Đức Mẹ bay nhanh, nghiêng ngả đằng trước con thuyền lướt sóng. Đôi mắt xanh của Đức Mẹ mở to đăm đăm nhìn về phía biển xa. Trên làn tóc mạ vàng đã rạn nứt và chiếc áo choàng đỏ thẫm bạc màu, những giọt nước bắn lên lấp lánh.

- Xin chỉ đường dẫn lối cho chúng con ! - Nhà quý tộc cầu khẩn. - Không lẽ nào lại không có xứ đó. Con nhìn thấy nó rõ ràng lắm, trong giấc mơ cũng như lúc tỉnh.

Một hôm, vào lúc chiều tối, thủy thủ vớt được một cành cây gãy. Đó là dấu hiệu gần tới đất liền.

Cành cây phủ đầy những lá lớn như những

trí tưởng tượng được cuộc đời sinh ra, đến lượt nó đôi khi lại có uy quyền đối với cuộc đời.

Người khoác áo choàng thô đánh thức trí tưởng tượng trong nhà quý tộc. Từ phút đó, nó đã choán hết tâm trí ông và chỉ vì thế mà ông đã nhìn thấy trong lòng chiếc vỏ ốc một xứ sở kỳ lạ.

Một trong những đặc tính của trí tưởng tượng là con người tin ở nó. Nếu không có lòng tin đó, trí tưởng tượng sẽ chỉ là một trò chơi vô vị của trí óc, là chiếc kính vạn hoa vô nghĩa của con trẻ.

Niềm tin vào hình ảnh tưởng tượng chính là cái động lực buộc con người đi tìm trong cuộc đời cái mình tưởng tượng thấy, chiến đấu để cho nó thành sự thực, đi theo tiếng gọi của tưởng tượng, như nhà quý tộc kia đã đi theo và sau hết, sáng tạo ra trong thực tế cái mình đã tưởng tượng thấy.

Nhưng trước hết và mạnh hơn hết, tưởng tượng gắn bó với nghệ thuật, văn học và thi ca.

*

* *

Tưởng tượng dựa trên trí nhớ, còn trí nhớ thì dựa trên những hiện tượng của thực tại. Những nguồn dự trữ của trí nhớ không phải là một cái gì đó hết sức hỗn độn. Có một qui luật, đó là qui

gần đất xa trời người lại ban cho ta nỗi thèm nhớ những điều mới lạ và bắt tâm hồn ta phải mệt mỏi vì mơ ước được khám phá một xứ sở hạnh phúc. Nếu không thì sẽ chẳng bao giờ ta được trông thấy nó và mắt ta sẽ khô đi, sẽ mù đi trước cảnh bình minh đơn điệu. Ta muốn lấy tên con gái ta là Florenxia đặt cho mảnh đất hạnh phúc này.

Từ đất liền hàng chục cầu vồng nhỏ chạy ra đón con thuyền. Trước cảnh đó nhà quý tộc hoa mắt. Mặt trời đã thấp những chiếc cầu vồng đó trong bọt thác, nhưng không phải chúng đang chạy lại gần thuyền mà chính là thuyền đang đi về phía chúng.

Những cánh vải rít trên cột buồm và những lá cờ lễ vừa được kéo lên hân hoan bay phấp phật.

Nhà quý tộc ngã sấp xuống boong tàu ẩm ướt và ấm áp. Ông đã cảm khẫu. Trái tim mệt mỏi của ông không chịu đựng nổi niềm vui độc nhất và vĩ đại mà Chúa đã ban cho ông ngày hôm ấy.

Nhà quý tộc qua đời.

Người ta nói rằng mảnh đất về sau này mang tên Florida được tìm ra như thế đấy.

Có lẽ cũng chẳng cần phải giải thích câu chuyện này. Nhưng cũng nên đánh dấu lại ý nghĩa của nó để cho câu chuyện này thêm sáng tỏ. Đó là

luật liên tưởng, hay như Lô-môn-ô-xô gọi, "qui luật liên hình dung". Qui luật đó sắp xếp hết cả mớ hỗn độn của ký ức dựa trên sự tương đồng về hình thức hoặc theo sự gần gũi về thời gian và không gian - nói một cách khác là khái quát hoá chúng - rồi kéo chúng vào một chuỗi mắt xích liên tục. Chuỗi mắt xích liên tưởng là sợi chỉ dẫn đường cho trí tưởng tượng.

Sự giàu có liên tưởng chứng tỏ sự phong phú của thế giới nội tâm của nhà văn. Có cái phong phú đó thì ý nghĩ nào, đề tài nào cũng có thể lớn phồng lên với những nét sinh động.

Có những nguồn nước khoáng đậm. Chỉ cần đặt vào đấy một cành lá hay một cái đinh, hay cái gì cũng được, là trong một thời gian ngắn chúng đã được rất nhiều tinh thể trắng bao bọc và biến thành những tác phẩm nghệ thuật. Đối với ý nghĩ của con người được đặt trong nguồn trí nhớ của chúng ta, trong cái môi trường đậm đặc của liên tưởng, hiện tượng cũng tương tự như vậy. Ý nghĩ biến thành tác phẩm nghệ thuật.

Có thể lấy bất cứ thí dụ nào về sự liên tưởng. Nhưng cần phải nhớ rằng những liên tưởng ở mỗi người đều liên quan chặt chẽ với cuộc đời, tiểu sử, ký ức của họ. Vì thế những liên tưởng ở người này có thể hoàn toàn xa lạ với người khác. Cùng

một chữ gọi lên những liên tưởng khác nhau trong những con người khác nhau. Nhiệm vụ của nhà văn là truyền đạt, hoặc như người ta thường nói, làm cho những liên tưởng của mình đến được với người đọc và gọi lên ở người đọc những liên tưởng tương tự.

Lômônôxốp đã đưa ra một thí dụ đơn giản về liên tưởng trong cuốn *Mỹ từ học* của ông. Theo lời Lômônôxốp thì liên tưởng "*là năng khiếu tinh thần từ một vật đã được thấy nghĩ ngay đến những vật khác liên quan chặt chẽ với nó*", thí dụ : khi trong óc nghĩ đến cái tàu thủy thì ta tưởng tượng ra cùng một lúc với nó biển, trên đó tàu thủy đi, với biển - bão, với bão - sông, với sông - tiếng động ở bờ biển, với bờ biển - những tảng đá v.v...

Đó là kiểu liên tưởng "giáo khoa". Thông thường, liên tưởng phức tạp hơn rất nhiều.

Tiện đây tôi xin đưa một ví dụ về liên tưởng.

"Hôm đó tôi đang ngồi viết trong một ngôi nhà nhỏ trên những cồn cát ở vịnh Riga. Trong phòng bên, một con người vui tính đang đọc to những vần thơ của mình. Đó là nhà thơ Immecmanixơ, người Latvia. Anh vận chiếc áo len đan màu đỏ. Tôi đã nhìn thấy một chiếc áo len như thế, đã lâu lắm, từ trước chiến tranh, trên mình nhà đạo

diễn Âyzenstanh⁽¹⁾. Tôi gặp Âyzenstanh trong một phố ở Anma Ata. Ông đang cầm một gói sách vừa mua. Sách ông chọn hơi lạ: *Chỉ dẫn về chơi bóng chuyền, Hợp tuyển giáo khoa lịch sử trung cổ*, sách học đại số và cuốn *Xuxima* của Nôvikôp Gribôi⁽²⁾.

- Đạo diễn phải biết đủ thứ. Và tìm cách biểu hiện bằng hình ảnh cho đủ mọi thứ. - Âyzenstanh nói.

Tôi hỏi :

- Cho cả những công thức đại số cao ?

- Dĩ nhiên ! - Âyzenstanh trả lời.

Nhà thơ Vladimira Lugôpkôi lúc đó đang viết một bài thơ trường thiên. Trong đó có một chương nói về Âyzenstanh dưới đầu đề "*Anma Ata, thành phố của những giấc mơ*". Trong bài thơ có tả những chiếc mặt nạ Mêhicô treo trong phòng Âyzenstanh. Ông mang chúng về sau chuyến đi Trung Mỹ.

Nói chung, toàn bộ lịch sử xâm chiếm châu Mỹ là lịch sử đấu cang của loài người. Cần phải đặt tên cho nó như vậy. Cái tên "*Sự đấu cang*" thực là hay cho một cuốn tiểu thuyết lịch sử. Nó sẽ kêu như một cái tát.

1. Một đạo diễn bậc thầy của nền điện ảnh Xô viết và thế giới.

2. Nhà văn Nga chuyên viết về cuộc sống của thủy thủ.

Ôi, những cuộc tìm kiếm đầu đề cực nhọc, thường xuyên.

Nghĩ ra đầu đề là một cái tài riêng. Có những người viết hay nhưng lại không biết đặt tên cho tác phẩm của mình. Và ngược lại. Cũng như có những người kể chuyện hay nhưng lại viết tồi. Họ chỉ biết tán. Cần phải có một tài năng khoẻ như Gorki để có thể kể nhiều lần chỉ một câu chuyện thôi và rồi lại viết nó ra một cách mới và khác hẳn câu chuyện kể miệng. Mà kể chuyện thì Gorki rất tuyệt. Một câu chuyện thật ở ông lập tức được phong phú thêm bằng rất nhiều chi tiết. Cứ mỗi lần kể, cũng một câu chuyện thôi, những tình tiết mỗi lúc lại nhiều thêm, đổi khác đi thành ra lý thú hơn. Những câu chuyện miệng của ông thực ra là những sáng tác chính cống. Vì thế mà Gorki chán hết sức khi phải tiếp xúc với đám người nhạt nhẽo và chính xác đám nghi ngờ tính chất xác thực của những chuyện ông kể. Ông cau mày, thôi không kể nữa và hình như ông đã nói : "Sống với các đồng chí trên thế giới này chán lắm, các đồng chí ạ!". Nhiều nhà văn cũng có tài dựa trên cơ sở những sự kiện thật tạo ra những truyện kể miệng như thế. Đặc biệt là Mác Tuên⁽¹⁾. Một nhà phê bình chiến đấu cho sự thật

(1) Mark Twain (1835 - 1901), nhà văn trào phúng, tiến bộ Mỹ, tác giả cuốn *"Chuyện phiêu lưu của Tom Xoayơ"*, *"Chuyện phiêu lưu của Hắc nhậi Fin"*.

vật vánh đã buộc Mác Tuên vào tội nói dối. Mác Tuên nổi đóa : "Sao ông có quyền phán xét tôi nói dối hay không trong khi chính ông cũng chẳng biết cả đến cách nói dối tồi nhất và chẳng hiểu người ta nói dối thế nào? Rồi Mác Tuên nói với nhà phê bình "Muốn cả quyết một cách mạnh dạn như thế cần phải có nhiều kinh nghiệm trong chuyện đó. Mà ông thì không có kinh nghiệm và không thể nào có được. Trong lĩnh vực này, ông là kẻ dốt nát và ngu ngốc".

Infơ kể lại rằng trong một thành phố nhỏ ở quê hương Mác Tuên, ông thấy có tượng Tôm Xoayơ và Hắcơbêri Fin. Trong bức tượng, Fin nắm đuôi con mèo chết. Ở nhĩ, tại sao lại không dựng tượng các nhân vật văn học ? Thí dụ tượng Đôn Kisôt hay Guylive; Paven Coócđsaghin, Tachiana Larina, Taraxơ Bunba, Pie Bêzukhốp, ba chị em của Tsêkhốp, Mácxim Mácximút hay Bela của Lérmonôp ?

Tất cả những điều viết trên là cái dây xích liên tưởng. Số lượng những liên tưởng có thể là vô tận. Nếu như đặt mắt xích đầu và mắt xích cuối của các liên tưởng đó lại bên nhau - cái áo len đỏ và tượng Bela - thì, lẽ dĩ nhiên, tất cả đường đi của liên tưởng sẽ giống như lời nói mê.

Tôi nói nhiều về liên tưởng chỉ vì nó tham gia một cách rất chặt chẽ trong sáng tác.

Trong câu chuyện dài dòng về trí tưởng tượng ở trên kia chỉ có một điểm là rõ ràng: nếu không có tưởng tượng thì không có văn xuôi thật sự và cũng chẳng có thơ.

Có lẽ Bextugiép - Máclinxki đã nói về tưởng tượng hay hơn hết thấy.

"Cái hồn mang là tiền thân của sự sáng tạo ra một cái gì chân thực, cao cả và nên thơ. Chỉ cần có tia sáng của thiên tài chọc thủng bóng tối đó. Những hạt nhỏ đấu tranh với nhau, ngang sức nhau còn lại tới nay sẽ được tình yêu và sự hoà hợp làm cho tái sinh, chúng sẽ cùng nhảy vào một hạt mạnh mẽ nhất, sẽ gắn chặt với nhau, sắp xếp thành những tinh thể lỏng lánh, sẽ hiện lên như những ngọn núi, sẽ tràn trề như biển, và một sức sống sinh động sẽ viết những chữ tượng hình khổng lồ lên trên thế giới mới".

Đêm đến và sức mạnh của tâm hồn từ từ trôi dấy. Tạm thời nó chưa có tên. Ta gọi nó bằng gì đây ? Tưởng tượng, hoang tưởng, sự thâm nhập vào những lỗ hổng nhỏ nhất của ý thức con người chẳng, cảm hứng chẳng ? Niềm phấn khởi trong tâm hồn hay là sự bình yên ? Niềm vui hay nỗi buồn ? Ai mà biết được !

Tôi tắt đèn và đêm bắt đầu từ từ sáng. Ánh tuyết phản chiếu ngấm vào đêm tối. Vịnh biển trong

băng. Như một chiếc gương mờ khổng lồ, nó ánh lên đêm và biến đêm thành bóng tối trong suốt.

Trông rõ những ngọn thông Bantich. Ngoài xa, những chuyến xe lửa chạy điện đi ngang qua, dội lên tiếng ầm ầm mỗi lúc một lớn lên đều đặn. Và lại yên lặng, cái yên lặng đặc biệt, tưởng chừng nghe rõ cả tiếng xào xạc nhỏ nhất là những cây tùng bách bên ngoài cửa sổ và tiếng lách tách khe khê khó hiểu. Tiếng ấy trùng hợp với những tia sáng loé ra từ những vì sao. Có lẽ băng giá từ những vì sao rơi xuống và khe khê kêu lên những tiếng lách tách và leng keng.

Trong nhà vắng lặng. Một mình tôi. Ngay cạnh tôi là biển cả ngoài trăm dặm. Bên kia những cồn cát là những đầm lầy rộng lớn và những khu rừng thấp...

Không có ai bên mình. Nhưng chỉ cần đốt đèn lên, ngồi xuống trước bàn và bắt đầu viết bất kỳ về một chuyện nào đó, thế là cảm giác cô độc đã mất đi rồi. Tôi không phải chỉ có một mình. Từ căn phòng nhỏ hẹp này tôi có thể nói chuyện với hàng vạn người, với cả thế giới. Tôi có thể kể cho họ nghe bất cứ câu chuyện nào, làm cho họ vui hoặc buồn, gọi lên trong họ sự suy nghĩ hoặc niềm căm giận, tình yêu và lòng trắc ẩn, làm người dẫn đường cầm tay họ mà dắt họ đi

trong cuộc đời. Cuộc đời được xây dựng ở đây, trong bốn bức tường này, nhưng nó vượt thoát ra ngoài, đi vào vũ trụ.

Cầm lấy tay họ mà đưa họ đi đón bình minh. Bình minh nhất định sẽ đến. Ở đằng Đông nó đã bắt đầu chọc thủng màn đêm và soi sáng chân trời bằng một màu xanh rất nhạt tạm thời còn xa lắc.

Tôi vẫn chưa biết mình sẽ viết gì. Ý nghĩ trong tôi không khác gì nổi bồi hồi, niềm mong ước muốn truyền đạt cho người khác tất cả những gì đang tràn ngập trí óc tôi. Trái tim tôi, cả bản thân con người tôi. Ý nghĩ có trong tôi, nhưng nó sẽ tràn chảy đi đâu, sẽ tìm được cách diễn đạt nào, chính tôi cũng chẳng rõ. Nhưng tôi biết tôi sẽ viết vì ai. Tôi sẽ nói chuyện với toàn thế giới. Thật là khó, gần như không thể nào lường tượng ra bằng hình ảnh khái niệm đó - cả thế giới.

Bao giờ ta cũng nghĩ về một người nào đó, dù chỉ là một em gái bé có đôi mắt sáng long lanh, cái em bé đã chạy trên cánh đồng cỏ đón tôi để khi chạy tới nơi, nắm lấy khuỷu tay tôi mà nói, thở dốc vì chạy nhanh:

- Cháu đợi chú ở đây đã lâu lắm rồi. Cháu đã hái được một bó hoa và đọc thuộc lòng chín lần chương thứ hai trong cuốn *Epghênhi Ônhê*.

ghin ⁽¹⁾. Mọi người đang đợi chú ở nhà và chỉ quanh quẩn có bằng ấy người, buồn lắm. Chú kể cho mọi người nghe ngay đi, lúc chú ở hồ có chuyện gì xảy ra và nhớ bịa thêm một cái gì cho thú vị. Hay không, chú đừng bịa, mà cứ kể như thực ấy, bởi vì cứ thế thôi trên những cánh đồng cỏ này đã đẹp lắm và hoa tường vi đã bắt đầu nở lần thứ hai. Thú quá, chú ạ !

Mà cũng có thể, tôi sẽ kể cho một người đàn bà mà cuộc sống của người đó gắn bó với cuộc sống của tôi bởi những năm khó khăn, sung sướng và và dịu dàng, gắn bó chặt chẽ đến nỗi ngày nay không có gì có thể làm cho chúng tôi sợ hãi.

Mà có thể, tôi viết cho bạn bè tôi. Vào buổi tối, họ mỗi năm một ít dần.

Nhưng nói cho cùng, tôi viết cho những ai muốn đọc những dòng này.

Tôi không biết tôi sẽ viết chuyện gì. Có lẽ tại tôi muốn nói quá nhiều và còn chưa chọn được trong những ý nghĩ của mình một điều gì có khả năng như cục nam châm hút được tất cả những ý nghĩ khác về nó và bắt chúng nằm vào trong một câu chuyện một cách gọn gàng.

Trạng thái đó quen thuộc đối với tất cả những người cầm bút.

1. Một truyện thơ của Puskin.

Tuôghênhiép nói :

- Không phải vô cớ mà những nhà thơ đã nói đến cảm hứng. Tất nhiên năng thơ không phải từ đỉnh Ôlempơ xuống với họ và mang tới cho họ những bài ca viết sẵn, nhưng trong họ có một tâm trạng đặc biệt, giống như là cảm hứng. Những vần thơ của Fết bị người ta giấu cọt rất nhiều, trong đó ông nói rằng chính ông cũng không biết mình sẽ hát gì, nhưng "bài ca tự chín" đã nói lên rất đúng tâm trạng trên. Có những phút ta chợt thấy muốn viết nhưng chưa biết viết gì, song lại vẫn cảm thấy là mình sẽ viết. Tâm trạng ấy được các nhà thơ gọi là "trời đến gần ta". Những phút như vậy là nguồn khoái cảm duy nhất của người nghệ sĩ. Nếu không có những phút ấy thì chẳng có ai muốn viết. Sau đó, khi phải xếp dọn cho có thứ tự tất cả những gì quay cuồng trong đầu, khi phải diễn đạt tất cả những cái đó trên mặt giấy thì đó mới là lúc cái day dứt bắt đầu".

Đang đêm bất thần xuất hiện một âm thanh. Đó là tiếng còi của một con tàu thủy ở xa. Nó từ đâu đến đây, trong cái vùng băng giá này ?

Ngày hôm qua báo chí Riga loan tin có một chiếc tàu phá băng từ Leningrát vào vịnh. Chắc đó là tiếng còi của nó.

Tự nhiên tôi nhớ đến câu chuyện của một viên

hoa tiêu tàu phá băng kể rằng khi len lỏi qua vịnh Phần Lan, ông ta bắt gặp trên mặt băng một ôm hoa đồng giản dị đã héo. Hoa bị tuyết phủ đầy. Ai đã đánh rơi chúng ở đây, trên hoang mạc băng tuyết này ? Chắc người ta đánh rơi chúng từ một con tàu nào khi nó phá vỡ lớp băng mỏng đầu tiên.

Hình tượng nảy ra. Với một sức mạnh không thể hiểu được vì sao lại có, nó bắt đầu dẫn ta tới với một câu chuyện thần kỳ còn chưa rõ nét.

Cần phải khám phá ra điều bí ẩn của những bông hoa chết cứng kia. Mọi người đều cùng đoán. Người nào trông thấy những bông hoa kia cũng đều có những phỏng đoán của mình.

Tôi cũng có những phỏng đoán của tôi, mặc dầu tôi không trông thấy những bông hoa ấy. Không biết là có phải những bông hoa của em gái bé chạy lại đón tôi đã nhặt trên những đồng cỏ không? Hẳn vẫn là những bông hoa ấy. Nhưng tại sao chúng lại rơi trên băng ? Cái đó chỉ có thể xảy ra trong một chuyện huyền hoặc, thứ chuyện không thềm đếm xỉa đến giới hạn trong thời gian cũng như trong không gian.

Ngay lúc này đây tự nhiên ta nghĩ đến cái tình đặc biệt, thuần túy đàn bà đối với hoa. Cái tình ấy khác hẳn với cái tình của chúng ta, cánh đàn

ông. Đối với chúng ta, hoa chỉ là vật trang trí. Đối với người đàn bà, hoa là những sinh vật, những vị khách từ cái thế giới mà chúng ta, những người lớn tuổi và là những người bận làm ăn chỉ thoáng thấy nó khi đi ngang và nhìn nó với một vẻ khinh khi kẻ cả.

Đáng giận là buổi bình minh hừng sáng quá nhanh. Ánh sáng ban ngày có thể đuổi đi những ý nghĩ trên làm cho chúng trở thành tức cười dưới con mắt những người nghiêm nghị.

Gặp ánh mặt trời, nhiều câu chuyện huyền hoặc co rúm lại và lẩn đi như những con sên thu mình vào trong vỏ.

Đúng thế, câu chuyện huyền hoặc, tuy hazy còn mơ hồ, đã ra đời. Hầu như không thể nào ngăn lại được những câu chuyện huyền hoặc, những truyện ngắn, chuyện dài khi chúng đã ra đời. Cái đó chẳng khác gì giết chết một sinh mạng. Chúng bắt đầu tự lớn lên trong ý thức của chúng ta.

Và cuối cùng, đã đến lúc câu chuyện huyền hoặc được đưa lên mặt giấy. Phần nhiều khi viết nó ra, ta điều cảm thấy khó, chẳng khác gì muốn truyền đạt bằng lời cái hương thơm phảng phất của nó. Khi viết truyện, hầu như ta phải nín thở để khỏi làm bay mất lượt bụi mỏng manh phủ trên mình nó. Và phải viết cho nhanh vì ánh thấp

thoáng của hình bóng và những cảnh riêng biệt diễn ra một cách vùn vụt và dễ dàng. Không được chậm chễ, không được tụt lại đằng sau bước chạy của trí tưởng tượng.

Câu chuyện huyền hoặc đã viết xong. Và ta lại muốn một lần nữa, với lòng biết ơn, được nhìn vào trong đôi mắt sáng long lanh, nơi câu chuyện sẽ sống mãi đời đời.

CHUYẾN XE ĐÊM

Tôi muốn viết hẳn một chương riêng về sức mạnh của trí tưởng tượng và ảnh hưởng của nó tới đời sống con người. Nhưng sau khi suy nghĩ, tôi đã viết thay vào đó một truyện ngắn về nhà thơ Andécxen. Tôi nghĩ rằng truyện ngắn này có thể thay thế cho chương sách và hơn nữa, nó có thể làm cho ta hình dung rõ ràng về trí tưởng tượng hơn là những câu chuyện chung chung về đề tài này.

Trong cái khách sạn bẩn thỉu và cũ kỹ này của thành Vonizơ không bói đâu ra mực, mà kể ra ở đây người ta cần quái gì phải có mực kia chứ. Để viết những bản thanh toán quá giá cho khách trọ chẳng?

Thật ra, khi Andécxen mới đến khách sạn này thì trong cái bình mực bằng thiếc cũng vẫn còn lại một ít. Chàng dùng mực ấy viết một câu chuyện cổ tích. Nhưng câu chuyện mỗi lúc một nhọt nhọt

trông thấy bởi Andécxen đã mấy lần pha thêm nước lã vào mực. Thế là chàng không viết hết được câu chuyện - cái đoạn kết vui vẻ của nó vẫn còn nằm lại ở đáy lọ.

Andécxen tùm tùm cười và quyết định sẽ đặt tên cho câu chuyện cổ tích sau là *Câu chuyện còn nằm dưới đáy bình mực cạn*.

Chàng yêu mến Vonizơ và đặt tên cho nó là "Bông sen úa".

Những đám mây đen, thấp, cuộn cuộn trên mặt biển mùa thu. Trong những con sông đào róc rách một thứ nước hôi hám. Gió lạnh thổi trên những ngã ba, ngã tư đường phố. Nhưng khi mặt trời vừa ló ra thì màu đá hồng nổi lên từ dưới đám rêu xanh và sau khung cửa sổ, cả thành phố hiện ra như một bức tranh của nhà danh họa già Kanalettô⁽¹⁾ của thành Vonizơ.

Đúng vậy, Vonizơ tuy hơi buồn nhưng thật là đẹp. Nhưng đã đến lúc phải xa nó để đi tới những thành phố khác.

Vì thế mà Andécxen chẳng luyến tiếc bao nhiêu khi bảo gã bồi phòng đi mua vé cho chuyến xe đêm sang Vêrôn.

Gã bồi phòng thật xứng với cái khách sạn. Đó

1. Antoio de Cannaletto, nhà danh họa Ý (1697 - 1786).

là một anh chàng lười biếng, lúc nào cũng ngà ngà say, hay ăn cắp vặt nhưng có bộ mặt hồn nhiên và cởi mở. Gã chưa hề dọn phòng cho Andécxen lần nào, đến nỗi có việc quét cái sàn nhà thôi gã cũng chẳng làm.

Từ những màn nhung đỏ thắm ở cửa, mối bay ra trông giống những đàn ong vàng óng. Muốn rửa mặt phải dùng cái chậu sứ rạn có hình những cô gái vú nở đang tắm. Cây đèn dầu đã gãy. Thay vào, người ta đặt lên bàn một chân nến nặng nề bằng bạc trên có một mẫu nến thừa - thứ nến làm bằng mỡ lợn - chưa cháy hết. Có lẽ từ thời vua Tixian người ta chưa hề lau rửa cho nó.

Từ dưới tầng hầm, nơi có đặt quán rượu rẻ tiền sặc sụa mùi thịt cừu rán và mùi tỏi. Những cô gái trẻ bận váy áo nhung xơ xác và lỏng lẻo bằng những dải đã đứt, suốt ngày cười oang oang và gây lộn với nhau.

Đôi khi họ đánh nhau, giằng kéo, túm tóc nhau. Những lúc ấy, nếu Andécxen đi ngang qua, chàng thường dừng lại và thán phục nhìn những mái tóc rối tung, những bộ mặt đỏ gay vì tức giận và những con mắt long lanh khao khát trả thù.

Nhưng đáng yêu hơn cả tất nhiên vẫn là những giọt nước mắt tức giận trào ra, lăn dài trên gò má như những hạt kim cương.

Khi thấy chàng, họ dụ đi, ngưng ngừng trước cái ông khách gầy còm và lịch sự có cái mũi thanh tú. Họ tưởng chàng là một người làm trò quỷ thuật vừa ghé qua đây mặc dầu họ gọi chàng là "xinh thi sĩ" ⁽¹⁾ với một vẻ kính nể. Theo hiểu biết của họ chàng là một nhà thơ kỳ dị. Chàng sống không hăng say. Chàng không hát theo cây đàn lục huyền những khúc thuyền ca làm tan nát lòng người và không mê hết người đàn bà này đến người đàn bà khác. Chỉ có mỗi một lần chàng rút bông hồng đỏ thắm vẫn thường cài ở khuyết áo ra tặng cho cô bé rửa bát xấu xí nhất bọn. Hơn nữa cô ta lại còn đi khập khiễng, lắc lư như một con vịt.

Khi gã bồi phòng đi rồi, Andécxen chạy lại cửa sổ, hé mở chiếc rèm nặng nề và trông thấy gã vừa đi vừa huýt sáo miệng dọc bờ con sông đào. Khi đi ngang qua chị hàng tôm mặt đỏ gay gã liền giơ tay bóp vú và bị một cái tát văng óc.

Sau đấy, gã đứng lại rất lâu trên chiếc cầu cong và chăm chú nhổ vào cái vỏ trứng rồng trôi lênh bênh dưới chân cầu. Cuối cùng gã nhổ trứng và chiếc vỏ trứng chìm ngấm. Đoạn gã lại gắp chú bé đội chiếc mũ dạ rách. Chú bé đang câu cá. Gã bồi ngồi xuống một bên, đắm đắm nhìn

1. Ngài thi sĩ, tiếng Ý, tỏ vẻ kính trọng.

chiếc phao và chờ xem có con cá lang thang nào sa bẫy không.

- Trời ! - Andécxen tuyệt vọng kêu lên. - Chẳng có lẽ hôm nay mình sẽ không đi Vêrôn được vì cái thằng đàn độn này ư ?

Andécxen mở toang cửa sổ ra. Tiếng kính cửa rung mạnh đến nỗi gã bồi phòng nghe thấy và ngẩng đầu lên. Andécxen giơ hai tay lên trời, phần nộ lắc lắc hai quả đấm, doạ nạt.

Gã bồi phòng giật chiếc mũ của thằng bé, hoan hỉ giơ lên vẫy Andécxen rồi chụp trả lên đầu nó và nhẩy lên, biến mất vào một góc phố.

Andécxen phá lên cười. Chàng không tức giận chút nào. Cả đến những chuyện ngộ nghĩnh vặt vãnh như thế cũng chỉ làm cho thú say mê du lịch trong người chàng mỗi ngày một mạnh thêm.

Du lịch bao giờ cũng hứa hẹn những điều bất ngờ. Ai mà biết trước được lúc nào sẽ có cái nhìn hóm hỉnh của người đàn bà ánh lên trong khoe mắt ; lúc nào những ngọn tháp của một thành phố không quen biết sẽ hiện ra ở đằng xa, và những cột buồm của những con tàu lớn sẽ nghiêng ngả ở chân trời ! Ta không thể biết trước những vần thơ nào sẽ đến với ta trước cảnh cơn giông gầm thét trên dãy núi Anpơ, và giọng ai sẽ hát cho

ta nghe, như tiếng nhạc ngựa đường xa, bài hát về một cuộc tình duyên dang dở.

Gã bồi phòng mang tấm vé xe về nhưng không trả lại tiền thừa. Andécxen túm lấy cổ gã và lịch sự tổng ra ngoài hành lang. Ở đó chàng đùa bỡn đập nhẹ lên gáy gã một cái và gã bồi phòng liền phóng thẳng xuống cái cầu thang ọp ọp, nhảy cách bậc và hát ầm ĩ.

*

* *

Xe vừa đi khỏi Vonizơ thì trời bắt đầu mưa lâm râm. Đêm tối hạ xuống đầm lầy.

Người đánh xe nói rằng chính quý vương đã bày ra chuyện bắt xe từ Vonizơ đến Vêrôn phải đi đêm đi hôm thế này.

Hành khách không trả lời. Người đánh xe im lặng rồi giận dữ nhổ bọt và báo trước để hành khách biết rằng ngoài mẩu nến tàn trong cái đèn bằng sắt tây không còn một thứ gì phát sáng hết.

Không ai chú ý đến chuyện đó. Người đánh xe bèn tỏ vẻ hoài nghi về đầu óc minh mẫn của khách trên xe và nói thêm rằng Vêrôn là một chốn hang cùng, người đứng đắn không ai đến đó làm gì.

Hành khách biết gã nói bậy nhưng chẳng ai buồn phản đối.

Trên xe có cả thầy ba người : Andécxen, một giáo sĩ đã có tuổi, vẻ mặt cau có, và một thiếu phụ mặc chiếc áo choàng màu sẫm. Andécxen có cảm giác như thiếu phụ lúc thì trẻ, lúc thì già, lúc thì đẹp, lúc thì xấu. Tất cả cái đó là do ánh lửa lập lòe của ngọn nến sắp cháy hết gây nên.

- Hay là ta tắt nó đi ? - Andécxen hỏi. - Giờ cũng chẳng cần tới nó. Rồi đến lúc cần lại chẳng có gì mà thấp.

Giáo sĩ kêu lên :

- Đây là một ý nghĩ không bao giờ có thể có trong đầu một người Ý.

- Tại sao vậy ?

- Người Ý không biết phòng trước cái gì hết. Họ sợ nhớ ra và kêu ầm ĩ khi đã chẳng còn cách nào cứu vãn.

Andécxen hỏi :

- Thưa cha, vậy thì chắc cha không phải là người của cái dân tộc nhẹ dạ ấy ?

- Tôi là người Áo !

Giáo sĩ trả lời một cách giận dữ.

Câu chuyện dứt. Andécxen thổi tắt ngọn nến. Một lát sau thiếu phụ lên tiếng :

- Ở cái vùng này của nước Ý đi đêm không đèn mà lại hay cơ đấy.

- Dù thế nào thì tiếng bánh xe cũng vẫn cứ tổ cáo chúng ta đang ở trên xe, - giáo sĩ phản đối và nói thêm.- Đàn bà đi đêm đi hôm lẽ ra phải có người nhà đi hộ tống.

Thiếu phụ trả lời và cười hóm hỉnh :

- Người hộ tống của tôi ngồi kế tôi đó.

Thiếu phụ muốn nói Andécxen. Chàng liền trật mũ cảm ơn người bạn đồng hành.

Ngọn nến vừa tắt thì tiếng động và mùi hương xông lên càng mạnh, như thế chúng mừng rỡ vì đối thủ của mình đã biến mất. Tiếng vó ngựa, tiếng lạo xạo của bánh xe lăn trên sỏi, tiếng nhip xe cọt kẹt và tiếng mưa vỗ lộp bộp vào mui xe nghe càng to. Mùi cỏ ẩm ướt và mùi bãi lầy lợ vào qua cửa xe cũng đậm thêm.

- Là thật ! - Andécxen nói. - Ở Ý, tôi định ninh sẽ được thấy mùi rừng buoi, hoá ra lại gặp cái không khí đất nước phương Bắc của tôi.

Thiếu phụ nói :

- Sắp khác rồi, ông ạ ! Xe đang lên đồi. Trên kia không khí ấm hơn.

Ngựa đi bước một. Quả thực xe đang lên một sườn đồi thoải thoải.

Nhưng đêm không vì thế mà sáng hơn. Trái lại, trời càng tối vì hai bên đường kéo dài những hàng du cổ thụ. Dưới cành lá loà xoà, bóng tối càng dày đặc hơn và im lặng hơn. Chỉ hơi nghe rõ tiếng mưa rì rào trên lá.

Andécxen hạ cửa xuống. Một cành du ngó vào xe. Andécxen bứt vài chiếc lá làm kỷ niệm.

Giống như những người giàu tưởng tượng, chàng say mê thu lượm đủ mọi thứ lật vật trong những chuyến đi. Nhưng những cái lật vật ấy có một đức tính quý báu; chúng làm sống lại dĩ vãng, nhắc lại cái trạng thái tâm hồn đã có trong chàng đúng lúc chàng nhặt những mảnh vỡ của một bức môzai ⁽¹⁾, một chiếc lá du hay móng sắt của một con lừa nào đó.

- Đêm rồi ! - Andécxen tự nhủ.

Lúc này chàng thích bóng tối hơn là ánh sáng mặt trời. Bóng tối cho phép chàng được yên tĩnh suy nghĩ về mọi thứ trên đời. Và khi chàng suy nghĩ đã chán thì bóng tối lại giúp chàng tưởng tượng ra đủ mọi thứ chuyện trong đó nhân vật chính là bản thân chàng.

Trong những câu chuyện đó Andécxen bao giờ cũng hình dung mình là một người rất đẹp trai,

1. Bức hoạ ghép bằng các mảnh đá màu hoặc sứ màu.

trẻ trung, hoạt bát. Chàng hào hiệp phân phát cho mọi người xung quanh những lời nói làm họ say sưa, những lời mà các nhà phê bình đã cảm gọi là "hoa thơ".

Thực ra, chàng rất xấu trai và biết rõ điều đó. Chàng cao ngồng và nhút nhát. Tay chân chàng lòng thòng như tay chân con rối dưới sợi dây treo. Những con rối mà ở tổ quốc chàng, trẻ con gọi là "hampenman".

Với những đặc tính như thế chàng không hy vọng gì được phụ nữ chú ý. Nhưng khi những thiếu phụ đi qua mặt chàng như qua một cái cột đèn thì lòng chàng vẫn cứ thấy đau đau.

Andécxen thiu thiu ngủ.

Khi chàng mở mắt, vật mà chàng nhìn thấy trước tiên là một ngôi sao lớn màu lá mạ. Nó toả sáng ngay sát mặt đất. Đêm chừng đã khuya.

Xe đã dừng lại. Ở bên ngoài có tiếng nói lao xao. Andécxen lắng tai nghe. Người đánh xe đang mà cả với mấy cô gái vừa gọi xe đỗ lại giữa đường.

Những giọng nói của các cô gái cứ ngọt lịm và giòn vang đến nỗi cái cuộc mà cả du dương ấy giống như là khúc ngâm của một vở kịch cổ.

Người đánh xe không bằng lòng cho họ tới một thị trấn chắc là rất nhỏ bé nào đó với giá tiền

họ trả. Những người con gái nhao nhao nói rằng họ đã gom góp tất cả tiền túi của họ lại và cả ba đều không còn tiền nữa.

- Thôi được ! - Andécxen bảo người đánh xe. - Tôi sẽ trả nốt số tiền thiếu mà anh đã cần rồi đòi họ. Tôi sẽ còn trả thêm nữa nếu như anh thôi không ăn nói bất lịch sự với khách và tán dóc.

- Thôi được, mời các mỹ nương lên, - người đánh xe nói với các cô gái. - Hãy cảm ơn Đức Mẹ đã dun dủi cho các cô gặp cái ông hoàng ngoại quốc quen ném tiền qua cửa sổ này. Thực ra, ông ấy chẳng qua không muốn xe phải đậu lại vì các cô, thế thôi. Chứ ông ấy bấu các cô lắm đấy !

- Giêsu, lạy Chúa tôi ! - Nhà tu hành rên rỉ.

- Các cô lại ngồi gần tôi cho ấm. - Thiếu phụ nói.

Mấy cô gái chuyền cho nhau đồ đạc, rì rầm bàn tán và lên xe, chào mọi người, bẽn lẽn cảm ơn Andécxen rồi ngồi xuống và im lặng.

Họ mang theo lên xe mùi pho mát sữa cừu và mùi bạc hà. Andécxen lờ mờ trông thấy lấp lánh những hạt thủy tinh trong những đôi hoa tai rẻ tiền của các cô gái.

Xe đi. Sỏi lại lạo xạo dưới bánh. Các cô gái bắt đầu thì thầm nói chuyện.

- Họ muốn biết ông là ai, có thật là một ông

hoàng ngoại quốc không ? Hay chỉ là một du khách bình thường?

Thiếu phụ lên tiếng và Andécxen đoán rằng nàng đang mỉm cười trong bóng tối.

- Tôi là nhà tiên tri. - Không dẫn đo, Andécxen đáp. - Tôi có tài biết được tương lai và nhìn rõ trong bóng tối. Nhưng tôi không phải là một tên bịp bợm. Và, nếu như bà muốn, tôi là một thứ ông hoàng, nếu có thể nói như thế, một ông hoàng nghèo ở cái xứ sở mà Hamlet đã sống ngày xưa.

- Ông làm thế nào trông rõ được trong đêm như mực thế này ? - Một cô gái ngạc nhiên hỏi.

- Như cô chẳng hạn, - Andécxen trả lời. - Tôi nhìn thấy cô rõ đến nỗi trước vẻ kiều diễm của cô lòng tôi đã phải say mê.

Chàng nói điều đó và cảm thấy mặt mình lạnh toát. Cái trạng thái mà chàng thường trải qua mỗi lần sáng tác thơ hoặc truyện cổ tích đã đến gần.

Nỗi ưu tư nhẹ nhàng, những thác từ ngữ không hiểu từ đâu đến, cảm giác bất ngờ về sức mạnh của thơ ca, về quyền lực của mình đối với trái tim người, tất cả hoà hợp trong trạng thái ấy.

Giống như trong một câu chuyện chàng sắp viết, nắp chiếc rương thần củ kỹ bỗng bật mở với một tiếng động giòn giã. Trong chiếc rương đó giấu

kín những ý nghĩ chưa thốt thành lời và những tình cảm còn ngủ yên, tất cả sự mê hoặc của trái đất - tất cả những màu, những sắc, những âm thanh, những làn gió ngát hương, những chân trời bát ngát của biển cả, tiếng ồn ào của rừng, những dần vật của tình yêu và tiếng líu lo của con trẻ.

Andécxen không biết gọi trạng thái ấy là gì. Người thì gọi nó là cảm hứng, người thì gọi là sự phấn khởi, còn người khác thì lại gọi nó là tài xuất khẩu thành chương.

Im lặng một lát, chàng dịu dàng nói :

- Tôi tỉnh giấc và nghe thấy giọng các cô nói trong đêm. Các cô gái xinh đẹp ời, như thế cũng đủ để cho tôi quen biết các cô và còn hơn thế nữa, đủ để cho tôi yêu các cô như những cô em gái qua đường. Tôi nhìn thấy các cô rất rõ. Đây này, thí dụ như cô, cô con gái có mái tóc sáng và nhẹ. Cô là cô gái hay cười và cô yêu hết thảy mọi vật đến nỗi những con sáo rừng cũng phải sà xuống đậu trên vai cô khi cô vun xới trong vườn.

Một cô gái lớn tiếng thì thảo :

- Ôi, Nicôlina, ông ấy nói đăng ấy đấy !

- Cô có một trái tim sôi nổi, cô Nicôlina ạ. - Andécxen vẫn điềm đạm nói tiếp. - Nếu như chẳng may có chuyện gì không lành xảy tới với người yêu của cô, cô sẽ chẳng đắn đo suy nghĩ, vượt

qua ngàn dặm núi tuyết và sa mạc để gặp mặt và cứu chàng. Tôi nói đúng không nào?

Nicôlina bối rối, ấp úng :

- Vâng, em sẽ đi thật... Nếu ông đã nghĩ như thế.

- Các cô tên là gì ? - Andécxen hỏi.

Một cô trong bọn vui vẻ trả lời thay các bạn:

- Chúng em là Nicôlina, Maria và Anna.

- Cô Maria ạ, tôi thực không muốn nói về sắc đẹp của cô. Tôi nói tiếng Ý không thạo. Nhưng từ lúc thiếu thời tôi đã nguyện với Nàng Thơ rằng tôi sẽ ca tụng sắc đẹp, bất cứ tôi gặp nó nơi nào.

- Lạy Chúa tôi ! - Nhà tu hành nói khẽ. - Ông ta bị nhện độc cắn rồi. Ông ta đã hoá rồ.

- Có những người đàn bà, quả là đẹp mê hồn. Phần nhiều, họ là những người bản tính kín đáo. Họ sống với niềm đam mê cháy bỏng trong lòng, không thổ lộ với ai. Niềm mê say đó tưởng chừng như từ bên trong toả ra làm cho mặt họ nóng bừng. Cô là một người như thế đấy, cô Maria ạ ! Số mệnh của những người đàn bà ấy thường là kỳ lạ. Hoặc rất đau khổ, hoặc là rất hạnh phúc.

- Ông đã gặp những đàn bà như thế bao giờ chưa? - Thiếu phụ hỏi.

- Ngay lúc này đây, tôi đã gặp họ. - Andécxen trả lời. - Tôi không phải chỉ nói về cô Maria mà cả về bà nữa, thưa bà.

- Tôi mong rằng ông nói thế không phải cốt cho đêm dài chóng qua. - Người đàn bà nói, giọng run run. - Điều ông vừa nói thật là tàn ác đối với cô gái kiều diễm này.

Và nàng nói thêm, khe khẽ :

- Và cả với tôi.

- Thưa bà, chưa lúc nào tôi nghiêm chỉnh như lúc này.

- Vậy thì sao ? - Maria hỏi. - Liệu em có hạnh phúc hay không ?

- Cô mong muốn nhận lãnh của cuộc đời rất nhiều mặc dầu cô chỉ là một cô gái quê giản dị. Vì thế mà cô không dễ dàng được hưởng hạnh phúc. Nhưng rồi cô sẽ gặp một người xứng đáng với trái tim hay đòi hỏi của cô. Người cô chọn tất nhiên là một người xuất sắc. Có thể người đó là họa sĩ, là nhà thơ, là chiến sĩ đấu tranh cho tự do của nước Ý... Mà cũng có thể đó chỉ là một chàng mục đồng hay một thủy thủ, nhưng là người có một tâm hồn lớn. Nói cho cùng, họ cũng chẳng có gì khác nhau.

- Thưa ông, em không nhìn thấy ông, vì thế

em cứ hỏi mà không thẹn thùng. - Maria rụt rè nói. - Biết làm thế nào, nếu người ấy đã làm chủ trái tim em rồi. Em mới gặp chàng có vài bận, thậm chí cũng chẳng biết chàng bây giờ ở đâu.

- Cô cứ tìm đi ! - Andécxen nói lớn. - Rồi cô sẽ tìm thấy, chàng khắc yêu cô.

Anna vui vẻ nói :

- Maria ! Thì đó là cái anh chàng hoạ sĩ ở Vêrôn đấy chứ ai...

- Im đi ! - Maria mắng át.

Thiếu phụ nói :

- Vêrôn chẳng phải là một thành phố to lớn quá để đến nỗi không tìm nổi một người. Cô nhớ lấy tên tôi nhé. Tôi là Elena Guytsiôli. Tôi hiện ở Vêrôn. Cô cứ hỏi nhà tôi thì người Vêrôn nào cũng biết, họ sẽ chỉ cho cô. Maria, cô đến Vêrôn đi. Và sẽ ở cùng tôi đến tận cái ngày hạnh phúc mà ông bạn đường thân yêu của chúng ta đã tiên đoán cho cô.

Trong bóng tối, Maria tìm bàn tay Elêna và áp vào bên má nóng hổi của mình.

Mọi người im lặng. Andécxen nhận thấy ngôi sao xanh đã tắt. Nó đã rẽ xuống phía dưới chân trời. Nghĩa là đã quá nửa đêm.

- Kìa, sao ông không đoán gì cho em ? - Anna, cô gái nhanh mồm nhanh miệng nhất bọn hỏi.

- Cô sẽ có rất nhiều con. - Andécxen nói một cách quả quyết. - Chúng nó sẽ xếp thành hàng, nối đuôi nhau nhận phần sữa. Cô sẽ mất rất nhiều thì giờ để tắm rửa và chải đầu cho cả lũ. Nhưng chồng cô sẽ giúp cô một tay.

- Có phải là Pêtorô không ? - Anna hỏi. - Em cần cái anh chàng béo ục ịch ấy lắm đấy !

- Rồi cô còn mất nhiều thì giờ nữa để hôn vài lần trong một ngày những con mắt long lanh của hết thảy những thằng cu, cái dĩ của cô.

- Trong đất đai của Giáo hoàng mà nói những lời lẽ điên rồ ấy thì thật là quá quẩn !

Giáo sĩ nói một cách bức bối nhưng không ai chú ý đến câu nói của ông ta.

• Mấy cô gái lại thăm thì với nhau chuyện gì không rõ. Tiếng cười luôn luôn cắt đứt tiếng xì xào. Cuối cùng Maria nói :

- Thưa ông, bây giờ đến lượt chúng em muốn biết ông là người như thế nào. Chúng em thì lại không nhìn được trong bóng tối.

- Tôi là một nhà thơ đi khắp đó đây. - Andécxen trả lời. - Tôi còn trẻ. Tóc tôi rậm, uốn sóng và mặt tôi rậm nắng. Đôi mắt xanh của tôi hầu như

lúc nào cũng cười, bởi tôi sống không chút ưu tư và lòng chưa yêu ai. Công việc duy nhất của tôi là đem những món quà nhỏ tặng người khác và làm những việc lặt vặt cốt sao cho mọi người được vui.

- Thí dụ những việc gì, thưa ông ? - Elêna hỏi.

- Biết kể chuyện gì cho bà nghe đây ? Mùa hè năm ngoái tôi ở nhà một người quen làm nghề kiểm lâm ở xứ Giuytlan. Một hôm tôi dạo chơi trong rừng và tới một quang rừng thưa, nơi có rất nhiều nấm. Ngay ngày hôm đó tôi trở lại cánh rừng ấy và giấu dưới mỗi cây nấm hoặc một cái kẹo bọc giấy bạc, một quả chà là, một bó hoa tí xiu bằng sáp, hoặc một cái đế khâu và một mẫu băng lụa. Sáng hôm sau tôi đi cùng cháu gái con ông kiểm lâm vào cánh rừng đó. Cháu bé lên bảy. Thế là dưới mỗi gốc nấm cháu tìm thấy những vật bé nhỏ kỳ lạ kia. Chỉ thiếu có quả chà là. Hẳn một chú quạ nào đã tha đi mất. Ô, nếu bà được trông thấy đôi mắt sáng rực lên vì vui sướng của em bé ! Tôi quả quyết với cháu rằng những vật đó là của những chú quỷ lùn đã giấu ở đây.

- Ông đã đánh lừa một đứa bé ngây thơ ! - Giáo sĩ phân nộ. - Đó là một tội lỗi lớn.

- Không đâu, đó chẳng phải là chuyện đánh lừa. Em bé sẽ nhớ ngày hôm đó suốt đời. Và tôi

xin quả quyết với cha rằng trái tim cháu sẽ lâu cần cỗi hơn trái tim những người không được hưởng chuyện cổ tích ấy. Ngoài ra, thưa cha, tôi cũng muốn nói để cha biết rằng tôi vốn không ưa nghe những lời răn dạy mà người ta muốn buộc tôi phải nghe.

Xe dừng lại. Các cô gái ngồi im không nhúc nhích như bị bỏ bùa. Elêna cúi đầu không nói.

Người đánh xe kêu lên :

- Này, các mỹ nương ! Tỉnh dậy thôi ! Đến nơi rồi.

Các cô gái lại thì thào chuyện gì và đứng dậy.

Trong bóng tối Andécxen bỗng thấy hai cánh tay khỏe mạnh ôm lấy cổ chàng và một đôi môi nóng hổi áp vào môi chàng.

- Cảm ơn ông !

Đôi môi nóng hổi ấy thì thầm và Andécxen nhận ra giọng nói của Maria.

Nicôlina cảm ơn chàng và hôn chàng một cách trân trọng và âu yếm, tóc cô mơn man trên mặt chàng. Các hôn của Anna thì kêu và khỏe. Các cô gái nhảy xuống đất. Xe lại chuyển bánh trên con đường lát đá. Andécxen nhìn ra ngoài cửa kính. Nhưng chàng chẳng nhìn thấy gì ngoài những ngọn cây đen thẫm in trên nền

trời đang chuyển dần sang màu lục nhạt. Bình minh bắt đầu.

*

* *

Thành phố Vêrôn làm chàng ngạc nhiên vì những toà nhà tráng lệ. Mặt tiền trang nghiêm của những công trình xây dựng đó ganh đua với nhau. Sự hoà hợp của kiến trúc đáng lẽ phải giúp cho lòng người yên tĩnh. Nhưng tâm hồn Anđécxen lại xáo động.

Buổi tối hôm đó Anđécxen đến giật chuông căn nhà cổ kính của Elêna trong một phố hẹp dẫn tới pháo đài.

Chính Elêna ra mở cửa cho chàng. Cái áo nhung xanh bó sát lấy thân hình mảnh dẻ, màu xanh của nhung hắt lên mắt nàng làm cho đôi mắt trở thành xanh và đẹp vô cùng.

Nàng giơ cả hai tay đón chàng, những ngón tay lạnh của nàng nắm chặt lấy bàn tay xương xẩu của chàng, nàng đi giật lùi kéo chàng vào một gian phòng nhỏ.

- Tôi nhớ quá chừng ! - Nàng nói một cách bình dị và mỉm cười như có lỗi. - Tôi đã cảm thấy thiếu ông rồi.

Andécxen tái mặt. Cả ngày hôm ấy chàng chỉ nghĩ đến Elêna, lòng xáo động âm thầm. Chàng biết rằng mình có thể yêu đến đau khổ mỗi lời nói của người đàn bà ấy, yêu từng chiếc lông mi rơi của người đó, từng hạt bụi vương trên tà áo nàng. Chàng hiểu điều đó. Và chàng nghĩ rằng một mối tình như thế nếu cứ để cho nó bùng lên thì trái tim chàng sẽ không chứa nổi. Nó sẽ mang lại biết bao dằn vặt, biết bao niềm vui, nước mắt và tiếng cười, làm chàng không đủ sức chịu đựng tất cả những đổi thay và những bất ngờ của tình yêu đó.

Và biết đâu, chỉ vì mối tình kia mà những chuyện cổ tích của chàng, như một đàn ong sắc sỡ, sẽ chẳng nhạt phai, sẽ chẳng bỏ chàng bay đi để không bao giờ trở lại. Lúc đó chàng sẽ còn giá trị gì ?

Dù sao thì rồi tình yêu của chàng cuối cùng cũng sẽ chẳng được đáp lại. Bao lần chàng đã gặp những chuyện như thế. Những người đàn bà như Elêna chỉ vâng theo những ý thích nhất thời. Một ngày đáng buồn kia nàng sẽ nhận thấy chàng xấu xí. Chính chàng cũng cảm thấy gớm ghiếc bản thân mình. Luôn luôn chàng cảm thấy ở sau lưng những cái nhìn chế giễu. Những lúc ấy đáng đi của chàng trở nên cứng quèo, chàng vấp ngã và chỉ muốn chui xuống đất.

Chàng tự nhủ : "Tình yêu chỉ có thể vĩnh cửu trong trí tưởng tượng và chỉ có trong tưởng tượng tình yêu mới có thể vĩnh viễn là thơ là mộng. Hình như ta có thể tưởng tượng ra tình yêu giỏi hơn là được hưởng tình yêu trong thực tại".

Chính vì thế mà chàng đã đến nhà Elêna với ý định cương quyết là sau đó chàng sẽ đi ngay để không bao giờ gặp lại.

Chàng không dám nói thẳng điều đó ra với nàng. Giữa hai người đã có gì đâu. Họ chỉ mới gặp nhau ngày hôm qua trên một chuyến xe và chưa hề nói với nhau điều gì.

Andécxen dừng lại bên cửa phòng. Trong một góc, bức tượng đầu nữ thần Dian⁽¹⁾ bằng đá trắng toát dưới ánh sáng của những cây nến, hình như tái nhợt đi vì xúc động trước sắc đẹp của chính mình.

- Ai đã làm cho gương mặt bà trở thành bất tử trong pho tượng Dian kia vậy ! - Andécxen hỏi.

- Canôva⁽²⁾ đấy !

Elêna trả lời và cúi mặt xuống. Hình như nàng đã đoán được tất cả những gì đang xốn xang trong lòng chàng.

1. Nữ thần săn bắn, bà chúa rừng, theo thần thoại La Mã.

2. Antonio Canova (1751 - 1822), nhà điêu khắc nổi danh người Ý.

- Tôi đến đây để từ biệt bà. - Andécxen lẩm bẩm bằng một giọng trầm trầm. - Tôi sắp trốn khỏi Vêrôn.

- Tôi biết ông là ai rồi. - Elêna nhìn thẳng vào mặt chàng. - Ông là Krixtian Andécxen, nhà thơ và người viết truyện cổ tích danh tiếng. Nhưng hoá ra trong cuộc đời ông lại sợ chuyện cổ tích. Đến nỗi ông cũng chẳng có đủ nghị lực và can đảm, thậm chí cho một cuộc tình ngắn ngủi.

Andécxen thú nhận :

- Đó là cây thập tự nặng nề của tôi.

- Vậy thì nhà thơ phiêu lãng thân yêu của em ! - Elêna chưa chát nói và đặt tay lên vai Andécxen. - Anh hãy chạy đi. Chạy cho thoát ! Chúc cho đôi mắt anh mãi mãi tươi cười. Đừng nghĩ gì đến em. Nhưng nếu một ngày kia, tuổi già, nghèo nàn và bệnh tật có làm anh đau khổ thì anh chỉ cần nhắn cho em một lời, em sẽ như cô Nicôlina nọ, sẽ đi bộ vượt qua ngàn dặm qua những núi tuyết và những sa mạc khô cằn để tới an ủi anh.

Nàng gieo mình xuống chiếc ghế bành và lấy tay che kín mặt. Những ngọn nến trên giá nổ lách tách.

Andécxen nhìn thấy một giọt nước mắt long lanh lách qua những ngón tay nhỏ nhắn của Elêna rơi xuống vạt áo nhung và lặn đi.

Chàng xô tới, quỳ xuống trước mặt nàng, áp mặt vào đôi bàn chân ấm áp, khoẻ mạnh và dịu dàng của nàng. Elêna vẫn nhắm mắt, đưa tay ra ôm lấy đầu chàng, nàng cúi xuống và hôn vào môi chàng

Giọt nước mắt nóng hổi thứ hai rơi xuống mặt chàng. Chàng cảm thấy vị mặn của nó.

- Anh đi đi ! - Nàng nói khẽ. - Cầu cho Nàng Thơ tha thứ mọi tội lỗi cho anh.

Chàng đứng dậy, cầm lấy mũ và bước vội ra ngoài.

Chuông đổ hồi trên toàn thành Vêrôn.

Hai người không bao giờ gặp nhau nữa, nhưng luôn luôn nghĩ đến nhau.

Có lẽ vì thế, ít lâu trước khi nhắm mắt, Andécxen đã nói với một nhà văn trẻ :

- Tôi đã trả bằng một giá đắt, có thể nói vô cùng đắt cho những chuyện cổ tích của tôi. Vì chúng, tôi đã chối bỏ hạnh phúc mà lẽ ra tôi được hưởng và đã bỏ lỡ mất khoảng thời gian mà đáng lẽ trí tưởng tượng, dù cho có mạnh mẽ và hào nhoáng đến mấy, cũng phải nhường chỗ cho thực tế.

Bạn ơi, phải biết cách vận dụng trí tưởng tượng không phải để tạo ra đau buồn, mà để mang lại hạnh phúc cho mọi người và cho bản thân mình.

CUỐN SÁCH ĐỊNH VIẾT TỪ LÂU

Đã lâu lắm rồi, khoảng hơn mười năm trước, tôi đã quyết định viết một cuốn sách không dễ gì viết nổi, nhưng là một cuốn sách thú vị, như lúc đó tôi đã nghĩ và cả bây giờ nữa tôi vẫn nghĩ như thế.

Cuốn sách đó gồm tiểu sử của những con người xuất chúng.

Tiểu sử của họ phải ngắn và đẹp.

Thậm chí tôi đã bắt đầu lập danh sách những con người xuất chúng cho cuốn sách đó.

Trong cuốn sách này, tôi quyết định đặt vào đó vài mẫu đời của những người bình thường nhất mà tôi đã gặp, những con người không tên tuổi, bị chìm trong quên lãng, nhưng trong thực tế lại chẳng kém gì những người đã trở thành danh tiếng và được mọi người yêu mến. Chẳng qua họ không

gặp may và không để lại được dấu vết gì, dù chỉ là một dấu vết mờ nhạt, cho đời sau. Phần lớn, họ là những người không vụ lợi, biết xả thân vì nghĩa và cùng bị lôi cuốn bởi một niềm say mê chung.

Thuyền trưởng đường sông Ôlênhin Vôngari - con người có một cuộc đời muôn màu muôn vẻ - là một trong những người như thế. Ông lớn lên trong một gia đình yêu âm nhạc và học hát ở Ý. Nhưng rồi ông muốn ngao du khắp châu Âu nên đã bỏ học và thực sự đã làm một người hát rong đi khắp các nước Ý, Tây Ban Nha, Pháp. Ở nước nào ông cũng hát những bài hát bằng tiếng của nước đó trong nhịp đệm của đàn ghita.

Tôi được biết Ôlênhin Vôngari tại toà soạn một trong những tờ báo hàng ngày ở Maxcova, năm 1924. Một hôm, sau giờ làm việc, chúng tôi đề nghị Ôlênhin Vôngari hát cho nghe vài bài trong chương trình hát rong của ông. Không biết người ta kiếm đâu được một cây đàn ghita và thế là ông già gầy còm, thấp bé, trong bộ quần áo thuyền trưởng đường sông bỗng chốc đã biến thành một nghệ sĩ điêu luyện, một diễn viên và một danh ca xuất chúng. Giọng ông hoàn toàn trẻ trung.

Chúng tôi lắng đi, lắng nghe những giai điệu. Ý phóng khoáng chảy trôi, tiếng âm âm dứt đoạn

trong những bài hát của dân miền Baxkơ, bài *Macxâyê* ⁽¹⁾ hoan hỉ trong tiếng kèn đồng lạnh lạnh và khói thuốc súng mù mịt.

Sau khi đã đi lang thang khắp châu Âu, Vôngari làm thuỷ thủ trên những con tàu biển, đoạt bằng hoa tiêu đường trường, đi ngang dọc Địa Trung Hải nhiều lần, rồi mới trở về Nga và làm thuyền trưởng đường sông Vônga. Hồi tôi mới quen ông, Ôlênhin Vôngari đưa tàu chở khách từ Maxcova đi Nhigionhi Nôvôgôrôt.

Ông là người đầu tiên dám mạo hiểm đưa con tàu chở khách to lớn chạy đường sông Vônga qua các đập nước hẹp và cũ kỹ của sông Maxcova. Tất cả thuyền trưởng, kỹ sư đều cả quyết rằng việc đó không thể nào thực hiện được.

Ông là người đầu tiên đề nghị nắn lại dòng sông Maxcova trong vùng Máctsughi nổi tiếng, nơi dòng sông uốn khúc đến nỗi chỉ cần nhìn cái hình thù ngoằn ngoèo không biết bao nhiêu lần của nó trên bản đồ cũng đã đủ hoa mắt.

Ôlênhin Vôngari đã viết nhiều bài tuyệt hay về những dòng sông Nga. Ngày nay những bài viết đó đã bị mất và bị lãng quên. Ông biết đủ mọi xoáy nước, khúc sông và đồng cây chìm trên

1. Một bài ca cách mạng do nhạc sĩ Pháp Rouget de Lisle sáng tác năm 1792, sau lấy làm quốc ca Cộng hoà Pháp.

hàng chục con sông. Ông có những chương trình đơn giản và không ai ngờ tới việc cải tiến phương tiện đi lại và vận chuyển bằng đường thủy trên những dòng sông ấy.

Những lúc rảnh rang ông dịch cuốn *Thần khúc* của Đăngtơ⁽¹⁾ ra tiếng Nga.

Đó là một con người nghiêm nghị, tốt bụng và hiếu động, người chủ trương mọi nghề đều đáng trọng bởi chúng phục vụ con người và giúp cho mỗi người có một cơ hội tỏ ra mình là "một con người tốt đẹp trên mảnh đất tốt này".

Tôi còn quen một người giản dị và đáng yêu khác là giám đốc nhà bảo tàng địa phương trong một thành phố nhỏ miền Trung Á.

Bảo tàng đặt trong một ngôi nhà cổ kính. Ông giám đốc không có người giúp việc nào khác, ngoài bà vợ. Hai người không những chỉ coi sóc viện bảo tàng đâu ra đó, mà còn tự tay sửa chữa nhà cửa, kiếm củi sưởi và làm đủ mọi việc nặng nhọc linh tinh khác.

Một hôm, tôi bắt gặp hai người đang làm một việc kỳ quặc. Họ đi đi lại lại mãi trong cái phố nhỏ lặng lẽ cỏ mọc đầy và nhặt hết những hòn đá, những viên gạch vỡ nào còn nằm vương vãi quanh viện bảo tàng.

1. Dante, nhà thơ vĩ đại, người thầy của nền thi ca Ý.

Thì ra lũ trẻ đã lấy đá ném vỡ cửa kính viện bảo tàng. Để sau này chúng không còn đạn mà ném nữa, ông giám đốc mới quyết định nhặt hết đá, gạch ngoài phố mang vào sân.

Mọi vật trong bảo tàng, từ bức thêu ren cổ xưa hoặc viên gạch phẳng hiếm hoi của thế kỷ XIV đến một mẫu than bùn và xác ướp con chuột nước Achentina - con nutori - vừa đây được thả vào những đầm lầy địa phương để gây giống, đều được nghiên cứu và ghi chép cẩn thận.

Nhưng con người khiêm tốn, bao giờ cũng nói khẽ, vừa nói vừa dềnh hắng vì bối rối kia mỗi lần giới thiệu bức tranh của họa sĩ Pêrêpletsikôp là lại tươi hơn hớn. Ông đã tìm ra bức tranh ấy trong một tu viện đóng cửa.

Thực vậy, đó là một bức phong cảnh tuyệt đẹp mà họa sĩ đã nhìn qua khung cửa sổ sâu thẳm mà vẽ. Một buổi chiều trắng phươg Bắc với những cây bạch dương mơn mớn ngủ yên và mặt nước trắng như thiếc trên một con hồ nhỏ.

Ông làm việc vất vả. Người ta coi ông không ra gì. Ông làm việc trong yên lặng, không quấy rầy ai. Nhưng dù viện bảo tàng của ông có không mang lại nhiều lợi ích đi chăng nữa thì chẳng lẽ bản thân sự tồn tại của một con người như thế không phải là tấm gương về lòng trung thành với công việc, tính khiêm tốn và tình yêu quê hương,

cho những người ở đây, nhất là cho thanh niên, hay sao ?

Mới đây tôi vừa tìm được bản danh sách những con người xuất chúng mà tôi đã lập ra để viết cuốn sách nói trên. Danh sách đó rất dài. Tôi không thể viết ra đây toàn bộ. Vì thế tôi chỉ chọn hủ hoạ lấy một số nhà văn.

Bên cạnh tên mỗi nhà văn tôi viết những ghi chép ngắn ngủi và lộn xộn về những cảm giác của tôi, chúng gắn liền với nhà văn này hay nhà văn khác.

Để cho rõ hơn tôi xin dẫn ra dưới đây một vài đoạn ghi chép ấy. Tôi đã xếp chúng lại cho gọn và mở rộng thêm.

TSÊKHÔP

Trong văn học, những cuốn sổ tay của Tsêkhôp tồn tại độc lập như một thể văn đặc biệt. Ông rất ít dùng sổ tay trong việc viết văn.

Sổ tay của Infor, Anphôngxơ Đôđê⁽¹⁾, nhật ký của Lép Tônxtôi, anh em Gôngcua⁽²⁾, nhà văn Pháp Rơna⁽³⁾ và rất nhiều ghi chép của các nhà văn,

1. Nhà văn Pháp (1840 - 1897)

2. Nhà văn Pháp (1822 - 1896)

3. Nhà văn Pháp (1864 - 1910)

nhà thơ khác cũng tồn tại như một thể đặc biệt.

Những cuốn sổ tay có đầy đủ quyền sống trong văn học như một thể độc lập. Nhưng riêng tôi, trái với ý kiến của nhiều nhà văn khác, tôi cho rằng những cuốn sổ tay hầu như vô dụng đối với công việc cơ bản của nhà văn.

Đã có thời tôi ghi sổ tay. Nhưng cứ mỗi lần tôi lấy ở trong đó ra một ghi chép thú vị nào đó và đặt nó vào một truyện ngắn hay một truyện dài thì y như rằng cái đoạn văn đó lại trở thành cứng quèo. Trong truyện, nó cộm lên như một dị vật.

Tôi chỉ có thể giải thích điều đó bằng cách nói rằng việc lựa chọn tài liệu tốt nhất là nhờ trí nhớ. Những gì còn lại trong trí nhớ và không bị quên đi, đó mới chính là cái quý hơn cả. Những gì cứ phải ghi chép mới khỏi quên là cái không quý bằng và hiếm có trường hợp chúng trở thành hữu ích cho nhà văn.

Việc Tsêkhốp là thầy thuốc chẳng những giúp cho ông hiểu biết con người mà còn ảnh hưởng cả đến văn phong của ông. Nếu Tsêkhốp chẳng phải là thầy thuốc thì có thể ông đã chẳng tạo ra được loại văn xuôi chính xác, có tính phân tích và sắc như dao giải phẫu.

Một số truyện ngắn của ông (thí dụ *Phòng*

số 6. Câu chuyện đáng ngán, Người đàn bà phù phiếm và nhiều nhiều nữa) đã được viết ra như những chẩn đoán tâm lý mẫu mực.

Văn của ông không sao chịu nổi chút xíu bụi bặm và vết bẩn. Tsêkhốp viết: "Cần phải vứt đi những cái thừa, rửa sạch câu văn khỏi những 'tuỳ theo', 'nhờ ở', cần phải chú ý đến nhạc tính của văn và không để cho những chữ 'thì' 'là', 'mà' đứng gần sát nhau trong một câu" ⁽¹⁾.

Ông thẳng cánh đuổi ra khỏi văn ông những từ như "appétit", "flirt" "idéale", "disque", "écran". Chúng làm ông ghê tởm ⁽²⁾.

Cuộc đời của Tsêkhốp đáng để ta học tập. Ông kể lại rằng trong một thời gian dài, nhiều năm, ông đã phải gian khổ để đấu tranh vứt bỏ từng chút, từng chút một, chất nô lệ trong con người. Chỉ cần trải ra những bức ảnh của Tsêkhốp theo tuần tự năm tháng - từ lúc ông còn là thanh niên cho đến những năm cuối đời - là đủ thấy rõ rằng cái nét tiểu tư sản mờ mờ phủ bên ngoài con người ông mất dần và gương mặt ông trở nên nghiêm nghị thêm, lớn lao thêm và đẹp thêm mãi, cả trang phục của ông cũng thanh thoát và duyên dáng thêm mãi.

1 Nguyên văn là "trở nên", "thôi trở nên" hoặc "bắt đầu", "thời" Ý nói những chữ rườm rà, lủng củng như những chữ "thì", "là", "mà", (N.D)

2. Ý nói những từ nước ngoài. Những từ này tuy vậy ngày nay vẫn thường dùng trong văn Nga.

Ở nước ta có một góc nhỏ, nơi mà người nào cũng gửi gắm một phần trái tim mình. Đó là ngôi nhà của Tsêkhôp ở Autka.

Đối với những người thuộc thế hệ tôi, ngôi nhà đó không khác gì một khung cửa sổ sáng ánh đèn. từ khu vườn tôi ta có thể nhìn qua khung cửa đó để thấy thuở thiếu thời đã lãng quên gần hết của mình, và được nghe giọng nói triu mến của Maria Paplôpna⁽¹⁾ - cô Masa đáng yêu của Tsêkhôp - người mà cả đất nước biết đến và yêu mến như một người ruột thịt.

Tôi tới ngôi nhà đó lần cuối cùng vào năm 1949.

Tôi ngồi bên bà Maria Paplôpna ở ngoài hiên. Những bụi hoa trắng ngào ngạt che khuất biển và thành phố Yanta.

Maria Paplôpna nói rằng bụi hoa um tùm đó là do Antôn Paplôvich Tsêkhôp tự tay trồng và ông đã đặt tên cho nó nhưng bà không sao nhớ ra được cái tên rắc rối ấy.

Bà nói chuyện đó một cách đơn giản, như thể Tsêkhôp còn sống, ông mới ở đây và chỉ đi đâu đó ít lâu, tới Maxcova hoặc Nitxa.

Tôi hái một đoá trà hoa trong vườn Tsêkhôp và tặng em gái bé cùng đi với chúng tôi tới nhà

1. Chỉ nhà văn Tsêkhôp.

bà Maria Paplôpna. Nhưng cô "Trà-hoa nữ" vô tư kia đã đánh rơi mất bông hoa trôi ra Bắc Hải. Không thể nào giận em bé cho được, nhất là trong một ngày tưởng chừng có thể gặp Tsêkhốp ở mọi lối ngoặt trong các phố. Và ông sẽ khó chịu đấy khi nghe người ta mắng mỏ đứa cháu gái bé bỏng có đôi mắt nâu kia chỉ vì một chuyện không đâu: nó đánh mất bông hoa ngắt trong vườn ông.

ALÊCHXANDRÔ

Blôc có một bài thơ đầu tay ít người biết đến:
Đêm ấm áp tràn lên hải đảo.

Trong bài thơ ấy có một câu kéo dài và điệu dàng, nó gọi lên trong trí ta cả cái đẹp đẽ của tuổi thanh xuân mờ ảo : "*Mùa xuân mơ ước xa xôi của mình...*"

Đó không phải là những từ thường. Đó là ánh hào quang. Những hào quang đó tạo ra toàn bộ con người Blôc.

Lần nào đến Leningrát tôi cũng muốn được đi bộ (chỉ đi bộ chứ không đi xe buýt hoặc tàu điện) tới sông Briaska để nhìn thấy ngôi nhà nơi Blôc đã sống và đã qua đời ở đó.

Một hôm tôi đi và bị lạc giữa những khu phố

vắng vẻ và những nhánh sông dài ngập bùn lầy và khi hỏi chẳng thấy nhà Blôc đâu. Nhưng vô tình tôi gặp trong một ngõ hẻm cỏ mọc đầy, một tấm bảng kỷ niệm ở một ngôi nhà gạch đã bạc màu. Thì ra Đôxtôiépki đã ở ngôi nhà này.

Mãi gần đây tôi mới tìm ra ngôi nhà của Blôc trên bờ sông Priaska.

Mùa thu tàn đã rắc đầy lá úa trên dòng sông đen. Bên kia sông bắt đầu khu ngoại ô của công nhân cảng trong thành phố. Trên nền trời sắp tối trông rõ những nhà máy, những xưởng đóng tàu, những cột buồm và những làn khói. Nhưng trên sông Priaska thì lại vắng vẻ và im lìm như trong một tỉnh lỵ xa xôi.

Đó là nơi ẩn náu kỳ lạ đối với một nhà thơ như Blôc. Có thể Blôc đã chọn nơi vắng vẻ và gần biển này vì nó trả lại sự yên tĩnh cho trái tim rối bời của con người.

GUY ĐỜ MÔPATXĂNG

Ông che giấu chúng ta cuộc đời mình⁽¹⁾.

Môpatxăng có một chiếc thuyền nhỏ ở miền duyên hải Riviera tên là "Người bạn thân yêu".

(1) Rona nói về Môpatxăng.

Ông đã viết tác phẩm vang dội nhất và cay đắng nhất của ông trên con thuyền này : *Truyện Trên mặt nước*.

Có hai thủy thủ làm công trên chiếc "Người bạn thân yêu" của Môpatxăng. Người nhiều tuổi tên là Bécna.

Hai thủy thủ không để lộ một lời nói, một cử chỉ nào để Môpatxăng biết rằng họ đang lo lắng cho ông mặc dầu họ nhìn thấy có chuyện gì đó không bình thường vừa mới xảy ra với "ông chủ" và ông có thể phát điên không phải vì suy nghĩ, mà chỉ riêng vì những cơn buốt óc không tài nào chịu nổi.

Khi Môpatxăng qua đời, hai người thủy thủ nọ gửi tới toà soạn của một trong những tờ báo hàng ngày ở Pari một bức thư ngắn ngủi và vụng về, tràn ngập một nỗi đau khổ lớn của con người. Có lẽ chỉ có hai người bình thường kia, trái với quan niệm sai lạc chung của mọi người về Môpatxăng, biết rằng chủ họ có một tâm hồn tự hào và cả then.

Họ có thể làm gì để tưởng nhớ Môpatxăng ?

Họ chỉ biết cố gắng hết sức mình sao cho con thuyền mà Môpatxăng yêu mến khỏi rơi vào bàn tay thờ ơ của kẻ khác.

Và hai người thủy thủ đã cố gắng. Có thể kéo

dài việc bán thuyền ra bao nhiêu họ kéo bấy nhiêu. Nhưng họ là những người nghèo khổ và chỉ có trời chứng giám họ đã phải chật vật đến thế nào.

Họ cầu cứu bạn bè Môpatxăng, cầu cứu các nhà văn Pháp, nhưng vô hiệu. Thế là chiếc thuyền bị rơi vào tay bá tước Bactêlêmi - một gã nhà giàu vô công rồi nghề.

Khi Bécna hấp hối, ông nói với những người chung quanh :

- Tôi nghĩ rằng tôi đã là một thủy thủ không đến nỗi tồi.

Không thể nào diễn tả giản dị hơn ý nghĩ về một cuộc sống cao thượng mà ta đã sống qua. Tiếc thay, lại chỉ rất ít người có thẩm quyền nói về mình bằng những lời như thế.

Những lời đó là di huấn mà Môpatxăng dặn lại chúng ta qua miệng người thủy thủ nọ.

Ông đã đi qua con đường viết văn rất nhanh chóng. Ông nói : "Tôi bước vào văn nghiệp như một mảnh sao băng và ra khỏi nó như một tia chớp".

Là nhà quan sát tàn nhẫn cái thói tha của con người, nhà giải phẫu gọi cuộc đời là : "Bệnh viện thực hành cho nhà văn", trước khi chết ít lâu, ông khát khao mong mỗi sự trong sạch, ca

ngợi tình yêu - đau khổ và tình yêu - sung sướng⁽¹⁾.

Ngay đến giờ phút cuối cùng, khi tưởng như óc mình đã bị một thứ muối độc nào đó ăn ruỗng, ông còn tuyệt vọng mà nghĩ rằng ông đã phung phí mất bao nhiêu lòng chân thành trong cuộc đời hồi hã và long đong của mình.

Ông kêu gọi con người đi đâu ? Ông dẫn dắt người ta đến đâu ? Ông hứa gì với họ ? Ông có dùng được đôi tay khoẻ mạnh của người chèo thuyền và của nhà văn giúp đỡ họ được không ?

Ông hiểu ông đã thường làm điều đó và nếu như ông đem lòng trắc ẩn thêm vào những gì ông viết thì ông đã có thể vĩnh viễn trở thành ông Thiện trong trí nhớ của nhân loại.

Như một đứa trẻ bị bỏ rơi, rứt rề và cau có, ông tìm đến cái dịu dàng. Ông tin rằng tình yêu không phải chỉ là nhục dục mà còn là sự hy sinh, là niềm vui thầm kín. Nhưng đã muộn mất rồi, trong ông chỉ còn lại độc những lời trách móc của lương tâm và những ăn năn hối tiếc.

Và ông tiếc, ông giận mình đã miệt thị vứt bỏ hạnh phúc, nhạo báng nó. Ông thương nhớ đến nữ họa sĩ Nga Baskiaxeva. Nàng gần như là một đứa con gái nhỏ ? Nàng đã yêu ông. Nhưng Môpatxăng

1. Nguyên văn có gạch nối ở hai chữ tình yêu - đau khổ và tình yêu - sung sướng.

đáp lại tình yêu của nàng bằng một cuộc trao đổi thư từ giấu cọt và còn hơi đồng đánh nữa là khác. Tình kiêu kỳ của đàn ông trong con người ông đã thoả mãn. Ông không muốn đạt được điều gì lớn hơn.

Nhưng nhắc tới Baskiaxeva mà làm chi ! Ông còn tiếc một cô thợ trong một xưởng máy ở Pari hơn nhiều.

Pôn Buôcgie⁽¹⁾ đã tả lại câu chuyện xảy ra với cô thợ ấy. Môpatxăng phần nộ. Ai cho phép tên tâm lý gia phòng khách kia được lỗ mãng xông vào tấn bi kịch của con người ? Tất nhiên, chính ông, chính Môpatxăng, đã có lỗi trong chuyện đó. Nhưng biết làm thế nào, có cách gì cứu vãn được khi ông chẳng còn sức lực và chất muối kia đã lắng cặn dần tầng tầng lớp lớp trong tâm trí ông? Ông thỉnh thoảng thậm chí còn nghe thấy cả tiếng lách tách của những tinh thể nhỏ bé và nhọn sắc của chúng khi chúng chọc sâu vào óc ông.

Cô thợ ! Người con gái ngây thơ và kiêu diễm ! Nàng đọc rất nhiều truyện ngắn của ông, chỉ nhìn thấy ông một lần mà đã yêu ông với tất cả trái tim nồng cháy trong trắng như cặp mắt toả sáng của nàng.

1. Nhà văn Pháp (1852 - 1935).

Người con gái thực sự ngây thơ ! Nàng biết Mopatxăng không có vợ và sống cô độc, và thế là ý nghĩ điên rồ muốn trao cho ông cả đời mình, sẵn sóc ông, làm người bạn của ông, làm vợ ông, làm nô lệ cho ông và làm đầy tớ ông đã dấy lên trong lòng nàng mạnh mẽ đến nỗi nàng không sao cưỡng lại được.

Nàng nghèo và xiêm áo tồi tàn. Nàng chịu ăn đói suốt một năm trời và dành dụm từng xu một để may một bộ xiêm áo lộng lẫy mặc đi gặp Mopatxăng.

Cuối cùng bộ áo đã may xong. Nàng trở dậy từ sáng sớm, trong khi Pari còn ngủ, khi những giấc mộng còn phủ kín Pari như một màn sương và qua màn sương ấy le lói một mặt trời mới mọc. Lúc đó là giờ duy nhất có thể nghe tiếng chim hót trong những hàng bồ đề trên các đại lộ.

Nàng tắm qua loa bằng nước lạnh, từ tốn và nhẹ nhàng đi đôi tất mỏng tang và đôi giày nhỏ bóng loáng rồi đến bộ áo tuyệt đẹp, như mặc vào mình những vật quý mỏng manh đắt tiền. Nàng soi gương và không tin cả bóng mình. Trước mặt nàng là một cô gái kiều diễm, mảnh mai, rạng rỡ niềm vui và nổi bật trong lòng với đôi mắt quảng thâm vì yêu và đôi môi đỏ tươi, dịu dàng. Phải, nàng sẽ đến trước Mopatxăng với sắc đẹp ấy và thú thực với ông tất cả.

Mopatxăng ở một biệt thự bên ngoài thành phố.

Nàng bấm chuông ngoài cổng. Một người bạn Môpatxăng ra mở. Gã là một thằng cha coi đời bằng nửa con mắt, thích hưởng lạc và chuyên tán gái. Gã mỉm cười nhìn nàng chòng chọc rồi trả lời là Môpatxăng không có nhà, rằng ông đã cùng với nhân tình đi Êtơrêla vài ngày.

Nàng kêu lên và bước vội đi, bàn tay bé nhỏ bó chặt trong chiếc găng da mềm chơi vơi nắm lấy những song sắt hàng rào.

Ông bạn của Môpatxăng đuổi theo, dìu nàng lên xe ngựa và đưa về Pari. Nàng khóc, nói một cách không có mạch lạc đến chuyện trả thù và ngay tối hôm ấy, để chọc tức mình, chọc tức Môpatxăng, nàng đã hiến thân cho anh chàng chơi bời nọ.

Một năm sau nàng đã là một trong đám kỹ nữ trẻ nổi tiếng ở Pari. Còn Môpatxăng thì sau khi nghe câu chuyện do ông bạn kể lại đã không đuổi gã đi, không cho gã một cái tát, không thách đấu với gã mà chỉ mỉm cười. Ông thấy câu chuyện xảy ra với người con gái cũng hay hay. Thực vậy, nó cũng có thể là một đề tài không đến nỗi tồi cho một truyện ngắn đấy chứ !

Thật đáng sợ vì giờ đây không còn có thể nào lấy lại được khoảng thời gian khi người con gái ấy còn đứng bên hàng rào nhà ông như một mùa xuân nức hương và tin cậy đặt trái tim mình trong đôi bàn tay nhỏ nhắn mà trao cho ông nữa.

Cả đến tên nàng ông cũng chẳng hay và giờ đây ông gọi nàng bằng đủ mọi cái tên âu yếm mà ông có thể nghĩ ra.

Ông quần quai vì đau đớn. Ông sẵn sàng hôn những vết chân nàng và cầu khẩn nàng tha lỗi. Chính ông, chính Môpatxăng vĩ đại và cao xa. Nhưng không còn cách gì cứu vãn được nữa rồi. Tất cả câu chuyện ấy chỉ còn là cái cơ để Buôcgiê có thể viết thêm một giai thoại ngộ nghĩnh thuộc lĩnh vực những tình cảm khó hiểu của con người.

Khó hiểu ư ? Không, những tình cảm ấy giờ đây rất dễ hiểu đối với ông ! Chúng rất tốt lành. Những tình cảm ấy ! Chúng là cái thiêng liêng nhất trên tất cả những gì thiêng liêng trong cái thế giới không hoàn hảo của chúng ta. Và ông có thể viết ngay bây giờ, với tất cả sức mạnh của tài năng và kỹ xảo mà ông có, về chuyện đó, nếu như không có chất muối kia. Nó đang gặm nhấm ông, mặc dầu ông nhổ nó ra từng vốc. Từng vốc lớn hăng xì.

MĂXIM GORKI

Người ta đã viết nhiều quá về Alêchxây Macximôvich Gorki đến nỗi nếu ông không phải là một người không bao giờ có thể khai thác hết

được thì chắc hẳn ta sẽ dễ dàng bối rối, lùi bước và không dám thêm vào những gì đã viết về ông lấy một dòng. Gorki chiếm một địa vị lớn trong đời mỗi chúng ta. Tôi thậm chí dám nói rằng có cái "cảm giác Gorki" - cảm giác về sự có mặt thường xuyên của ông trong đời sống của chúng ta.

Đối với tôi, trong Gorki có cả nước Nga. Cũng như không thể hình dung nước Nga không có sông Vonga, tôi không thể nào nghĩ rằng trong nước Nga lại không có Gorki.

Ông là người đại diện toàn quyền của nhân dân Nga tài năng vô tận. Ông yêu mến và hiểu biết nước Nga tường tận, hiểu biết nước Nga như các nhà địa chất nói, trong mọi "tiết diện", cả trong không gian, cả trong thời gian. Ông không coi thường bất kỳ cái gì trong đất nước này và không có gì mà ông không nhìn ra, theo cách của ông, cách Gorki.

Đó là một người đi săn các tài năng, con người đánh dấu một thời đại. Từ những người như Gorki có thể bắt đầu một niên biểu.

Lần đầu gặp ông, điều làm cho tôi sửng sốt trước tiên là cái bề ngoài duyên dáng lạ thường của ông, mặc dầu lưng ông hơi gù và giọng nói hơi khàn khàn. Ông lúc ấy đang ở trong giai đoạn chín muồi của tâm hồn và sự phát triển tài năng

cao độ khi cái toàn mỹ nội tâm hiện rõ ra bề ngoài, trong cử chỉ, lời nói, y phục, tóm lại, trên toàn thể đáng vẻ.

Ta cảm thấy rõ rệt vẻ duyên dáng kết hợp với sức tự tin trong đôi bàn tay to lớn của ông, trong cái nhìn chăm chú, trong dáng đi và trong bộ quần áo mà ông mặc một cách thoải mái và hơn nữa, có vẻ cầu thả của nghệ sĩ.

Tôi thường hình dung ông trong tưởng tượng như một con người mà một nhà văn đã được ở bên Gorki tại Krum, ở Têxêli, đã kể lại cho tôi nghe.

Nhà văn ấy một hôm dậy rất sớm và bước lại bên cửa sổ, một trận gió giật từng cơn ào ào trên mặt biển. Gió dồn dập, căng thẳng, từ phương Nam thổi lại, ào ào trong những khu vườn và làm cho những mũi tên chỉ hướng gió kêu lên kèn kẹt.

Cách ngôi nhà nhỏ của nhà văn không xa lắm có một cây bạch dương rất lớn. Một cây bạch dương chọc trời. Nếu Gôgôn còn sống ông sẽ gọi nó bằng cái tên như thế. Và nhà văn nhìn thấy Gorki đứng cạnh cây bạch dương, tì tay trên chiếc can, đầu ngẩng, chăm chú nhìn cái cây hùng mạnh ấy.

Cả vòm lá bạch dương nặng nề và dày đặc run rẩy, kêu âm âm trong bão. Lá cây căng thẳng theo chiều gió, phơi ra cái mặt trái trắng như bạc.

Cây bạch dương rít lên như một chiếc đàn oócgan khổng lồ.

Gorki đứng rất lâu, bất động và ngả mũ xuống nhìn lên cây bạch dương. Sau ông nói một câu gì đó và đi vào sâu trong vườn, nhưng vẫn còn ngoái lại nhìn cây bạch dương mấy lần.

Trong bữa ăn tối, nhà văn đánh bạo hỏi Gorki xem ông nói gì khi đứng bên cây bạch dương, Gorki không ngạc nhiên và trả lời :

- Ờ, nếu ông bạn đã theo dõi tôi thì được, tôi xin thú thực. Tôi nói, "Hùng vĩ biết chừng nào!"

Một lần tôi đến thăm Gorki tại một căn nhà ngoại ô của ông trong vùng Gorki. Hôm ấy là một ngày hè, trời đầy mây nhẹ, loãn xoãn, bóng mây trong suốt làm cho những ngọn đồi xanh rục hoa bên kia bờ sông Matxoan trở thành sắc sỡ. Gió ấm thổi trong các phòng.

Gorki nói chuyện với tôi về cuốn truyện dài vừa xuất bản của tôi - cuốn *Kônkhida* - như thể tôi là người am hiểu kỹ càng thiên nhiên những miền á nhiệt đới. Điều đó làm tôi rất bối rối. Nhưng mặc dầu vậy chúng tôi đã tranh cãi về chuyện những con chó có bị sốt rét cơn hay không, Gorki cuối cùng chịu thua và còn mỉm cười hồn hậu nhắc đến một trường hợp trong đời mình khi ông nhìn

thấy những con gà ở Pôti bị sốt rét, lông xù ra và rên rỉ.

Không ai trong chúng ta bây giờ nói được như ông nói khi ấy. Một giọng nói có khối, rõ nét và âm vang.

Hồi đó tôi vừa mới được đọc một cuốn sách hiếm có của một thủy thủ Nga, thuyền trưởng Ghécnhét. Cuốn sách nhan đề *Những vết hắc lao băng giá*.

Ghecnhét có thời gian đã làm đại diện hàng hải Liên Xô ở Nhật. Ở đó, ông đã viết cuốn sách này, tự tay sắp chữ trong nhà in vì không tìm đâu được thợ Nhật biết tiếng Nga và cuốn sách chỉ được in có năm trăm bản trên giấy Nhật mỏng.

Trong cuốn sách, thuyền trưởng Ghécnhét trình bày luận thuyết độc đáo của ông về việc trả lại cho châu Âu khí hậu thời trung tâm của những miền á nhiệt đới. Trong thời kỳ trung tâm thế thuộc đệ tam kỳ bên bờ vịnh Phần Lan và cả trên nền Sopitxobecghen đều có những khu rừng mộc lan và trắc bá.

Tôi không thể kể một cách tỉ mỉ luận thuyết của Ghécnhét ở đây. Chuyện đó sẽ chiếm mất quá nhiều chỗ. Nhưng Ghécnhét đã chứng minh rõ ràng đến nỗi không thể chối cãi được rằng nếu phá chảy được bộ áo giáp băng tuyết ở khu

vực Groenlandơ thì trung tâm thế thuộc đệ tam kỷ sẽ trở về với châu Âu và một thời đại hoàng kim sẽ bắt đầu trong thiên nhiên.

Nhược điểm duy nhất của luận thuyết này là sự hoàn toàn không có khả năng làm chảy vùng băng Groenlandơ. Ngày nay, sau khi loài người đã tìm ra năng lượng nguyên tử thì chuyện đó hẳn có thể làm được.

Tôi kể cho Gorki nghe luận thuyết của Ghécnhét. Ông gõ gõ ngón tay trên mặt bàn và tôi nghĩ rằng ông nghe tôi chỉ vì lịch sự. Nhưng hoá ra ông bị lôi cuốn bởi luận thuyết đó, cái lý lẽ hoàn chỉnh không thể bác bỏ được và thậm chí cả tính chất trang trọng của nó.

Ông thảo luận với tôi về luận thuyết đó rất lâu, mỗi lúc một sôi nổi và đề nghị tôi gửi cho ông cuốn sách để in lại với một số lượng xuất bản lớn ở Nga. Và ông nói rất nhiều về chuyện có biết bao điều bất ngờ thông minh và tốt đẹp rình đón chúng ta từng bước.

Nhưng Alêchxây Macximôvich Gorki không kịp in cuốn sách của Ghécnhét. Ít lâu sau, ông qua đời.

VICHTO HUYGÔ

Trên đảo Giecxây thuộc biển Măngơ, nơi Vichto Huygô bị lưu đày, người ta đặt tượng kỷ niệm ông.

Bức tượng đặt ngay trên bờ lở trông xuống đại dương. Bệ đặt tượng rất thấp, chỉ cao chừng hai mươi hoặc ba mươi phân. Cỏ mọc trùm lấp bệ. Vì thế trông như Vichto Huygô đứng ngay trên mặt đất.

Tượng tác ông đang đi ngược gió. Ông gập người về phía trước, chiếc áo choàng bay phấp phật. Huygô giữ mãi áo trong tay để gió khỏi cuốn mất. Toàn thân ông ở trong cuộc vật lộn với sức mạnh của gió bão đại dương.

Bức tượng đặt trong một vùng hoang vắng, từ đó trông rõ mỏm đá, nơi yên nghỉ cuối cùng của thủy thủ Giliát trong cuốn *Những người lao động của biển cả*.

Chung quanh, trong tầm mắt, chỉ toàn là đại dương không lúc nào yên lặng, đang rú rít. Những đợt sóng lớn la liếm chân những mỏm đá, cát bỗng lên, lấp lư những đám cỏ biển và âm âm nặng nhọc xông vào những hốc ngấm.

Trong những ngày sương mù người ta có thể nghe rõ tiếng còi ở những hải đăng xa gào thét

một cách buồn thảm. Đêm đêm, những ánh lửa hải đăng nằm dọc chân trời, ngay sát mặt đại dương. Chúng thường bị ngập chìm vào nước. Chỉ căn cứ vào dấu hiệu ấy ta mới có thể hiểu rằng những đợt sóng che lấp ánh hải đăng, đẩy đại dương lên bờ đảo Giécxây, lớn đến thế nào.

Mỗi khi đến ngày kỷ niệm Vichto Huygô tạ thế, dân đảo Giécxây lại đặt dưới chân tượng Huygô mấy nhánh vạn niên thanh. Người ta chọn một thiếu nữ đẹp nhất đảo đặt nhánh lá đó dưới chân Huygô.

Vạn niên thanh có những lá bầu dục chắc nịch màu ôliu. Ở đây, người ta tin rằng nó mang lại hạnh phúc cho người sống và kỷ niệm sâu xa cho kẻ chết.

Điều họ tin là sự thật. Sau khi chết, tinh thần nổi loạn của Huygô lang thang khắp nước Pháp.

Đó là một con người nồng nhiệt, điên dại và sôi nổi. Ông phóng đại tất cả những gì ông nhìn thấy và những gì ông viết ra. Thị giác của ông vốn như thế. Cuộc đời tạo thành bởi những niềm say mê đầy nộ khí và những niềm say mê vui sướng được thể hiện một cách hào hứng và trịnh trọng.

Đó là nhạc trưởng vĩ đại của một dàn nhạc lớn gồm toàn kèn và sáo. Tiếng kèn hân hoan,

tiếng trống âm âm, tiếng sáo lạnh lạnh và buồn bã, tiếng ô boa khàn khàn. Đó là thế giới âm nhạc của ông.

Nhạc trong những tác phẩm của ông cũng hùng dũng như tiếng sấm của sóng triều đại dương đập vào bờ. Nó làm đất giật mình. Và trái tim của những người yếu ớt cũng rung lên.

Nhưng ông không thương những trái tim ấy. Ông là kẻ điên rồ trong khát vọng muốn truyền cho toàn thể nhân loại nỗi căm thù, niềm hân hoan và tình yêu sôi nổi của mình.

Ông không phải chỉ là hiệp sĩ của tự do. Ông là sứ giả, là người đưa tin, là người hát rong ca ngợi tự do. Ông như đứng trên mọi ngã ba, ngã tư của tất cả những con đường trên trái đất này và kêu lên: "Hỡi các công dân, hãy nắm lấy vũ khí".

Ông xông vào cái thế kỷ cổ điển và đáng ngán như một ngọn cuồng phong, như một cơn gió lốc, nó mang lại những dòng mưa ào ạt, những lá, những đám mây đen, những cánh hoa, khói thuốc súng và những huy hiệu gài trên mũ bị giật xuống.

Ngọn gió đó tên là Lãng mạn.

Nó luôn vào trong bầu không khí tù hãm của châu Âu và lấy hơi thở của niềm mơ ước bất kham mà nó mang trong mình làm tràn ngập bầu không khí đó.

Tôi lặng đi và mê mẩn vì cái nhà văn điên cuồng ấy từ lúc còn thơ khi đọc xong năm lần liền cuốn *Những người khốn khổ*. Tôi đọc xong và ngay ngày hôm đó lại bắt đầu đọc lại.

Tôi kiếm được một tám bản đồ Pari và đánh dấu trên đó những nơi xảy ra sự kiện trong tiểu thuyết. Tôi gần như đã trở thành một người tham gia cuốn truyện và đến ngày nay trong thâm tâm tôi vẫn coi Giăng Vangiang, Côdet và Gavrô⁽¹⁾ là những người bạn thời thơ ấu của mình.

Từ thuở ấy Pari không chỉ còn là quê hương của những nhân vật của Victo Huygô nữa mà đã trở thành cả quê hương tôi. Chưa nhìn thấy Pari bao giờ, nhưng tôi đã yêu mến Pari. Càng về sau tình cảm ấy càng thêm vững chắc.

Thêm vào với Pari của Victo Huygô là Pari của Banzăc, Guy đơ Môpatxăng, Duyma, Flôbe, Zôla, Giuyn Valet, Anatôn Frăngxơ. Rômanh Rôlăng, Đôđê, Pari của Vilông và Rimbô, Mêrimê và Xtăngđan, Bacbuyt và Bêrănggiê⁽²⁾.

Tôi sưu tầm những bài thơ nói về Pari và chép riêng vào một quyển vở. Rất đáng tiếc là tôi đã đánh mất quyển vở ấy, nhưng nhiều đoạn trong

1. Những nhân vật chính trong tiểu thuyết *Những người khốn khổ* của Victo Huygô.

2. Những tên tuổi lớn của nền văn học Pháp.

những bài thơ thì tôi đã thuộc lòng. Những vần thơ khác nhau - hoa mỹ và giản dị.

*Bạn sẽ thấy một thành phố thần tiên
Mà những thế kỷ ròng người ta sùng bái
Và tâm hồn bạn sẽ tan hết ưu phiền
Và tay bạn mệt mỏi sẽ run lên
Bạn hãy dạo chơi trên đường nhỏ công viên
Luychxămbua, bên một bồn phun nước
Dưới vòm lá sum suê rặng tiêu huyền mọc
Như Mimi trong tiểu thuyết Muiécgiê ⁽¹⁾.*

Vichto Huygô đã gọi lên cho nhiều người trong chúng ta tình yêu đầu tiên đối với Pari và chúng ta mang ơn ông vì điều đó. Nhất là những ai đã được hạnh phúc trông thấy thành phố vĩ đại này.

MIKHAIN PRISVIN ⁽²⁾

Nếu như thiên nhiên biết mang ơn con người đã đi sâu vào trong lòng đời sống của nó, đã ca ngợi nó, thì người trước tiên xứng đáng được hưởng cái ơn đó là Mikhain Prisvin.

Mikhain Mikhailôvich Prisvin là cái tên dùng

1. Henri Murget (1617 - 1682) nhà văn Pháp.

2. Nhà văn lớn Xô viết, nổi tiếng về mô tả thiên nhiên.

trong thành phố, còn ở những nơi mà Prisvin cảm thấy là nhà mình - trong những túp lều của những người tuần rừng, ở những bãi sông vắng vắng màn sương, dưới những đám mây và những vì sao của bầu trời đồng nội nước Nga - người ta gọi ông rất đơn giản là "Mikhalút". Và dĩ nhiên người ta cũng rầu lòng khi ông biến mất trong những thành phố, nơi chỉ có loài én làm tổ dưới mái sắt là nhắc ông nhớ đến "quê hương loài sếu" của ông.

Cuộc đời của Prisvin là tấm gương về con người đã từ bỏ mọi cái xa lạ mà hoàn cảnh áp đặt cho ông và chỉ sống "theo lệnh truyền của trái tim". Cái lẽ sống như vậy có một ý nghĩa lành mạnh, vô cùng vĩ đại. Người sống "theo trái tim", trong sự hoà hợp với thế giới bên trong của mình là người sáng tạo, là người làm giàu cho cuộc sống, và là nghệ sĩ.

Không hiểu nếu Prisvin là nhà nông học (nghề đầu tiên của ông) thì trong đời ông, ông sẽ làm được những gì ? Dù sao thì cũng chưa chắc ông đã phát hiện được cho hàng triệu người biết thiên nhiên Nga như một thế giới thì ca tế nhị nhất và trong sáng nhất. Giản đơn là ông chẳng có đủ thì giờ để làm chuyện đó. Thiên nhiên đòi hỏi con mắt chăm chú và hoạt động nội tâm liên tục để tạo ra trong tâm hồn nhà văn một thứ "thế giới thứ hai" của thiên nhiên. Cái thế giới thứ hai ấy

làm cho chúng ta thêm giàu suy tưởng, nó lấy sắc đẹp của thiên nhiên mà nghệ sĩ đã thấy, làm cho chúng ta cao quý hơn lên.

Nếu ta đọc kỹ tất cả những gì Prisvin đã viết thì ta sẽ phải tin chắc rằng ông mới chỉ kịp nói với chúng ta được có một phần trăm những điều ông thấy và ông hiểu rất rõ.

Đối với những nghệ sĩ bậc thầy như Prisvin, một cuộc đời thực quá ít ỏi. Họ là những người có thể viết cả một bài thơ trường thiên về mỗi chiếc lá thu rơi. Mà có nhiều lá như vậy rơi lắm. Có biết bao nhiêu chiếc lá rụng mang theo những ý nghĩ không nói ra của nhà văn, những ý nghĩ mà Prisvin từng nói rằng chúng rụng xuống như những chiếc lá, không cần phải gắng sức.

Prisvin gốc người tỉnh Enxơ - một thành phố Nga cổ. Cũng trong những vùng ấy đã xuất hiện Bunin, người hệt như Prisvin, biết làm cho thiên nhiên phong phú thêm bằng màu sắc của những suy tưởng và tâm trạng con người.

Giải thích điều đó như thế nào đây ? Hẳn là do thiên nhiên vùng đông Oclôpsina, thiên nhiên ở quanh tỉnh Enxơ rất Nga, rất giản dị và không giàu có. Và chính trong đặc điểm ấy, cả trong vẻ hơi khắc nghiệt của nó, ta tìm được câu giải đáp về cái sắc sảo nhà văn trong Prisvin. Trên cơ sở

giản dị, phẩm chất đất đai nổi lên rõ hơn, cái nhìn cũng sắc hơn và ý nghĩ cũng tập trung hơn.

Sự giản dị nói với con tim mạnh hơn cái hào nhoáng nhiều màu nhiều sắc, ánh lửa pháo hoa của những buổi hoàng hôn, bầu trời sao sôi sục và cây cỏ lấp lánh của những miền nhiệt đới, nó gọi ta nhớ đến những thác nước lớn, những Niagara⁽¹⁾ với lá và hoa.

Viết về Prisvin rất khó. Ta cần ghi lại cho ta những lời của ông trong những cuốn sổ ghi những điều thầm kín, đọc đi đọc lại, tìm ra những vật báu mới trong mỗi dòng, đi sâu vào tác phẩm của ông như đi theo những con đường không rõ nét trong rừng thẳm có những dòng suối trò chuyện với nhau và hương thơm của cỏ ; dùng trí óc và trái tim thâm nhập vào những ý nghĩ và những trạng thái tâm hồn phong phú đặc biệt chỉ có trong con người trong trắng của ông.

Prisvin cho mình là nhà thơ "*bị đóng đanh trên cây thập tự của văn xuôi*". Nhưng ông đã lầm. Văn xuôi của ông còn đầy chất thơ hơn rất nhiều, so với một số lớn những bài thơ và cả những trường ca.

Nói theo cách Prisvin thì tác phẩm của ông

1. Một thác nước ở châu Mỹ.

là "niềm vui vô tận của những khám phá thường xuyên".

Tôi đã vài lần được nghe thấy ở những người vừa đọc xong một cuốn sách của Prisvin cùng những lời này : "Thật là ma thuật !"

Nói tiếp câu chuyện với họ tôi mới hiểu người ta nói như thế vì họ cảm thấy cái ngây ngất khó tả, nhưng rõ rệt và chỉ có ở Prisvin.

Điều bí ẩn của nó ở chỗ nào ? Bí mật của những cuốn sách ấy ở đâu ? Những chữ "phép phù thủy", "phép tiên" thường dùng trong những truyện cổ tích. Nhưng Prisvin đâu phải là người viết cổ tích. Ông là người của đất, của "bà mẹ đất đai ẩm ướt", nhân chứng của tất cả những gì đang diễn ra quanh ông trên trái đất.

Bí mật của cái duyên Prisvin, pháp thuật của ông, chính là ở cái sắc sảo của ông.

Đó là cái sắc sảo biết tìm ra trong mỗi vật nhỏ bé một điều thú vị, dưới cái bề ngoài đáng ngán của những hiện tượng xung quanh mình một nội dung sâu sắc.

Mọi vật đều bóng lên ánh thơ như cỏ gập sương. Mỗi lá liễu hoàn điệp hèn mọn đều có cuộc đời riêng của nó.

"Đêm qua đi dưới vầng trăng to lớn trong sạch,

và về sáng, băng đầu mùa đã kết. Mọi vật đều xám, nhưng những vũng nước chưa đông. Khi mặt trời lên, sưởi ấm cho muôn vật thì sương đã ướt đầm cây cỏ, những cành thông từ trong rừng tối lộ ra như những đường thêu lông lánh, tưởng chừng nếu có dùng tất cả kim cương của thế giới cũng chẳng đủ để trang hoàng như vậy".

Trong đoạn văn thực là kim cương này mọi vật đều giản dị, chính xác và đầy chất thơ bất tử.

Đọc những chữ trong đoạn ấy bạn sẽ phải đồng tình với Gorki khi ông nói rằng Prisvin đã "cao tay kết hợp mềm dẻo những từ đơn giản làm cho mọi vật được miêu tả gần như có thể sờ mó thấy".

Nhưng như thế cũng chưa đủ. Ngôn ngữ của Prisvin là ngôn ngữ nhân dân. Nó chỉ hình thành trong sự chung đụng chặt chẽ của người Nga với thiên nhiên, trong lao động, trong cái đơn giản và sáng suốt của tính cách nhân dân.

Câu "Đêm qua đi dưới vầng trăng to lớn, trong sạch" hoàn toàn truyền đạt một cách rõ ràng khoảng thời gian im lìm và hùng vĩ của đêm khuya đang trôi đi trên đất nước ngủ yên. Và "băng đầu mùa đã kết", và "sương đã ướt đầm cây cỏ" - tất cả những từ đó đều sinh động, đều nhân dân, không phải nghe lỏm ở đâu mà được, hoặc rút ra từ sổ tay, mà là của riêng người viết. Bởi vì Prisvin là

người của nhân dân chứ không phải là người quan sát đứng bên ngoài mà nhìn nhân dân như một tài liệu dùng cho những tác phẩm của ông. Chuyện đó, tiếc thay, lại vẫn thường có ở các nhà văn.

Những nhà thực vật học có danh từ "tạp thảo" (raznotraviê). Danh từ này thường chỉ những cánh đồng cỏ ra hoa. Nó là sự ngẫu hợp của hàng trăm thứ hoa tươi tắn khác nhau mọc đầy trên bờ những ao hồ liên tiếp ở những triền sông.

Ta hoàn toàn có quyền gọi văn xuôi của Prisvin là "tạp thảo" của ngôn ngữ Nga. Những từ của Prisvin nở hoa, sáng lấp lánh. Lúc thì chúng xào xạc như cỏ, lúc lại thì thảo như những nguồn suối, lúc thì hót lên đối đáp nhau như chim, lúc kêu lách tách khe khẽ như băng đầu mùa, và lúc thì hình thành trong tâm trí ta chậm chạp và quy củ chẳng khác gì dòng sao.

Phép lạ của văn Prisvin sở dĩ có được là do những hiểu biết rộng rãi của ông. Trong bất cứ lĩnh vực nào của trí thức con người cũng đều có một hồn thơ vô tận. Những nhà thơ đáng lẽ phải biết điều đó từ lâu.

Để tài về bầu trời sao được các nhà thơ yêu mến sẽ trang lệ thêm biết bao nhiêu nếu như các nhà thơ biết rõ thiên văn học.

Đêm với bầu trời không tên và vì thế mà không có sức biểu hiện mạnh mẽ là một chuyện, nhưng cũng đêm ấy, nếu nhà văn biết quy luật chuyển vận của vòm sao và khi mặt nước hồ phản chiếu không phải một chòm sao nào đó, mà là sao Ôriôn lấp lánh thì lại là một chuyện khác.

Có thể dẫn ra rất nhiều thí dụ chứng minh rằng chỉ một hiểu biết con con cũng mở ra trước mắt chúng ta những lĩnh vực mới của cái đẹp. Trong chuyện đó người nào cũng có kinh nghiệm riêng của mình.

Nhưng lúc này tôi muốn kể câu chuyện về một câu văn của Pristin, câu văn này đã giải thích cho tôi hiểu một hiện tượng mà đến lúc ấy tôi vẫn cảm thấy là ngẫu nhiên. Câu văn của Pristin không chỉ giải thích hiện tượng đó mà còn làm cho nó đầy đủ thêm bằng cái duyên dáng, tôi muốn nói cái duyên dáng theo đúng qui luật.

Từ lâu tôi đã nhận thấy trong những cánh đồng cỏ luôn luôn sưng nước bên bờ sông Ôka lác đác có những bông hoa như được lượm lại thành từng cụm, còn ở một số chỗ khác giữa đám cỏ bình thường bỗng kéo dài một dải ngoằn ngoèo toàn một thứ hoa giống nhau. Từ trên chiếc máy bay nhỏ bé "U - 2" vẫn thường đến phun thuốc trừ muỗi ở những đồng cỏ và đầm lầy, cảnh đó trông càng rõ.

Đã nhiều năm tôi ngắm nghía những dải hoa cao và thơm ngát kia, mê mẩn với chúng, nhưng không biết giải thích hiện tượng đó như thế nào. Mà cũng phải thú thực là tôi cũng chẳng hề nghĩ đến chuyện đó.

Và rồi ở Prisvin, trong cuốn *Bốn mùa*, cuối cùng tôi đã tìm thấy câu giải thích ấy chỉ trong có một dòng chữ, trong một đoạn ngắn con con dưới đầu đề "*Sông hoa*".

"Nơi trước kia có những dòng suối xuân chảy băng băng, giờ đây là những suối hoa".

Tôi đọc câu đó và hiểu ngay rằng những dải hoa mọc lên đúng ở nơi mùa xuân có nước dòng chảy mạnh và để lại đất phù sa màu mỡ. Nó giống như một bức bản đồ bằng hoa họa những con suối xuân.

Sông Đúpna chảy qua gần Maxcova. Người ta đã đến cư trú ở đây có hàng nghìn năm ; sông Đúpna nổi tiếng, nó được ghi trên bản đồ. Đúpna chảy êm đềm qua những khu rừng nhỏ ngoại ô Maxcova toàn cây hốt bố, xanh lên màu đồng nội và đồi cây, nó chảy bên những thành phố cổ xưa: Dmítôrôp, Verbilôc Tândôm. Hàng ngàn người đã đi qua dòng sông này. Trong số đó có các nhà văn, các họa sĩ và các nhà thơ. Nhưng không có ai nhận ra chút gì đặc biệt đáng mô tả trên dòng sông

Đúpna. Không có ai đi trên hai bên bờ sông này mà cảm thấy như đi trên một đất nước chưa người biết tới.

Prisvin đã làm chuyện đó. Và sông Đúpna bình thường bỗng lấp lánh lên dưới ngòi bút của ông, giữa những đám sương mù và những buổi hoàng hôn âm ỉ cháy, giống như một phát hiện địa lý, một phát minh, như một trong những dòng sông thì vị nhất của đất nước với cuộc sống riêng, với cây cỏ riêng, với cảnh quan duy nhất chỉ riêng Đúpna mới có, với sinh hoạt của những người dân ở hai bên bờ sông, và với lịch sử.

Ở Nga có những người vừa là nhà thơ vừa là nhà bác học như Timiriadép, Kliutsépxki, Kaigô-rôđôp, Fécxman, Ôbrutsép, Menzbia, Ácxônhiép, như nhà thực vật học Kôgiépnhicôp, người đã viết một cuốn sách rất mực khoa học đồng thời lại vô cùng hấp dẫn về mùa xuân và mùa thu trong đời sống các loại cây.

Và ở Nga đã có và hiện có những nhà văn biết đưa khoa học vào truyện dài, tiểu thuyết của mình như một tính chất cần thiết bậc nhất của văn xuôi thí dụ như Mennhikôp-Pêtsécxki, Ácxakôp, Gorki, Pinhêghin và những người khác nữa.

Nhưng Prisvin chiếm một vị thế đặc biệt trong những nhà văn ấy. Những hiểu biết rộng rãi của

ông trong địa hạt nhân chủng học, sinh vật, khí hậu học, thực vật học, động vật học, nông học, khí tượng học, sử học, điều loại học, địa lý học, văn chương truyền khẩu, địa phương học và những khoa học khác nữa trở thành bộ phận hữu cơ trong đời sống nhà văn của ông. Chúng không nằm ì như một đồng hàng chết. Những khoa học ấy sống trong người ông, chúng liên tục phong phú thêm nhờ kinh nghiệm của ông, óc quan sát của ông, bởi cái đặc tính may mắn mà ông có là nhìn được những hiện tượng khoa học trong cái biểu hiện thơ của chúng, trong những thí dụ nhỏ hoặc lớn, những điều bất ngờ như nhau.

Khi Prisvin viết về con người, hình như ông phải nheo mắt lại vì cái nhìn sáng suốt của mình. Ông không chú ý đến cái ngoại lai. Ông say mê những mơ ước trong lòng mỗi người, dù cho người đó là người đồn rùng, là bác thợ giày, là người thợ săn hay là nhà bác học danh tiếng.

Đưa cái mơ ước thâm kín của con người ra ngoài ánh sáng - đó chính là nhiệm vụ của ông. Nhưng làm được việc đó rất khó. Không có gì con người giấu kín như là mơ ước. Có lẽ vì mơ ước không chịu nổi một sự chế giễu nhỏ, cả đến một câu nói đùa, và tất nhiên không chịu nổi sự đụng chạm của những bàn tay hờ hững.

Chỉ có với người đồng tâm với ta, ta mới có thể thổ lộ mơ ước của ta mình, một cách tự nguyện, Prisvin là người cùng tư tưởng của các nhà mơ mộng vô danh của chúng ta. Các bạn thử nghĩ đến truyện ngắn *Đôi giày* của ông về những người thợ giày "Vôntsoki" ở vùng Marina Rôsa, những người định đóng một đôi giày trắng lẹ nhất và nhẹ nhàng nhất thế gian cho người phụ nữ của xã hội cộng sản chủ nghĩa.

Prisvin chết đi còn để lại nhiều ghi chép và nhật ký. Trong những ghi chép ấy có rất nhiều suy tưởng của ông về nghệ thuật viết văn. Trong lĩnh vực này ông cũng đi sâu không kém gì trong quan hệ đối với thiên nhiên.

Tôi nghĩ rằng có một truyện ngắn của Prisvin về cái giản dị của văn xuôi đáng được coi là kiểu mẫu về cách suy nghĩ đúng đắn. Truyện ngắn tên là *Người sáng tác*. Trong truyện ngắn có đoạn đối thoại về văn học giữa nhà văn và một chú bé chăn bò.

Câu chuyện họ nói với nhau như thế này. *Chú bé chăn bò bảo Prisvin :*

- Nếu thực sự bác viết văn thì có lẽ bác toàn bịa cả.

- Không phải hoàn toàn bịa đâu. - Tôi trả lời. - Nhưng của đáng tội cũng có bịa tí ti đấy.

- Cháu mà viết ấy à, cháu sẽ viết rất tuyệt !

- Viết đúng y như thật ?

- Hoàn toàn như thật. Giả dụ, nếu cháu viết về đêm, cháu sẽ viết đêm trôi qua trên đầm lầy như thế nào.

- Cháu viết thế nào nào ?

- Viết thế này ! Đêm ! Một bụi cây to thực là to bên cạnh hồ nước. Cháu ngồi dưới bụi cây, còn lũ vịt con thì cứ vít, vít, vít...

Nó ngừng lời. Tôi nghĩ rằng hẳn nó đang tìm chữ hoặc đang đợi hình ảnh. Nhưng nó rút ra chiếc gialâyca⁽¹⁾ và bắt đầu khoét lỗ.

- Ờ, thế rồi sao nữa ? - Tôi hỏi. - Cháu muốn tả đêm kia mà.

- Thì cháu tả xong rồi mà, - nó trả lời. - Hoàn toàn đúng sự thực. Một bụi cây to thực là to ! Cháu ngồi dưới bụi cây, còn lũ vịt con thì cứ suốt đêm vít, vít, vít...

- Thế ngắn quá !

- Sao vậy, "ngắn" à ! - Chú bé chặn bò ngay nhiên. - Suốt đêm chúng nó kêu vít, vít, vít...

Hiểu rõ câu chuyện chú bé kể, tôi nói :

1. Một thứ nhạc cụ của nông dân Nga thời trước, làm bằng sừng bò.

- Hay quá !

- Không đến nỗi tồi, bác ạ ! - Nó trả lời.

Trong sự nghiệp viết văn của ông, Prísvín là kẻ chiến thắng. Bất giác tôi nghĩ đến một câu nói của ông : "... Nếu như chỉ có những đầm lầy hoang dại là nhân chứng cho thắng lợi của anh thì chúng sẽ toả ra một sắc đẹp kỳ lạ, và mùa xuân sẽ còn với anh mãi mãi, một mùa xuân vinh quang thuộc về thắng lợi của anh".

Đúng như thế, mùa xuân của văn xuôi Prísvín sẽ còn mãi mãi trong cuộc sống và trong nền văn học Xô viết của chúng ta.

ALÊCHXANÐRƠ GRIN

Lúc tôi còn nhỏ, tất cả lũ học trò trung học chúng tôi đều mê mải đọc những cuốn sách của "*Tủ sách tổng hợp*". Đó là những cuốn sách nhỏ, bìa vàng in chữ nhỏ.

Giá những cuốn sách ấy rất rẻ. Chỉ mất mười kôpếch là đã được đọc *Táclaranh* của Đôđê hoặc *Bí mật* của Hamsun⁽¹⁾, còn mất hai mươi kôpếch

1. Hamsun (1899 - 1928), nhà văn Na Uy.

là được đọc *Đavit Cốpơphin* của Đickenx hoặc *Đôn Kisôt* của Xécvangtét.

"*Tủ sách tổng hợp*" chỉ in sách của các nhà văn Nga trong trường hợp ngoại lệ. Vì thế khi tôi mua cuốn sách vừa xuất bản với cái tên kỳ quặc *Thác xanh Têluri* và nhìn thấy ngoài bìa tên tác giả Alêchxandơ Grin thì dĩ nhiên là tôi phải nghĩ rằng Grin là một người ngoại quốc.

Cuốn sách có vài truyện ngắn. Tôi còn nhớ lúc ấy đứng bên cạnh quán sách mà tôi mua cuốn đó, tôi đã giở ngay ra và đọc hú hoà.

"Không có hải cảng nào vô tích sự và thần tiên hơn là Lixơ. Cái thành phố nhiều tiếng nói khác nhau này giống như một gã du đảng đã quyết định dán mình vào mớ bông bong của cuộc sống định cư. Nhà ở dựng lung tung giữa vài cái gọi là phố. Không thể có phố xá trong cái nghĩa đen của nó ở Lixơ, bởi vì thành phố này mọc lên trên những vách đá và đồi núi, nối liền với nhau bởi những cầu thang, những cầu và những con đường hẹp.

Tất cả những cái đó ngợp trong cây cối rậm rạp miền nhiệt đới, trong những bóng cây hình quạt long lanh, những đôi mắt thơ ngây nồng cháy của phụ nữ. Đá vàng, bóng cây xanh, những vết rạn đẹp như trong tranh vẽ ở những bức tường cũ kỹ. Trong một cái vòm hình nấm có một chiếc

thuyền lớn đang được một người chân đất sửa chữa, một gã lấm li, ngậm tẩu. Tiếng hát xa và tiếng vang của nó trong các khe. Những khu chợ dựng trên những cọc chống, dưới những tấm vải bạt và những chiếc ô lớn. Ánh lấp lánh của vật khí, màu áo đàn bà sặc sỡ, hương thơm của hoa và cây làm dậy lên trong lòng nỗi nhớ mong âm thầm như trong chiêm bao, nỗi nhớ mong nhớ tình yêu say đắm và những cuộc hẹn hò. Bến tàu bận như một anh chàng náo nóng khời trẻ tuổi. Những cánh buồm cuốn, giấc mộng của chúng và buổi sáng có cánh, nước màu bạc, những tảng đá lớn, chân trời đại dương. Ban đêm - đám cháy từ tính của những vì sao, những con thuyền với những giọng nói tươi cười - đó là Lixơ!

Tôi đứng trong bóng một cây dẻ của thành phố Kiep mà đọc, đọc ngẫu nhiên cho đến hết cuốn sách kỳ lạ, quái dị như một giấc mơ.

Bất thần cảm thấy buồn nhớ cái ánh lấp lánh của gió, mùi nước biển mặn mặn, nhớ Lixơ, những ngõ hẻm nóng nực, những đôi mắt nồng cháy của các cô gái, tảng đá xù xì màu vàng với những vỏ hà vỏ hến màu trắng còn lại, khời hồng của những đám mây bay vút trời xanh.

Không, đó chẳng phải là nỗi buồn, mà là niềm mong ước da diết muốn được tự mắt trông thấy

tất cả những cái đó và được vô tư lự hoà mình vào trong cuộc sống tự do miền ven biển kia.

Nhưng ngay lúc đó tôi chợt nhớ ra rằng có một số nét của cái thế giới rực rỡ ấy mà tôi đã từng biết. Nhà văn Grin xạ xạ chỉ gộp những cái đó lại trong một trang giấy. Nhưng tôi đã nhìn thấy chúng ở đâu?

Tôi nhớ ra ngay. Tất nhiên, những cái đó ở Xêvaxtôpôn, trong cái thành phố như nhô lên khỏi những đợt sóng màu lục của biển cả, phơi mình dưới ánh mặt trời trắng loá và trong những bóng râm bị cắt thành từng dải xanh như da trời. Tất cả cái hỗn độn vui vẻ của Xêvaxtôpôn ở đây, trên những trang sách của Grin.

Tôi đọc tiếp và gặp một bài hát thuỷ thủ :

*Chòm Thập tự phương Nam rực rỡ chân trời
Khi gió nổi cũng là lúc địa bàn tĩnh giấc,
Lạy Chúa hãy phù hộ cho những con tàu
Và hãy rủ lòng thương lấy chúng tôi.*

Lúc đó tôi chưa biết là chính Grin đã đặt ra những bài hát cho những truyện ngắn của mình.

Người ta ngây ngất say vì rượu vang, vì ánh mặt trời lấp lánh, vì niềm vui vô tư lự, vì cái hào phóng của cuộc đời, cuộc đời không bao giờ mệt mỏi dẫn chúng ta vào cái hào hoa và cái mát mẻ

của những góc ngách đầy cảm dỗ của nó, và sau hết say sưa vì "cảm giác về cái cao đẹp".

Tất cả những cái đó đều có trong những truyện ngắn của Grin.

Khi tôi biết Grin là người Nga và tên thực của ông là Alêchxandơ Xtrêpanôvich Grinhôxki thì tôi cũng chẳng ngạc nhiên lắm về chuyện đó. Có lẽ đối với tôi lúc đó Grin đã rõ ràng là một người dân Hắc Hải, là người đại diện trong văn học cho một lớp nhà văn trong đó có cả Bagritski, cả Kataep và nhiều nhà văn Hắc Hải khác.

Tôi chỉ hơi ngạc nhiên khi biết tiểu sử của Grin, khi tôi biết cuộc đời cay cực chưa từng thấy của một con người bị xã hội ruồng bỏ và của một kẻ giang hồ ngậy dai. Không hiểu sao con người kín đáo và bị những rủi ro của cuộc sống đánh cho tôi tả ấy lại có thể giữ gìn được thiên tư vĩ đại của sức tưởng tượng trong trắng và mạnh mẽ, lòng tin ở con người và nụ cười rụt rè qua cuộc đời đầy những dày vò. Chả thế mà ông đã viết về ông rằng *"bao giờ tôi cũng nhìn thấy trời mây trên những cái xấu xa và rác rưởi của những toà nhà thấp"*.

Ông hoàn toàn có quyền nói về ông bằng lời của nhà văn Pháp Giuyn Rona ⁽¹⁾ *"Quê hương tôi*

1. Jules Renard (1864 - 1910), nhà văn Pháp.

là nơi có những đàn mây trắng tuyệt vời bỗng bành lướt trôi".

Nếu như Grin chết đi mà chỉ để lại cho chúng ta một bài thơ bằng văn xuôi *Những cánh bướm đỏ thắm* thôi thì như thế cũng đã đủ để chúng ta đặt ông ngang hàng với những nhà văn xuất chúng đã tung ra lời kêu gọi làm rung động trái tim con người ; đạt tới cái hoàn mỹ.

Grin viết hầu hết các tác phẩm của mình để bênh vực cho ước mơ. Chúng ta cần phải biết ơn ông vì điều đó. Chúng ta biết rằng tương lai mà chúng ta đang hướng tới sinh ra từ một đặc tính vô địch của con người - biết mơ ước và biết yêu.

EDUA BAGRITXKI

Có thể báo trước cho những người nghiên cứu tiểu sử Eđua Bagritxki biết rằng họ sẽ phải chịu nhiều cay đắng, hoặc nói theo cách người ta thường nói "*phải biết giá bao nhiêu phút ⁽¹⁾ đắng cay*", bởi vì tìm ra tiểu sử của Bagritxki không phải chuyện dễ dàng.

Bagritxki kể không biết bao nhiêu chuyện không

1. Đơn vị đo lường Nga bằng 16,38 kilôgram.

có thực về mình, những chuyện ấy cuối cùng gắn chặt vào đời ông, đến nỗi có lúc không còn sao biết được đâu là thực đâu là chuyện truyền tụng nữa. Không thể nào khôi phục được sự thật, "chỉ một mình sự thật thôi và không có gì khác ngoài sự thật".

Hơn nữa, tôi không tin là cần thiết phải làm cái việc uống công ấy. Những chuyện bịa của Bagrit-xki là một phần đặc sắc trong tiểu sử ông. Chính ông cũng thành thật tin những chuyện bịa của mình. Không thể hình dung nhà thơ có đôi mắt xám tươi cười và giọng nói hỏn hển, nhưng lại như ca hát ấy nếu không có những chuyện bịa đặt đó.

Trên bờ biển Egây có một bộ lạc rất đẹp của những người "lêvăngti". Họ là những người ham hoạt động vui vẻ. Bộ lạc ấy liên hợp những người đại diện của nhiều dân tộc khác nhau ; người Hy Lạp và Thổ Nhĩ Kỳ, người Ả Rập và Do Thái, Xyria và Ý.

Trong Liên bang Xô viết chúng ta có những "lêvăngti" của mình. Đó là "người Hắc Hải". Họ cũng là những người thuộc các dân tộc khác nhau nhưng cùng là những người yêu đời, hay giễu cợt, quả cảm và yêu đến mê mẩn tâm thần, Hắc Hải của họ, yêu mặt trời khô khan, cuộc sống hải cảng, yêu "mẹ Ôđétxa", yêu những quả mơ và những

trái dưa hấu, yêu cuộc sống sục sôi muôn màu sắc bên bờ biển.

Eđua Bagritxki là người thuộc bộ lạc đó.

Ông lúc thì giống như gã thủy thủ lười biếng trên chiếc thuyền buồm tỉnh Khecxon, lúc thì giống như một "lò" đánh bầy chim ở cảng Ôđétxa, lúc thì giống anh bộ đội ngang tàng trong sư đoàn Kôôpxki⁽¹⁾, lúc thì lại giống như Tin Ulenspighen.

Nếu thêm tình yêu thi ca tha thiết và tài thơ uyên bác cao rộng vào bên những tính chất tưởng như không thể hoà hợp với nhau thì tất cả những cái đó sẽ hợp thành tính cách toàn vẹn và duyên dáng của ông.

Lần đầu tiên, tôi gặp Bagritxki trên con đê chắn sóng ngoài hải cảng Ôđétxa. Ông vừa viết xong *Bài trường ca dưa hấu* - một bài thơ kỳ lạ vì chất tươi ngọt của những cảm giác, tựa hồ nó được sóng bão Hắc Hải tung bọt lên mình.

Chúng tôi ném những sợi dây câu thả dài ngoẵng xuống biển, câu cá bống và cá phèn. Những con thuyền chạt đầy đến ngọn toàn dưa hấu da sọc căng những cánh buồm vá víu đi ngang mặt chúng tôi. Mỗi lần gió mát nổi lên những con thuyền

1. Kôôpxki (1881 - 1952) anh hùng Hồng quân Liên Xô, sư trưởng một sư đoàn kỵ binh nổi danh trong thời kỳ Nội chiến 1918 - 1920.

lại nghiêng ngả và chìm xuống đến tận sàn làm tung bọt chung quanh.

Bagritxki đưa lưỡi liếm đôi môi mận và thở gấp, bắt đầu ngân nga đọc *Bài trường ca dưa hấu*.

Cô gái bắt gặp trên bờ biển quả dưa hấu có khắc hình trái tim do sóng vớt lên. Chắc là quả dưa hấu đã trôi dạt từ một chiếc ghe bầu bị đắm.

Chẳng ai bảo cho nàng biết

Rằng tim tôi nàng giữ nơi tay !...

Ông sẵn sàng ngâm thuộc lòng thơ của bất cứ thi sĩ nào. Trí nhớ của ông thực kỳ lạ. Trong lúc ông ngâm, cả đến những bài thơ quen thuộc cũng bỗng dung nổi lên một âm điệu mới, ngân nga. Tôi chưa thấy ai có lối ngâm thơ như thế cả, trước và sau Bagritxki.

Những âm chất của từng từ, từng dòng bay bổng lên đến mức diễn đạt đầy đủ, mệt mỏi và làm người nghe đau nhói nơi tim. Bất kỳ thơ của ai, *Bài ca về Giôn hạt đại mạch* của Bécxơ⁽¹⁾, *Đôna Anna* của Blóc hay là *Vĩ bên bờ của Tổ Quốc xa xôi* của Puskin mà được Bagritxki ngâm, thì khi nghe ta không thể không thấy nghèn nghẹn nơi cổ họng - điểm báo trước của những giọt nước mắt.

1. Robert Burns (1759 - 1796), nhà thơ lớn của Ecôt.

Từ hải cảng chúng tôi ra chợ Hy Lạp. Ở đấy có một phòng trà. Trong phòng trà này, cùng với nước, người ta bán đường hoá học, một mẩu bánh và pho mát cừu. Từ sáng sớm chúng tôi chưa ăn gì.

Hồi đó ở Ôđétxa có một lão ăn mày. Lão làm cho cả thành phố khiếp sợ vì cái cách hành khất khác thường của lão. Lão không hạ mình chìa bàn tay run rẩy ra và hát bằng giọng mũi : "Lạy các ông các bà giàu lòng thương kẻ khó ! Xin các ông bà hãy để mắt đến tấm thân tàn tật của già !" !

Không ! Ông lão vóc cao, râu bạc như cước, đôi mắt đỏ kéo màng kia chỉ đi đến các phòng trà và chưa bước vào cửa lão đã lên giọng khàn khàn, ầm ầm trút những câu chửi rửa lên đầu khách.

Nhà tiên tri tàn bạo nhất là Iêrêmi trong *Sấm truyền*, người nổi tiếng là bậc thầy về môn nguyên rủa không người sánh kịp, cũng phải "ra không" trước lão ăn mày này, nói theo cách người Ôđétxa.

- Lương tâm các người để đâu cả rồi, các người là người hay không còn là người nữa hả ? ! - Lão hét lên và lập tức tự trả lời câu hỏi hùng hồn của mình - Người gì các người khi điềm nhiên ngồi chén bánh mì với pho mát cừu béo ngậy, còn lão già này thì đi suốt từ sáng đến giờ lòng đói

bụng rỗng như một cái thùng không! Giá mẹ các người biết con cái mình sẽ trở thành những kẻ như thế nào thì chắc bà lão phải lấy làm sung sướng lắm vì đã không phải sống đến lúc nhìn thấy cái cảnh càn rỡ này. Tại sao anh lại ngoảnh mặt đi thế, đồng chí? Anh không điếc đấy chứ? Tốt hơn hết là hãy dần cái lương tâm đen tối của anh lại mà giúp đỡ lão già đói khát !

Mọi người đều bố thí cho lão. Không ai có thể chịu đựng nổi cuộc tấn công dồn dập của lão. Người ta nói rằng lão già lấy tiền gộp nhặt được đi buôn muối lậu.

Trong phòng trà người ta đưa ra cho tôi một miếng phó mát cừu hăng xì bọc trong một mảnh giấy ướt. Ăn loại phó mát cừu này thường bị đau lợi.

Lúc đó lão ăn mày bước vào và ngay từ ngoài cửa lão đã chửi rủa ầm ầm.

- Được lắm ! - Bagritski nói một cách giận dữ. - Hình như lão đã dẫn thân vào tròn. Mặc cho lão đến gần chúng ta. Cứ để lão đến xem ! Lão cứ cả gan đến gần chúng ta !

Tôi hỏi :

- Thì sao ?

- Lão sẽ chẳng gặp sự lạnh đâu. - Bagritski trả lời.

- Ô, chẳng lành đâu mà ! Cứ để mặc cho lão đến bàn chúng ta.

Lão ăn mày lừ lừ tiến đến. Cuối cùng lão dừng lại bên chúng tôi, mắt long lanh nhìn miếng pho mát cừu trong vài giây và cổ họng lão sôi ầm ầm. Có lẽ lão giận lắm, đến nỗi lão thở hồng hộc và không tuôn cơn giận ra thành lời được. Nhưng rồi lão cũng hắng giọng và quát lên :

- Biết đến bao giờ lương tâm mới thức dậy trong lòng lũ trai trẻ này ! Chúng nó đang vội vã ngốn hết miếng pho mát để khỏi phải cho lão già bất hạnh lấy một phần tư chứ đừng nói gì một nửa.

Bagritski đứng dậy, lấy tay đặt nơi tim và bắt đầu nói một cách khe khẽ và xúc động, mắt không rời khỏi lão già bị xơ cứng động mạch nọ. Ông nói run run, trong nước mắt, bằng giọng nức : ở thê thảm.

Bạn tôi, người anh em mệt mỏi và đau khổ của tôi. Xin chớ ngã lòng, dù anh có là ai đi nữa !

Lão ăn mày câm bặt. Lão chăm chú nhìn Bagritski. Mắt lão trắng lên. Rồi lão bắt đầu rút lui và khi nghe đến những chữ "Anh hãy tin, sẽ đến ngày cả Vaan cũng sẽ chết" thì lão quay ngoắt lại vấp đổ một chiếc ghế và lão đảo chạy lết ra cửa phòng trà.

- Các ngài thấy chưa ? - Bagritxki nói một cách nghiêm trang - Đến cả những tên ăn mày ở Ôđêtxa cũng không chịu nổi thơ Nátxôn ⁽¹⁾.

Cả phòng trà cười phá lên.

Hết ngày này sang ngày khác Bagritxki mất hút trong cánh đồng cỏ đằng sau vịnh Xukhô và bấy chim ở đó.

Trong căn phòng quét vôi trắng của ông ở Môndavanka có treo hàng chục chiếc lồng, trong đó có những con chim trụi lông. Ông rất hay đem chúng ra khoe, đặc biệt là những con giuôcbai dị thường nào đó. Đó là những con sơn ca thảo nguyên chẳng đẹp đẽ gì, cũng xơ xác y như những con chim khác của ông.

Từ lồng chim không ngớt rơi xuống đầu khách và chủ những mảnh trấu do chim nhè ra.

Bagritxki dốc những đồng xu cuối cùng của mình mua thức ăn cho chim.

Những tờ báo Ôđêtxa trả ông rẻ mạt ; một bài thơ tuyệt tác chỉ độ năm, mười rúp. Mấy năm sau thanh niên đã biết và đã thuộc lòng bài thơ đó.

Chắc Bagritxki cho rằng như thế là phải giá rồi. Ông không biết giá trị thực của mình và trong

1. Natxon X, Ia (1862 - 1887) nhà thơ Nga.

công việc thực tế ông là người nhút nhát. Lần đầu tới Maxcova không khi nào ông đến nhà xuất bản một mình mà bao giờ cũng dẫn theo một người nào đó trong số bạn bè "cho nó vững dạ". Người bạn đóng vai chính trong cuộc đàm phán, còn Bagritski chỉ nín lặng và cười tủm tỉm.

Tại Maxcova ông ở nhà tôi, trong một gian hầm tại ngõ Obuđen. Đến nơi, ông báo trước : "Tôi sẽ ở nhà anh lâu đấy". Và quả nhiên suốt một tháng trời ông chỉ ra phố có hai lần, còn lúc nào cũng ngồi xếp bằng tròn trên chiếc đi văng, thở dốc vì sayn.

Trên đi văng ông để đầy sách, bản thảo thơ của người khác và những bao thuốc lá rỗng. Ông ghi thơ của mình lên trên mặt bao. Thỉnh thoảng ông đánh mất những hộp thuốc lá nọ nhưng chỉ buồn bực ít lâu thôi.

Cứ thế ông ngồi hết tháng, khoái trá với Ulalaépsina của Xenvinxki ⁽¹⁾ kể về những chuyện chẳng đúng sự thực chút nào và tán gẫu với những "nhóc văn chương" - những người Ôđétxa. Những người này kéo đàn kéo lũ bầu lầy ông khi ông vừa ló mặt ra ở Maxcova.

Ít lâu sau, ông dọn hẳn về Maxcova và thay

1. Xenvinxki I.L. Nhà thơ Xô viết (1899 - 1968).

vào lũ chim, ông mua những bể cá rất lớn. Phòng của ông giống như một thế giới dưới nước. Ông có thể ngồi hàng giờ, nghĩ ngợi và ngắm những con cá đủ mọi màu sắc.

Ta có thể nhìn thấy, cũng một thế giới dưới nước hết như thế, khi đứng trên con đê chắn sóng ở Ôđétxa: cũng những thân cỏ ngậm trắng bạc đung đưa, giống như những đám san hô và những con sứa chậm chạp bơi qua, dồn ép nước biển từng đợt mạnh mẽ.

Tôi nghĩ rằng việc ông đến ở Maxcova là một sai lầm. Bagritski không thể sống tách rời miền Nam, biển cả và Ôđétxa, tách rời những món ăn Ôđétxa quen thuộc của ông : cà, cà chua, pho mát cừu, cá thu tươi. Toàn thân ông được sưởi ấm bởi phương Nam, sức nóng của thứ đá vôi vàng lố chỗ đã dựng lên Ôđétxa, hương ngải cứu, muối, cây dạ hợp và biển cả.

• Ông chết sớm, chưa kịp chín muối, chưa chuẩn bị sẵn sàng để chiếm thêm vài đỉnh cao khó tới của thi ca, như ông thường nói.

Một đại đội kỵ binh đi theo sau linh cữu ông, móng ngựa đập giòn trên mặt đường lát đá. Và ta lại nhớ đến bài thơ *Nghĩ về Opanaxơ*, đến con chiến mã của Kôôpxki, "*Con ngựa trắng lấp lánh như đường nguyên chất*", đến nền thi ca thảo nguyên

rộng lớn vẫn cùng đi với Bagritxki, vịn vào ông mà đi, trên những con đường nóng bỏng đầy cát bụi. Thơ ấy là người thừa kế của *Lời truyền về đạo quân Igo* ⁽¹⁾ và của *Tarát Séptsencô* ⁽²⁾ bên như hương cỏ xạ hương, râm nắng như cô gái nhỏ miền ven biển, vui như gió mát "lêvăng" trên Hắc Hải thân yêu.

-
1. Truyện lịch sử bằng thơ nói về Hoàng thân Igô Xviatôxlavich dấy quân chống lại giặc Thổ Nhĩ Kỳ lúc ấy đang xâm chiếm nước Nga - Kiép. Người anh hùng này không nhờ vả sự giúp đỡ của các hoàng thân khác cùng cát cứ trên đất Nga (Thế kỷ thứ 12).
 2. Nhà thơ vĩ đại Ukraina.

NGHỆ THUẬT NHÌN THẾ GIỚI

Hội hoạ dạy ta nhìn và nhìn thấy (đó là hai việc khác nhau và hoạ hoàn mới trùng nhau). Nhờ đó hội hoạ giữ được nguyên vẹn và sinh động cái tình cảm chỉ trẻ em mới có.

ALÉCHXANDRO BLÔC

Con người dừng lại, sửng sốt trước những cái chẳng đóng vai trò nào trong đời sống của con người ; trước bóng phản chiếu không thể nào lấy được, trước những tảng đá dựng đứng mà tay người không thể nào gieo trồng được, trước màu sắc kỳ lạ của bầu trời.

GIÔN RAXKIN⁽¹⁾

Có những chân lý không cần phải bàn cãi nhưng chúng thường nằm yên một cách vô ích, không giúp gì cho hoạt động của con người chỉ vì chúng ta lười biếng và dốt nát.

Một trong những chân lý không cần phải bàn cãi ấy có liên quan đến nghệ văn. Chân lý đó là

1. Raskin (1819 - 1900) nhà lý luận nghệ thuật, phê bình văn học và hoạt động xã hội danh tiếng ở Anh.

sự hiểu biết những lĩnh vực nghệ thuật hàng xóm láng giềng như thi ca, hội hoạ, kiến trúc, điêu khắc và âm nhạc, điều đó làm phong phú di thường thế giới bên trong của người viết văn xuôi và làm cho văn xuôi của người đó có một sức biểu hiện đặc biệt. Nó được bồi bổ thêm ánh sáng và màu sắc của hội hoạ, cái tươi mát của những từ vốn thuộc thi ca, cái cân xứng của kiến trúc, sự rõ ràng, có khối hình của đường nét trong điêu khắc và nhịp điệu, tiết tấu và tính du dương của âm nhạc.

Đó là những cái làm giàu thêm cho văn xuôi, tựa như những màu sắc bổ sung cho nó.

Tôi không tin những nhà văn không yêu thi ca và hội hoạ. May thì họ còn là những người có trí óc lười nhác và kiêu ngạo, tệ hơn - họ là những kẻ ngu dốt.

Nhà văn không thể khinh miệt bất cứ một cái gì có thể mở rộng nhãn quan của mình đối với thế giới, tất nhiên, nếu nhà văn đó là bậc thầy nghề nghiệp chứ không phải là một anh phó nhỏ, là người sáng tạo ra vật báu chứ không phải một kẻ tầm thường, kiên nhẫn gặm nhấm cái may mắn trong cuộc đời như nhai kẹo cao su Mỹ.

Thường khi đọc xong một truyện ngắn, một truyện dài hay một cuốn tiểu thuyết, trong trí nhớ

của ta chẳng còn lại chút gì ngoài một đám hỗn độn những con người xám xịt. Anh có cố công gắng sức để nhìn thấy những con người đó thì rồi anh cũng sẽ chẳng nhìn thấy họ đâu bởi vì tác giả không cho họ lấy một nét sống nào.

Cả sự việc của những truyện ngắn, truyện dài và tiểu thuyết như thế cũng xảy ra giữa một ngày lầy nhầy, không màu sắc, không ánh sáng nào đó, giữa những đồ vật tác giả có đặt tên, nhưng lại không nhìn thấy, và vì thế không thể để cho những người đọc chúng ta xem.

Mặc dầu đề tài thì hiện đại, những cuốn sách đó vẫn cứ cho thấy sự bất lực của chúng, những cuốn sách thường là được viết ra với một vẻ sáng khoái giả tạo. Người ta định đánh lộn sông nước với niềm vui, đặc biệt là niềm vui lao động.

Nguyên nhân của quang cảnh chán ngán đó không phải chỉ đơn thuần là sự nghèo cảm xúc và sự kém học thức của tác giả, mà còn do cái nhìn lơ đãng loài cá của anh ta.

Chúng ta muốn đập tan những truyện dài và những cuốn tiểu thuyết ấy như đập tan những cửa kính dán kín ⁽¹⁾ trong một gian phòng ngột ngạt và bụi bặm để những mảnh thủy tinh vỡ

1. Mùa đông ở xứ lạnh người ta thường dán kín các khe hở của cửa kính.

kia bay ra với một tiếng động giòn tan và ngay đây, từ bên ngoài sẽ ủa vào phòng nào gió, tiếng mưa rơi, tiếng trẻ con í ới, nào còi tàu thủy, ánh sáng lấp lánh của con đường nhựa ướt - cả cuộc đời xô vào với cái hỗn độn của nó, nếu như mới thoát nhìn, và với cái sắc sỡ tuyệt đẹp của ánh sáng, màu sắc và tiếng động.

Ở nước Nga có rất nhiều cuốn sách tường chừng do người mù viết. Sách ấy lại nhằm cho những người sáng đọc, và trong chuyện đó ta thấy tất cả cái lỗ bịch của việc xuất bản những cuốn sách như vậy.

Muốn sáng mắt ra, không phải chỉ cần nhìn đủ mọi phía. Phải học cho được cách nhìn. Chỉ những ai yêu con người và đất đai mới có thể nhìn được chúng. Văn xuôi nhằm chán và vô vị thường là do hậu quả của dòng máu lạnh của nhà văn, cái dấu hiệu đe dọa đáng sợ của bệnh chết mòn trong anh ta. Nhưng đôi khi đó chỉ là cái vụng về chứng tỏ một sự thiếu văn hoá. Như thế thì, như người ta thường nói, còn vớt vát được.

Các họa sĩ có thể dạy chúng ta cách nhìn và cách tiếp nhận ánh sáng, màu sắc. Họ nhìn giỏi hơn chúng ta. Và họ biết nghi nhớ những gì họ đã nhìn thấy.

Khi tôi còn là một nhà văn ít tuổi, một họa sĩ quen biết đã nói với tôi :

- Anh bạn ạ, anh nhìn còn chưa được rõ. Cái nhìn của anh hơi đục. Và thô kệch. Căn cứ vào những truyện ngắn của anh thì anh mới nhận xét được những màu chính, còn những độ chuyển tiếp và những tiểu dị thì lẫn vào nhau thành một cái gì đó đơn điệu.

- Biết làm thế nào được ! Mắt tôi nó như vậy. - Tôi trả lời, tự bào chữa.

- Nói nhảm ! Người ta có thể tạo ra được con mắt tốt. Đừng có lười, hãy rèn đi. Bắt nó phải vào khuôn phép. Anh cứ thử bỏ ra một hoặc hai tháng để nhìn mọi vật với ý nghĩ là anh bắt buộc phải vẽ những cái đó bằng màu. Trong xe điện, trong xe buýt, ở đâu cũng thế, anh phải nhìn con người cũng đúng theo cách ấy. Và chỉ qua vài ba ngày là anh đã thấy rõ rằng trước kia, trên mặt mọi người, anh chỉ nhìn không được lấy phần mười những gì bây giờ anh thấy. Còn qua hai tháng thì anh sẽ học được cách nhìn và không cần phải ép buộc mình làm việc đó nữa.

Tôi nghe lời họa sĩ nọ và quả nhiên người và vật đúng là đã trở thành thú vị hơn nhiều so với khi tôi còn nhìn họ vô cùng hấp tấp và lướt qua.

Và tôi tiếc vô cùng khoảng thời gian mà tôi đã ngu ngốc để mất. Tôi có thể nhìn thấy biết bao cái đẹp tuyệt vời trong những năm qua, nếu

như tôi biết nhìn ! Biết bao điều thú vị đã qua đi, không trở lại và chẳng có tài nào làm cho chúng tái sinh.

Đó là bài học đầu tiên mà hoạ sĩ đã cho tôi. Bài thứ hai còn sáng rõ hơn.

Một lần vào mùa thu tôi từ Maxkova đi Leningrát nhưng không qua Kalinzin và Bôlôgôriê mà đi từ ga Xvelôp-xki qua Kalyazin và Khơvôinaya.

Nhiều người Maxkova và Leningrát cũng chẳng ngờ rằng có con đường ấy. Tuy nó có xa hơn, nhưng lại thú vị hơn con đường thông thường Bôlôgôriê. Thú vị hơn ở chỗ con đường chạy qua những miền hoang vắng và nhiều rừng.

Bạn đường của tôi là một người nhỏ bé với đôi mắt ti hí nhưng lại rất sinh động. Ông vận bộ quần áo lụng thụng, mang theo một hòm lớn đựng sơn dầu và những cuộn vải gai. Trông ông ai cũng biết ngay là một hoạ sĩ.

Chúng tôi nói chuyện. Ông bạn đường của tôi nói rằng ông đi đến vùng gần thị trấn Chikhovin, ở đó có một người bạn làm nghề kiếm lâm và ông sẽ ở vùng ông bạn trông coi để vẽ mùa thu.

- Sao mà ông lặn lội xa thế, mãi gần Chikhovin? - Tôi hỏi.

Hoạ sĩ trả lời một cách tin cậy :

- Ở đó tôi đã quan sát kỹ và chọn được một vùng. Vùng này đẹp tuyệt ! Đỗ ông tìm ra được một vùng thứ hai như thế. Một khu rừng toàn liễu hoàn diệp. Đôi chỗ lác đác vài cây thông. Liễu hoàn diệp mặc cho mùa thu một bộ quần áo đặc biệt tao nhã, không có giống cây nào như thế. Lá liễu đủ màu. Đỏ thắm, vàng chanh, tím và cả màu đen lấm tấm vàng. Dưới ánh sáng mặt trời nó biến thành một đồng lửa trại. Tôi làm việc ở đây cho đến mùa đông, còn đông rồi thì tôi sang bờ vịnh Phần Lan, quá Leningrát. Ở đó, ông phải biết, băng bụi ⁽¹⁾ đẹp nhất nước Nga. Chưa nơi nào tôi nhìn thấy thứ băng bụi như vậy.

Tôi nói, tất nhiên là nói đùa, rằng với những hiểu biết như vậy, ông bạn đường của tôi có thể viết một cuốn sách dẫn đường quý giá cho các họa sĩ, chỉ cho họ đi đâu, vẽ gì.

Họa sĩ nghiêm trang trả lời :

- Thế ông cho rằng không được sao ! Viết cái đó không khó. Nhưng không cần. Mọi người sẽ bầu vào một chỗ trong khi hiện nay mỗi người đang tìm cái đẹp riêng biệt. Điều đó tốt hơn nhiều.

- Vì sao ?

1. Những ngày cực lạnh tuyết đóng thành băng nhỏ như bụi.

- Đất nước sẽ phơi ra nhiều mặt hơn. Trên đất Nga có không biết bao nhiêu là cái đẹp, đủ dùng cho tất cả các họa sĩ trong hàng nghìn năm. Nhưng ông ạ, - ông nói với vẻ lo lắng, - hình như con người bắt đầu dày xéo và làm kiệt quệ đất đai nhiều quá rồi đấy. Mà sắc đẹp của đất đai lại là một điều thiêng liêng, một điều vĩ đại trong đời sống xã hội chúng ta. Nó là một trong những mục đích cuối cùng của chúng ta. Không biết ông thế nào, chứ tôi thì tôi tin chắc như vậy. Không hiểu được điều đó không phải là một người tiên tiến.

Ban ngày tôi ngủ thiếp đi nhưng ông bạn hàng xóm đã dựng tôi dậy.

- Xin ông đừng giận, - ông bối rối nói, - nhưng ông dậy đi thì hơn. Một bức tranh kỳ diệu đang mở ra : cơn giông tháng Chín. Ông trông kia !

Tôi trông ra ngoài cửa sổ tàu. Ở phía Nam một đám mây đen nặng nề và cao, choán hết nửa bầu trời, đang nhô lên. Những ánh chớp co kéo, giật giật nó.

- Mẹ ơi ! - Ông bạn họa sĩ kêu lên. - Biết bao là màu sắc ! Không thể nào vẽ nổi cái ánh sáng như thế này, dù anh có là Lévitan⁽¹⁾ đi chăng nữa.

1. Một họa sĩ danh tiếng Nga.

- Ánh sáng nào ? - Tôi cuống quýt hỏi.

- Trời ơi ! - Hoà sĩ nói với vẻ tuyệt vọng. - Ông nhìn đi đâu thế kia ? Kia kia, ông thấy không, ở đó rừng tối đen và yên lặng, đó là do bóng mây trùm lên nó. Còn kia, xa hơn một chút, trên rừng có những vết vàng bệch và hơi xanh lục; đó là tại ánh sáng mặt trời bị mây cản. Còn ở đằng xa thì rừng hoàn toàn phôi mình trong nắng. Ông thấy chưa ? Cả khu rừng như đúc bằng vàng muời. Và trong suốt. Một loại tường bằng vàng có hoa văn. Hay là một chiếc khăn tay kéo dài suốt chân trời, chiếc khăn do những cô thợ thêu bậc thầy trong vùng Chikhovin của chúng tôi thêu ở các xưởng làm đồ kim tuyến. Bây giờ ông hãy trông gần đây, những dải thông kia kia. Ông thấy cái ánh đồng thau lấp lánh trên những lá nhọn không ? Đó là do bức tường vàng của rừng mà có. Ánh sáng của bức tường vàng hắt lên những ngọn thông. Ánh phản chiếu. Vẽ nó rất khó. Dễ làm nó thô đi lắm. Còn kia, ông thấy không, kia chỉ có ánh sáng toả ra yếu ớt, tôi muốn nói ánh sáng chiếu xuống dịu dàng đến nỗi cần phải có một bàn tay thật bình tĩnh và trung thành mới truyền đạt nổi nó.

Hoạ sĩ nhìn tôi và cười.

- Ánh phản chiếu từ rừng thu hút lại mạnh

thực! Cả căn phòng trong toa bùng lên một màu hồng. Nhất là trên mặt ông. Giá được vẽ ông y như thế này. Nhưng tiếc thay, tất cả những cái đó chỉ thoáng qua trong giây lát mà thôi.

Tôi nói :

- Công việc của hoạ sĩ chính là ở chỗ đó ; bắt những vật thoáng qua phải dừng lại trong nhiều thế kỷ.

Hoạ sĩ trả lời :

- Chúng tôi sẽ cố gắng. Nếu cái thoáng qua ấy không đến với chúng tôi quá đột ngột như lúc này. Nói cho đúng, hoạ sĩ không bao giờ được rời màu vẽ, vải gai và cây bút lông. Các ông, những nhà văn, các ông có nhiều thuận lợi hơn. Những màu sắc đó các ông mang trong trí nhớ. Trong kia, sao mọi vật biến đổi nhanh chóng đến vậy? Kia, rừng lúc thì bùng sáng lúc thì chìm trong bóng tối.

Những dải mây trắng rách rưới đang trước đám mây đen của cơn giông chạy về phía chúng tôi và sức chuyển động vùn vụt của chúng quả đang trộn lẫn mọi màu trên mặt đất. Cái sự lẫn lộn của các màu; đỏ thắm, vàng nguyên chất và vàng trắng, xanh lá mạ, tím và màu bóng tối xanh lam đã bắt đầu ở những cánh rừng xa.

Thình thoảng một tia nắng xuyên qua mây đen

rọi xuống từng vòm bạch dương làm chúng vụt sáng, cái nọ nối tiếp cái kia, như là những ngọn đuốc vàng, nhưng lại tắt ngay. Gió trước cơn giông thổi mạnh từng đợt càng làm cho màu sắc hỗn độn thêm.

- Ôi, bầu trời mới đẹp làm sao ! - Hoà sĩ kêu lên. - Ông trông ! Có còn màu gì mà nó chẳng tạo ra nữa?

Vầng mây đen của cơn giông cuộn cuộn bốc khỏi xám nhờ và nhanh chóng sà xuống mặt đất. Cả vầng mây chỉ có độc một màu đá đen đơn điệu. Nhưng mỗi tia chớp loé sáng lại làm lộ ra những cột lốc xoáy lên cao màu vàng dữ tợn, những hốc xanh và những vết nứt rạn ngòong ngoèo được một thứ lửa hồng đục soi tỏ từ trong.

Ánh loé sắc của những làn chớp khi ở sâu trong vầng mây đen lại biến hoá thành đám cháy màu hồng đỏ. Ở gần mặt đất hơn, trong khoảng giữa mây đen và rừng cây, những dải mưa rào đã đổ xuống.

- Thế là hết ! - Hoà sĩ xúc động kêu lên. - Cái cảnh hỗn độn này ta chẳng được thấy luôn đâu!

Tôi cùng ông rời cửa sổ trong phòng để ra đứng bên cửa sổ hành lang toa tàu. Những bức rèm cửa run lên cầm cập trước gió càng làm ánh sáng lấp loáng thêm.

Mưa trút ào ào. Người phụ trách toa hấp tấp hạ hết cửa xuống. Những sợi nước mưa xiên xiên chảy thành dòng trên mặt kính. Ánh sáng mất hẳn, chỉ ở đằng xa, xa lắm, mãi tận chân trời, qua bụi mưa, là còn một dải rừng mạ vàng cuối cùng cháy sáng.

Hoạ sĩ hỏi tôi :

- Ông còn nhớ được gì không ?

- Đôi chút thôi.

- Và tôi cũng vậy, nhớ mang máng, - ông buồn rầu nói. - Tạnh mưa, màu sắc sẽ đậm hơn. Ông biết không, nắng giõn trên lá và thân cây. Nói chung, ông hãy để ý nhìn ánh sáng vào một ngày ẩm đậm trước cơn mưa. Trước cơn mưa nó một khác, trong cơn mưa một khác, còn sau cơn mưa thì lại hoàn toàn khác hẳn. Bởi vì những lá ướt làm cho không khí có một ánh lấp lánh yếu ớt. Cái ánh lấp lánh đó xám, mềm và ẩm. Nói chung nghiên cứu màu sắc và ánh sáng là một khoái lạc, ông bạn thân mến của tôi ạ. Tôi thể không đổi cái nghiệp hoạ sĩ của tôi lấy bất cứ thứ gì khác.

Đêm, hoạ sĩ xuống một ga xép. Tôi xuống sân ga chia tay với ông. Ngọn đèn lồng đốt bằng dầu hoả toả sáng. Phía trước, đầu máy thở nặng nhọc.

Tôi ghen với ông bạn hoạ sĩ và bỗng tức giận

vì những công việc bắt tôi phải đi tiếp khiến tôi không thể nán lại vài ngày ở phương Bắc. Ở đây mỗi cảnh thạch thảo cũng có thể gợi lên đủ ý cho vài bài thơ bằng văn xuôi.

Không hiểu được tại sao mà trong đời tôi, cũng như bất cứ ai khác, tôi đã không cho phép mình được sống theo tiếng nói của trái tim, mà cứ bận bịu với những công việc tương chừng như không thể nào trì hoãn được.

Màu sắc và ánh sáng trong thiên nhiên không phải chỉ cần quan sát mà giản đơn là phải sống bằng chúng. Trong nghệ thuật, chất liệu dùng được chỉ có thể là chất liệu đã chiếm được một chỗ trong trái tim.

Hội hoạ quan trọng đối với người viết văn xuôi không phải chỉ ở chỗ nó giúp cho nhà văn nhìn thấy và yêu mến màu sắc, ánh sáng. Hội hoạ còn quan trọng ở chỗ hoạ sĩ thường nhận thấy cái mà chúng ta không nhìn thấy. Chỉ sau khi xem xong tranh của người vẽ chúng ta mới bắt đầu nhận ra cái đó và ngạc nhiên không hiểu sao trước kia chúng ta lại không nhận ra.

Hoạ sĩ Pháp Mônê ⁽¹⁾ đến Luân Đôn và vẽ tu viện Uetminxtơ. Mônê vẽ trong một ngày sương

1. Monet (1840 - 1926), một danh hoạ Pháp thuộc phái ấn tượng.

mù bình thường ở Luân Đôn. Trong bức tranh của Mônê những đường nét gồ tích của tu viện chỉ hơi mờ mờ chọc thủng màn sương. Bức tranh vẽ thực điêu luyện.

Khi bức tranh được đưa ra trưng bày, nó đã gây ra một mối kinh hoàng trong những người dân Luân Đôn. Họ sửng sốt vì sương mù trong tranh Mônê lại vẽ bằng màu đỏ thắm, trong khi các sách giáo khoa đều viết rõ rằng sương mù có màu xám.

Sự ngang ngược của Mônê lúc đầu làm người ta công phẫn, Nhưng những người công phẫn kia bước ra phố, nhìn kỹ sương mù và lần đầu tiên họ nhận thấy nó quả có màu đỏ thắm.

Lập tức người ta đi tìm cách giải thích điều đó. Rồi người ta đồng ý với nhau rằng sắc đỏ của sương mù phụ thuộc vào độ dày đặc của khói. Ngoài ra những ngôi nhà gạch đỏ ở Luân Đôn đã làm cho sương mù có màu như thế.

Nhưng dù sao mặc lòng, Mônê đã thắng. Sau khi có bức tranh của ông, mọi người bắt đầu thấy sương mù Luân Đôn giống sương mù mà họa sĩ đã thấy. Đến nỗi người ta đặt biệt hiệu cho Mônê là "người sáng tạo ra sương mù Luân Đôn".

Nếu kể đến những thí dụ trong đời tôi thì lần đầu tiên tôi được nhìn thấy tất cả muôn màu muôn

vẻ của màu sắc lúc trời mưa ở nước Nga là sau khi xem bức *"Trên sự yên tĩnh đời đời"* của Lêvintan.

Trước đó tôi thấy trời mưa chỉ có độc một màu đáng ngán. Cả cái buồn lúc trời mưa, theo tôi nghĩ hồi đó, bộc lộ ra ở chỗ nó ăn hết mọi màu và phủ một màng đục lên trên mặt đất.

Nhưng Lêvitan lại nhìn thấy trong cái đáng ngán ấy một sắc thái cao cả, một sắc thái uy nghi nữa là khác. Và ông tìm thấy trong cái đáng ngán ấy rất nhiều màu nguyên tuyền. Từ đó trời mưa thôi không đè nặng lên tôi. Ngược lại, tôi còn thích nó vì không khí trong sạch, vì lạnh, khi má ta nóng rực, vì những gợn lăn tăn màu thiếc trắng trên những mặt sóng, vì những đám mây nặng nề xê dịch. Cuối cùng, còn vì trong lúc trời mưa ta bắt đầu quý những sự tốt lành bình dị trên trái đất ; căn nhà gỗ ấm áp, ngọn lửa trong chiếc lò sưởi Nga, tiếng ẩm xamôva reo, ổ rơm khô phủ vải gai trên sàn, tiếng mưa rơi trên mái ru ta ngủ và giấc mơ màng êm ả.

Hầu như mỗi nghệ sĩ, dù ở thời đại nào và thuộc trường phái nào, cũng đều vạch ra cho ta thấy những nét mới của thực tại.

Tôi có cái may mắn được thăm nhà triển lãm hội hoạ Drexden vài lần.

Ngoài *Đức Mẹ Xichxtin* của Raphaelen ⁽¹⁾, ở đó còn có rất nhiều tranh của các bậc thầy xưa, trước tranh của họ mà dừng lại thì thực nguy hiểm. Những bức tranh ấy không buông tha ta. Ta có thể nhìn chúng hàng giờ, có khi hàng ngày và nhìn chúng càng lâu thì nỗi xúc động khó hiểu trong tâm hồn ta càng lớn. Nỗi xúc động ấy dâng cao đến mức con người khó mà cầm được nước mắt.

Tại sao lại có những giọt nước mắt không rơi ấy? Vì rằng trong những bức tranh kia có cả cái toàn thiện, toàn mỹ của tinh thần và quyền lực của thiên tài là cái buộc ta hướng về sự trong sạch, sức mạnh và cái cao thượng trong những nguyện vọng của mình.

Trong việc thưởng ngoạn cái tuyệt mỹ, xuất hiện nỗi lo lắng nó báo trước sự tẩy rửa nội tâm của chúng ta. Hình như tất cả cái tươi mát của những cơn mưa, những làn gió, hơi thở của đất đai khai hoa, bầu trời nửa đêm và những giọt nước mắt chảy ra vì tình yêu đều nhập vào trái tim biết ơn của chúng ta và vĩnh viễn chiếm lĩnh nó.

Hình như những người theo chủ nghĩa ấn tượng làm cho ánh sáng mặt trời mạnh thêm. Họ vẽ ngoài trời và, đôi khi, có lẽ họ đã cố ý làm cho màu sắc đậm hơn.

1. Một trong những danh họa lớn nhất thế giới, người Ý (1483 - 1520).

Cái đó làm đất đai trong những bức tranh của họ xuất hiện trong một ánh sáng hân hoan.

Đất đai trở thành đất đai ngày hội. Trong việc đó không có gì là tội lỗi, bởi vì không có tội lỗi trong tất cả những gì đem lại thêm con người, dù chỉ là chút ít niềm vui.

Chủ nghĩa ấn tượng là của chúng ta, cũng như tất cả những di sản giàu có khác của quá khứ. Bỏ nó đi có nghĩa là ta tự đẩy ta đến chỗ hẹp hòi một cách có ý thức. Chúng ta không hề vứt bỏ *Đức Mẹ Xíchxtin* của Raphaen mặc dầu bức tranh đã được sáng tạo theo đề tài tôn giáo. Chúng ta không ngu ngốc đến nỗi không còn biết đâu là ranh giới giữa thiên tài của hội họa tôn giáo. Tôi không nghĩ rằng có thể có một người Xô viết nào đó vì ngợi khen *Đức Mẹ Xíchxtin* mà bỗng chốc trở thành con chiên của đạo Chúa. Cái vô lý của ý nghĩ đó rất rõ. Tại sao chúng ta lại đi quan tâm một cách nghiêm túc đến những ý nghĩ tức cười khi vấn đề động chạm đến những nhà ấn tượng chủ nghĩa. Picatxô⁽¹⁾, Vangôc hoặc Gôganh⁽²⁾ ? Tiện đây cũng xin nói rằng Gôganh là người đã đứng vào cuộc đấu tranh chống chính quyền thực dân Pháp vì nền độc lập của nhân dân Tahiti.

1.2 Những nhà đại danh họa của thế giới cận đại và hiện đại.

Chuyện đó có gì xấu và nguy hiểm ? Trong những bộ óc đồ kỵ hoặc cơ hội nào dám nghĩ rằng cần thiết phải sổ toẹt lớp hoạ sĩ xuất sắc và tài năng ra khỏi nền văn hoá của nhân loại và nền văn hoá của chúng ta nói riêng ?

Sau cuộc gặp gỡ trên tàu với ông bạn hoạ sĩ, tôi tới Leningrát. Trước mắt tôi lại mở ra cái quần thể trang trọng của những quảng trường và những toà nhà cân đối trong thành phố.

Tôi ngắm nghía chúng rất lâu, cố tìm ra điều bí mật trong kiến trúc của chúng. Bí mật là ở chỗ những toà nhà cho ta ấn tượng về cái hùng vĩ mà trong thực tế chúng lại chẳng lấy gì làm lớn cho lắm. Một trong những công trình tuyệt mỹ là nhà bộ Tổng tham mưu kéo một vòng cung đều đặn trước điện Mùa Đông chiều cao không quá một toà nhà bốn tầng. Thế mà nó còn hùng vĩ hơn bất cứ toà nhà chọc trời nào ở Maxkova.

Lời giải câu đố rất đơn giản. Cái hùng vĩ của những toà nhà sở dĩ mà có là do sự cân xứng, những tỉ lệ ăn nhịp với nhau và một số nhỏ vật trang hoàng; những viên cửa gỗ, những xoáy ốc trang trí và phù điêu.

Nếu ta nhìn kỹ những toà nhà ấy, ta sẽ hiểu rằng óc thẩm mỹ tốt trước hết chính là ý thức chừng mực.

Tôi tin rằng những định luật trên về cái cân xứng giữa các phần, sự loại bỏ tất cả những cái thừa không cần thiết ; một số ít vật trang hoàng, cái giản đơn, trong đó mỗi đường nét nổi lên rõ ràng và cho ta một khoái cảm - tất cả những cái đó liên quan ít nhiều đến cả văn xuôi.

Nhà văn đã yêu cái toàn thiện mỹ của những hình thức kiến trúc cổ điển không bao giờ để cho lối bố cục vụng về và nặng chịch có mặt trong văn minh. Nhà văn đó sẽ đạt tới sự cân xứng của các phần và sự nghiêm khắc của bức vẽ bằng lời. Nhà văn đó sẽ tránh sự thừa của những vật trang hoàng làm loãng văn xuôi - tức là thứ bút pháp mà người ta gọi là bút pháp trang trí.

Bố cục của một tác phẩm văn xuôi phải đạt tới mức không thể bỏ đi hoặc thêm vào một chút gì mà không làm hỏng đi ý nghĩa của câu chuyện và dòng đi hợp qui luật của các sự kiện.

Bao giờ cũng vậy, tôi dùng hầu hết thời gian ở Leningrát vào việc xem Viện bảo tàng Nga và Viện bảo tàng Écmitagior.

Bóng tối yếu ớt với ánh sáng mạ thẫm màu trong những gian trưng bày ở Écmitagior đối với tôi thật là thiêng liêng. Tôi bước vào Écmitagior như bước vào kho thiên tài của nhân loại.

Trong Viện bảo tàng Écmitagior, lần đầu tiên,

khi còn là một thanh niên, tôi đã cảm thấy hạnh phúc làm người. Và hiểu rằng con người có thể trở nên vĩ đại và tốt đẹp.

Lúc đầu tôi cứ bị lạc giữa cái đám diễu hành lộng lẫy của các họa sĩ. Tôi chóng mặt vì màu sắc quá nhiều và dày đặc, và để nghỉ ngơi, tôi bỏ ra gian trưng bày tượng.

Tôi ngồi ở đó rất lâu. Và càng nhìn những bức tượng của những nhà nạn tượng vô danh Hy Lạp hoặc tượng những người đàn bà tằm tẩm cười của Canôva tôi càng hiểu rõ thêm rằng tất cả những tác phẩm điêu khắc nọ chính là lời kêu gọi con người đi tới cái tuyệt mỹ và nó là điểm báo trước buổi bình minh trong sáng nhất của nhân loại. Lúc đó thì ca sẽ ngự trên những trái tim, và chế độ xã hội - chế độ mà chúng ta đang vượt qua những năm lao động, lo lắng và căng thẳng trong tâm hồn để đi tới - sẽ được xây dựng trên cái đẹp của chính nghĩa, cái đẹp của trí tuệ và trái tim, của những quan hệ giữa người với người và của thân thể con người.

Đường ta đi sẽ dẫn tới một thời đại hoàng kim. Thời đại đó sẽ đến. Tất nhiên, đáng giận là chúng ta không được sống đến ngày ấy. Nhưng chúng ta phải cảm thấy hạnh phúc khi ngọn gió thời đại đó đã reo vang quanh ta và bắt tim ta đập mạnh thêm.

Chả thế mà Hainơ đã tới viện bảo tàng Lơ Luvơ ngồi hàng giờ bên tượng thần vệ nữ thành Milô mà khóc.

Ông khóc gì ? Khóc cho cái toàn thiện mỹ của con người bị nhục mạ. Khóc vì con đường đi tới cái toàn thiện mỹ ấy nặng nề và xa lắc đối với cả ông, với Hainơ, người đã hiến cho mọi người chất độc và ánh sáng của trí óc mình, người đã không thể đi tới - tất nhiên - cái đất hứa ⁽¹⁾ mà trái tim sôi nổi đã suốt đời vẫy gọi.

Sức mạnh của nghệ thuật điêu khắc ở trong đó, cái sức mạnh nếu không có ngọn lửa bên trong của nó thì không thể nào có nghệ thuật tiên tiến, nhất là nghệ thuật của đất nước chúng ta. Cũng như vậy không thể có được cả nền văn xuôi vững chắc.

Trước khi nói đến ảnh hưởng của thi ca đối với văn xuôi, tôi muốn nói vài lời về âm nhạc, hơn nữa âm nhạc và thi ca thường rất gần bó với nhau.

Đề tài cuộc nói chuyện ngắn ngủi về âm nhạc buộc phải giới hạn trong cái mà chúng ta gọi là tiết tấu và nhạc tính của văn xuôi.

1. Đất nước mà theo Kinh Thánh, chúa Trời đưa người Do Thái từ Ai Cập về đây theo lời hứa của Chúa (Palestin).

Trong văn xuôi chân chính bao giờ cũng có tiết tấu của nó.

Trước hết tiết tấu của văn xuôi đòi hỏi sự phân bố từ sao cho người đọc có thể tiếp nhận câu văn không bị căng thẳng, tiếp nhận ngay tức khắc. Tsêkhốp đã nói về điều đó khi viết thư cho Gorôki *"Văn phải được xếp gọn (vào trong ý thức người đọc) ngay lập tức, trong một giây"*.

Không thể để cho người đọc phải ngừng lại trên tác phẩm để khôi phục sự chuyển động của các từ, sự chuyển động thích ứng với tính chất đoạn này hay đoạn khác trong văn xuôi.

Nói chung nhà văn cần phải giữ người đọc trong tình trạng say mê liên tục, dẫn người đọc đi theo mình và không để trong tác phẩm của mình còn những chỗ tối nghĩa và không có nhịp điệu để người đọc vấp phải nó rồi vượt ra ngoài quyền lực của nhà văn.

Tôi nghĩ rằng không bao giờ có thể đạt được tiết tấu của văn xuôi bằng con đường nhân tạo. Tiết tấu của văn xuôi phụ thuộc vào tài năng, vào cảm năng ngôn ngữ, vào cái "thính giác tốt của nhà văn". Cái thính giác tốt ấy trong một mức độ nào đó lẫn với tai nhạc.

Nhưng cái làm cho ngôn ngữ của người viết

văn xuôi phong phú nhiều hơn hết là sự hiểu biết thi ca.

Thi ca có một đặc tính kỳ lạ. Nó trả lại cho chữ cái tươi mát trinh bạch ban đầu. Những từ mờ nhạt nhất, bạc màu nhất, mà chúng ta đã "nói cạn", nói đến cùng, đã mất sạch tính hình tượng đối với chúng ta, còn lại chẳng khác gì một cái vỏ từ, những từ ấy trong thi ca lại sáng lấp lánh, lại kêu giòn và toả hương!

Giải thích cái đó ra sao, tôi không biết. Tôi cho rằng từ sống lại trong hai trường hợp.

Một là, khi nào người ta trả lại cho nó sức mạnh ngữ âm (âm thanh). Mà làm việc đó trong thi ca thì dễ hơn trong văn xuôi nhiều. Vì thế trong bài hát và trong tình ca các từ tác động đến chúng ta mạnh hơn trong lời nói thường.

Hai là, cả đến những cái từ đã bạc phếch, nếu được đặt vào đội ngũ âm nhạc êm ái trong một bài thơ thì hình như nó được no nê âm điệu du dương của câu thơ và bắt đầu vang vang trong sự hài hoà cùng với những từ khác.

Và cuối cùng là thi ca phong phú phép điệp vận⁽¹⁾. Đó là một trong những tính chất quý báu của nó. Văn xuôi cũng được quyền có điệp vận.

1. Câu thơ có nhiều chữ cùng một mẫu tự (allitération).

Nhưng cái chính không phải ở chỗ đó.

Cái chính là ở chỗ khi văn xuôi đã đạt tới mức toàn thiện toàn mỹ thì về bản chất nó đã thực sự là thơ.

Tsêkhốp cho rằng truyện *Taman* của Lermontốp và *Con gái viên đại úy* của Puskin chứng minh mối liên lạc máu mủ của văn xuôi với thơ Nga đầy nhựa sống.

Prisvin đã có lần viết về mình (trong một bức thư riêng) rằng ông là *"nhà thơ bị đóng đinh trên cây thập tự của văn xuôi"*.

Lép Tônxtôi viết : "Tôi không bao giờ hiểu đâu là ranh giới giữa văn xuôi và thi ca". Ông hỏi với vẻ nôn nóng hiềm có ở ông trong *Nhật ký tuổi xuân*:

"Vì sao thơ và văn, hạnh phúc và khổ đau lại gắn bó chặt chẽ với nhau đến thế ? Phải sống thế nào đây ? Cố gắng để bất thần gắn thơ và văn lại với nhau hay là thích thú với cái này, còn đối với cái kia thì có thái độ tùy tiện. Trong ước mơ có mặt cao hơn thực tại. Trong thực tại có mặt cao hơn ước mơ. Hạnh phúc đầy đủ là sự nối liền hai cái đó lại với nhau."

Trong lời nói đó, mặc dầu được phát biểu một cách hấp tấp, đã thể hiện một ý nghĩ đúng đắn; hiện tượng cao hơn hết, có sức thuyết phục hơn hết, hạnh phúc chân chính chỉ có thể là sự hoà

hợp hữu cơ giữa thơ và văn, hay nói một cách chính xác hơn, văn xuôi tràn đầy thực chất của thi ca, nhựa sống dồi dào của nó, cái không khí trong sáng nhất, cái quyền lực bắt người tay say mê của nó.

Trong trường hợp này tôi không ngại dùng chữ "làm người ta say mê" (nói một cách khác - "bắt làm nô lệ"). Bởi vì thơ bắt làm nô lệ, làm cho mê mẩn và bằng một cách kín đáo, nhưng với sức mạnh không gì sánh nổi nâng cao con người, đưa nó tới gần cái trạng thái khi con người thực sự trở thành vật tô điểm cho trái đất. Hoặc nói một cách hồn nhiên nhưng chân thành, như tổ tiên chúng ta, thành "chiếc mũ triều thiên của sự sáng tạo".

Vladimira Odôpxki có phần đúng khi nói rằng "thi ca là điểm báo trước một thực trạng khi nhân loại thôi không đạt tới nữa và bắt đầu sử dụng cái đã đạt được."

TRÊN THÙNG XE TẢI

Tháng Bảy năm 1941, tôi rời tỉnh Rurpnhitxana Đnheporô đi Chiraxpôn trên một chiếc xe tải quân sự. Tôi ngồi trong ca bin, bên cạnh người lái xe im lặng.

Bụi nâu xám cháy bỏng dưới ánh nắng cuộn lên từng vồng dưới bánh xe. Bụi nham nháp phủ kín mọi vật chung quanh ; những ngôi nhà gỗ, những cây hương dương, những cây keo và cỏ khô.

Mặt trời bốc khói trên nền trời bạc phếch. Nước trong bi đông nóng rẫy và có mùi cao su. Tiếng súng lớn gầm thét bên kia sông Đnheporô.

Trên thùng xe, có mấy viên trung uý trẻ tuổi. Thỉnh thoảng họ lại đâm thình thình vào nắp ca bin và kêu lên "Máy bay !" Anh lái hăm xe lại, chúng tôi nhảy khỏi xe, chạy ra khỏi đường cái và nằm rạp xuống. Ngay lập tức, những chiếc máy

bay đen chui kiểu "Métxe" rú lên, khoái trá một cách độc ác, nhào xuống.

Đôi khi máy bay địch nhìn thấy chúng tôi và xả liên thanh. Nhưng may không ai việc gì. Đạn cây lên từng cột bụi. Khi lữ "Métxe" đi rồi thì chỉ còn cảm thấy cái nóng trong toàn thân vì đất cháy bỏng, đầu ù, miệng khát.

Sau một trận bị máy bay địch bắn, anh lái bất thành linh hỏi tôi :

- Đồng chí nghĩ gì khi nằm dưới chân làn đạn? Đồng chí có nghĩ gì về quá khứ không ?

- Có chứ, tôi trả lời.

- Tôi cũng nghĩ về quá khứ. - Anh lái nói sau một lát im lặng. - Tôi nhớ những khu rừng Xôxtơ-rôma quê tôi. Nếu sau này còn sống, tôi sẽ trở về và xin đi làm công tác kiểm lâm. Tôi sẽ đưa vợ - cô ấy đẹp và hiền lắm - và con gái theo. Chúng tôi sẽ ở cùng nhau trong một trạm gác rừng. Tôi nói không biết đồng chí có tin không chứ mỗi lần nghĩ đến chuyện đó là tim tôi lại đập loạn nhịp. Mà những người lái xe lại không được phép đánh trống ngực như thế.

- Tôi cũng vậy thôi, - tôi đáp. - Tôi cũng nhớ những khu rừng quê tôi.

- Những khu rừng ở quê đồng chí có đẹp không?

- Đẹp, đồng chí ạ !

Anh lái xe kéo cái mũ cát kết sụp xuống trán và nhấn ga. Chúng tôi không nói thêm gì nữa.

Thực vậy, tôi chưa bao giờ nhớ những miền quê yêu dấu của tôi da diết như trong thời gian chiến tranh. Tôi thường nhận thấy tôi nóng ruột chờ đợi cái đêm tôi sẽ được nằm trên một chiếc xe tải ở một nơi nào đó, trong một thung lũng khô trên thảo nguyên, lấy áo ca pốt trùm kín người mà trở về những miền thân yêu ấy, trong ý nghĩ, để được đi một cách chậm rãi và an nhàn, thở hít cái không khí đượm mùi tùng bách. Tôi tự nhủ : "Hôm nay ta sẽ ra Hồ Đen, còn ngày mai, nếu còn sống, ta sẽ ra bờ sông Pra, hoặc đến làng Torébuchinô". Và lòng tôi thất lại mỗi lần cảm trước thấy những chuyển đi trong tường tượng như vậy.

Có lần tôi đã nằm đắp áo ca pốt và tường tượng một cách hết sức tỉ mỉ con đường ra Hồ Đen. Hình như trong cuộc đời không thể có hạnh phúc nào lớn hơn là lại được nhìn thấy và đi trên những mảnh đất thân yêu ấy, quên hết những lo âu, những khổ đau, và nghe tiếng con tim đập thoải mái trong lòng ngực.

Trong những ước mơ trên thùng xe ấy bao giờ tôi cũng ra khỏi làng vào lúc sáng sớm rồi theo

con đường cát đi ngang những ngôi nhà gỗ cũ kỹ. Trên thành cửa sổ các nhà, hoa bóng nước nở trong những hộp sắt tây. Ở những miền đó, người ta gọi hoa bóng nước là "Vanhia ướt át". Chắc đó là do khi ánh mặt trời chiếu qua thân cây bóng nước mập mạp và trong suốt người ta nhìn thấy cả nhựa màu lục và trong thứ nhựa ấy đôi khi còn trông rõ cả những bọt không khí.

Đến bên giếng nước, nơi các cô gái mặc áo vải hoa đi chân đất, lấm lora dưng gầu chan chát suốt ngày, tôi sẽ phải rẽ vào một cái ngõ. Ở ngôi nhà gỗ cuối ngõ có một con gà trống đẹp mã nổi tiếng khắp vùng. Nó thường đứng co một chân lên giữa trời nắng chang chang, lông sáng rực như một đồng than hồng.

Nhà cửa đến ngôi nhà gỗ có con gà trống là hết và bắt đầu một dải đường sắt hẹp trông như đồ chơi trẻ con kéo thành một vòng cung đều đặn, chạy về những khu rừng xa. Lại một cái là ở hai bên vệ đường sắt có những bông hoa chẳng giống gì những bông hoa ở các chỗ chung quanh. Không nơi nào có nhiều bụi rau diếp quăn bằng ở bên những thanh ray bóng rẩy dưới ánh nắng.

Bên kia con đường sắt hẹp là một rừng thông mới trồng. Khu rừng làm thành một bức rào chắn ngang không qua không lại được. Nói là không

qua không lại được là nhìn từ đằng xa kia. Chứ anh vẫn có thể luôn qua, nhưng tất nhiên những cây thông non sẽ chọc những lá hình kim vào anh và để lại trên tay anh những vết nhựa dính bết.

Một thứ cỏ cao và khô xác mọc giữa những cây thông non, trên cát. Lá cỏ ở giữa thì bạc phếch mà ngoài rìa lại có màu lục thẫm. Cỏ sắc, chạm vào là đứt tay. Ở ngay đây có rất nhiều hoa cúc trường sinh màu vàng, có vẩy, sột soạt trong tay và những bông cẩm chướng nức hương với những cánh tả tơi lốm đốm hồng. Dưới những gốc thông có rất nhiều nấm mốc mọc. Chân nấm bám đầy cát sạch màu xám.

Sau rừng thông, là một rừng tùng bách cao lớn: Một con đường cỏ mọc chạy ven rừng.

Sau khi phải thở hít cái không khí ngột ngạt của cánh rừng non mà được nằm nghỉ ngay dưới cây thông đầu tiên cành lá loà xoà thì thật là thú vị. Ta nằm ngửa ra, cảm thấy đất mát rượi dưới làn áo mỏng và nhìn lên trời. Rồi có thể, thậm chí ta thiếp đi vì những đám mây trắng với những viền chói lọi làm cho ta buồn ngủ.

Có một từ Nga rất hay : "Ixtôma" (mệt thừa). Gần đây chúng ta quên hẳn nó và không hiểu sao, thậm chí chúng ta ngại dùng nó. Không có từ nào hay hơn có thể xác định được cái trạng

thái yên tĩnh và hơi buồn ngủ, cái trạng thái xâm chiếm anh khi anh nằm trong rừng ẩm vào buổi sáng và nhìn lên những chuỗi mây vô tận. Mây ra đời ở một nơi nào trong khoảng xa xăm mờ xanh và không ngừng trôi đi đâu không rõ.

Nằm ở cửa rừng tôi thường nhớ đến những vần thơ của Briuxốp :

*Hãy làm người tự do, hãy làm người cô độc
Trong yên lặng trang nghiêm của những
cánh đồng
Trên con đường của ta, đường tự do,
đường rộng
Chẳng cần tương lai, và quá khứ cũng không
Ta hái hoa chơi, mấy nhành anh túc
Uống ánh mặt trời như uống môi tình đầu
Ngã xuống và chết đi trong bóng tối đêm sâu
Rồi sống dậy không niềm vui cay đắng...*

Trong những vần thơ ấy, mặc dầu tác giả có nói đến cái chết, nhưng có cả cái đầy đủ của cuộc sống làm cho ta chẳng muốn gì khác ngoài việc cứ nằm như thế mà nhìn lên trời, suy nghĩ.

Con đường cỏ mọc chạy qua một khu rừng thông già. Khu rừng mọc lên những rừng đồi cát thấp nhỏ, nhấp nhàng như những đợt sóng lớn ngoài biển. Những đồi ấy là dấu vết của những trận

băng từ miền cao tràn xuống. Hoa quả chuông nở rất nhiều trên đỉnh đồi, còn ở phía dưới, dương xỉ mọc dày đặc. Mặt trái lá dương xỉ phủ đầy bao tử trông giống như những hạt bụi màu đỏ nhạt.

Rừng thông trên những ngọn đồi đều sáng. Đứng trong đó có thể nhìn được rất xa. Rừng đầy ánh sáng.

Khu rừng kéo thành một dải hẹp (chỉ độ hai cây số, không hơn), còn sau rừng là cả một bình nguyên cát, nơi những cánh đồng lúa mì đang chín, lấp lánh và lay động theo chiều gió. Đằng sau bình nguyên là một rừng tùng bách hoang đại thẳng cánh chim bay.

Những đám mây vô cùng lỏng lẻo trôi trên bình nguyên. Có lẽ ta cảm thấy như vậy là vì ta nhìn thấy cả bầu trời mênh mông.

Muốn đi qua bình nguyên ấy thì phải theo con đường nhỏ giữa cánh đồng lúa mì. Trên đường, ngưi bàng mọc rậm rịt và cỏ hoa chuông xanh lên từng đám.

Tất cả những gì tôi đang mừng tượng mới chỉ là ngưỡng cửa của rừng. Nếu anh bước vào trong, anh sẽ cảm thấy như mình bước vào một giáo đường to lớn, hùng vĩ, tràn đầy bóng mát. Thoạt đầu, anh phải theo con đường tắt hẹp đi ngang một cái ao phủ đầy bèo tấm giống như một

chiếc thảm cứng màu xanh lá mạ. Nếu anh đứng lại bên ao, anh sẽ nghe thấy lép bép: đó là những con cá chép tìm ăn trong rong nước.

Rồi đến một cánh rừng bạch dương nhỏ, ẩm ướt, rêu phủ lóng lánh như một tấm thảm ngọc bích. Ở đó bao giờ cũng có mùi lá rụng còn lại trên mặt đất từ mùa xuân năm trước.

Sau cánh rừng bạch dương nhỏ là một nơi mà mỗi khi nghĩ đến lòng tôi không khỏi se lại.

(Tôi nghĩ đến những cảnh trên khi nằm trong thùng một chiếc xe tải. Đêm đã khuya, từ phía ga Razdennaia vẳng lại những tiếng nổ ì ầm : ở đó đang bị ném bom. Khi những tiếng nổ vừa dứt, ta lại nghe rõ tiếng ve sầu kêu một cách rụt rè, những tiếng nổ làm chúng sợ hãi và tạm thời chúng kêu khe khẽ. Một vì sao rơi như một viên đạn lửa. Tôi thấy mình đang theo dõi vì sao một cách bị động và nghe ngóng : khi nào nó sẽ nổ ? Nhưng không hiểu sao nó không nổ mà lại lặng lẽ tắt ngay gần sát mặt đất. Từ đây đến cánh rừng bạch dương quen thuộc, đến những khu rừng hùng vĩ, đến nơi mà tim ta lúc nào cũng thắt lại, sao mà xa lơ xa lắc ! Ở đó bây giờ cũng đang đêm, nhưng không một tiếng động, chói lọi lửa những chòm sao và không có mùi khói xăng và mùi thuốc súng -

có lẽ nên gọi là "khói nổ" thì đúng hơn - mà có hương nước tù sâu thẳm trong những cái ao của rừng già và mùi lá nhọn của giống đỗ tùng).

Nơi mà mỗi khi nghĩ đến tìm tôi thất lại là nơi nào? Đó là một nơi giản dị nhất, không có gì đáng chú ý nhất. Qua cánh rừng bạch dương, con đường dốc ngược dẫn lên một sườn đồi cát dựng vách thành. Khoảng đất thấp ẩm ướt ở lại đằng sau, nhưng những làn gió nhẹ thỉnh thoảng lại thổi đến đây, đến khu rừng nóng bức và khô khan này, không khí hăng mùi i ốt của những khu đất thấp.

Tôi nghỉ chân lần thứ hai trên đồi và ngồi xuống đám lá nhọn nóng bỏng. Bất kỳ vật gì ở đây anh chạm đến đều khô và ẩm : những quả thông già rỗng, vỏ rễ thông non màu vàng, trong suốt và giòn như giấy sục, những gốc cây bị đẵn cụt được sưởi ẩm đến tận lõi, từng cành thông ráp và thơm, đến cả những lá dâu tây nữa - chúng cũng ẩm ướt.

Những gốc cây cụt đã lâu đời, chỉ cần lấy tay mà bóp cũng vỡ, chúng đổ lên lòng bàn tay một đồng vụn nâu nóng bỏng.

Oi bức, yên lặng. Một ngày thanh thản của mùa hè chín nẫu.

Những con chuồn chuồn cánh đỏ bé nhỏ ngủ trên những gốc cây cụt. Lũ ong đất đậu trên những bông hoa thuộc họ hoa tán rần chắc và tím nhạt. Sức nặng của chúng làm cho những bông hoa uốn mình xuống.

Tôi kiểm tra lại đường đi trên những chiếc bản đồ tự vẽ lấy : từ đây đến Hồ Đen còn tám cây số nữa. Mọi dấu hiệu đều được ghi lại trên bản đồ này : cây thông khô xác bên đường, cọc địa giới, những bụi vệ mao, đồng kiến, lại đến vùng đất thấp, nơi bao giờ cũng có hoa lưu li, và sau vùng đất thấp là cây thông có khắc ở gốc một chữ "H" - Hồ. Từ chỗ cây thông phải quay lại thẳng vào rừng và lần theo những vết khắc đèo vào từ năm 1932 kia. Những vết khắc mỗi năm một kín dần và bong mất vết nhựa. Cần phải sửa lại.

Khi đã tìm thấy vết khắc trên cây, thế nào ta cũng phải dừng lại, lấy tay vuốt nhẹ lên nó, lên cái màu hổ phách đã đọng lại trên mình nó. Hoặc ta sẽ cạy ra một giọt nhựa rần chắc và ngấm nghĩa cái chỗ vỡ có những vết xoáy tròn như tròn ốc của nó. Ánh nắng đùa giỡn trong đó giống như những ngọn lửa nhỏ màu vàng.

Ở gần hồ hợn, giữa rừng, bắt đầu có những chỗ trống sâu hoắm, im lìm, những cây trần mọc

dày đến nỗi cũng chẳng ai nghĩ đến việc vào sâu trong những chỗ trũng ấy làm gì. Chắc ở đó xưa kia là những hồ nhỏ.

Rồi lại phải đi ngược lên giữa những bụi đồ tùng rập rậm có quả đen và khô. Và sau rốt là dấu hiệu cuối cùng : một đôi hài xảo khô xác treo lủng lẳng trên một cành thông. Sau đôi hài sảo là một vùng cỏ hẹp kéo dài, qua nó là đến một cái dốc dựng đứng.

Rừng đến đây là hết. Ở phía dưới có những đầm lầy khô cạn trên đó đã mọc lên một rừng nhỏ: cây trần, liễu hoàn diệp và một đám bạch dương.

Đây là chỗ nghỉ cuối cùng. Đã quá trưa. Ngày kêu rào rào như tiếng một đàn ong vô hình. Mỗi khi có một làn gió, dù rất nhẹ, thì một luồng ánh sáng mờ mờ liên đánh sóng trên khu rừng con.

Cách đây hai cây số, giữa những đầm lầy đã khô, là nơi Hồ Đen giấu mình - đó là xứ sở của những vùng nước tối, những khúc gỗ chìm lâu ngày và những bông hoa súng lớn màu vàng.

Đi trên những đầm lầy ấy phải cẩn thận ; ở sâu dưới lùn rêu vẫn chọc lên những thân bạch dương gầy mà thời gian đã mài chúng thành những cọc nhọn.

Trong khu rừng thưa không khí ngọt ngào,

khó thở, xông lên mùi ung ửng, nước than bùn đen kịt kêu oàm oạp dưới chân. Cây cối ngã nghiêng, run rẩy vì mỗi bước chân người. Đi trong rừng thì đừng có nghĩ đến những cái ở dưới chân mình. Dưới lớp than bùn và đất mùn dày đến một thước là một cái hồ ngầm. Người ta nói rằng ở dưới hồ ấy có những con cá măng đầm lầy đen như than.

Bờ hồ cao hơn một chút và vì thế khô hơn dưới đầm lầy nhưng cả ở đây nữa ta cũng không thể đứng lâu một chỗ ; thể nào nước cũng ủa vào dấu chân.

Tốt nhất là nên ra hồ vào lúc trời đã sẩm tối, khi mọi vật chung quanh - ánh lấp loáng mờ mờ của nước và của những vì sao đầu tiên mới xuất hiện, ánh sáng bầu trời sắp tắt, những ngọn cây bất động - tất cả những cái đó hoà hợp thực là chặt chẽ với cái yên lặng canh chừng, tưởng như chính yên lặng đã sinh ra chúng.

Ngồi bên đống lửa, ta nghe tiếng những cành khô nổ lép bép và nghĩ rằng sao mà cuộc đời đẹp đến thế nếu như con người không sợ nó mà mở rộng tâm hồn ra đón nó.

Trong hồi tưởng, tôi lang thang trong những cánh rừng và sau đó trên những phố bờ sông Nhêva

hoặc trên những ngọn đồi xanh rờn cây gai của đất đai khắc khổ miền Pêxkôp.

Tôi đau đớn, xót xa khi nghĩ đến những nơi ấy như thể tôi đã vĩnh viễn mất chúng, như thể trong đời tôi, tôi sẽ không bao giờ con gặp lại chúng. Chắc vì cảm giác đó mà chúng đã có một vẻ đẹp kỳ lạ trong trí tôi.

Tôi tự hỏi vì sao trước kia mình lại không nhận ra những điều đó và ngay đó, tôi chợt hiểu ra rằng, tất nhiên trước kia tôi đã nhìn thấy tất cả, nhưng chỉ trong xa cách, và bây giờ, phong cảnh quê hương mới xuất hiện trước cái nhìn nội tâm của tôi với toàn bộ vẻ đẹp mê hồn, hẳn là chúng phải đi vào thiên nhiên như mỗi âm thanh, cả đến những âm thanh nhỏ nhất, đi vào trong tiếng âm vang chung của nhạc điệu.

Thiên nhiên chỉ tác động tới ta với toàn bộ sức mạnh của nó khi nào ta mang bản chất người của ta vào việc cảm xúc thiên nhiên, khi nào trạng thái tâm hồn ta, tình yêu của ta, niềm vui hay nỗi buồn của ta bước vào trong cái hoà hợp hoàn toàn chặt chẽ với thiên nhiên và lúc ấy thì không còn có thể nào tách rời cái tươi mát ban mai với ánh mắt người yêu, tiếng ồn đều đều của rừng với những ý nghĩ về cuộc đời mà ta đã trải qua.

Phong cảnh chẳng phải là gia vị ⁽¹⁾ cho văn xuôi và cũng chẳng phải là đồ trang sức. Cần phải ngụp đầu vào thiên nhiên như anh xục đầu vào trong đồng là ướt nước mưa và cảm thấy cái mát mẻ sang trọng của nó, mùi của nó, hơi thở của nó.

Nói một cách đơn giản hơn, ta phải yêu thiên nhiên và tình yêu ấy, cũng như bất cứ tình yêu nào khác, sẽ tìm được những con đường đúng đắn để tự thể hiện mình với một sức mạnh vũ bão nhất.

1. Nguyên văn : cái thêm vào.

TỰ CHÚC

Đến đây tôi chấm hết cuốn sách thứ nhất gồm những ghi chép của tôi về lao động của nhà văn với một cảm giác rõ rệt rằng công việc chỉ mới là bắt đầu và trước mắt còn cả một chân trời mà ta chưa đụng đến. Cần phải nói đến rất nhiều vấn đề khác: đến mỹ học của nền văn học của chúng ta, ý nghĩa trọng đại của nó với tư cách người dạy dỗ và nuôi nấng con người, với cấu trúc phong phú và cao cả của những tình cảm và ý nghĩ của con người, phải nói đến chủ đề, văn chương hài hước, hình tượng nhân vật, về việc khắc họa những tính chất người, về sự biến đổi của tiếng Nga, tính nhân dân của văn học, về chủ nghĩa lãng mạn, về óc thẩm mỹ tốt, về công việc sửa bản thảo. Những cái đó không thể nào kể hết.

Việc viết cuốn sách này cũng na ná như một chuyến du lịch trên một xứ sở chưa quen thuộc, nơi cứ mỗi bước đi lại mở ra những chân trời mới và những con đường mới.

Ta không biết những con đường kia sẽ dẫn ta tới đâu, nhưng chúng bao giờ cũng hứa hẹn nhiều điều bất ngờ, cho ta cái để mà suy nghĩ. Vì thế việc định hướng cho mình trên những ngã năm ngã bảy thật thú vị và quá là cần thiết, dẫn cho nó chưa được đầy đủ, dẫn cho nó mới chỉ là phác qua, như người ta thường nói.

MỤC LỤC

• Bụi quý	9
• Chữ đề trên tảng phiêu nham	28
• Những bông hoa làm bằng vỏ bào	44
• Truyện ngắn đầu tiên	51
• Tia chớp	70
• Nhân vật nổi loạn	79
• Lịch sử một truyện dài	89
- Hoả tinh	89
- Đá vôi kỷ Đêvôn	97
- Nghiên cứu bản đồ địa lý	121
• Những vết khắc trong tim	132
• Ngôn ngữ kim cương	150
Những cuốn từ điển	150
• Câu chuyện xảy ra trong cửa hàng Ansvăng	151
• Những cái tưởng chừng như vật vĩnh	163
• Ông lão trong quán điểm tâm ngoài ga	192
• Đêm trắng	202
• Cội nguồn sáng tạo	218
• Chuyển xe đêm	246

● Cuốn sách định viết từ lâu	270
- Tsêkhốp	275
- Alếchxandơ	279
- Guy đờ Môpatxăng	280
- Mácxim Gorki	287
- Vichto Huygô	293
- Makhain Prisvin	297
- A. Grin	310
- Eđua Bagritxky	315
● Nghệ thuật nhìn thế giới	326
● Trên thùng xe tải	351
● Tự chúc.	365

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA THÔNG TIN
43 Lò Đúc - Hà Nội

BÔNG HỒNG VÀNG
PAUXTÔPXKI

Chịu trách nhiệm xuất bản
VŨ AN CHUONG

Chịu trách nhiệm bản thảo
PHẠM NGỌC LUẬT

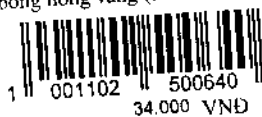
Biên tập : **NGUYỄN BÍCH HẰNG**
Kỹ thuật vi tính: **NGỌC BẢO**
Sửa bản in : **NGỌC BẢO**
Vẽ bìa : **TRỌNG HÒA**

In 1000 cuốn, khổ 13 x 19 cm. Tại Nhà in Bộ LDTB-XH
Số đăng ký kế hoạch xuất bản: 889-CXB/97-VHTT
In xong và nộp lưu chiểu quý I năm 2001.



SÁCH PHÁT HÀNH TẠI
TẦNG 2 - SỐ 5 PHỐ BÌNH LỄ
HÀ NỘI
Điện thoại: 8261652

bóng hồng vàng (34000)



1 001102 500640
34.000 VNĐ

Giá : 34.000đ